



ĐẠI HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM



Ngày 1, 2, và 3 Tháng 7 Năm 2022



TẬP SAN ĐA HIỆU KÍNH CHÚC

Các Niên Trưởng, các sĩ quan Quân Sự Vụ, Văn Hóa Vụ, các phu nhân, các anh chị thuộc đại gia đình CSVSQ, các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, các Độc Giả, và Thân Hữu

NĂM NHÂM DẦN NHIỀU SỨC KHỎE, BÌNH AN, VÀ HẠNH PHÚC.

Phát Hành Tháng Giêng Năm 2022.

QUAN ĐIỂM VÀ QUY ĐỊNH CỦA TẬP SAN ĐA HIỆU

* * *

A. QUAN ĐIỂM

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN, là gạch nối giữa các cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa thế hệ đi trước cha anh và những thế hệ kế thừa, đại diện là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, trên toàn thế giới. Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống Cộng đến các chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng.

B. QUY ĐỊNH:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được bài vở, như các bút ký, thơ văn qua nhiều đề tài, đặc biệt liên quan đến chiến trường xưa, đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số quy định cụ thể, như sau:

1. Không nhận bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết Cộng Sản, đặc biệt là Cộng Sản VN.

2. Không nhận các bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do rất đặc biệt. Những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

3. Xin ghi rõ bút hiệu, tên thật, địa chỉ email, số phone,... để toà soạn khi cần có thể liên lạc.

4. Khi gửi các sáng tác cho toà soạn, có thể đính kèm qua email, qua bưu điện, hoặc qua CD. Có thể dùng các nhu liệu tiếng Việt như: VNI, UNIKEY, hay các nhu liệu dùng Unicode. Có thể đánh máy không dấu, hoặc viết tay.

5. Ban Biên Tập xin được phép cắt bỏ hay sửa chữa các bài viết, miễn không làm thay đổi nội dung.

6. Ban Biên Tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở báo khác, hay trên các trang web.

**TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TVBQGVN
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TH/CSVSQ/ TVBQGVN**

TẬP SAN ĐA HIỆU

TỔNG HỘI TRƯỞNG KIỂM CHỦ NHIỆM

CSVSQ NGUYỄN VĂN THIẾT, K18

Email: nguyenvthiet@aol.com

CHỦ BÚT

CSVSQ ĐỖ MẠNH TRƯỜNG, K23

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ KIỂM THỦ QUỸ

CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC, K27

tran27147@yahoo.com

PHÁT HÀNH:

Hội CSVSQ/ TVBQGVN Nam California, Hoa Kỳ.
Hội Trưởng: CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐÌNH, K26

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN

DA HIEU MAGAZINE

P.O. Box 8628

Fountain Valley, CA 92728

E-mail: dahieu2016@gmail.com

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

<http://tvbqgvn.org>

<https://tapsandahieu.cf/>

GROUP CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

vobivn@googlegroups.com

MỤC LỤC

1	Phần Đầu		1
2	Thư Tổng Hội Trưởng	Nguyễn Văn Thiệt	6
3	Tổ Chức Đại Hội XXII	Tổng Hội CSVSQ	9
4	Tâm Thư Của TBTC	Nguyễn Hàm	15
5	Thơ Xuân Đến Bây Giờ...	Phạm Kim Khôi	18
6	Mùa Xuân - Nhớ Bạn	Phùng Hữu Châu	19
7	Tears of Gratitude	Phan Ngọc Quế Anh	30
8	Lãng Mạn Tình Yêu	Phạm Văn Tiền	38
9	Thơ Đòi Trai Lính Chiến	Hồ Lệ	48
10	Thơ Mất Buồn	Lê Anh	49
11	Chờ Đến Bao Giờ	Lê Văn Điền	50
12	Thăm Chồng Tại Trại...	Bích Lan	59
13	Du Học Hoa Kỳ	Trần Xuân Hiền	65
14	Khóa 26 và 28...	Đào Quý Hùng	77
15	Tiên Học Lễ, Hậu Học Văn	Christina Cao	79
16	Vùng Sương Mù	Tường Thúy	85
17	Thơ Trở Lại Sài Gòn	Nguyễn Văn Trung	95
18	Sách “Lược Sử Võ Bị”	Võ Ý	98
19	Kể Từ Mùa Thu Năm Ấy	Trần Kim Bảng	102
20	Đôi Mắt Mùa Xuân	Phạm Tín An Ninh	113
21	Tuổi Dàn	Kim Cao	123
22	Tình Đồng Môn	Vũ Văn Táp	128
23	Như Một Người Khách Lạ	Huỳnh Văn Phú	133
24	Những Mùa Xuân Đã Qua	Giang Văn Nhân	147

25	Rút Quân ở Afganistan...	Song Vũ	153
26	Nước Mắt Chiều Xuân	Vi Vân	171
27	Từ Kampuchia Tới Hạ Lào	Lê Quang Liễn	179
28	Sài Gòn - Mùa Xuân...	Nguyễn Đức Thu	193
29	Thơ Bà Trần Thị Bằng...	Nguyễn Minh Thanh	208
30	Robert Lừa	Captovan	212
31	Sư Đoàn Bộ Binh QLVNCH	Bùi Quyền	230
32	Người Tù Đặc Biệt	Lê Quốc Toàn	239
33	Nước Mắt - Mất Theo Nước	Võ Nhân	253
34	Lá Vàng Roi	Minh Nguyệt	263
35	Đời Pháo Thủ	Trần Văn Bường	269
36	Thân Phận	Cầm Tú Cầu	285
37	Thơ Gửi Quê	Bà Nguyễn Hữu Quế	291
38	Lính Trận “Phong Ba”	Lê Đắc Lực	292
39	Tên Vũ Ngọc Nhạ,...	Đặng Kim Thu	299
40	Học Bổng Võ Bị 2021-2022	Huỳnh Thủy Tammy	313
41	Tài Chánh	Trần Trí Quốc	316
42	Thư Tín	Đỗ Mạnh Trường	327
43	Chia Buồn		331

TẬP SAN ĐA HIỆU 121
Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu XXII - 2022
Phát Hành Tháng 1 Năm 2022

Báo phát hành định kỳ, mỗi năm ba số, vào các tháng 1, 5, 9.

Rất mong quý vị cộng tác viên đóng góp bài vở cho
 Đa Hiệu số 122, trước ngày 1 tháng 4 năm 2022.



LÁ THƯ TỔNG HỘI

Garden Grove, ngày 15 tháng 12 năm 2021

- Kính thưa các Niên Trưởng, các quý Phu Nhân, và các chị Phụ Nữ Lâm Viên,
- Thưa các bạn đồng môn CSVSQ/ TVBQGVN và các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,
- Thưa quý vị độc giả,

Tiết trời đang chuyển tiếp, một lần nữa Xuân Nhâm Dần lại sắp về với tất cả mọi người. Theo truyền thống, chúng ta lại cùng nhau chung vui với gia đình và bạn bè, chúc nhau những gì tốt đẹp nhất đến với mọi người trong năm mới.

Cũng theo đúng phong tục, Tổng Hội xin gửi đến các niên trưởng, các anh chị, và quý vị độc giả lời chúc một năm Nhân Dần đầy yêu thương, bình an, và hy vọng. Đặc biệt đối với các cộng tác viên, mạnh thường quân, và độc giả Đa Hiệu, chúng tôi xin gửi đến quý vị lòng biết ơn về những yểm trợ quý báu qua các sáng tác và tài chánh tạo điều kiện cho việc phát hành Đa Hiệu (sau 1975) được liên tục trong khoảng 40 năm, mà cho đến nay đã tới số báo thứ 121.

Ban Chấp Hành Tổng Hội cũng xin gửi lời chúc Tết đến các niên trưởng, các anh chị đồng môn và gia đình còn sinh sống tại Việt Nam, mà vì nhiều lý do khác nhau không thể tụ nạn và sinh sống trên các quốc gia dân chủ trên toàn thế giới.

Xin chúc quý vị và gia đình một năm mạnh khỏe và bình an.

Dịch COVID đã làm trì trệ mọi sinh hoạt của tất cả chúng ta gần hai năm qua, trong đó việc tổ chức Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII cũng phải bị trì hoãn. Đến nay, bệnh cũng đã giảm phần nào, tình hình lây nhiễm cũng đã bớt, sinh hoạt Võ Bị cần trở lại bình thường để phục vụ đại gia đình Võ Bị.

Vì thế, sau khi tham khảo ý kiến với NT Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát, Tổng Hội quyết định tái tổ chức **Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXII vào các ngày 1, 2, và 3 tháng 7 năm 2022 tại Nam California, với chủ đề “Truyền Thống và Danh Dự”**, do CSVSQ Nguyễn Hàm - Khóa 25 làm Trưởng Ban, và Tổng Đoàn TTNDH đồng hành.

Về “Truyền Thống và Danh Dự”, chúng ta chợt nhớ cách đây rất lâu, khi mỗi Tân Khóa Sinh quỳ xuống trước Vũ Đình Trường Lê Lợi, nhận an pha đỏ trên vai thì chúng ta đã là sinh viên sĩ quan Võ Bị, là anh em một nhà. Chúng ta đã tuyên thệ tuân theo truyền thống của trường và bảo vệ danh dự của tất cả sinh viên sĩ quan cùng trường. Đến nay, lời thề đó vẫn vang vọng trong tâm khảm mỗi người. Chúng ta cần có trách nhiệm bảo vệ và vinh danh, vì đó là hành trang đầy hãnh diện mà chúng ta mang theo trong suốt cuộc đời.

Tháng Bảy năm 2022 lại tới! Tham dự đại hội lần này, chúng ta sẽ nghe các báo cáo về các công việc Ban Chấp Hành đương nhiệm đã đang làm, hoặc chưa làm được. Theo truyền thống, chúng ta lại chọn lựa một Tổng Hội Trưởng mới và một Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát mới, cho nhiệm kỳ 2022 - 2024, vì nhiệm kỳ cũ đã hết hạn cách đây gần hai năm.

Chuẩn bị cho đại hội, các khóa cần đề nghị người ra ứng cử vào các chức vụ vừa nêu, cũng như sớm gửi các ý kiến của khóa để thảo luận trong hai ngày đại hội. Những đóng góp trực tiếp của quý vị về việc điều hành Tổng Hội, phù hợp với tình hình thực tế, luôn cần thiết.

Đối với các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu tham dự Đại Hội

lần này, các anh chị lại có dịp gặp gỡ nhau, bàn bạc đề ra được phương hướng hoạt động hữu hiệu có ích cho cộng đồng và xã hội. Là những thế hệ đi trước, chúng tôi luôn tin tưởng vào thái độ trong sáng, vô vị lợi, cũng như nhiệt tình đóng góp của các anh chị. Giờ đây là lực lượng chính của xã hội, tương lai của các anh chị luôn đang ở phía trước, chắc chắn tập thể Võ Bị chúng ta sẽ luôn thăng tiến.

Đại Hội Võ Bị Kỳ Thứ XXII luôn mở rộng để đón nhận tất cả các CSVSQ về tham dự, không có bất cứ phân biệt nào vì thành kiến, hay bất cứ lý do khác. Mọi thành viên tham dự đại hội đều được đối xử bình đẳng, với lòng tôn trọng và quý mến của tất cả mọi người.

Đại Hội Võ Bị thành công hay không là do sự hợp tác của mọi người. Việc quý vị về tham dự là tiếng nói bằng chân thể hiện thái độ ủng hộ, đoàn kết đối với Tập Thể Võ Bị. Mong hẹn gặp nhau đông đủ vào tháng Bảy, năm 2022.

Một lần nữa, kính chúc các Niên Trưởng, Phu Nhân, các chị Phụ Nữ Lâm Viên, các CSVSQ, anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, các độc giả, và gia đình một mùa Xuân mới đầy niềm vui, hạnh phúc và yêu thương, trong Tình Cảm Võ Bị thân thiết.

Trân trọng,

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội
Tổng Hội Trưởng TH/ CSVSQ/ TVBQGVN
kiêm Chủ Nhiệm Tập San Đa Hiệu



Nguyễn Văn Thiệt, K18



**TỔNG HỘI CSVSQ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI**

2706 Maureen St, West Covina, CA 91792
Phone: 626-466-6395 Email: Nguyenvthiet@aol.com



THÔNG BÁO

Số: 0014/BCH/TH/18-20

Trích Yếu: v/v Địa điểm, thời gian, và chương trình chi tiết của Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII năm 2022, tại Nam California, Hoa Kỳ.

Tham Chiếu:

- Nội Quy TH/ CSVSQ/ TVBQGVN.
- Biên Bản của Đại Hội Đồng XXI ngày 24/6/2018.
- Văn Thư số 6 v/v Giao trách nhiệm tổ chức Đại Hội Toàn Cầu Lần Thứ XXII cho Hội Võ Bị Nam California, Hoa Kỳ và bổ nhiệm các thành viên trong Ban Tổ Chức Đại Hội XXII.
- Văn Thư số 7 v/v Chương trình chi tiết của Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII.
- Văn Thư số 8 v/v Dời ngày tổ chức Đại Hội Võ Bị XXII, vào các ngày 26, 27, và 28 tháng 6 năm 2020 tại Nam California, Hoa Kỳ, cho đến khi sinh hoạt của toàn thể nước Mỹ trở lại bình thường, khi dịch bệnh COVID -19 chấm dứt.
- Văn Thư số 11 v/v Ban Chấp Hành Tổng Hội và Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát Tiếp Tục Điều Hành Công Việc của Tổng Hội.

A. Như chúng ta đã biết, trong thời gian qua, dịch bệnh COVID 19 đã làm gián đoạn các sinh hoạt của toàn thế giới. Hoạt động của Tổng Hội Võ Bị chúng ta cũng không tránh khỏi ngoại lệ, chỉ có thể hoạt động ở mức tối thiểu. Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII, dự trù được tổ chức vào năm 2020, cũng đã bị trì hoãn cho mãi đến bây giờ.

Đến nay, dịch bệnh COVID 19 có chiều hướng giảm và đã được kiểm soát phần nào trên quy mô lớn. Tình hình này chắc chắn sẽ khá hơn khi mùa Hè năm 2022 đến. Với niềm lạc quan, cũng như căn cứ vào các dữ kiện khoa học, Ban Chấp Hành Tổng Hội và Ban Tổ Chức Đại Hội Võ Bị XXII, cũng như Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu đã tiếp tục tiến hành các công tác chuẩn bị cho Đại Hội Võ Bị XXII.

Sau khi tham khảo ý kiến với Niên Trưởng Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát, Ban Chấp Hành Tổng Hội và Ban Tổ Chức Đại Hội XXII trân trọng thông báo các chi tiết liên quan đến Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII năm 2022, như sau:

a. Địa điểm:

NAM CALIFORNIA, HOA KỲ.

1. Thời gian: 3 ngày (từ ngày 1 đến 3 tháng 7 năm 2022).

2. Chủ đề:

TRUYỀN THỐNG VÀ DANH DỰ

b. Nội dung thảo luận và bầu cử:

- Báo cáo hoạt động của Tổng Hội Võ Bị, nhiệm kỳ 2018 – 2022.

- Phương hướng hoạt động của Tổng Hội Võ Bị trong thời gian tới.

- Bầu Tổng Hội Trưởng và Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát, nhiệm kỳ 2022 - 2024.

c. Chi tiết sinh hoạt:

Tiếp đón hội viên về tham dự Đại Hội XXII (ngày 01 tháng 7 năm 2022).

1. Tiền đại hội:

Thứ Sáu, ngày 1/7/2022, từ 15:00 đến 17:00 giờ:

**RVN MUSEUM.
12344 Harbor Blvd
Garden Grove, CA 92840
(Địa điểm có thể thay đổi.)**

2. Lễ Truy Diệu Truyền Thống:

Thứ Sáu, ngày 1/7/2022, từ 17 giờ đến 21 giờ:

**Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Việt Mỹ
Sid Goldstein Freedom Park
Westminster Blvd,
Westminster, CA 92683**

3. Các phiên họp của Đại Hội Đồng CSVSQ:

Thứ Bảy và Chủ Nhật, ngày 2/7 và 3/7/2022 (từ 9 giờ đến 15 giờ mỗi ngày):

**Hội Trường của Westminster Civic Center
8200 Westminster Blvd.
Westminster, CA 92683.**

4. Các phiên họp riêng của Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu:

**Hội Trường của Westminster Civic Center
8200 Westminster Blvd.
Westminster, CA 92683.
(Khác phòng họp.)**

5. Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu tổ chức Kỷ Niệm 22 Năm Thành Lập Tổng Đoàn TTNDH và Đêm Tri Ân:

**Tối Thứ Bảy Ngày 2/7/2022 tại Nam California.
(Địa điểm được thông báo sau.)**

6. DẠ TIỆC BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

Đêm Chủ Nhật, 17 giờ đến 21 giờ ngày 3/7//2022:

**Diamond SeaFood Palace 3
6731 Westminster Blvd Ste 122
Westminster, CA 92683
(657) 425-0164**

B. Các chi tiết khác liên quan đến Đại Hội XXII, sẽ được thông báo qua các văn thư kế tiếp.

C. Ban Chấp Hành Tổng Hội hân hạnh chào đón các niên trưởng và phu nhân, các sĩ quan Quân Sự Vụ và Văn Hóa Vụ, các CSVSQ và gia đình, các anh chị thuộc Tổng Đoàn TTNDH và hậu duệ Võ Bị về tham dự Đại Hội.

Trân trọng.

Orange County, ngày 4 tháng 11 năm 2021

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội

Tổng Hội Trưởng,



Nguyễn Văn Thiệt, K18

THÔNG BÁO

Số: 0015/BCH/TH/18-20

Trích Yếu: v/v *Tái xác nhận nhân sự của Ban Tổ Chức Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII, được tổ chức ngày 1, 2, và 3 tháng Bảy năm 2022 tại Nam California, Hoa Kỳ.*

Tham Chiếu:

- *Nội Quy TH/ CSVSQ/ TVBQGVN.*
- *Biên Bản của Đại Hội Đồng XXI ngày 24/6/2018.*
- *Văn Thư số 6 v/v Giao trách nhiệm tổ chức Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII, dự trù tổ chức vào tháng 6 năm 2020, cho Hội Võ Bị Nam California, Hoa Kỳ và bổ nhiệm các thành viên trong Ban Tổ Chức Đại Hội XXII.*
- *Văn Thư số 14 v/v Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII năm 2022, tại Nam California, Hoa Kỳ.*

a. Cách đây hai năm, để chuẩn bị cho Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Lần Thứ XXII, dự trù tổ chức vào các ngày 26 đến 28 tháng 6 năm 2020, Ban Chấp Hành Tổng Hội đã bổ nhiệm các CSVSQ dưới đây vào Ban Tổ Chức, như sau:

- CSVSQ Nguyễn Hàm, Khóa 25, Trưởng Ban Tổ Chức.
- CSVSQ Hoàng Như Cầu, Khóa 28, Phó Ban Tổ Chức, đặc trách Nội Vụ.
- CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình, Khóa 26, Phó Ban Tổ Chức, đặc trách Ngoại Vụ.

b. Vì đại dịch COVID-19, Đại Hội không thể tiến hành trong năm 2020. Đến nay tình hình đã khả quan hơn, Tổng Hội đã quyết định sẽ tổ chức Đại Hội Võ Bị XXII vào ngày 1, 2, và 3 tháng Bảy năm 2022, tại Nam California, Hoa Kỳ.

Tổng Hội tiếp tục tín nhiệm các CSVSQ nêu trên, trong các chức vụ của Ban Tổ Chức.

c. Trưởng Ban Tổ Chức sẽ chính thức thông báo đến Ban Chấp Hành Tổng Hội thành phần nhân sự cùng những sự thay đổi, nếu có.

d. Ban Chấp Hành Tổng Hội kính mời các niên trưởng, các bạn và phu nhân, các Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên, anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu và hậu duệ cùng tham gia vào việc tổ chức, để đại hội thành công tốt đẹp.

e. Các chi tiết khác liên quan đến Đại Hội XXII, sẽ được thông báo qua các văn thư kế tiếp.

Trân trọng.

Orange County, ngày 8 tháng 11 năm 2021

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội

Tổng Hội Trưởng,



Nguyễn Văn Thiệt, K18

ĐỒNG KÍNH GỬI:

- Hội Đồng Tư Vấn & Giám Sát “để kính tường”.
- Các BCH Liên Hội, Hội Võ Bị “để thông báo”.
- Các đại diện khóa “để thông báo”.
- Các Đoàn PNLV “để thông báo”.
- Tổng Đoàn TTNDH “để thông báo”.
- Hệ Thống Truyền Thông Tổng Hội “để phổ biến”.



TÂM THƯ CỦA TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI VÕ BỊ XXII - 2022

Kính thưa quý Niên Trưởng, quý phu nhân, quý chị Phụ nữ Lâm Viên, quý Niên Đệ, quý bạn, và các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu thân mến,

Chấp hành quyết định của Tổng Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN qua các văn thư:

1. Văn thư số 0014/BCH/TH/18-20: V/v Quyết Định Tổ Chức Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXII năm 2022, tại Nam California, Hoa Kỳ.

2. Văn thư số 0015/BCH/TH/18-20: V/v Tiếp Tục Tin Nhiệm Ban Tổ Chức ĐHXII.

Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu (ĐHVBTC) được tổ chức mỗi hai năm một lần, từ năm 1980 đến nay đã được 21 kỳ, đã trở thành truyền thống. Năm 2020, ĐHVBTTC bị gián đoạn vì đại dịch COVID-19. Đến nay, dù đại dịch vẫn còn, nhưng đa số các CSVSQ đã được chích ngừa từ hai đến ba mũi nên Tổng Hội quyết định tổ chức ĐHVBTTC vào năm 2022 trong tinh thần Tự Thắng và với sự cẩn trọng về dịch bệnh.

Khi được yêu cầu, vì lòng tin cậy của tập thể Võ Bị và trách nhiệm của một CSVSQ, tôi đã đồng ý nhận nhiệm vụ tổ chức Đại Hội kỳ thứ XXII vào các ngày 1, 2, 3 tháng 7 năm 2022,

chủ đề “TRUYỀN THỐNG và DANH DỰ”, với ba mục đích:

1. *Giữ sinh hoạt của Tổng Hội được liên tục.*
2. *Là dịp để chúng ta thắt chặt thêm tình cảm tin cậy gắn bó giữa những CSVSQ với nhau.*
3. *Bầu lại Tổng Hội Trưởng và Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát cho nhiệm kỳ 2022-2024.*

Đại Hội là dịp quy tụ tất cả các CSVSQ và gia đình khắp năm châu bốn bể về sum họp trong tình huynh đệ dưới một mái trường, nơi nảy sinh rất nhiều kỷ niệm khó quên trong những ngày đầu quân ngũ. Những sĩ quan xuất thân từ Trường Mẹ, khi ra đơn vị, dẫu dất nâng đỡ nhau, chia sẻ ngọt bùi tại chiến trường khốc liệt, hay an ủi vỗ về nơi chốn lao tù của Cộng Sản đầy uất hận và tủi nhục. Tình cảm này là sợi dây vô hình, thiêng liêng, gắn bó các CSVSQ với nhau suốt một đời.

Dù thời gian có phôi pha, chắc hẳn có những giây phút quý huynh đệ nghĩ đến Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm của một tập thể gồm những người trai ưu tú đã được đào tạo thành Sĩ Quan Chỉ Huy trong một quân trường nổi tiếng nhất Đông Nam Á.

Từ niềm tự hào đó, nhân danh Ban Tổ Chức ĐHVBTCH kỳ thứ XXII, thân kính mời quý CSVSQ khắp nơi, về tham dự ĐHVBTCH để thể hiện tình tự Võ Bị. Chủ trương của Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN là duy trì sinh hoạt trong tinh thần đoàn kết, cư xử với nhau trong tình huynh đệ, trên kính dưới nhường. Xin mời tất cả CSVSQ/ TVBQGVN khắp nơi trên thế giới, hãy về Nam Cali để nối lại vòng tay Võ Bị Quốc Gia.

ĐHXII là một trong những cơ hội tốt cho chúng ta gặp nhau. Xin hãy về để cùng nhau thấp sáng ngọn đuốc Lâm Viên để sưởi ấm lòng những người lính Võ Bị trước sau vẫn tôn thờ Lý Tưởng Quốc Gia Dân Tộc. Xin hãy về với ĐHXII, cùng xiết chặt tay nhau xây dựng một Tổng Hội Võ Bị vững mạnh, nêu gương sáng về sự đoàn kết cho các thế hệ hậu duệ noi theo.

Đại Hội XXII là của chung tất cả chúng ta. Ban Tổ Chức vững tin vào sự đồng hành và hưởng ứng của quý CSVSQ và gia đình. Ban Tổ Chức cũng mời gọi các Hội, các Khóa chuẩn bị đề cử các CSVSQ có khả năng và có tinh thần trách nhiệm để ứng cử vào hai chức vụ Tổng Hội Trưởng và Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát, nhiệm kỳ 2022 - 2024.

Xin chân thành cảm tạ lòng nhiệt thành yểm trợ của quý NT, quý phu nhân, quý chị PNLV, quý NB, quý bạn, và các anh chị TTNDH.

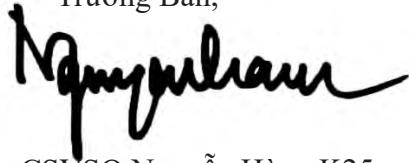
Hẹn gặp nhau trong Đại Hội XXII tại Orange County, California!

Trân trọng kính chào,

Westminster, ngày 15 tháng 12, 2021

TM. Ban Tổ Chức Đại Hội Kỳ thứ XXII

Trưởng Ban,



CSVSQ Nguyễn Hàm, K25

Địa Chỉ Liên Lạc:

a. *Góp ý về việc tổ chức:*

Nguyễn Hàm, K25

714-757-9536

alphamimosa@gmail.com

Đào Quý Hùng, K26

714-657-4681

daohungk26@gmail.com

b. *Tài chánh đêm dạ tiệc*

Trần Trí Quốc, K27

909-985-6368,

tran27147@yahoo.com

Phan Văn Lộc, K30

626-534-1572.

locphank30@yahoo.com

*Xuân Đến Bây Giờ Em Ở Đâu? **

Phạm Kim Khôi, K19



Từ đó không còn trông thấy nhau
Xuân vô tư đến chỉ khơi sầu
Đầy ly rượu đắng dâng hồ lệ
Xuân đến bây giờ em ở đâu

*Anh nhớ Xuân xưa ngồi quán mây
Hồn anh đã gửi lại nơi này
Vì em là cả mùa Xuân mới
Hoa áo vương làn sương khói bay*

Anh nhớ mùa Xuân duyên dáng hồng
Thềm xưa nắng đẹp bước chân nhung
Vườn thơ đón một loài hoa nở
Thơm ngát hương yêu rực rỡ lòng

*Xuân vẫn vô tình đến khắp nơi
Không hay ta đã mất nhau rồi
Anh nghiêng sầu rót đầy ly rượu
Rượu đắng tràn theo lệ đắng rơi.*

** Trích từ Thi Tập “Áo Thời Gian” của Thi Sĩ Phạm Kim Khôi, xuất bản năm 2021.*

MÙA XUÂN, NHỚ BẠN

Phùng Hữu Châu, K25



Vào đêm giao thừa khi đơn vị của tôi còn đóng quân tại quận Kiên Long tỉnh Chương Thiện, tôi được ông Thiếu Tá Quận Trưởng mời qua quận uống rượu mừng Xuân và thưởng thức chương trình văn nghệ do Đoàn Chính Huấn từ tiểu khu vào trình diễn. Tôi tưởng rằng năm nay có sao Thái Dương chiếu mạng gặp vận may, vừa được ăn Tết tại quận lại vừa gặp được một ông niên trưởng khoá đàn anh rất hào sảng, tốt bụng, và thương đàn em.

Khi Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn từ Sư Đoàn 9 về làm Tỉnh Trưởng Chương Thiện, ông có mang theo Niên Trưởng Nguyễn Văn Hiệp K21, một vị thiếu tá còn độc thân và đã từng là một tiểu đoàn trưởng nổi tiếng của Trung Đoàn 15 Sư Đoàn 9 BB, về làm Quận Trưởng quận Kiên Long. Đại Tá Cẩn còn bổ nhiệm thêm một ông Niên Trưởng Khoá 21 làm Quận Trưởng quận Long Mỹ. Đó là Thiếu Tá Nguyễn Công Bình K21, một tiểu đoàn trưởng trẻ sáng giá của Trung Đoàn 33, Sư Đoàn 21 BB, vẫn chưa chịu cưới vợ.

Gia tài của Chương Thiện chỉ có hai huyện huyết mạch và trù phú nhất thì đều được tin tưởng giao cho hai ông CSVSQ Khoá 21 TVBQGVN trấn thủ. Phải nói Khóa 21 là một trong

những khóa trẻ, quy tụ nhiều nhân tài của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, cung cấp nhiều tiểu đoàn trưởng nổi tiếng, trung đoàn phó, hoặc quận trưởng. Nghe nói trên bốn vùng chiến thuật có đến 9 hay 10 ông quận tuổi còn rất trẻ, vốn giòng hào kiệt xuất thân từ Khóa 21 TVBQGVN. Thành thật hoan hô cùng thán phục quý niên trưởng Khóa 21.

Sáng mông một Tết chưa kịp tỉnh giấc thì nghe báo có công điện khẩn, tôi vội mở ra thì biết có lệnh cho đơn vị sẵn sàng Zulu. Các toán tiền đồn vội vã rút về, ba lô súng đạn sẵn sàng. Chiếc trực thăng Chinook đáp xuống phi trường, vốn chỉ là những tấm vĩ sắt lót dài dọc theo bờ sông trước mặt quận. Kiên Long cách Cà Mau không xa nên chỉ một thoáng là máy bay đáp xuống phi trường Cà Mau. Chưa ra khỏi máy bay tôi đã nhìn thấy cả chục chiếc trực thăng UH chờ sẵn ngoài phi đạo.

Vừa nhận xong lệnh và phóng đồ hành quân thì tôi thấy Huỳnh Xuân Quang, bạn cùng Khoá 25, lù lù đi tới. Mừng quá, hai thằng vội vã dẫn nhau ra quán cà phê trước cửa phi trường. Vào quán tôi gặp thêm một thằng bạn khác cùng trường trung học Hoàng Diệu năm xưa ở tỉnh Sóc Trăng. Giờ này hẳn là phi công trực thăng trong chuyến đồ quân này. Hẳn nhìn vào cổ áo thằng Quang rồi nhìn qua tôi hỏi:

- “Ê! Mày với thằng Quang hai thằng cùng khoá. Sao mày đeo trung úy mà thằng Quang còn đeo thiếu úy vậy?”

Tôi trả lời:

- “Tụi tao lên trung úy rồi, thằng Quang chờ nghị định về sẽ đeo. Riêng tao được ông trung đoàn trưởng cho mang lon sớm để làm việc.”

Niên Trưởng Trung Tá Nguyễn Văn Tâm, xuất thân K19/ TVBQGVN, là một trong những sĩ quan trẻ và tài giỏi của Quân Lực VNCH về nhận chức Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 32 BB thay cho Trung Tá Vương Văn Trỗi đi làm Tỉnh Trưởng Rạch Giá. Nghe nói lúc NT Tâm còn làm Thiếu Tá

Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1/31, khi ông về phép tại Mỹ Tho xe jeep của ông bị Quân Cảnh chặn xét vì lầm tưởng ông là thiếu úy mà dám mang lon thiếu tá. Ngoài ra ông còn được Tướng Lê Văn Hưng rất thương mến, tín cẩn, và trọng dụng.

Trục thăng đồ đơn vị tôi xuống bờ Bắc của con sông Cái Nước chảy theo hướng Tây Nam ra biển. Vì gần sát biển nên nước chảy rất mạnh và lòng sông thì rất sâu. Sau khi bung rộng lục soát xong đơn vị đóng quân và tổ chức phòng thủ dọc theo bờ Bắc của con sông tựa lưng vào rừng tràm. Đến xế trưa thì trục thăng cũng hoàn tất việc đồ Tiểu Đoàn 1/ 32 xuống bờ Nam của dòng sông.

Tiểu đoàn trưởng là NT Đại Úy Nguyễn Minh Châu, Khóa 23/ TVBQGVN. Ông có dáng người cao ráo hào hoa phong độ, là một trong những mãnh tướng của anh em Sư Đoàn 21 BB. Trong những ngày của Tháng Tư 1975, ông được thăng cấp thiếu tá, có lẽ là một trong những vị thiếu tá trẻ tuổi nhất của Khóa 23. Nếu không có tháng Tư Đen thì có lẽ Quân Khu 4 sẽ có thêm một ông quận trưởng thuộc Khóa 23 của TVBQGVN.

Sau một đêm đóng quân, các điểm tiền đồn báo cáo về. Tất cả bình yên vô sự!

Sáng hôm sau đoàn quân theo hai trục tiến quân về quận đường Cái Nước. Trinh Sát chịu trách nhiệm bờ Bắc, còn Tiểu Đoàn 1/32 lục soát bờ Nam. Trên đường đi ngang qua những chòi lá đặt lợp không có một người dân nào mà lợp thì đầy ắp cá, tôm, rùa, rắn... Tôi tin dị đoan nên ra lệnh cấm ngặt không được bắt vì ăn thịt rùa xui lắm, lần nào lính bắt rùa ăn thịt là có chuyện máu phải đổ...

Đơn vị Trinh Sát đi song song với cánh Bravo của tiểu đoàn. Buổi trưa khi dừng quân để ăn cơm, tôi liên lạc vô tuyến hàng ngang với tiểu đoàn báo cho NT Châu K23 biết có nhiều dấu hiệu khả nghi có địch và căn dặn phải thận trọng đề cao cảnh giác vì bên tiểu đoàn cho biết vẫn chưa phát giác các dấu hiệu.

Đang dừng quân để chờ trục thăng CNC và hai chiếc gunship lên vùng trở lại thì nổi lên tiếng pháo kích âm âm của súng cối 82 ly, tiếng đạn rít gió của phòng không 12 ly 8 bắn dọc theo hai bên bờ sông từ hướng quận bắn về hướng tiền quân, kèm theo hàng loạt đạn AK47, B40, B41... và chất nổ (beta) nổ chát chúa. Tôi nghe tiếng hô xung phong vang dội từ bên kia sông, giọng người miền Bắc mà lại vác cờ của ‘Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam’.



*SVSQ Huỳnh Xuân Quang,
1972.*

Hùng Tử, Chứ Khí Hùng Nào Tử!”

Còn bọn Việt Cộng xác nằm la liệt, toàn lính mới xâm nhập từ miền Bắc vào mặt mày non choẹt đang độ tuổi thiếu niên, thuộc Trung Đoàn D1 Công Trường 9 chính quy Bắc Việt. Đúng như câu: “Sanh Bắc Tử Nam”.

Chạng vạng tối thì NT Châu K23 qua tần số đặc biệt liên lạc với tôi. Giọng nói của người tiểu đoàn trưởng đàn anh đầy buồn bã và xúc động, thương tiếc cho người đàn em vắng số. Riêng tôi cảm xúc đau đớn bàng hoàng cho người bạn học cùng lớp, cùng trường trong bảy năm trung học và bốn năm Võ Bị. Trong đêm tối mặc kệ cho nguy hiểm đầy bất trắc của dòng sông chảy xiết, tôi cũng tìm mọi cách vượt qua sông

để nhìn được mặt và vuột mắt người bạn thời niên thiếu một lần cuối... Tôi cúi đầu lẩm bẫm:

- “Quang ơi!!!... Tại sao là mày??? Bên kia thế giới, tao mong mày sớm siêu sanh nơi miền cực lạc.”

Sáng hôm sau chúng tôi vẫn tiếp tục tiến quân giải toả áp lực cho quận. Lúc tiến gần thì thấy cả toà nhà của quận gần như tan nát vì bom đạn. Ông Quận Trưởng cùng một số ít anh em Nghĩa Quân tử thủ trên hai tuần lễ, phải ăn và ngủ dưới giao thông hào. Niên Trưởng Thiểu Tá Huỳnh Túy Viên, xuất thân Khóa 20/ TVBQGVN và là Quận Trưởng quận Cái Nước hào hùng và bất khuất lưu danh hậu thế được mọi người nể trọng, kể cả bọn Việt Cộng nằm vùng:

- *“Thà chết chứ nhất định không đầu hàng quân Cộng Sản.”*

Sau 30-4-1975 tụi Cộng Sản đưa NT Viên ra ghép tội phản động và xử bắn tại Cà Mau, nhưng không xoá được hình ảnh của người Quận Trưởng Cái Nước K20 anh hùng vẫn còn lưu mãi trong lòng người dân rừng U-Minh.

Tiểu Đoàn 2/32, trong đó có Trương Minh Tân K25, được đổ quân xuống để thay cho Tiểu Đoàn 1/32 được bốc về hậu cứ để tái trang bị và bổ xung quân số. Khác với mấy lần trước có dịp gặp nhau là mày tao chỉ tở đủ thứ chuyện ồn ào tào lao, lần này chúng tôi chỉ nhìn nhau với ánh mắt thoáng buồn. Tôi nắm cánh tay nó và nói nhẹ:

- “Tân ơi, thằng Quang đi rồi.”

Nó nhìn tôi và trả lời một cách buồn bã:

- “Tao biết rồi...”

Tiểu Đoàn 2/32 và thằng Tân ở lại quận Cái Nước, hành quân khu tứ giác bảo vệ an ninh cho quận đường trùng tu và tái thiết. Tôi vào quận, chỉ có tám vài lều che ngang, đứng nghiêm chào NT Viên và nói lời từ giã, nhưng tôi không ngờ là lần chào từ biệt cuối cùng...

Đơn vị Trinh Sát 32 tiếp tục hành quân theo hướng Tây tiến thẳng về Biệt Khu Hải Yến. Đây là khu Dinh Điền Cái Cam rất nổi tiếng, do Tổng Thống Ngô Đình Diệm thành lập khoảng năm 1956 - 1957. Đức Cha Nguyễn Lạc Hoá, còn gọi là Cha Hoá điều hành chỉ huy rất thành công. Tôi chưa lần nào được vào bên trong chứng kiến tận mắt mà chỉ nghe nói lúc mới thành lập quy tụ gần 100 gia đình giáo dân mà bây giờ phát triển như là một khu trù mật dinh điền, nhà cửa khang trang, cuộc sống rất sung túc, toạ lạc giữa rừng già U-Minh mà phương tiện vật chất không thiếu một món nào, ngân sách tự trị. Nơi đây có một trung đội Nghĩa Quân giáo dân trang bị vũ khí đầy đủ từ M16 đến đại liên M60, thiện chiến kỷ luật không có một tên Việt Cộng nào dám bén mảng. Nghe nói trong biệt khu còn có cả hệ thống truyền tin liên lạc thẳng đến Quân Khu 4 và Thủ Đô Sài Gòn.

Ông Bà chúng ta thường nói:

- “Nhất phá sơn lâm, Nhì đâm hà bá. Tiền rừng, bạc biển”

Biệt Khu Hải Yến có cả hai, nằm giữa rừng mà lại thêm sát biển nên đủ thứ tài nguyên thiên nhiên. Cây trầm thì hằng hà sa số, mật ong thì hết biết. Có tận mắt nhìn thì mới biết cái tổ ong trong rừng trầm treo tòn ten trên cành bè dài trên 1.5m bề rộng hơn 0.5m, hàng ngàn con ong thợ trong mùa hoa trầm lấy mật trở về chui vào tổ. Tò mò tôi cũng ráng nhìn nhận dạng con Ong Chúa, trong hàng vạn con ong thợ. Cũng có một vài con hình thù có vẻ to hơn và màu sắc có vẻ khác hơn đẹp hơn.

Bây giờ nghe quảng cáo được phẩm chế bằng sữa ong chúa. Có ai thấy ong chúa cho con nó bú đâu mà có sữa???

Tổ ong thiên nhiên thường to và nhiều mật hơn là tổ ong nhân tạo do người chọn vùng gác kèo dụ dỗ cho ong làm tổ... Muốn lấy mật cũng không phải là chuyện dễ, un khói bằng lá còn tươi còn ẩm ướt cho thật nhiều khói bên dưới tổ ong, còn bên trên thì đốt đuốc dùng lửa và khói xua đàn ong ra khỏi tổ. Trung bình một tổ ong của rừng U-Minh cũng cho khoảng

20 lít mật. Ngoài ra ong con làm gỏi ăn rất ngon nhưng có nhiều phong độc không nên ăn nhiều, còn mấy cục sáp ong các bà mẹ quê thường dùng để se chỉ may vá. Có lần đoàn quân đang di chuyển trong con nắng sáng của buổi trưa, bỗng quang cảnh trở nên tối om. Tôi cứ tưởng hiện tượng nguyệt thực, mặt trăng ăn mặt trời, ai dè mặt trời bị đàn ong hàng vạn con đang bay che kín...

Những lán ruộng nuôi tôm tép thì bao la bát ngát. Thời đó kỹ nghệ đông lạnh chưa có nên tôm tép chỉ bỏ vào chảo đun nấu chín, phơi làm tôm khô, loại tôm đất thân to, dài màu đỏ tự nhiên, thịt ăn rất ngọt và thơm ngon. Ngoài ra còn bán được vỏ tôm sau khi đập nát làm phân bón cho những rẫy trồng dưa hấu... Những đoàn tàu ra biển đánh bắt những loại cá lớn như: Cá Đường, cá Thiều, cá Bóp, cá Mú... Thịt cá thì làm khô, bao tử, bong bóng cá, bào ngư, vi cá thì gửi về Sài Gòn hay bán cho những tàu buôn từ Singapore ghé qua...

Những quận thuộc tỉnh Cà Mau nằm cặp theo ven biển rừng tràm U-Minh Hạ như quận: Năm Căn, Cái Nước, Đầm Dơi, Đầm Chim, Đầm Cù... Nơi nào cũng có Sân Chim, là những khu vườn trong rừng rộng từ 15- 20 mẫu quy tụ hàng vạn con chim đủ loại bay về để làm tổ. Quý nhất là những loại chim cẳng cao như sếu, hạc, thiên nga, đà điểu có lông cánh dài và lông vũ rậm thương buôn rất thích vì bán ra rất được giá, còn phân chim cũng là một nguồn lợi phân bón phosphat cần thiết cho nhà vườn.

Chiều xuống tôi chọn địa điểm đóng quân qua đêm là một khu vườn dừa bỏ hoang cũng cách biệt khu Hải Yến không xa, trần trọc ngủ không được tôi ra ngoài ngồi tựa gốc dừa hút thuốc. Ngồi suy nghĩ lan man nhớ đến thằng Quang, không biết nó về Sóc Trăng gặp má nó hay chưa? Quang là con trai út trong gia đình. Những ngày còn đi học, tôi cũng thường đến nhà nó chơi hay rủ nhau đi đá banh tôi chỉ thấy má và chị gái của nó, chắc ba nó mất sớm. Tôi nghĩ đến cảnh người mẹ già nhận lại xác con, ôm quan tài mà quần quai khóc thương thảm

thiết, nước mắt tôi tự động từ từ ứa ra bởi lẽ tôi đã trải qua kinh nghiệm cảm xúc này rồi.

Gần 9 năm trước khi nhận được tin anh tôi từ trận ngoài Phù Mỹ tỉnh Bình Định, quan tài được đưa về nghĩa trang quân đội Gò Vấp. Má tôi từ dưới quê lên ôm quan tài chứa xác con, vật vã thương khóc rồi xiu lên xiu xuống nên tôi rất sợ chứng kiến cái cảnh “*tre già khóc măng non*”.

- “Quang ơi! Mày chết là yên thân chỉ có má mày ở lại thương nhớ thằng con trai út là đau đốn cho thân mẹ già thôi...”

Làm sao quên được kỷ niệm của những ngày đầu khi mới rời trường Mẹ ra đơn vị. Ba thằng may mắn gặp được một NT K16 thương cho thêm mấy ngày phép ra chợ Cà Mau uống cà phê và thực bì da. Đường cơ thì dờ ẹt nhiều khi giò gà đánh còn hụt, vậy mà bằng quang thiên hạ nhất là cô chủ quán và mấy em học sinh ngắm nhìn ba chàng thiếu úy Đà Lạt vừa mới ra trường một cách say mê; quân phục thẳng nếp, bút nịt vàng giày saut bóng loáng. Đặc biệt trên ngực áo ba thằng đều mang ba bằng Dù hiếm được thấy ở các tỉnh cận Nam này. Thủy Quân Lục Chiến thì có lần xuống tới Cà Mau, còn hoa dù thì chưa hề nở trên vùng trời U-Minh.

Bàn tay trái ba thằng đều mang nhẫn Võ Bị, mỗi lần đi cơ bàn tay trái xoè ra đặt lên thảm (bàn bida) là thiên hạ trở mắt nhìn. Không phải họ nhìn đường cơ lả lướt mà chỉ muốn nhìn chiếc nhẫn Võ Bị của chúng tôi mà thôi! Cô chủ quán lúc nào cũng nhìn Quang với ánh mắt đầy thiện cảm, vỗ tay khen quá hay, miệng chum chim mỉm cười, dù là thằng Quang chỉ đánh trúng bi dái khi... Một lát sau cô chủ tiến sát Quang hỏi nhỏ:

- “Thiếu úy muốn uống cà phê loại nào? Em pha cho!”

Thằng Tân nghe được nóng máu khều vai tôi:

- “Ê Châu! Ở đây có ba thằng thiếu úy. Sao nó hỏi chỉ có thằng Quang?”

Tôi đáp khề:

- “Tao thấy nãy giờ rồi, tụi nó chịu đèn với nhau, có lẽ có duyên và đã quen nhau từ kiếp trước... Ê mày đừng có lộn xộn, được thắng nào mừng cho thắng đó!”

Tôi nhớ lại thời gian Tiểu Đoàn 3 hành quân ở quận Đầm Dơi. Nơi đây đúng là cái xứ khi ho cò gáy, sông rạch thì ngoằn ngoèo đi lại rất khó khăn. Trường học chỉ là ba gian nhà lá đơn sơ, học trò trong xóm ven rừng phải bơi xuồng đến lớp. Tôi đóng quân tại đó suốt hai tuần mà không thấy bóng dáng cô thầy nào. Tôi hỏi ra thì mới hay cô thầy về tỉnh lãnh lương rồi vì đường xá khó khăn nên chém về luôn. Tội nghiệp mấy em nhỏ quá, đi học hai ba năm rồi mà chưa biết đọc, toán cộng chưa biết làm... Tôi lên gặp ông đại úy tiểu đoàn trưởng xin phép được dạy các em khi có giờ rảnh, bởi lẽ đại đội tôi chỉ hành quân khu tứ giác và an ninh khu vực.

Bắt đầu tôi dạy cho các em đọc và học bảng cửu chương từ 2-9. Tôi nhờ hậu cứ mua dùm 100 quyển tập ở mặt sau có in bảng cửu chương, em cháu nào thuộc bài sẽ được thưởng một cuốn. Kế tiếp là bốn phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia và tập đọc tập viết. Sau hơn ba tuần lớp học được mở rộng, học trò không chỉ các em nhỏ mà còn có cả những người lính già Nghĩa Quân mù chữ không biết đọc và viết, những chị bán tôm, cá, rau cải ngoài chợ muốn học bốn phép tính cộng trừ nhân chia để công việc mua bán được dễ dàng hơn là chỉ biết tính nhẩm.

Đúng như cái tên được đặt Đầm Dơi là xứ đầm lầy chỉ có nhiều dơi nhưng ít người, là nơi heo lánh ít ai lui tới vì vậy những gia đình có con gái không mấy ai chịu gả con về xứ Đầm Dơi cho nên nhân gian có câu:

- *Nồi đất mà úp vung đồng.*
- *Con gái Rạch Giá lấy chồng Đầm Dơi.*
- *Chiều chiều dậm căng kêu trời.*
- *Thương cha nhớ mẹ biết ngày nào ra.*

Thầy giáo chưa hoàn tất nhiệm vụ thì có lệnh rời vùng. Tiểu

Đoàn 1/32 xuống thay thế. Đại đội tôi phải sắp toán đầu tiên nên tôi không gặp được Quang để bàn giao lớp học lại cho nó. Không biết trường học Đầm Dơi có được ông thầy giáo mới nào không?

Sư Đoàn 21 BB chúng tôi thường hành quân chịu trách nhiệm an ninh lãnh thổ các tỉnh như: Cần Thơ, Chương Thiện, Rạch Giá, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Rừng U-Minh Hạ, U-Minh Thượng. Tất cả những địa danh trên tôi đã đều đi qua, mấy bộ đồ trận càng ngày càng nhuộm vàng màu phèn “*nước phèn nhuộm vàng màu quần treillis*”.

Trên bước đường hành quân qua nhiều địa danh làng xã có lẽ thôn Huyện Sĩ là nơi giàu nhất. Khi mới đến thấy không khí bình yên của xã làm tôi ngạc nhiên khi nhìn ông xã trường quần áo bảnh bao hàm răng vàng sáng chói, cổ tay thì mang cái đồng hồ Omega vàng 24 karat chói lọi. Xã này giàu thiệt, giống như thời bình không có chiến tranh. Hỏi ra mới biết nơi đây là vừa lúa, cá, tôm, dừa khô, mật ong..., nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên phân phối khắp mọi nơi: Hướng Nam về Cà Mau, hướng Bắc về Chương Thiện, Rạch Giá, lợi tức cao. Tội Việt Cộng thâm thuế nhiều nên chúng để yên. Quốc Gia thuế một, vi xi thuế mười...

Tôi và Quang có nhiều kỷ niệm với nhau. Có lần đại đội tôi được tăng phái đóng quân gần đại đội của nó, buổi chiều hai thằng rủ nhau ra quán cà phê có đờn ca vọng cổ nằm sát bên đò bên bờ Đông kinh sáng Xà No lúc nào cũng tấp nập người qua kẻ lại, không khí thật an bình. Mỗi lần khách ca xong ba câu vọng cổ thì có người bưng cái thùng đựng tiền thưởng đi từng bàn, khách ai muốn ủng hộ bao nhiêu tùy hỷ. Thằng Quang nó thích nghe bài vọng cổ “Võ Đông Sơn Tiễn Biệt Bạch Thu Hà”. Riêng tôi thì thích nghe những câu hò đối đáp của các trai thanh nữ tú. Sau hơn 48 năm, trong ký ức tôi vẫn còn nhớ 4 câu hò đối đáp đầy tình ý của văn chương miền Nam:

- Nghe Anh ăn học ở Sài Gòn,
- Đố Anh có biết cỏ vườn mấy cây?

Nghe mấy cô bên toán nữ vừa ra câu đố, tôi nghe qua cũng hết hồn, cây trong vườn còn đếm không xiết lại thêm cỏ dại nữa thì làm sao mà đếm. Mấy cô này lém liếm!...

Ai dè mấy chàng trai bên toán nam cũng thuộc “thông minh nhất nam tử...” cất tiếng hò đáp lại liền:

- Em về Em đố cái lư hương,
- Đếm tro mấy hạt thì mấy cây cỏ vườn...

Kẻ tám lạng - Người nửa cân. Thế là huề...

Tôi và Quang hai đứa đều bỏ tờ tiền có hình ông Trần Hưng Đạo vào thùng tiền thưởng nên rất được bà chủ quán ân cần niềm nở:

- “Lần sau hai thiếu úy có hành quân ngang đây nhớ ghé quán em nha!”

Tôi chỉ ghé được một lần sau đó rời Cà Mau lên Chương Thiện hành quân liên miên. Không biết thằng Quang còn ở lại có ghé thêm lần nào nữa không?

“Chúng mình ba đứa” cùng lớp cùng trường trung học, cùng tình nguyện vào trường Võ Bị, tốt nghiệp cùng khoá, ra trường phục vụ cùng trung đoàn, cùng sư đoàn... Bao nhiêu kỷ niệm hăng sâu trong ký ức!

Thử hỏi mỗi mùa Xuân trở lại, làm sao không nhớ đến Bạn mình?



Tears of Gratitude

Phan Ngọc Quế Anh, K26/2

Walking into the elegant lobby of the Ritz Carlton in Naples, I felt a sense of excitement. It was a humid, balmy day in August in South Florida, yet our West Coast District Dental Association (WCDDA) summer meeting was so important this year that we willingly braved the heat. Missing many personal and professional meetings during the pandemic, the very idea that our WCDDA leaders would travel from faraway places showed their spirit of commitment.

At our table, I enjoyed the lively atmosphere of my colleagues. We laughed, we caught up on news and listened to speakers with great interest. And then something happened that almost made me spill my water glass.

Dr. Reza Iranmanesh was announcing the name for the Daniel Bertoch Leadership Award. When he called my name, I was stunned with happiness and joy. Suddenly, another surprise: Tears were running down my face - tears of gratitude.

It's difficult for me to express why this honor from my peers would bring such emotion. But to explain it, I had to make the connection to my family's history.

In 1975, millions of Vietnamese people were in tears because of the Fall of Saigon. After a treacherous war, more than 500,000 South Vietnamese were placed in forced labor outposts called “Re-education Camps”. The word “education” here is a cruel description because of what went on inside. Notorious, back-breaking work was forced upon prisoners. Every day they were starved or beaten, living with the constant threat of never going home again.

Among these prisoners of war was my father, a Green Beret who was captured because he was fighting for the freedom of South Vietnam. After surviving six years of detention, he was released. Despite the trauma of war and imprisonment, he somehow kept all his natural charm to convince my mother, a pretty nurse who cared for him while he recovered in the hospital, to marry him.

It was good they had each other, because the late 1970s to 1980s was the darkest period for Vietnam as 2 million people fled the country and 400,000 boat people died at sea desperately trying to escape. In 1993, my parents and I immigrated to the U.S. through the Humanitarian Operation, which was a program sponsoring detained former officers who were imprisoned.

Our refugee family came to this country with three bags of luggage and the hope for a better life. For years, my parents struggled with English as I tried to walk the line between fitting in with the American kids while keeping my Vietnamese traditions.

Poverty was especially hard. When I was 6 years old, I remember waiting for hours in a Medicaid office to see a doctor. When we were finally seen, what I recall most was his kindness. He asked questions, he showed concern and by the time my family left the clinic, I knew I wanted to become that doctor; the doctor who helps everyone and brings a smile to

their patients.

Another turning point happened when I was 16 and visited Vietnam. While traveling through the countryside one day, I saw hundreds of people waiting in front of a school. With curiosity, I asked them why and they said there was a medical missionary team of doctors and dentists. Villagers walked for 15 miles or more just to seek their care. The dentists especially inspired me and today I am one.

Throughout my education and professional career, I've been fortunate to have great mentors who provided me the right tools, guidance and support. I wish to recognize them with my gratitude now. Dr. Ira Kotch, my professor in dental school, has been my greatest supporter and has guided me throughout my clinical and business experiences. Drs. Iranmanesh and Zack Kalarickal inspired me to get involved with social impact. Their humanitarian work is admirable.

Programs like Florida Mission of Mercy help thousands of the same struggling people that my family once was. The tears on these patients are the same tears of gratitude I felt, and I'm grateful to have the opportunity to work alongside with Florida Dental Association to help my community.

Finally, I thank the Lord who has protected my family to this land of freedom. I am thankful for this country that raised me to become the person that I am today. And I thank all the people who have supported me throughout my professional career. This brings me back to the feelings I had while accepting the award and I cried tears of grateful joy from my heart. Thank you!

Dr. Phan is general dentist in Naples, Fla. and can be reached at dr.phan@fantastic-dentalarts.com

Cô Phan Ngọc Quế Anh, ái nữ của CSVSQ Phan Anh Tuấn K26/ TVBQGVN, hiện là một Bác Sĩ Nha Khoa tại thành phố Naples, tiểu bang Florida. Cô tham gia các hội đoàn Nha Sĩ sau:

- 2016 Collier County Dental Association Board.
- 2020. President of CCDA.
- FDA Legislative Contact Dentist.
- 2020 FDA Governmental Action Committee.
- 2021 West Coast District Dental Association Leadership

Tháng 8/ 2021 tại buổi lễ ở Naples, Hội Đồng Nha Sĩ West Coast Florida đã khen thưởng cô về nhiệt tình tham gia các công tác Nha Khoa Thiện Nguyện. Cô đã phát biểu với những giọt nước mắt tình cảm gây xúc động cho toàn thể cử tọa. Sau đó, Hiệp Hội Nha Khoa Florida (Florida Dental Association) đã đề nghị cô ghi lại những cảm nghĩ.

Trân trọng kính mời quý vị xem cảm nghĩ của thế hệ thứ hai. Thành công của tuổi trẻ, của thế hệ hậu duệ là niềm vui và hãnh diện cho chúng ta nói riêng và cho người Việt hải ngoại nói chung.



Các Bác Sĩ Jessica Stillely và Reza Iranmanesh đang trao giải thưởng The Daniel Bertoch Leadership cho Bác Sĩ Phan Anh.

(Phỏng dịch)

Giọt Nước Mắt Tri Ân*

Phan Ngọc Quế Anh, K26/2

Bước vào sảnh đường sang trọng của Ritz Carlton ở Naples, tôi cảm thấy thích thú. Vào một ngày có độ ẩm cao, nắng ráo vào Tháng 8 ở Nam Florida, cuộc họp mùa Hè của Hiệp Hội Nha Khoa WCDDA năm nay quan trọng đến mức chúng tôi sẵn sàng bất chấp cái nóng về tham dự. Nhớ đến các cuộc gặp gỡ riêng tư và chuyên nghiệp trong thời gian đại dịch, các nhà lãnh đạo WCDDA của chúng tôi có ý nghĩ đặc biệt rằng việc du lịch từ những nơi xa xôi về đây thể hiện tinh thần phục vụ của họ.

Tại bàn của chúng tôi, tôi hưởng thụ không khí sống động cùng các đồng nghiệp. Chúng tôi đã cười, chúng tôi theo dõi các tin tức và lắng nghe các diễn giả với mức quan tâm cao. Và rồi chuyện bất ngờ xảy ra khiến tôi suýt làm đổ cốc nước vào mình.

Tiến sĩ Reza Iranmanesh đang xưng tên Giải Thưởng Daniel Bertoch Leadership. Khi ông ấy gọi tên tôi, tôi choáng váng vì hạnh phúc và vui sướng. Đột nhiên, một ngạc nhiên khác: Nước mắt đang chảy dài trên mặt của tôi - ***những giọt lệ của lòng biết ơn.***

Tôi thật khó diễn tả lý do tại sao niềm vinh dự này, đến từ những đồng nghiệp của tôi, lại mang lại cảm xúc như vậy. Nhưng để giải thích, tôi phải liên hệ với lịch sử của gia đình mình.

Năm 1975, hàng triệu người Việt Nam đã rơi lệ vì Sài Gòn bị sụp đổ. Sau cuộc chiến tranh ác liệt, hơn 500.000 người Nam Việt Nam đã bị cưỡng bức vào các trại lao động khổ sai, được gọi là “Trại Cải Tạo”. Từ ngữ “giáo dục” ở đây là một định nghĩa ác độc vì những gì đã xảy ra bên trong. Hiển nhiên, các tù nhân bị bắt buộc làm các công việc rất nặng nhọc. Hàng ngày họ bị bỏ đói hoặc bị đánh đập, sống với mỗi đe dọa thường xuyên là không bao giờ được về với gia đình nữa.

Trong số những tù binh chiến tranh này có cha tôi, một người lính Mũ Xanh (*Lực Lượng Đặc Biệt*) bị bắt vì ông đã chiến đấu cho tự do của miền Nam Việt Nam. Sống sót sau sáu năm bị giam giữ, ông được thả ra khỏi trại. Bất chấp bị chấn thương vì chiến tranh và tù ngục, bằng cách nào đó, ông ấy vẫn giữ được tất cả sức quyen rũ tự nhiên của mình để thuyết phục mẹ tôi, một y tá xinh đẹp đã chăm sóc cho ông trong khi đang hồi phục tại bệnh viện, kết hôn với ông.

Thật tốt họ đã có nhau, vì từ cuối thập niên 1970 đến 1980 là thời kỳ đen tối nhất đối với Việt Nam khi có hai triệu người dân đã trốn chạy khỏi đất nước và 400.000 thuyền nhân đã

chết trên biển khi cố gắng trốn thoát trong tuyệt vọng.

Năm 1993, cha mẹ tôi và tôi tới tỵ nạn tại Hoa Kỳ, thông qua Chương Trình HO (Chương Trình Nhân Đạo), bảo lãnh cho những cựu viên chức (*Việt Nam Cộng Hòa*) đã bị bỏ tù (*tại Việt Nam Cộng Sản*).

Gia đình tỵ nạn của chúng tôi đến quốc gia này với ba túi hành lý và niềm hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Trong nhiều năm, bố mẹ tôi đã vật lộn với tiếng Anh, trong khi tôi cố gắng hòa hợp với trẻ con Mỹ mà vẫn giữ được truyền thống Việt Nam của mình.

Nghèo khó thật sự khó khăn. Khi tôi sáu tuổi, tôi nhớ mình đã đợi nhiều giờ tại văn phòng trợ giúp y tế để gặp bác sĩ. Cuối cùng, khi tới lượt chúng tôi, điều tôi nhớ nhất là lòng thân ái của ông ấy. Ông đặt nhiều câu hỏi, biểu lộ sự quan tâm và vào lúc gia đình tôi rời phòng khám, tôi biết tôi muốn trở thành vị bác sĩ đó; người bác sĩ giúp đỡ mọi người và mang lại nụ cười cho bệnh nhân của họ.

Một bước ngoặt khác xảy ra khi tôi 16 tuổi và đang thăm Việt Nam. Một ngày nọ, khi đang du lịch ở một vùng nông thôn, tôi thấy hàng trăm người đang chờ đợi trước một trường học. Với tính tò mò, tôi hỏi họ tại sao và họ nói rằng có một nhóm truyền giáo y tế gồm các bác sĩ và nha sĩ. Dân làng đã đi bộ trên 15 dặm chỉ để tìm kiếm sự chăm sóc. Các bác sĩ nha khoa đã truyền cảm hứng sâu sắc cho tôi và ngày hôm nay tôi là một trong các người đó.

Qua việc giáo dục và nghề nghiệp chuyên môn, tôi đã may mắn có những người thầy tuyệt vời, cung cấp cho tôi những công cụ, hướng dẫn, và yểm trợ phù hợp. Nay tôi muốn họ nhận lòng biết ơn của tôi. Tiến sĩ Ira Kotch, giáo sư của tôi tại trường Nha Khoa, là người hỗ trợ lớn nhất, đã hướng dẫn tôi về những kinh nghiệm lâm sàng và kinh doanh. Các Tiến Sĩ Iranmanesh và Zack Kalarickal đã truyền cảm hứng cho tôi tham gia vào công tác xã hội. Việc làm nhân đạo của họ thật

đáng khâm phục!

Các chương trình như Florida Mission of Mercy giúp hàng ngàn người đang gặp khó khăn, giống như gia đình tôi trước đây. Những giọt nước mắt của những bệnh nhân này giống những giọt nước mắt biết ơn mà tôi đã cảm thấy. Tôi rất biết ơn đã cho tôi có cơ hội làm việc cùng Hiệp Hội Nha Khoa Florida để giúp đỡ cộng đồng của tôi.

Cuối cùng, tôi cảm ơn Chúa đã bảo vệ gia đình tôi đến vùng đất tự do này. Tôi biết ơn đất nước này đã nuôi dưỡng tôi trở thành con người như tôi có ngày hôm nay. Và tôi cảm ơn tất cả những người đã hỗ trợ tôi qua nghề nghiệp chuyên môn của tôi. Điều này đưa tôi trở lại với những cảm xúc mà tôi đã có trong khi nhận giải thưởng và tôi đã *roi lệ vì niềm vui sướng biết ơn từ trái tim của mình*.

Cám ơn quý vị!

** Bác sĩ Phan là một nha sĩ tổng quát ở Naples, Fla., và có thể liên lạc tại dr.phan@fantastic-dentalarts.com.*



Chúc Mừng Năm Mới!

Lãng Mạn Tình Yêu

Phạm Văn Tiền



Bây giờ là mùa Xuân đất trời rộng mở, chim hót líu lo, những cành hoa tươi thắm đang điểm tô cho cuộc sống đầy hạnh phúc của con người. Ở tuổi xế chiều băng lãng bóng hoàng hôn, khi bắt đầu viết lại những kỷ niệm về tình cảm của mình e hơi quá trễ, nhưng dầu sao tôi đã làm được một việc có còn hơn không. Tuổi trẻ luôn hướng về tương lai, còn người già hay hoài niệm về quá khứ, cái dĩ vãng đáng yêu biết mấy của tuổi học trò. Chuyện của tôi, cũng chính là của quý vị, của bạn, của tất cả chúng ta.

Thuở ấy không gian chìm đắm trong mơ, tà áo em xanh màu mắt ngậy thơ. Ai trong chúng ta cũng đều trải qua thời thơ ấu, của những ngày cắp sách đến trường đầy mơ mộng viễn vông, con tim chân chính không bao giờ biết đến nói dối, cõi lòng luôn mở rộng để sẵn sàng chờ đón người bằng “môi trên bờ môi”. Nhưng biết chỉ là mơ thế thôi, vì rõ ràng tình yêu cũng có lắm “trăm lần vui, vạn lần buồn”!

Tôi đã biết yêu năm 15 tuổi, nói ra sợ chị em cười. Đúng vậy ở cái tuổi mà tôi bắt đầu biết e lệ vẫn vợ, từ một đứa trẻ ngây thơ hồn nhiên, tôi đã tự tách riêng đi tìm cho mình một thế giới riêng biệt. Với sự thay đổi từ giọng nói tiếng

cười, những nỗi buồn theo kiểu “*không biết đêm nay vì sao tôi buồn*”, tôi đã đi vào những bản khoả, trắc trở của người lớn không biết tự lúc nào. Tôi đã biết ăn diện những bộ áo quần thật đẹp, đầu tóc chải bảnh bao khi ra đường, tiếng nói khào khào, mặt nổi đầu mụn. Tôi đã biết rung động khi nhìn phái đẹp và không chừng còn ôm mãi một hình bóng nào đó mà tôi bắt gặp mỗi ngày, hay nói đúng hơn tôi đã yêu hầu hết các nàng con gái đẹp mà tôi được biết. Lẽ dĩ nhiên chỉ là tình yêu trong mộng, một chiều, “muốn người ta, người ta không muốn, xách lòng đèn đi xuống đi lên”!

Năm ấy tôi đang theo học lớp Đệ Ngũ ở một trường trung học Công Lập tỉnh. Trường nằm giữa cánh đồng ruộng lúa mênh mông, trai gái còn học chung trường, nhưng không cùng chung lớp. Trừ khi có những giờ đặc biệt, cô thầy thiếu thì mới phải dồn chung lại với nhau. Chuyện tình tự trai gái xảy ra không thể nào tránh khỏi.

Đối với tôi, nữ giới là một cái gì đó thật kỳ bí, hấp dẫn, không thể thiếu trong đời sống của mình. Thỉnh thoảng khi chuyển lớp học, tôi thường bắt gặp những chiếc khăn tay của một người đẹp nào đó bỏ quên, không cần biết của ai, sạch hay dơ đều được tôi mang về giặt thật sạch sẽ, ủi thẳng và cất giữ như là bảo vật của riêng mình, để đêm đêm ngửi mùi hương thoang thoang của nàng còn lưu lại trong khăn! Chuyện này không thể qua mắt được các bà chị tôi, nên họ thắc mắc hỏi tôi nhiều lần:

- Bộ em có bồ rồi hả, chị mét má à nhen!

Tôi chỉ cười trừ không có ý kiến, ai muốn hiểu sao thì hiểu. Bụng thầm nghĩ ước gì mình có được cái điểm phúc to lớn như vậy.

Đạo ấy trong xóm “lò chén” của tôi đã bắt đầu xuất hiện một người đẹp, nàng lớn hơn tôi một tuổi, người Tàu lai từ Trà Vinh lên giúp việc cho anh chị của nàng là “ông bà chủ”. Nàng rất lớn con, nước da bánh mật, nhan sắc thật mặn mòi. Mấy

anh công nhân ai nấy cũng trầm trồ, bàn tán xôn xao, nhưng chẳng ai dám cả gan tán “em gái Út cưng” của bà chủ.

Nhà tôi ở cạnh nhà nàng, cách nhau cái giậu mỏng toi xanh rờn.

Tôi, nàng sống giữa cô đơn, hình như nàng cũng có nỗi buồn giống tôi! Mỗi chiều khi tan học về tôi thường đi ngang nhà nàng để may ra nhìn trộm dung nhan mùa hạ của nàng được chút nào hay chút đó, cũng đủ gọi là một tí “yêu đời”. Lâu rồi nàng cũng bắt đầu làm quen với hai bà chị của tôi. Thịnh thoảng nàng cũng đến nhà tôi chơi trong những lúc tôi đi vắng, những khi may mắn tôi cũng có gặp nàng, nhưng những lúc ấy tôi thật mắt bình tĩnh, chỉ dám gật đầu chào rồi sau đó biến mất, để cứ mãi âm ức trong lòng. Ấy vậy mà đêm nào nằm ngủ tôi cũng đã mơ thấy nàng mới chết chứ!

Mấy anh thợ xây trong đó có người bà con họ với nàng, đã có lần bảo tôi, anh ta đã nhận thấy nàng ấy đã yêu tôi. Tin này làm tôi sung sướng như người vừa trúng vé số độc đắc, tôi hỏi:

- “Có thiệt không? Sao anh biết?”

Suốt cả tuần lễ tôi mất ăn mất ngủ khi nhận được tin này. Chiều nào cũng vậy, tôi tìm đủ mọi cách để đi ngang nhà nàng. Những đêm trời nhá nhem tối, nàng hay ngồi giặt giũ phía sau nhà, qua những ánh mắt nhìn nhau dưới ánh sáng mờ ảo của bóng đèn điện, tôi cũng khá tự tin về việc tôi đã có chỗ đứng trong trái tim nàng. Tôi đánh bạo viết một lá thư tình, ngắn gọn, cẩn thận bỏ vào túi với ý định sẽ trao nó cho nàng. Lần chần mãi tôi cũng chưa dám, mỗi lần quyết định hành động thì tim cứ đập loạn xạ lên, tôi đành cất kỹ trong cặp để chờ cơ hội bồng vàng vào một ngày đẹp trời nào đó.

Một chiều khi ở sân banh về, tôi bắt gặp mẹ tôi cùng hai bà chị đang khám xét bài vở trong chiếc cặp da của tôi. Mọi việc làm của tôi đều bị mẹ khám phá, lẽ dĩ nhiên tôi chỉ còn có nước độn thổ xuống đất. Tôi tưởng là tôi sẽ bị một trận đòn như tử nếu ba tôi biết được việc này. Nhưng sau một hồi rầy

la, mẹ hứa xếp hồ sơ sự việc, nhưng tôi phải hứa là từ nay sẽ từ bỏ mọi chuyện, phải cố gắng học hành. Nhưng tôi chỉ quên đi một vài tuần thì cũng lại tiếp tục chứng nào tật ấy, bữa nào không gặp nàng là bữa đó coi như ăn cơm không thấy ngon. Bây giờ lần nào cũng vậy, nàng liếc nhìn tôi và thỉnh thoảng nở nụ cười thiện cảm. Hai đứa chúng tôi “tinh trong như đã, mặt ngoài còn e.”

Chuyện gì đến rồi sẽ đến, một ngày kia tôi nhận được một tờ giấy với nét chữ nguệch ngoạc như cua bò của nàng do đứa cháu gái nàng mang hộ, nàng hẹn sẽ gặp tôi nơi giếng nước lúc 8 giờ tối. Cả ngày hôm đó vì quá mừng, tôi thần thờ như người mất hồn. Ăn cơm chiều xong, tôi diện một bộ đồ đẹp nhất, bao nhiêu dầu Brillantine tôi trét hết lên đầu, tóc chảy láng mượt, theo kiểu kếp hát cải lương. Xin mẹ tiền đi xem chớp bóng, tôi đã đến đúng hẹn với nàng. Trong bóng tối tôi thấy nàng thật đẹp, thật thơm với chiếc áo cánh màu carô đỏ. Nàng nói là nàng đã yêu tôi từ lâu, nhưng chẳng có dịp nào để cho tôi biết. Còn tôi, thì trời ơi! Còn gì mừng hơn, tay chân thừa thãi, miệng nói ấp úng, tim đập liên hồi. Lần đầu tiên trong cuộc đời mình, tôi đã cầm tay được người đẹp. Nàng nói đáng lý Tết này nàng về quê Trà Vinh ăn Tết, nhưng vì sợ nhớ tôi, nên nàng đi không đành. Tôi chỉ biết dạ và cảm ơn nàng. Câu chuyện bị đứt đoạn nửa chừng, khi có tiếng xe mobylette của ông anh rể nàng đi chợ về.

Tôi lặng lẽ chuồn êm, không kịp nói lời từ già. Bắt đầu từ giờ phút này chúng tôi có con nọ đưa tin hàng ngày, qua đứa cháu gái kêu nàng bằng dì. Tôi tìm những bài thơ hay nhất mà tôi đọc đâu đó thường xuyên gửi đến nàng. Tôi lựa một tấm hình đẹp nhất của mình chụp với chiếc áo cao bồi, có đeo súng đứng dưới ánh trăng mờ bên bờ suối, gửi tặng nàng với một vài câu thơ trữ tình ướt át, ngược lại nàng cũng tặng lại tôi tấm hình đẹp nhất của nàng.

Chuyện yêu đương lén lút của chúng tôi cuối cùng rồi cũng bị lộ tẩy, lần này lỗi về phía nàng. Bà chị nàng sang mượn vốn

mẹ tôi và tìm đủ mọi cách ngăn cấm nàng. Lẽ dĩ nhiên không ai có thể chấp nhận ở cái tuổi biết yêu còn quá nhỏ của tôi và nàng. Từ đó về sau chuyện giữa tôi và nàng coi như chấm dứt, nàng không còn đến nhà tôi chơi nữa, ngay cả đứa cháu gái của nàng cũng vậy. Một năm sau đó nàng lên xe bông về nhà chồng ở tuổi 17, về làm dâu một chủ lò khác bề thế, khá giả hơn. Còn tôi hận đời đen bạc, hận kẻ bạc tình. Ngày nhà em pháo nổ, tôi không cuộn mình trong chăn, mà vẫn tỉnh bơ ngồi học bài để mong ngày thành đạt hầu trả thù nàng cho bỏ ghét, và nhờ trời tôi đã đỗ Trung Học Đệ Nhất Cấp cũng trong năm đó.

Năm lên Đệ Tam trong những lúc học Hè, bọn tôi cùng chung lớp tổ chức các tổ học tập, trai gái cuối tuần tập hợp nhau lại học chung, cùng nhau tập làm các bài toán khó. Trong số các bạn gái này, tôi để lòng một nàng theo tôi thì quá đẹp, nàng con nhà giàu được gửi trọ học tại nhà bà con gần trường. Tôi chết mê chết mê nàng kể từ khi tôi bắt gặp ánh mắt nàng nhìn tôi trong giờ nghỉ giải lao buổi học chiều. Tôi cứ định ninh như vậy, nhưng chẳng có gì chắc chắn lắm. Chúng tôi thường bốn mắt nhìn nhau, nhưng chẳng dám nói nên lời, vì tôi luôn bị mặc cảm mình chỉ là đứa học trò nghèo chẳng bao giờ dám mơ ước chuyện cao sang, và vì vậy mối tình này chỉ là chuyện vớ vẩn, mơ huyền mờ.

Cho đến một ngày kia, vào buổi trưa trên đường đạp xe đến trường, mãi mê nhìn nàng trong lúc nàng ngồi học bài dưới gốc cây trứng cá trước nhà, nàng khẽ gật đầu mỉm cười chào tôi. Quá bất ngờ sung sướng tôi vô ý đâm xe đạp của mình



*Thiếu Tá Phạm Văn Tiền,
Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu
Đoàn 5 TQLC, cuối 1974.*

vào một bà già đang gánh nước giữa đường, rồi bật té giữa lộ. Nàng bật cười che tập, bỏ chạy vào nhà. Còn tôi bị một trận mắng nên thân. Quá hổ thẹn, từ đó về sau tôi chẳng dám nhìn nàng nữa.

Cuối năm đó, trong một dịp họp mặt nhau lại trước ngày bãi trường nghỉ hè, tôi được nàng kéo tay lại để cùng chụp chung một tấm ảnh kỷ niệm toàn tổ học tập. Nàng nói nàng sẽ chuyển trường về Sài Gòn vì ba nàng không còn làm việc ở tỉnh nữa. Lẽ dĩ nhiên tôi là người buồn nhất khi biết được tin này, nói theo kiểu cải lương thì con tim tôi bị “rướm máu”. Từ đó tôi và nàng bật vô âm tín, có tin đồn nàng cũng đã lên xe hoa, chồng nàng là một phi công Pilot hào hoa phong nhã.

Còn tôi “*nếu biết rằng em đã có chồng, anh về ráng học nữa là xong*”, năm đệ Nhị tôi được lãnh thưởng toàn trường về Sinh Ngữ và đã trở thành cậu “Tú Tài Phần Một” không mấy khó khăn ngay ở kỳ thi đầu.

Năm 1963, vì là một trong những lớp Đệ Nhất đầu tiên của trường trung học Công Lập tỉnh, trường nhận tất cả các học sinh nào ở các trường tư thục có Tú Tài Phần Một vào học miễn thi. Ấy vậy mà lớp Đệ Nhất “A” của tôi cũng chỉ vồn vện có chừng 34 học sinh, trai gái học chung mà trường lớp của bọn tôi lại là một học sinh nữ. Bọn tôi vừa học vừa phá đến nỗi cô giáo phải lắc đầu, bỏ lớp dạy đi thưa thầy Hiệu Trưởng. Lớp học chẳng có người đẹp nào ra hồn, ấy vậy mà cũng có tới ít nhất 3 cặp bồ với nhau. Còn tôi thì chẳng còn hơi sức đâu để ý đến người đẹp nữa, vì hàng ngày tôi vẫn đạp xe đi về trên khoảng đường 7 km mỗi lượt. Bài vở càng ngày càng nhiều, cứ ăn cơm chiều xong là tôi học bài tới khuya mới đi ngủ.

Cho đến một ngày kia tôi phát giác ra được một điều bí ẩn dị kỳ. Một nàng con gái nhỏ con, nước da trắng, con nhà giàu cùng học với tôi trong nhiều năm qua, thường hay hỏi chuyện kiếm có mượn bài vở của tôi, hay bắt chuyện với tôi trong những giờ nghỉ xả hơi trong lớp. Vì là học sinh tỉnh lẻ,

nên ở quận nhà của tôi chỉ có tôi và nàng cùng học chung lớp Đệ Nhất với nhau, nên rất dễ thân thiện. Tôi không còn thích đi xe đạp nữa mà chỉ thích đi cùng chuyến xe lam với nàng. Chúng tôi hẹn nhau giờ giấc và thường ngồi bên nhau, cùng nhau giành trả tiền trông thật tinh tú. Cả lớp ai cũng nghĩ là chúng tôi đã yêu nhau rồi.

Trong bài thi lục cá nguyệt tôi đã được cô giáo chấm điểm nhất về môn Triết, bài thi được đọc cho cả lớp nghe, còn gì oai bằng. Khỏi phải nói, chắc là nàng phục tôi ghê lắm. Trong những ngày tháng cuối năm bận rộn việc thi cử, và đây là niên học sau cùng để rồi sau đó chia tay, mỗi người mỗi ngả. Theo cảm tính của tôi thì nàng đang phải lòng một thằng bạn khác cùng lớp. Anh chàng này rất bảnh trai hơn tôi, con nhà giàu học giỏi. Anh này tấn công nàng trước nên thắng trận vẻ vang. Còn tôi suốt đời lặng lẽ ôm mối tình câm.

Tôi vẫn là tôi của thuở nào, của sầu của mộng của đau thương. Buồn vào hồn không tên, thức giấc nửa đêm tôi chợt gọi tên nàng.

Tôi cũng đã qua được kỳ thi Tú Tài Toàn Phần năm đó trong kỳ đầu. Còn nàng và nhiều bạn khác đã hỏng kỳ thi, thôi đợi kỳ sau.

Như đã dự tính từ lâu, tôi nạp đơn vào Võ Bị để kịp nhập trường vào cuối năm đó. Trong những tháng ngày chờ đợi, tôi đã có những giờ phút hãnh diện nhất của đời mình, lại một cô bạn hàng xóm khác để ý đến tôi, mà ngày thường tôi chẳng bao giờ dám để ý đến nàng. Nàng cao xa, sang trọng, ăn diện đúng mode hợp thời trang, hết quen người này đến người khác. Nàng đang học lớp Đệ Nhị ở một trường tư thực Sài Gòn, nói là đi học cho vui, chứ thực ra nàng đi học để kiếm cái có để lấy chồng. Tôi là chú nai tơ được nàng giăng bẫy. Nàng đến nhà tôi thường ngày sau mỗi buổi chiều tìm cách làm quen với bà chị tôi, chứ thật sự nàng định kiếm có nhờ tôi kèm nàng học. Mẹ tôi biết chuyện này, bà nói con nhỏ này nó

không đành lòng con không nên làm quen với nó. Tôi nghe mẹ và cũng có những ý nghĩ như vậy, nàng cần mượn sách vở thì tôi sẵn sàng, còn chuyện kèm nàng tôi từ chối. Mọi việc rồi cũng đâu vào đó, sau một thời gian nàng thấy tôi lơ là, nàng quay sang người bạn khác. Không phải tôi chê nàng đâu, tôi cũng muốn lắm, nhưng sức mình làm sao với tới:

“Gối rom theo phận gối rom, có đâu dưới thấp mà trèo lên cao.”

Đạo ấy nơi thị trấn tôi ở, chị em ta cùng nhau thi đua học Anh văn rất đông, do các cô vẫn Mỹ dạy kèm vào buổi tối. Các em làm sở Mỹ cũng đi học, bọn học sinh như tôi cũng đi học, các nàng marie sên cũng đi học. Nói chung học miễn phí nên mọi người cùng học, nhà nhà cùng học. Các tên cố vấn trẻ rất lịch sự, đẹp trai tha hồ cho các cô ăn diện. Tôi rảnh quá chẳng biết làm gì, cũng có mặt trong đoàn người đó. Tôi vẫn sống những ngày tháng bình yên trong khi chờ đợi giấy gọi lên đường nhập ngũ. Hàng đêm tôi vẫn theo học Anh văn như tất cả mọi người. Vì có căn bản về văn phạm cũng như chịu khó học thêm nhiều danh từ, tôi là một học viên giỏi trong lớp. Có điều giọng đọc của tôi không được đúng lắm, tuy nhiên cũng đủ chiếm được cảm tình của nhiều người, trong đó có cô bạn gái cùng lớp.

Một lần sau khi tan học, tôi đang núp mưa dưới mái hiên trường, thì may mắn được người đẹp đến với chiếc dù căng rộng sẵn sàng mời tôi cùng về. Bất ngờ và sung sướng quá, tôi vội ép mình sát người nàng đi trong cơn mưa lát phát trông thật diễm phúc làm sao. Tôi chỉ còn biết cảm ơn nàng khi chia tay và hẹn gặp lại những ngày học hôm sau. Từ hôm đó ngày nào nàng cũng đợi tôi khi tan học, đi bên cạnh nhau nhưng chẳng biết nói năng gì, để rồi chia tay ai về nhà nấy, Nàng nhờ tôi cứ mỗi tuần hai lần về nhà nàng vào buổi trưa để kèm nàng học. Nàng đang theo học lớp Đệ Tam ban “A” của một trường tư thục, còn tôi đã là cậu Tú Toàn Phần, chuyện tình cứ thế kéo dài chẳng ai dám mở lời trước. Nàng rất dạn dĩ, nhiều lần

tìm đến nhà tôi để làm quen với các bà chị. Nhiều lúc tôi đang gánh nước từ giếng về nhà thì nàng xuất hiện, quá mắc cỡ tôi quăng đòn gánh chạy trốn mất biệt chẳng dám gặp nàng.

Nhận được giấy nhập trường vào tháng 11 quá trễ, nàng hẹn tôi cùng đi chuyến xe đò từ Lái Thiêu về Sài Gòn để cùng xem Ciné và luôn tiện tìm mua tặng tôi một ít đồ, trong đó có chiếc áo lạnh như ngầm hứa hẹn tương lai. Suốt hơn 2 tiếng đồng hồ trong rạp Đại Nam có máy lạnh, tôi chỉ dám cầm tay nàng một lần duy nhất, đó là lúc đèn sáng khi chấm dứt phim ra về, với lời nói áp úng:

- “Sao tay L. hôm nay lạnh quá.”

Từ nhỏ tới lớn chưa bao giờ tôi có dịp xa nhà, đây là lần đầu tiên trong cuộc đời tôi phải đi xa nhất. Hôm tiễn tôi tại phi trường Tân Sơn Nhất, mẹ và các chị tôi khóc thật nhiều, còn nàng thì cũng ứa lệ bảo tôi đến nơi nhớ viết thư về.

Trong thời gian Tân Khóa Sinh tôi có viết thư về thăm gia đình, nhưng chẳng có thư nào cho nàng vì sợ mấy ông niên trưởng phạt. Thế mà tôi cũng bị một lần lâm nạn trong thư đầu tiên nàng gửi cho tôi. Thôi thì trách tôi đủ thứ, thương nhớ tôi ghê gớm lắm, chỉ mong đến ngày gần Alpha để lên Đalat thăm tôi. Dĩ nhiên tôi bị phạt tội bởi vì đoạn tái bút của nàng “*Gửi về anh nhiều nụ hôn nồng cháy.*” Chuyện tình của tôi và nàng rồi cũng chẳng đi tới đâu khi tôi bắt gặp một hình bóng khác trong những ngày đi phố cuối tuần. Tôi thừa dần liên lạc với nàng, lần đầu tiên trong đời tôi đành làm kẻ phản bội. Còn nàng chắc hận tôi lắm, giống như tôi đã hận nhiều người. Ai trong chúng ta mà đã không từng hẹn hò, không từng yêu đương, nhưng có mấy người tìm được một tình yêu ngát hương.

Tôi cũng như bao người khác đã qua một thời vàng son của tuổi học trò, những ngày tháng yêu đương nhưng nhớ băng quơ. Những bài thơ tình tứ luôn có những chỗ đứng trang trọng trong những cuốn tập của mình. Những chuyện yêu đương thâm kín cứ giữ trong lòng để rồi mãi tương tư, tưởng

nhớ một hình bóng nào đó trong những giấc ngủ chập chờn về đêm. Hai câu thơ của một thi sĩ tài danh: “*Tình chỉ đẹp khi tình còn dang dở, đời mất vui khi đã vẹn câu thề*”, đã mãi mãi là niềm an ủi có giá trị cho những cuộc tình dở dang, không trọn vẹn. Tôi vẫn là tôi của thuở nào khi bước chân vào đời lính, và đã trở thành lính thứ thiệt trong một binh chủng hào hùng.

*“Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé Sông Mao phá phách chơi
Chia sót nỗi buồn cùng gái điếm
Đốt tiền mua vợ một ngày vui.
Ngày vui đời lính vô cùng ngắn.
Mặt trời thoáng đã ở phương Tây.”*

Thơ Bắc Sơn

Là những người lính xông pha nơi trận mạc, lớp lớp người đi lớp lớp đi. Ai trong chúng ta cũng đều có những ngày tháng kỷ niệm về những cuộc tình đã qua.

*“Nếu em không là người yêu của lính.
Ai sẽ đón Anh ngày dài hành quân,
Ai sẽ nhớ Anh đêm khuya lạnh lùng,
Và giữa chốn muôn trùng,
Ai kể chuyện đời lính em nghe?”*

Tôi cũng có những mối tình “Hỡi người em gái Trưng Vương ơi! Hỡi người em gái Gia Long ơi! Ước mơ chưa đẹp đôi”, của những ngày tháng hành quân giải vây địch tại Sài Gòn vào Tết Mậu Thân 1968. Nếu bài viết này là niềm vui gửi đến quý vị, tôi xin hẹn lại vào một bài viết khác với đề tài “Người yêu của lính”.

Kính chúc tất cả một năm mới An Khang, Thịnh Vượng, Hạnh Phúc, tài lộc dồi dào.

Ngày Xuân hoa lá xôn xao, bình minh đón chào.

Arlington Texas

*Đời Trai Lĩnh Chiến**

Nguyễn Trần (Hồ Lệ, K19)

Chiều buông đỉnh núi nhiều mây
Lều căng đời nhỏ nghe đầy nhớ nhung
Từ đây cách biệt ngàn trùng
Nắng mưa sương gió bạn cùng hiểm nguy.

*Hành quân theo dọc biên thù
Gian nan nào cản được gì bước chân
Dù cho thương tích đời lần
An nguy đất nước còn cần sức trai.*

Lũng xưa sương trắng trải dài
Quê hương chừ biết có ai trông chờ
Nhớ em dáng nhỏ ngây thơ
Quân hành khắp lối bao giờ gặp nhau.

*Đời trai mưa nắng dãi dầu
Sông hồ là bạn, rừng sâu là nhà
Miệt mài chinh chiến trường xa
Còn đâu những tối câu ca tiếng cười
Còn đâu dáng nhỏ vui tươi
Ngày đầu gặp gỡ trao lời yêu thương.*

Từ anh trở lại chiến trường
Hành trang tay súng mười phương đi hoài



Biển Đông rồi lại non Đoài
Lập lòe đom đóm mà soi dạ hành.
Thôi em tạo hóa đành hanh
Nhớ thương gửi gió về thành hôn em.

** Trích trong “Tình Yêu Trong Thời Chinh Chiến”*



Mắt Buồn

Lê Anh, K27

Mắt buồn xưa ở cuối trời
Cỏ thơm gọi nhớ nẻo đời dặm mơ
Từ lòng hẹn mãi bao giờ
Để rồi mới biết mộ chờ không vơi
Từng mùa lá lại vàng rơi
Chút duyên em đợi một thời xuân qua
Nghe quanh nhạc điệu tình ca
Tháng năm thêm quạnh vắng xa một người
Em còn cao vợi bên đời
Hồn thương dốc cũ hay nơi ngàn trùng
Em về trên lối thủy chung
Tiếng lòng như đã còn nhưng ngại ngần.



CHỜ ĐẾN BAO GIỜ, MỘT CỐ HƯƠNG!

Lê Văn Điền, K25

ÔNG GIÀ VĨNH XƯƠNG VÀ TRƯỜNG VBSQVN

Không biết bắt đầu từ khóa nào của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam mà cụ Vĩnh Xương lại tận tình chăm sóc việc ăn mặc cho nề nếp, gọn gàng của các SVSQ từ lúc tote Tân Khóa Sinh cho đến năm mang Alfa 3 gạch. Có lẽ các khóa sau này gắn bó hơn với cụ. Một cụ già gầy gò thường mặc chiếc áo len dài màu đen, lái chiếc xe Mobylette màu xanh da trời, đầu đội chiếc mũ nồi đen, bon bon trên đường của sân cỏ Trung Đoàn SVSQ và dừng lại tại một căn nhà nhỏ như nhà kho giữa hai Batiment EF và GH.

Cụ chưa kịp thở thì phải trả lời liên tục cho các SVSQ chờ cụ trước nhà kho, rằng giày tôi đã sửa xong chưa cụ, rằng bộ Treillis của tôi chừng nào có, rằng bộ jaspe cuối tuần này xong không cụ, vân vân.... và vân vân. Cụ Vĩnh Xương có biệt danh là Cụ Hen, Cụ Ngày Mai. Có một lần nhìn thấy cụ sắp đi về, tôi lật đật băng ngang sân cỏ trung đoàn từ đại đội D qua đại đội G và hỏi cụ:

- “Đôi giày của tôi xong chưa cụ?”

Cụ Vĩnh Xương không cần nhìn tôi là ai, khóa nào và trả

lời nhanh:

- “*Xin ông, cho mai.*”

Tôi nghĩ thầm trong bụng, lại một ngày mai không bao giờ có thật. Tội cho cụ, bây giờ ngồi ghi lại những dòng chữ này, xem như lời tưởng niệm về cụ.

Sau 1975, không biết cụ Vĩnh Xương ra sao, dù có oan khiên nào đi nữa, thì cá nhân tôi vẫn giữ sự kính trọng đối với cụ, đó có thể do lòng ơn nghĩa dành cho cụ đã phục vụ TVBQGVN nói chung và cho các SVSQ nói riêng.

Nói về TVBQGVN là mơ về một “*Ngày đó đã xa*”, không biết mãi đời sau có còn lưu lại dấu vết gì không, nhưng sự hiện hữu của trường đánh dấu một giai đoạn lịch sử Việt Nam cận đại vô cùng quý giá. TVBQGVN đã tạo được một thể đứng mang tầm vóc Đông- Nam-Á vào thập niên 1950-1960.

Những mẩu chuyện nhỏ mùa Tân Khóa Sinh đã trở thành một tuyển tập độc đáo không tìm được ở bất kỳ nơi đâu. Mãi đến 50 năm sau, các cựu SVSQ/ VB mỗi lần có dịp gặp nhau, vẫn kể vanh vách những lời quờ về một con người ở tuổi 20 không thể nào tin được. Kỷ niệm cuộc đời về những chàng trai “*Ra đi, mang theo Xuân tới*” cũng đã bắt đầu từ đó, và cũng đã chấm dứt tức tưởi ngày 30.04.1975 ngay chính trên quê hương mà mình bảo vệ.

Bây giờ thì xa rồi, thật sự đã xa. Những người trai trẻ năm xưa nay đã “ra đi” hoặc già nua theo thời gian, có nhớ chăng là một nụ cười cuối Thu.

CON ĐƯỜNG CHÍNH TRỊ

Đây là một con đường muôn ngã, nó có thể dẫn người, đi đến tột đỉnh vinh quang hoặc rơi xuống vực sâu ô nhục. Con đường chính trị đã từng biến bạn thành thù, đã từng thay đổi bản chất từ một kẻ thật thà thành một người gian dối. Đó là con đường chính trị. Đường chập chùng ngàn dặm, mây che mờ điếm đến, vẫn có người hăm hở ra đi. Nhiều người không

đủ nghị lực và bản lĩnh để đương đầu, thế mà vẫn lao đầu vào hẻm núi.

Chính trị là thủ đoạn, nhận xét này không oan khiên chút nào. Sau cuộc bầu cử tại Mỹ năm 2016 và 2020, tôi đã “trưởng thành” trong nhận thức của mình về một “chính trị gia”. Tại sao tôi đề cập đến nước Mỹ mà không phải một quốc gia nào khác. Đơn giản thôi. Khi còn là một sinh viên dân chính của miền Nam Việt Nam, tôi đã đọc về lịch sử lập quốc của Mỹ, và vô cùng ngưỡng mộ việc đối xử cao thượng của quân đội Miền Bắc đối với quân đội bại trận Miền Nam trong cuộc nội chiến 1861-1865. Có lẽ đó là tính cao thượng đầu tiên và cuối cùng trong lịch sử chiến tranh của nhân loại.

Chính trị gia của Mỹ đang dần mất bản chất cao thượng ấy. Quyền lực và quyền lợi đã biến đổi bản chất đầu tiên của họ. Rất tiếc, nhưng họ đã chọn lựa và coi chính trị là một cái nghề.

Điều đáng buồn nhưng không thể chọn lựa khác hơn khi VNCH phải lệ thuộc vào Mỹ. Chính quyền Mỹ thời bấy giờ đã dùng viện trợ (vũ khí + tài chánh) như cái vòng kim cô để khống chế và điều khiển VNCH. Tôi mang ơn dân Mỹ, những đồng đội Mỹ đã sát cánh và sống chết với quân đội Miền Nam trong các trận đánh. Nhưng, tôi không thể không uất hận khi chính quyền Mỹ đã thông đồng với Miền Bắc, trói chân quân đội Miền Nam vì quyền lợi chính trị của đảng phái tại Washington. Tôi đã nghe khá nhiều những mẩu chuyện của các biệt kích miền Nam trên đường mòn HCM và đã phần nộ đau đớn cho thân phận của một quân đội bị lệ thuộc. Chỉ mong sau này, dân Việt Nam hoặc bất cứ chính quyền nào của dân tộc Việt Nam, thể chế chính trị là do sự chọn lựa của các thế hệ.

Điều căn bản và duy nhất là hãy tự đứng trên đôi chân của mình, giảm thiểu tối đa sự lệ thuộc vào bất kỳ quốc gia nào, bất kỳ chế độ nào.

Lịch sử dân tộc VN đã minh chứng tinh thần quật cường

bảo vệ đất nước chống lại người phương Bắc trong suốt chiều dài lịch sử.

Nhiều người đang vang danh trong nghệ thuật và âm nhạc vẫn chưa cảm thấy hài lòng, nên đã len chân qua con đường chính trị. Để làm gì nếu không muốn tìm một chút quyền lực hoặc một chút ân sủng nào đó trong đảng phái cho dù phải đổi thành “họ Hứa”. Hứa cho qua mùa tranh cử vô tội vạ. Không thực hiện được lời hứa thì lại hứa tiếp, hẹn kỳ sau.

Tôi nhớ ngày còn học Đệ Tam, có ông thầy Sử Địa kể một chuyện như sau:

- “Một họa sĩ vẽ tranh về một chàng kỵ sĩ thời trung cổ. Ông ta đã nghiên cứu nhiều chiến phục, vũ khí trước khi bắt đầu họa phẩm. Sau khi hoàn tất, ông đem ra khu chợ đông người qua lại, mong tìm được lời bình phẩm. Ông núp vào phía sau của bức tranh để lắng nghe. Có một ông thợ đóng giày chuyên nghiệp, hiểu rõ nhiều loại giày của các kỵ sĩ, khi đi qua và dừng lại ngắm tranh. Ông thợ giày phê bình một vài điểm về đôi giày vẽ không đúng giày kỵ sĩ thời trung cổ. Ông họa sĩ chạy ra hỏi thợ giày về những điểm sai và đồng ý về sửa lại. Ông thợ giày có đủ tư cách để góp ý vì đó là lãnh vực nghề nghiệp của ông ta.

Sau khi sửa xong theo lời góp ý của ông thợ giày, ông họa sĩ lại đem ra chợ trưng bày và núp đằng sau để lắng nghe có còn ai phê bình góp ý nữa không. Chờ mãi chẳng thấy ai, lúc này họa sĩ an tâm mình đã vẽ đúng trang phục của kỵ sĩ trung cổ. Đang chuẩn bị dọn dẹp thì ông thợ giày lại xuất hiện. Ông thợ giày nhìn bức tranh và chú ý đến những điều mình góp ý hôm qua, nay đã được vẽ lại theo ý mình. Ông thợ giày khoái chí, hí hửng phê bình qua bộ giáp bào của kỵ sĩ. Lúc này thì ông họa sĩ hết chịu nổi, bèn nhảy ra chỉ vào mặt ông thợ giày mà phán rằng:

- “*Xin ông đừng đi ra ngoài lãnh vực giày dép của ông.*”

Ông thợ giày quē mặt lạnh lẽ bỏ đi một mạch. Cái hay và

sâu sắc của câu chuyện là đánh thức mọi người:

- *“Đừng nên bước vào lãnh vực không thuộc về mình. Nhớ đấy!”*

NGÓ XUỐNG VÀM NAO

“Ngó xuống Vàm Nao” là cụm từ ngữ nằm trong một bài ca dao, hoặc câu hò của ngư dân miền lục tỉnh. Như thế này:

*“Ở trên Châu Đốc, ngó xuống Vàm Nao
Thấy con cá đao, nó nhảy vào vô lưới
Anh ngòi, chắc lưới
Không biết chừng nào, mới cưới được em!*

Tôi không phải là dân Nam Bộ và cũng chưa bao giờ thăm viếng lục tỉnh Nam Kỳ,

Tôi chỉ đọc và xem các Youtube nói về miền Tây, miền Đông. Trong thời chiến tranh, tôi chỉ quanh quẩn học ở Sài Gòn, đến khi ra trường Võ Bị thì phục vụ ở tiểu đoàn pháo binh Sư Đoàn 22. Rồi tan hàng, tôi đắm chìm theo vận nước. Tôi ước mơ có ngày lang bạt miền lục tỉnh, ăn con cá trê vàng nướng chấm mắm gừng và nhìn các cô thôn nữ miền Tây khoan thai mái chèo dọc dòng kênh ngập đầy cây lục bình xanh biếc.

Tôi yêu và thương vô cùng dân tộc mình. Nhiều người vẫn còn rách rưới trên chiếc ghe cũ rích, mò từng con cua đồng, bắt từng con cá thòi lòi để mưu sinh. Thôn nữ đi chân đất hái rau muống mọc ven đìa để chuẩn bị bữa cơm chiều cho ông bà ngoại. Tình cờ xem một clip nói về Vàm Nao, nghe một giọng nữ đọc câu hò nêu trên, tôi vô cùng cảm xúc. Tôi tìm vào Google để xem Vàm Nao nơi đâu, thì ra đó là đoạn sông như một chữ H nối hai dòng sông Tiền và sông Hậu. Vàm Nao là đoạn sông lịch sử, nơi xảy ra các trận thủy chiến giữa quân Xiêm La, Nhà Tây Sơn và Triều Nguyễn(1883).

Lịch sử Vàm Nao là như thế. Ở đây, tôi chỉ muốn nói về câu ca dao của người dân Vàm Nao-An Giang, rất bình dân,

mộc mạc. “*Thấy con cá đao, nó nhảy vào vô lưới. Anh ngồi chắc lưới...*”

Tuyệt! Văn chương bình dân là thế, không cầu kỳ, đờm dáng như văn chương bác học. Nghĩ sao, nói vậy người ơi! Dân trường giả, học thức chắc sẽ viết thế này:

“*Có con cá đao, vẫy vùng tung lưới. Anh ngồi tiếc rẻ, chẳng biết bao giờ mới cưới được em!*”

Dân khoa bảng đâu dám dùng chữ “*chắc lưới*” nghe chẳng sạch sẽ chút nào.

Văn chương bình dân hay bác học đều có giá trị trong lãnh vực của nó, không thể phê bình và kỳ thị được. Đó chính là bản sắc của dân tộc Việt Nam. Xa quê hương, nhiều người sẽ không thèm một bữa tiệc thịnh soạn mà lại mơ về nét mộc mạc của đồng quê, ruộng lúa.

Thường thức con cá lóc nướng trui hoặc con cá rô mè kho tiêu và nhìn chiếc nón lá nghiêng vành che mái tóc đuôi tôm.

Trước khi thoát ra khỏi tiểu mục này, tôi mỉm cười đọc lại câu ca, mà cảm thấy chạnh lòng:

“*Ở trên Châu Đốc, ngó xuống Vàm Nao.
Thấy con cá đao, nó nhảy vào vô lưới,
Anh ngồi, chắc lưới,
Không biết chừng nào, mới cưới được em!*”

LÒNG NHÂN BẢN

Trong tháng 11, 2021 này, tại Australia đài truyền hình sắc tộc SBS (*Special Broadcasting Service*) đã phát hình phim truyện *The Pianist* (nghệ sĩ dương cầm) phụ đề Anh ngữ của đạo diễn Roman Polanski và diễn viên chính là tài tử Andrien Brody. Phim được thực hiện dựa theo quyển hồi ký của một nghệ sĩ dương cầm người Do Thái mang quốc tịch Ba Lan. Đó chính là Szpilman, với nội dung kể lại cuộc vượt thoát và sống sót của chính bản thân anh khỏi sự truy diệt của Đức Quốc Xã trong Đệ Nhị Thế Chiến (1939-1945) tại Ba Lan.

Phim không nêu quá nhiều những cảnh bom đạn tàn phá của chiến tranh, những đổ nát của thành phố, nỗi đói khổ của người dân, nỗi cơ cực của con người trong tuyết lạnh, sự chia tay đẫm lệ chào biệt người thân trên những chiếc quân xa đưa họ vào trại tập trung...

Nếu tất cả những gì nêu trên có được ghi hình trong phim, thì tất cả chỉ là hậu trường cho một cuộc vượt thoát của một người dân bình thường phải đương đầu để tìm cho bản thân mình một sự tồn tại.

Người ta thường nghĩ rằng, chiến tranh là hủy diệt. Sức tàn phá của vũ khí và bom đạn sẽ xóa hết những giá trị và ý chí của con người. Vũ lực là sức mạnh duy nhất để chiếm hữu và thống trị. Nhưng không hẳn như thế. Hãy còn một sức mạnh vô hình khác đã hóa giải tất cả. Đó chính là tình yêu, sự luyện lưu về một quê hương ấp đầy kỷ niệm, một thứ vang vọng của âm thanh và ngôn ngữ, của âm nhạc và nỗi đam mê. Và điểm then chốt này chính là nét nổi bật của phim *The Pianist*.

Vào một ngày định mệnh, anh chàng nghệ sĩ dương cầm Szpilman đang lẩn trốn trong một góc lầu của căn biệt thự đồ nát, chợt nghe vang lên tiếng dương cầm réo rắt vọng lên từ tầng dưới nhà, anh đã len lén tìm đến căn phòng phát ra tiếng dương cầm. Trước mắt anh là hình ảnh một sĩ quan Đức đang dạo tấu khúc *Moonlight Sonata* nổi tiếng của nhà soạn nhạc cổ điển người Đức tên Beethoven. Thì ra, trong thời gian anh lẩn trốn trong căn gác nhỏ ở nóc nhà, thì một đơn vị quân Đức đã di chuyển đến căn biệt thự này làm bộ chỉ huy tiền phương nhằm đối đầu với quân đội Nga đang vượt tuyến vào giải phóng Ba Lan. Căn biệt thự trước đây là của một gia đình người Ba Lan giàu có, thích âm nhạc nên họ đã để lại nơi đây, một chiếc piano quý giá.

Vị sĩ quan Đức có tên là Hosenfeld. Có lẽ, trước khi tham gia vào Đức Quốc Xã, Hosenfeld là một người trong tầng lớp giàu có, nên đã rất đam mê nhạc cổ điển. Theo cảm nghĩ của

riêng tôi, khoảnh khắc này, mới chính là giá trị đỉnh thực của phim *The Pianist*.

Cuối cùng thì Szpilman (nghệ sĩ dương cầm Ba Lan) bị anh chàng sĩ quan Đức phát giác. Hosenfeld nghi ngờ Szpilman là gián điệp của tổ chức kháng chiến Ba Lan. Szpilman trình bày với vị sĩ quan Đức, tất cả sự thật về cuộc trốn chạy của mình và cũng cho biết mình chỉ là một nghệ sĩ dương cầm của đài phát thanh Ba Lan trước đây. Hosenfeld quan sát Szpilman với vẻ đầy ngờ vực. Cuối cùng, viên sĩ quan Đức dẫn Szpilman đến bên chiếc piano và nói:



*Một mẫu quảng cáo của phim
The pianist.*

–"Play something."

Chàng nghệ sĩ dương cầm Szpilman trong bộ quần áo sơ bản, râu tóc bờm sờm lếch thếch đứng nhìn chiếc piano với đôi mắt trù mến như gặp lại người thân. Anh kéo ghế ngồi xuống, im lặng vì chính anh nghĩ rằng, có thể đây chính là lần cuối cùng trong cuộc đời đánh đàn piano của mình. Sĩ quan Đức sẽ bắn anh như một kẻ thù hay một tên gián điệp ngay sau khi anh chấm dứt bản nhạc.

Sĩ quan Đức Hosenfeld cởi áo khoác, đặt chiếc mũ và áo trên piano và ngồi xuống ghé bên cạnh nhìn Szpilman quan sát. Szpilman nhắm mắt, hai bàn tay xoa bóp nhau để tất cả con người của Szpilman cùng đi vào một tấu khúc dương cầm định mệnh. Bất chợt, những ngón tay gầy guộc đói rách, kham khổ bỗng lướt thoăn thoắt trên phím đàn, phát ra âm thanh vừa đầy ma lực, vừa thiết tha, vừa thể hiện ý chí kiên cường

của một người yêu nước, yêu quê hương với tấu khúc của Chopin, một nhà soạn nhạc thiên tài mang tâm hồn yêu quê hương Ba Lan của ông. Âm nhạc của Chopin là niềm tự hào của dân tộc Ba Lan, cũng như âm nhạc của Beethoven là niềm tự hào của dân tộc Đức.

Hosenfeld (sĩ quan Đức), im lặng với nét mặt đầy thương thức. Đây là lúc ranh giới địch- thù không còn nữa. Sự cảm nhận và cảm thông về tình yêu nước của họ đã hóa giải tất cả. Hosenfeld có quyền yêu mến quê hương Đức Quốc của mình, thì Szpilman cũng có lý do để hãnh diện về âm nhạc và tình yêu nước của dân tộc Ba Lan.

Hosenfeld đứng lên và nói với Szpilman là anh ta sẽ mang thức ăn đến cho anh, hãy trốn cẩn thận, đừng để người khác phát giác. Hosenfeld mang đến cho Szpilman bánh mì, pho mát và thức uống. Một thời gian ngắn trôi qua, cho đến ngày Hosenfeld mang đến cho Szpilman khá nhiều thức ăn, cởi chiếc áo khoác choàng lên vai Szpilman để chống lại cơn giá lạnh của mùa Đông và nói:

- “Ráng cẩn thận một hai tuần, chúng tôi sẽ triệt thoái khỏi nơi đây vì quân Nga đang vượt sông, tấn công chúng tôi.”

Hosenfeld do dự đôi lần, cuối cùng nhìn Szpilman đầy thương cảm và bước ra đi mãi mãi.

Thế chiến thứ hai chấm dứt, Ba Lan được giải phóng khỏi Đức Quốc Xã. Nghệ sĩ dương cầm Szpilman trở về phục vụ ở đài phát thanh Ba Lan. Trong tận cùng tâm tưởng của người nghệ sĩ dương cầm có hình bóng của Hosenfeld, người sĩ quan trẻ tuổi Đức đã cứu vớt anh, phát xuất từ một thứ “ngôn ngữ” mà chỉ có lòng nhân bản, dù thật ngắn ngủi, cũng đã nói lên trong tận cùng tâm hồn của một con người còn chút lương tâm.

Australia



Thăm Chồng Tại Trại Tân Lập

Bích Lan, K19/1

*“Thương anh mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội
mấy đèo cũng qua.”*

Đường Sài Gòn - Hà Nội dài hơn 1700 km, có mấy núi, mấy sông, ngàn vạn cái đèo cũng không ngăn được bước chân những chinh phụ đi tìm chinh phu trong ngục tù của VC. Năm 1979, tôi từ Nam ra Bắc lần đầu tiên, xuống ga Hà Nội, tới bến xe Kim Liên để về Ninh Bình, quê chồng, nơi mà năm 1954 khi đình chiến anh mới được 12 tuổi mà đã một mình dám theo các cô chú họ hàng vào Nam, xa lìa cha mẹ anh em. Hơn 20 năm sau, anh trở về quê hương đất Bắc tay trong cùm, chân mang xích. Tôi đến Ninh Bình để đón mẹ chồng cùng lên thăm chồng tôi ở trại Tân Lập, vì bố mẹ chồng tôi đã thăm anh mấy tháng trước và đã biết được trại tù này.

Thân gái dặm trường nên khi xuống ga Hà Nội, tôi nhìn quanh để tìm bạn đồng hành. Tất cả lem luốc như có gì mặc nấy, thanh niên, thiếu nữ, ông già, bà lão v.v.. mặc giống nhau, cùng một màu, màu “bộ đội” với dép râu, nón cối, xe đạp. Tôi thoáng trông thấy một chị y phục tươm tất nổi bật trong đám đông ấy và có lẽ chị cũng cùng tâm trạng, cùng hoàn cảnh như tôi khiến chúng tôi tiên gần lại nhau. Chúng tôi là những chinh phụ đi tìm chồng giữa chốn “hỗn quân”. Đám đông nhìn

chúng tôi, người Hà Nội nhìn chúng tôi với thái độ vô tình cảm, chỉ trở, soi mói, thì thảo với nhau, họ biết chúng tôi là người từ miền Nam, người Sài Gòn, “vợ ngụ”. Chúng tôi đứng với nhau một lúc cảm thấy mình không lẻ loi. Chị bạn có thân nhân ở Hà Nội đón, tôi lại cô đơn, một mình.

Ở bến xe Kim Liên, những đứa nhỏ bằng tuổi con tôi, từ 7 tới 10 tuổi, liú lo chen chúc quanh tôi nghe rất là dễ thương. Tôi đã nép mình sang một bên đường và nhường lối cho chúng đi qua nhưng vẫn bị chen lấn. Mấy phút sau chúng tản mát đâu hết, tôi chưa kịp hỏi han các em lời nào. Thấy các em, tôi nhớ đến con tôi, mới đi có mấy ngày mà nhớ con quá. Các con còn nhắc mẹ là nhớ hôn bố thay các con.

Tôi nhìn lại túi xách tay nhỏ, chết rồi! Tiền bạc và giấy tờ của tôi đã mất! Không lẽ những trẻ thơ chỉ bằng con mình đã lấy của mình rồi chẳng? Nhưng ngoài các em ra, có ai chen lấn gì tôi đâu. Tôi đã mất đồ thật rồi! Trong cảnh bơ vơ, lần đầu tiên về quê chồng nơi xứ Bắc này tôi phải làm gì đây? Tôi vào đồn công an bến xe Kim Liên để khai báo. Mấy người công an tiếp tôi hồ hững như chẳng có chuyện gì quan trọng, như là chuyện thường ngày. Một người đưa cho tôi tờ giấy và cây viết, cộc lốc:

- Khai đi.

Mấy phút sau, tôi nộp lại tờ khai mất giấy tờ, tiền bạc và quan trọng nhất là giấy xin thăm nuôi, tên công an vừa đưa tờ giấy và cây viết cho tôi trước đó 15 phút quát:

- Tôi bảo chị mất cắp gì thì khai vào tờ giấy này. Còn lời thôi gì nữa không?

- “Tôi khai rồi đây này.” Tôi trả lời.

Hắn cầm tờ giấy lật qua lật lại, nhìn tôi chằm chằm, trong khi mấy tên ngồi gần đó và cả mấy tên đứng quanh đó trở mắt nhìn tôi. Một tên nào đó thốt lên:

- Nhanh thế!

Tôi không quan tâm tới gì họ nói, họ muốn “khai” bao nhiêu tôi “khai” cho họ là xong; nhưng trước mắt, không giấỵ tờ tiền bạc làm sao tôi về đến quê chồng và còn vào trại tù thăm chồng trong lúc khó khăn này!

Tôi đứng chờ vợ lẻ loi trong đám đông hỗn độn và hỗn hào trong bến xe, cùng tắc biển, tôi hỏi thăm đạị một người trên đường về quê chồng. Trời thương, may gặp được người cùng làng của cha mẹ chồng, vài lời thăm hỏi, và biết hoàn cảnh của tôi, bác đã nhận lời giúp trả tiền xe và đưa tôi về nhà cha mẹ chồng. Bác an ủi tôi, bác bảo:

- “Bác là người cùng làng, cùng họ hàng nên cháu đừng sợ.”

Tôi cảm thấy bớt cô đơn.

Ngồi trong cái xe cũ kỹ về Ninh Bình, đến một làng có ngôi thánh đường khá lớn, xa xa có dãy núi, trên đỉnh núi thật cao ấy có cây thánh giá sừng sững giữa trời. Làng của chồng tôi đây sao? Lấỵ chồng năm 20 tuổi tôi đã theo đạo của chồng. Trước khi vào nhà cha mẹ chồng, đi ngang qua ngôi thánh đường. tôi đã cầu xin Chúa cho được gặp chồng và xin cho anh được bằng an.

Xuống xe đầu làng, thấy một thanh niên đi tới, không chờ họ nói mà tôi hỏi trước:

- Này, em có phải là em của anh Chiến không?
- Sao chị biết? Cậu ta ngăn người ra và hỏi lại tôi.
- Chị là chị Chiến đây, trông em giống anh ấy quá

Chú ấy chở hai giỏ quà sau xe, tôi đi bộ theo. Trên đường vào làng mọi người túa ra thăm hỏi. Những đứa trẻ miệng trâm trồ, có đứa còn nói lời chào “chào chị Chiến”. Trẻ con ở đây lễ phép hơn. Cha mẹ chồng tôi đã vào Nam thăm mẹ con tôi năm 1977 nên tôi cũng không xa lạ với ông bà, tôi được sống trong những giây phút ấm áp đó.

Qua một đêm ở nhà cha mẹ chồng; họ hàng, dân làng đến

thăm hỏi, họ cũng muốn tìm hiểu đời sống của người miền Nam. Khách đây nhà. Một người nói rằng hồi nhỏ học cùng lớp với chồng tôi, thấy tôi người Huế, nói với tôi:

- Nay chị Chiến, năm 1973 đơn vị tôi bao vây một cái đồn ở Huế, nghe tin Chiến ở trong đó nên tôi rút quân không đánh nữa.

Thoáng nghĩ, “lại có mấy cái máy lạnh đặt ở công viên” nữa rồi, tôi trả lời anh:

- Ông xã tôi chỉ ở miền Nam, không có ở Huế.

Sáng hôm sau mẹ chồng tôi và tôi lại lên Hà Nội, đi xe lửa chợ từ Hà Nội lên Yên Bái, xuống ga Âm Thượng, tàu chở người và súc vật chung, người và vật chen chúc hôi hám. Tôi và mẹ tôi không có chỗ ngồi vì phần đông là bộ đội, họ đã chiếm hết chỗ rồi. Họ nói chuyện như cãi lộn, hò hét, chửi thề, văng tục, chẳng biết nhường chỗ cho người già và phụ nữ. Tôi và mẹ tôi phải vịn thanh sắt, chân kẹp chặt giữ máy giở đồ, đứng liên tục gần 10 tiếng đồng hồ từ 5 giờ chiều tới hơn 3 giờ sáng mới tới ga Âm Thượng. Trong khi đó họ ngồi, họ chiếm cả chỗ để cho con heo con chó của họ.

Trong toa tàu ánh đèn lò mờ, con tàu lắc lư, một tên bộ đội thừa cơ tranh sáng tranh tối, đưa tay sờ ngực tôi. Mẹ tôi đứng cạnh tôi trông thấy bà la lên:

- Ấy, ấy, đó là con dâu tôi đấy. Nó có chồng 3 con rồi đấy, mấy chú ơi.

Mặc cho bà la, chúng cười nham nhở và còn bảo:

- Thế à!

Khốn nạn, một xã hội man rợ, cả xã hội mặc một màu mọi rợ, “màu bộ đội”, đầu đội nón cối, chân đi dép râu, cười nói khả ó, toa tàu chất đầy những thú vật.

Tôi nói mẹ đừng la nữa, tàu sắp đến ga rồi, coi chừng mấy giỏ quà giúp con.

Mẹ con tôi xuống ga Âm Thượng và phải nằm chờ tới sáng, ga trống vắng lạnh lẽo, lại phải ở chung với chó, lợn, gà. Trời đêm mưa phùn, gió rét, tôi nghe tin hôm qua có một anh tù “cải tạo” bị chết đuối.

Bàng hoàng, xúc động, tôi ôm mẹ và khóc. Mẹ chồng tôi sau hơn ¼ thế kỷ mới gặp con, có biết bao điều để nói, nhưng cái niều nhượng trước mắt cũng chỉ biết cầu xin:

- “Cầu cho tất cả được bình yên trở về. Ngủ đi con, ngày mai còn phải đi đò rồi đi bộ mười mấy cây số vào trại. N ngủ đi con!”

Từ ga Âm Thượng vào trại Tân Lập phải đi đò ngang qua sông Hồng nước chảy xiết, con đò mong manh xuôi theo giây cáp, trông tránh như sắp bị cuốn trôi đi theo dòng nước. Lên đò lại phải đi bộ gần 20 cây số đường rừng, bùn đất gập gềnh. Mẹ tôi thấy tôi đi không nổi nên cứ dành gánh những gói quà. Vào tới trại thì đã xế chiều, trình giấy tờ, lại phải ngủ qua đêm trong khí hậu núi rừng lạnh thấu tim gan để qua ngày hôm sau mới được gặp anh! Lại một đêm trần trọc, đêm đầy tiếng keng. Mỗi lần nghe tiếng keng từ trong trại dội ra là tôi lại ôm mẹ, nghĩ tới anh qua hình ảnh các bạn anh mà tôi đã thấy trên đường vào trại, các anh cũng đã vui mừng khi nhìn thấy chúng tôi nhưng không còn vóc dáng ngày nào, an phận! Chịu đựng! Vậy là hết rồi sao!

* * *

Sau 15 phút ngồi đối diện với chồng, có mẹ chồng bên cạnh, tôi chẳng nói được gì với anh cả. Chúng tôi chỉ mới nói chuyện gia đình mạnh khỏe, con cái học hành là đã hết 15 phút! Chỉ muốn nắm tay anh mà cũng chẳng được vì tên cán bộ ngồi đầu bàn cứ chăm chăm nhắc nhở “anh chị phải giữ nếp sống văn hóa”! Văn hóa gì đây hồi trời?

Chồng tôi nhận quà, tôi chỉ dặn được vài câu anh cố gắng giữ sức khỏe thể nào cũng có ngày đoàn tụ, còn chồng tôi thì nói em cố gắng lo cho các con, đừng lo cho anh.

Chồng tôi lại phải vào trại, anh đi được vài bước, quay lại, bước đi, ngoái cổ lại phía sau. Lòng tôi bối rối, đau như cắt, thỉnh thoảng gọi to:

- Anh!

Chồng tôi dừng lại, tôi chạy thật nhanh, ôm chầm lấy chồng và hôn anh, hôn lấy hôn để. Tên cán bộ nhìn thấy thế, ú ớ:

- Ở cái anh chị kia, nhớ giữ gìn nếp sống văn hóa chứ.

Mấy người tù trẻ, có lẽ là tù hình sự, đứng vỗ tay như là ở cái xã hội Bắc Kỳ này chuyện vợ chồng hôn nhau chỉ có trong phim. Mặc cái gì là văn hóa, cái gì là nội qui, nhớ chồng quá, ai nói gì mặc kệ, bao năm xa cách, đi từ Nam ra Bắc cũng chẳng được cầm tay mà chỉ ngồi nhìn nhau 15 phút thôi sao! Tình người và tình vợ chồng ở nơi đây cũng trở thành gỗ đá ư!

Cái hôn đầu tiên, ngày nào ấy năm 1968, anh đã ôm hôn tôi sau bánh xe jeep, còn tôi chỉ biết chịu trận, run rẩy. Ngược lại, hôm nay trong hoàn cảnh éo le này, chồng tôi chỉ như khúc cây để cho tôi sờ mặt, hôn anh trong một phút bất thần vì nhớ nhung. Không biết khi vào trại anh có bị hình phạt gì không? Sau này, những khi ôn lại chuyện thăm chồng, vợ chồng tôi đã đùa với nhau là hai cái hôn sấm sét. Anh có biết trải bao đoạn đường từ Nam ra Bắc mới được nhìn người yêu, mới được ôm vội vàng nửa phần đời trong tích tắc mà mấy tên cán bộ đang xỉ vả mình đây này.

- Nhưng em quyết đi thăm anh, tìm anh, và em đã được gặp anh.

Dù vất vả, mọi gian nan đã xảy ra trên đường đến thăm anh, dù đã vượt quá sức chịu đựng của em, nhưng em đã mãn nguyện là anh còn sống, và em đã được ôm và được hôn anh dù chỉ trong phút giây. Trên đường trở về, lâu lâu mẹ chồng tôi lại ôm vai tôi, nhìn tôi và mỉm cười./.

Hồi Ký:

Du Học Hoa Kỳ 71-72.

Trần Xuân Hiền, Văn Hóa Vụ

Tình hình chính trị biến chuyển, hòa đàm đang họp ở Paris, quân đội Hoa Kỳ sắp rời VN, quân lực VNCH sắp đảm nhận thêm nhiệm vụ nặng nề, VBQG đang chuyển hướng, chương trình huấn luyện SVSQ được nâng lên bốn năm để đào tạo một thế hệ sĩ quan vừa có khả năng quân sự, vừa có khả năng văn hóa và kỹ thuật chuyên môn để đáp ứng tình thế mới của đất nước.

Tôi cũng như một số sĩ quan VBQG được gửi du học Hoa Kỳ để lấy văn bằng Master. Sau một khóa học Anh ngữ ở Sài Gòn, tôi chờ ngày lên đường. Mọi thủ tục ghi tên đại học và nội trú đại học đều do cơ quan USAID đảm nhận.

Trước khi rời quân trường, tôi được lệnh trình diện Bộ Chỉ Huy để được Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ, Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN ban huấn thị. Lần đầu tiên được trình diện Thiếu Tướng Chỉ Huy Trưởng, tôi không khỏi khóps. Ông to lớn, uy phong lẫm liệt. Sau đôi lời hỏi thăm, ông nói vắn tắt:

- “Trung úy được quân trường gửi đi du học thì cố gắng giữ quân kỷ và học chóng để về phục vụ quân trường.”

Rời Bộ Chỉ Huy, tôi tự nhiên cảm thấy như có quả tạ

ngàn cân đè nặng trên người, bởi vì tôi học ngành Speech Communication mà Anh ngữ của tôi còn khiêm nhường, lỡ theo học không kịp bị gọi về nước thì mặt mũi nào dám gặp lại vợ con và bạn bè. Nhưng rồi mộng phiêu lưu và những chân trời xa lạ lôi cuốn, tôi gác bỏ niềm lo âu và hăng hái lên đường.

Tôi được Đại Học Georgia thu nhận nhập học vào tháng 6/71. Vợ con tôi đưa tiễn ở phi trường Tân Sơn Nhất. Vì hưởng học bổng quân đội MAP (Military Assistance Program) tôi đi chung chuyến máy bay với quân nhân Hoa Kỳ hồi hương. Tôi mặc lễ phục mùa Hè, hai cầu vai mang cấp bậc trung úy với hai hoa mai vàng chói cùng với dây biểu chương, và ngực gắn 3 chiếc huy chương: Chương Mỹ Bội Tinh, Huân Vụ Bội Tinh, và Chiến Dịch Bội Tinh. Tôi không khỏi cảm thấy chút tự hào.



Tôi ngồi cạnh một anh binh nhì Mỹ non chọt. Anh ta thân mật chào hỏi:

- “Hồi nãy tôi thấy vợ con anh ở phòng khách.”
- “Anh đã có bạn gái chưa?” Tôi vui vẻ hỏi lại.
- “Dạ có rồi,”

Anh ta trả lời bằng tiếng Việt trước sự ngạc nhiên của tôi, giọng phát âm không dấu như đa số người ngoại quốc vừa loay hoay rút chiếc ví ở túi quần, rồi mở ra khoe với tôi tấm hình đen trắng một cô gái VN khoảng 18 tuổi, nét mặt bình dị trong chiếc áo chemise trắng và chiếc quần đen.

- “Anh gặp bạn gái ở đâu?”
- “Dạ ở Pleiku.” Anh trở lại nói tiếng Anh, “Tôi đóng quân ở Pleiku, hàng ngày bạn gái tôi đến lãnh giặt áo quần. Bạn gái

tôi không biết tiếng Anh và tôi cũng không đọc được tiếng Việt, mỗi lần nhận được thư ai thì nhờ tôi đọc. Tuy tôi không hiểu nhưng tôi đánh vần được. Tôi về Mỹ giải ngũ và sẽ xin trở lại làm việc sở USAID trong một thời gian để dồn tiền, rồi sẽ đưa bạn gái đi du lịch, trước khi trở về sống ở Hoa Kỳ.”

Tôi nghĩ thầm đây là một tâm hồn VN đầu thai nhằm làm người da trắng.

Chiếc phi cơ 707 cất cánh ở phi trường Tân Sơn Nhất lúc 10 giờ sáng, bay ngang Thái Bình Dương, chỉ ghé 2 nơi là Yokohama, Nhật Bản, và Fairbank - Alaska, rồi đáp xuống phi trường quân sự Travis Airbase, California vào 8 giờ tối hôm sau. Tôi ngủ tại nhà sĩ quan vắng lai trong phi trường.

Trước khi rời Sài Gòn, tôi được USAID phát cho một tập hồ sơ gồm vé máy bay, xe bus, chèque chi tiêu và một lịch trình ghi từng ngày từng giờ khi đến Mỹ. Suốt một ngày ngủ gà, ngủ gật trên máy bay nên tôi ngủ mê man, khi choàng thức dậy thì đã hơn 10 giờ sáng. Giật mình vì trễ chuyến xe bus ra sân bay rồi, tôi hoảng hốt đến quầy hỏi cô tiếp đãi viên phải làm thế nào bây giờ. Khi nhìn vé xe bus cô nói hôm này còn sớm một ngày, thì ra đồng hồ ở Mỹ đi sau Sài Gòn 24 tiếng. Tôi mừng rỡ và mắc cỡ, vì mình bị hớ như anh chàng đi du lịch vòng quanh thế giới trong 80 ngày của nhà văn Jules Verne. Tuy nhiên tôi vẫn yêu cầu cô đánh thức dùm tôi vào 6 giờ sáng ngày mai. Hôm sau vì quá lo lắng, tôi đã dậy trước khi người phục vụ đã đến gõ cửa.

Sáng hôm sau chiếc Greyhound bus đưa tôi ra phi trường San Francisco, qua những con con đường tuyệt đẹp, một bên là những vườn cam trĩu quả vàng ói, một bên là vịnh San Francisco bao phủ sương mù, xe chạy qua chiếc cầu treo Goldengate vĩ đại. Phi trường San Francisco to lớn, cao hai, ba tầng với vô số cửa khởi hành, máy bay đậu sát, hành khách lên máy bay bằng đi trong những chiếc hành lang nối liền với máy bay. Vào nội địa, tôi đến Washington D.C trên chiếc máy bay

723 của hãng TWA. Tại phi trường Foster Dulles kiến trúc rất tân kỳ, tôi được một bà trong Hội Phụ Nữ Chí Nguyễn đón và gọi Taxi dùm. Tôi ngụ tại Hotel President giữa trung tâm thủ đô. Một người porter chạy ra xách valise. Đây là lần đầu tiên tôi đóng vai du khách tặng tiền tipping.

Tôi qua sớm bốn tuần trước ngày nhập học, nên có dịp may được hướng dẫn thăm viếng một số cơ sở và đền đài thủ đô Hoa Kỳ, như tòa Bạch Ốc. Tòa nhà này trông không lớn hơn Dinh Độc Lập Sài Gòn. Du khách được vào thăm viếng tầng chính, chẳng có lính canh gác nghiêm ngặt như các nước có chiến tranh, chỉ có một cảnh sát đứng ở cổng nhỏ dành cho du khách, và một cảnh sát khác ở phòng tiếp khách giữ dùm máy hình, hay áo choàng. Hôm sau chúng tôi được thăm viếng các nơi khác như Quốc Hội trên đồi Capitol, Congress Library (Thư Viện Quốc Hội), Tối Cao Pháp Viện, nhà đức tiền, đền kỷ niệm Abraham Lincoln, ngôi nhà của Tổng Thống Washington ở Mt Vermont.

Tháp Obelisk xây bằng đá cẩm thạch trắng cao vút trên vòm trời xanh thủ đô gọi là Washington Memorial, ở trong lòng có cầu thang máy lên tận đỉnh, du khách có thể nhìn bao quát thủ đô Hoa Kỳ. Quảng trường Mall là nơi tập nập du khách đến viếng thăm những viện bảo tàng và phòng triển lãm gần đây, như viện Bảo Tàng Lịch Sử, phòng triển lãm nghệ thuật, viện Smithsonian... Và một danh thắng để lại một xúc động sâu xa trong lòng tôi là Nghĩa Trang Quốc gia Arlington. Đó là một ngọn đồi thoải thoải rộng lớn, nơi an nghỉ hàng ngàn tử sĩ, trên mỗi nấm mồ có cắm chiếc thánh giá và lá cờ Hoa kỳ nhỏ xíu. Ngôi mộ chiến sĩ vô danh bằng cẩm thạch đen, luôn luôn có hai Thủy Quân Lục Chiến vác súng đi lại oai nghiêm, bên cạnh là ngôi mộ của Tổng thống Kennedy lát bằng đá hoa cương đơn giản với ngọn lửa thiêng bất diệt.

Tôi nhớ lại Sài Gòn cũng có Nghĩa Trang Quân Đội, cạnh xa lộ Biên Hòa với bức tượng Thương Tiếc gây cho du khách một nỗi xúc động sâu xa. Tôi có dịp gặp anh Nguyễn Thanh

Thu, nhà điêu khắc pho tượng này ở trại “học tập” Trảng Lớn, Tây Ninh. Anh nói lần đổ khuôn thứ nhất thất bại, lần thứ nhì phải khẩn vái anh linh các chiến sĩ mới thành công. Pho tượng kích thước rất lớn, anh nói cái bi đông (bình nước uống) có thể chứa một người nằm co thì đủ rõ bức tượng cao chừng nào. Người mẫu là một quân nhân có thật, anh này bỏ mình một thời gian sau đó. Có người nói anh đã lột xác để nhập vào bức tượng; còn dân chúng trong vùng nói vào những đêm trời mưa gió âm u, bức tượng chảy nước mắt. Sài Gòn mất và bức tượng không còn nữa.

Sau gần một tháng ở thủ đô Hoa Kỳ, tôi về Đại Học Georgia thuộc thành phố Athens. Máy bay đổ xuống phi trường Atlanta, từ đây tôi đi xe Greyhound bus về Athens mất 2 tiếng. Thành phố Athens nhỏ, một đôi nơi còn sót lại vài ngôi nhà cổ thời nội chiến Nam Bắc với hàng cột vôi trắng đàng trước như ngôi nhà trong phim Gone With The Wind (Cuốn Theo Chiều Gió), khí hậu ẩm áp, một năm chỉ có vài ngày tuyết rơi.

Đại Học Georgia là một đại học lớn của tiểu bang Georgia lập ra từ đầu thế kỷ 19. Khu campus rộng lớn có xe bus riêng để giúp sinh viên di chuyển kịp giờ đến các lớp học ở xa. Trong campus (khuôn viên của trường) có nhiều dãy lầu dormitories (ký túc xá), sinh viên năm thứ nhất bắt buộc phải sống trong campus để làm quen tập tục đại học. Tôi ở tầng 6 một dormitory tân thời mới cất cao 10 tầng giống như khách sạn Caravelle ở đường Tự Do, Sài Gòn và chia phòng với một sinh viên Mỹ theo lời yêu cầu của tôi hỏi còn ở Việt Nam để tra dồi thêm Anh ngữ.



Một lớp học của sinh viên sĩ quan.

Anh ta là một giáo sư đi học vào mùa Hè để lấy bằng Master. Bạn gái của anh là nữ thư ký ở Fort Benning hàng ngày tiếp xúc với sĩ quan VNCH đang thụ huấn ở đó, nên tôi chẳng còn xa lạ đối với anh.

Đạo đó, phong trào phản chiến đã lắng dịu vì cuộc hòa đàm đang họp ở Paris, tuy nhiên chúng tôi được khuyên nên tránh xa những nơi tụ tập đông đảo và các ông già bà lão. Một hôm tôi vào cửa hàng hớt tóc, ông phó cạo già hỏi tôi người nước nào. Khi hay tôi người VN ông hỏi ngay một câu khiêu khích:

- “Chiến tranh VN là vấn đề nội bộ của các anh. Tại sao thanh niên Hoa kỳ sang đó chiến đấu? Thế anh làm gì ở đây?”

Chẳng chút suy nghĩ, tôi trả lời ngay:

- “Đây không phải lần đầu tiên quân đội Hoa Kỳ được gửi ra ngoại quốc để bảo vệ thế giới tự do. Đó là một nhiệm vụ và một vinh dự cho thanh niên Hoa Kỳ. Tôi là sĩ quan VN, tôi sống ở đây, hay đang làm gì không phải là công việc của ông.”

Ông già im lặng có vẻ bực bội.

Tôi học ngành Speech Communication. Đại học Georgia theo chế độ quarter, nên mỗi học kỳ rất ngắn. Tôi được giáo sư cố vấn tức là vị khoa trưởng hướng dẫn học hai chứng chỉ đầu tiên là Rhetorical Speech (hùng biện) và Psychology of Speech. Department of Speech (phân khoa Ngôn Ngữ) trông khiêm nhường, các phòng học chật hẹp, lớp học non 10 người, hầu hết là giáo sư trung học đi học thêm vào mùa Hè. Các môn học không có gì hấp dẫn, cái trở ngại lớn đối với tôi là Anh ngữ. Tối nào sau buổi cơm chiều, tôi cũng đến thư viện trong campus để đọc thêm tài liệu cho đến 11 giờ khuya mới về ngủ. Có hôm tôi chăm chú đọc tài liệu quên giờ thư viện đóng cửa, làm phiền cô thư ký đến nhắc nhở làm tôi hổ thẹn. Máy điều hòa không khí quá lạnh. Nằm co ro dưới tấm vải trải giường vì chưa có thì giờ đi shop sắm chiếc mền len, tôi thao thức khó ngủ vừa lo sợ không học nổi trong khi thằng roommate (cùng phòng) ngáy khò ngon giấc.

Sau một tuần thấm mệt, tôi đến gặp vị giáo sư phụ tá khoa trưởng vừa là giáo sư môn chính, tôi trình bày nỗi khó khăn về Anh ngữ; mặt khác tôi nói tôi có cảm tưởng môn học không đáp ứng tham vọng của tôi, tôi muốn học những lý thuyết ăn nói hùng hồn và những xảo thuật để bẻ gãy luận lý của đối phương. Khi nghe tôi khai cấp bậc trung úy, ông đưa tay lên màng tang chào đùa vừa nói thời Thế Chiến II ông nhập ngũ với cấp bậc binh nhì. Ông là một vị giáo sư đáng mến hiểu được nỗi khó khăn của tôi. Ông trả lời một cách đẹp lòng, chẳng khác gì một nhà ngoại giao:

- “Anh biết được tiếng Việt và tiếng Anh là anh biết được hai ngôn ngữ. Hơn tôi, anh đọc được, nói được và hiểu được tiếng Anh, đó là điều anh có đủ. Chúng tôi chẳng đòi hỏi gì hơn. Về những xảo thuật anh muốn học tôi sẽ giúp anh tìm kiếm ở thư viện. Riêng đại học Hoa Kỳ tôn trọng tinh thần dân chủ và đạo đức không chấp nhận những phương pháp nguy hiểm trái với tinh thần trên; còn hùng biện là thuộc về phân khoa Theatre & Drama (Hí Viện & Kịch Nghệ). Tôi có phụ trách môn Speech ở đó, tôi sẽ dẫn anh đến dự một lớp để anh có một ý niệm.”

Lời nói của ông cởi mở được một phần nào nỗi lo lắng của tôi.

Môn Speech buồn tẻ, nên chẳng có mấy người học, thường là môn nhiệm ý cho các sinh viên ngành Giáo Dục, Business, hay Politics & Administration (Kinh Doanh, Chính Trị & Quản Trị). May mắn các vị giáo sư đều tốt và thân mật. Một hôm ông Dean Rusk, cựu Ngoại Trưởng Hoa Kỳ được mời nói chuyện. Ông là người thành phố Atlanta, già nua và khiêm tốn, và nói chuyện chẳng chút hấp dẫn. Ông đến và đi lặng lẽ chẳng có ai đón tiếp. Tôi mới quay sang hỏi người bạn bên cạnh:

- “Một chính khách Hoa Kỳ sao chẳng có ai đón tiếp gì cả?”

- “Ông già đó được mời đến nói chuyện là may lắm rồi.”

Anh ta bữ môi trả lời.

Tôi thấy môn học buồn tẻ và không giống như tham vọng của mình. Cái tham vọng đi ra nước ngoài, để học những lý thuyết Communication mới lạ về huấn luyện cho SVSQ trong chính sách giành dân, không còn nhiệt tình như trước nữa. Tôi cảm thấy thoáng một chút nản lòng, và từ đó dẹp bỏ tham vọng ngông cuồng, nên tôi chọn những môn dễ dàng để có thể học xong sớm, nhất là trước những biến cố dồn dập như Mùa Hè Đỏ Lửa và hoà đàm Paris sắp kết thúc. Tôi nóng lòng hồi hương.

Tôi học vất vả, nhưng may mắn vượt qua được các cửa ải. Sau khi hoàn tất chương trình học trong hai năm, tôi đã học đủ credits để thi lấy bằng Master. Tôi dự kỳ thi vào đầu tháng 12/72, mà không có chút hồi hộp. Tôi đã đỗ. Khoảng một tuần sau cơ quan USAID gửi cho tôi vé máy bay và hành trình về nước. Tôi đến gặp vị giáo sư khoa trưởng, tức là giáo sư cố vấn của tôi để cảm ơn và từ giã. Ông khen ngợi:

- “Tôi mới gặp anh đó mà bây giờ anh đã học xong và sắp về nước.”

Khi tôi ngỏ lời với ông là tôi có cảm tưởng như chưa học được gì nhiều, ông vui vẻ nói:

- “Anh tiến bộ nhiều so với hồi anh mới đến gặp tôi.”

Phần tôi, tôi biết tôi học xỏi chưa chín, nhưng tôi có mảnh bằng Master thì không còn sợ tui hổ với vợ con và bạn bè. Ông mời tôi về nhà ăn cơm và khuyên tôi nên rảnh ở lại chờ đến mùa Xuân năm sau để dự lễ phát văn bằng, vì đó là một ngày vinh dự của người sinh viên. Tôi nói tôi nhớ gia đình và cần về nước để phục vụ quê hương.

Tôi rời Georgia thoáng một chút buồn. Tôi trở lại Washington để lấy vé máy bay ở Pentagon vào giữa tháng 12 năm 72, rồi bay về Travis Airbase, San Francisco nơi tôi đã đặt chân đầu tiên trên xứ Mỹ cách đây gần hai năm.

Tôi phải chờ máy bay ở Travis Airbase hai tuần và ăn Christmas trong căn cứ, hàng ngày có xe bus đưa ra phố San Francisco. Đi lang thang một mình giữa thành phố to lớn, tôi cảm thấy cô đơn và nhỏ bé. Khu phố Tàu chẳng khác một khu phố Chợ Lớn. Vài ngày sau có hai sĩ quan Hải Quân đến và cũng chờ máy bay. Thấy tôi than sốt ruột muốn về sớm thì một người nói nói:

- “Tôi mà được đi học như anh thì tôi học cù chày, cù mài cho đến khi bị đuổi về mới thôi. Thử hỏi về nước làm gì được sung sướng như ở đây. Hay anh nhớ canh gác và ứng chiến?”

Tôi mỉm cười không đồng ý, và cảm thấy lúc bấy giờ tình gia đình và quê hương là một sợi dây ràng buộc vô hình khiến dù ở đâu sung sướng, tôi vẫn không thấy hạnh phúc.

Tôi rời California vào tối ngày 30 tháng 12/72. Khi phi cơ bay trên vịnh San Francisco, nhìn xuống thành phố lấp lánh như một thảm sao, tôi thoáng một chút tiếc nuối, vì mình không bao giờ được trở lại xứ này nữa. Khi máy bay ghé phi trường quân sự Manila nhỏ bé tôi cảm thấy cái nghèo nàn của Á châu. Rồi máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất xơ xác và tàn tạ, tôi có cảm tưởng như Nguyễn Triệu trở về trần thế. Chiếc xe Dodge quân đội đưa tôi đến phòng khách gặp lại vợ con. Khi đó tôi mới choàng tỉnh và thàn nói đây là hạnh phúc và đây là quê hương của mình. Tôi ôm quàng lấy vợ con sau hai năm xa cách.

Trong thời gian ở Georgia, tôi gặp một vài cựu quân nhân Hoa kỳ đã phục vụ ở VN, tất cả đều có cảm tình với tôi. Một hôm đang đứng ở hành lang Khoa Speech (nói), một sinh viên đứng tuổi chạy lại bắt tay tôi vồn vã hỏi tôi có phải là người VN không? Anh ta mời tôi về nhà ăn cơm cuối tuần. Anh là sĩ quan hành chánh tài chánh, nhiệm sở cuối cùng của anh là căn cứ ở Tây Đức (lúc này Đức chưa thống nhất), nay đi học lại để trở về nghề dạy học.

Anh ta chỉ ở Sài Gòn có sáu tháng vào dịp Tết Mậu thân.

Tuy nhiên anh thích Sài Gòn và có cảm tình với dân VN. Rồi anh chở tôi đến một PX (cửa hàng quân đội) to lớn của căn cứ Thủy Quân Lục Chiến ở thành phố Augusta, cách xa trên 100 cây số để sắm thêm những thứ mà anh nghĩ tôi còn thiếu. Anh nói quân nhân VN được hưởng quyền lợi như quân nhân Hoa Kỳ. Sau khi mua hàng xong, tôi ra quầy hàng tính tiền thì cô đầm nhìn cái sự vụ lệnh do cơ quan MACV (Military Assistance Command, Vietnam) (Bộ Tư Lệnh Hỗ Trợ Quân Sự tại Việt Nam) cấp ngơ ngác không hiểu, anh mới nói vào tôi là invited visitor (khách được mời). Thế là tôi đang hưởng quy chế một du khách của chính phủ Hoa Kỳ!



Sinh viên sĩ quan đang chọn sách trong thư viện tại Trường Võ Bị.

Gần đại học Georgia có một trường tiếp liệu của Hải Quân (Navy Supply). Ở đây có một ông mục sư tuyên úy tin lành cấp bậc trung tá đã phục vụ ở VN. Ông hiền lành như một ông già VN; hễ mỗi lần có vài sĩ quan Hải quân VN sang thụ huấn là ông chở tôi đến gặp họ. Vào mùa Hè Đỏ Lửa 72, ông mời tôi về nhà ăn cơm vừa xem TV trận phản công của quân ta đẩy lui Việt Cộng ở Cổ Thành Quảng trị. Thấy ông vui mừng khen ngợi quân đội VN, tôi không khỏi hãnh diện. Căn nhà của ông trong căn cứ Hải Quân xinh xắn, ở lối đi vào chung một con

vòi sành Biên Hòa, và ở phòng khách treo bốn bức tranh sơn dầu tả cảnh sông nước Sài Gòn mà ông rất quý.

Cũng ở nơi đây tôi gặp một trung úy Hải Quân có vợ VN. Anh ta mời tôi về nhà ăn cơm cuối tuần. Người vợ người Sài Gòn, không nhan sắc lắm, tính tình hồn nhiên. Chị tâm sự:

- “Tôi làm sở Mỹ. Con gái lớn lên đều muốn có người đứng đắn đến hỏi. Mẹ tôi ưa kén rể VN, nhưng tôi chẳng chờ được. Chàng Mỹ này thương tôi và nhờ người làm mai mối. Vợ chồng chúng tôi hạnh phúc và mong muốn có một đứa con.”

Trước khi về nước hai vợ chồng mời tôi ăn cơm trưa. Chị vợ muốn làm cơm VN, nhưng anh chồng giành làm món beefsteak đặc biệt. Sau buổi cơm hai vợ chồng lại chở tôi đến ăn cơm chiều ở nhà một người bạn cũng cưới vợ VN. Anh chàng này là cựu đại úy ban Tiếp Liệu ở Sài Gòn, nay trở lại đi học ngành Business ở Đại Học Georgia. Chị vợ nhỏ nhắn, nhan sắc bình dị, nhưng chị ta có tài làm bánh cuốn nhân thịt và nắm tai mèo ngon lành và trông chẳng khác bánh cuốn Sài Gòn. Anh chồng âu yếm nhìn vợ nói:

-”Nhà tôi rất khéo, hễ mỗi lần đi ăn ở nhà hàng nào là về bất chước được ngay.”

Khi từ giã ra về, tôi hỏi:

- “Chị có quà hay thư từ gửi cho ai ở Sài Gòn không?”

Chị trông có vẻ buồn và nhìn xa vắng:

- “Em chẳng có gì gửi anh cả, nhưng nếu anh có dịp đi ngang qua... , nơi người bạn thân em đang ở, nói giùm là em ở bên này hạnh phúc.”

Giờ thì tôi đã biết chị đã có một mối tình buồn nên có những lý do riêng không muốn trở về thăm quê hương, dù rất nhớ.

Trong thời gian chờ máy bay về nước ở Travis Airbase, sau buổi cơm chiều ở mess hall (phòng ăn), tôi thả bộ lẻ loi một mình trong đêm Giáng Sinh. Bỗng một chiếc xe Jeep ngừng lại, một ông già hỏi tôi:

- “Sao mà cô đơn trong đêm Giáng Sinh? Hãy lên xe về ăn Christmas với gia đình chúng tôi.”

Tôi lên xe và đề nghị ghé hàng rượu mua nửa chục lon la de. Khi tôi móc túi trả tiền thì ông ngăn tôi lại và nói tôi là khách. Cả nhà đều đi nhà thờ, tôi ngồi ngắm căn nhà và khen bàn ghế đẹp và khéo chung dọn. Ông mới nói:

- “Tôi không giống một số đồng người Mỹ khác. Tôi ăn tiêu dè xèn, khi muốn sắm thứ gì tôi chờ hạ giá hay mua những thứ bị trầy trật chút ít, như chiếc tủ chè này.” Ông vừa nói vừa chỉ chiếc tủ có góc bị trầy. “Đến cả ăn uống, tôi không dám ăn rau tươi khi trái mùa.”

Tôi nghĩ thầm ông già này có tâm hồn chẳng khác người Việt Nam.

Về nước đầu tháng Giêng 73, tôi lên quân trường trình diện Bộ Chỉ Huy Trường. Sau một vài ngày, tôi nhận được quân vụ lệnh bay ra Đà Nẵng để tham gia chiến dịch Giành Dân với Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị. Đoàn SVSQ đóng tại Trung Tâm Chiến Tranh Tâm Lý ở gần cầu Trịnh Minh Thế*. Chiến dịch sắp chấm dứt nên tôi chẳng được giao công tác nào. Tôi rất tiếc không đọc được phúc trình công tác của SVSQ Võ Bị, nhưng tác phong và kỷ luật của SVSQ được dân chúng Đà Nẵng ngợi khen và mến phục. Hai tuần sau sĩ quan và SVSQ trở về Đà Lạt trên chiếc máy bay quân sự C123.

Tôi đang tàn phai theo năm tháng. Mỗi khi nhớ lại thời du học Hoa Kỳ, tôi không khỏi tiếc nuối vì tôi đã học vội vàng và không đi đây đi đó nhiều. Thế giới Hoa Kỳ của tôi không đóng khung trong những Little Saigon hay những cuốn video Paris By Night mà là một thế giới đẹp quyến rũ với những dinh thự, những viện bảo tàng, những nhà chọc trời, những đại lộ đẹp đẽ, những khu đại học rộng lớn cổ kính và uy nghiêm, những vị giáo sư hiền hòa cởi mở và những người bạn chân tình. Tất cả tôi không bao giờ quên.

Mặc dù bây giờ tôi đang sống trên xứ Úc tôi có thể trở

lại thăm viếng Hoa Kỳ không khó khăn, nhưng tâm hồn tôi không còn trẻ nữa, làm sao tôi tìm lại được những kỷ niệm xưa? Vì thế, mỗi lần nhớ lại dĩ vãng, tôi không khỏi cảm thấy một chút tiếc nuối.

* *Hiệp Định Paris* được ký kết ngày 27/1/1973.

Khóa 26 và Khóa 28 Tham Dự Công Tác Chiến Tranh Chính Trị, sau Hiệp Định Paris



Các Sinh Viên Sĩ Quan Tuần K29, Phan Văn Ý K29, Tăng Xuân Tài K26, và Hà Tấn Diên K26, tháng 4, 1973. (từ trái).

Sau khi Khóa 29 hoàn tất mùa Tân Khóa Sinh, toàn thể sinh viên sĩ quan hai Khóa 26 và 29 được điều động tham dự công tác thông tin Chiến Tranh Chính Trị, giải thích Hiệp Định Paris cho dân chúng tại các quận, thị xã, và tỉnh thành như Quảng Trị, Thừa Thiên, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, và Quảng Tín từ tháng 3/73 đến 5/73. Công tác này bao gồm các buổi thuyết trình về đường lối và chính sách của chính phủ VNCH trước toàn thể đồng bào, các toán Nhân Dân Tự Vệ phường khóm, xã ấp, xen lẫn là chương trình văn nghệ đấu tranh.

Vì công tác chiến tranh chính trị này, Khóa 26 thay vì mãn khóa vào cuối tháng 12 năm 1973, Khối Văn Hóa Vụ đã yêu cầu dời ngày mãn khóa đến 18 tháng 1 năm 1974, cho đủ thời gian để hoàn tất chương trình văn hóa của năm thứ tư.

Tổng kết thời gian Khóa 26 thụ huấn tại trường là 4 năm 26 ngày, lâu nhất trong các khóa Võ Bị.

*CSVSQ Đào Quý Hùng, K26
(Trích trong Tiểu Sử Khóa 26)*



Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 28 tham gia công tác Chiến Tranh Chính Trị tại Quân Khu 1, 1972. (Cùng tham dự có Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 27).

TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN

Christina Cao, 14/2



Tất cả những ai từng đi học ở Việt Nam đều thuộc nằm lòng câu nói này từ khi còn tấm bé và đến khi lớn lên một chút thì đều hiểu rằng đó chính là phương châm giáo dục cốt lõi của dân tộc Việt.

Phương châm giáo dục này quan trọng đến mức nó vượt thoát trên mọi sự thay đổi chế độ chính trị xã hội. Tất cả mọi chế độ đất nước khác nhau đều không có ai dám loại bỏ nó ra khỏi học đường, bất luận họ có thật sự muốn điều đó hay không. Cho đến gần đây mới xuất hiện một giáo sư Cộng Sản nào đó lên tiếng muốn loại bỏ điều đó. Lời phát biểu của người này đã tạo ra một làn sóng phản đối mạnh mẽ từ người Việt Nam trên toàn thế giới, thuộc đủ mọi chính kiến khác nhau. Vậy “Tiên Học Lễ, Hậu Học Văn” là gì mà có thể khiến con người đồng lòng với nhau, vượt qua mọi quan niệm chính kiến riêng tư, mà bảo vệ nó như thế? Lễ là gì mà phải khiến con người sống chết với nó như vậy?

Câu tục ngữ TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN được nhiều nhà nghiên cứu cho rằng ra đời ở Việt Nam hơn là Trung Quốc, vì người Trung Quốc có phân xa lạ với câu nói đó trong lúc người Việt thì thuộc nằm lòng. Một số nhà nghiên cứu cho

rằng nó có thể ra đời từ thời ông Chu Văn An. Nhưng đa số theo các nhà nghiên cứu thì cho rằng câu đó chỉ xuất hiện phổ biến rộng vào Thế Kỷ Thứ 19 và từ đó đã thành phương châm giáo dục cho người Việt Nam của chúng ta.

Thật ra người thứ nhất nói đến chuyện này là học trò của Tuân Tử. Ông này theo thầy Tuân Tử suốt năm năm, nhưng không hề chuyên tâm nghiên cứu văn chương như chúng bạn. Vì thế, thầy Tuân Tử mới hỏi:

- “Tại sao con không cùng chúng bạn nghiên cứu văn?”

Người này liền trả lời:

- “Thưa thầy, ở thầy có quá nhiều lẽ nghĩa. Con để ý suốt ba năm mà vẫn chưa hiểu hết, chưa học hết được nên chưa đi đến nghiên cứu văn chương cùng bạn học.”



Ông Chu Văn An. một học giả nổi tiếng của Việt Nam vào thế kỷ thứ 13.

Vậy Lễ là gì mà phải khiến cho một vị cao học mất suốt ba năm quan sát mà vẫn chưa hiểu hết và học hết được vậy? Nếu lễ đơn giản chỉ là khoan tay vâng dạ, đi thưa về trình thì đơn giản quá, có chi đâu mà ông ấy phải nhọc tâm nhức óc như thế chứ?

Người Tây Phương dịch từ Lễ chỉ như là những nghi thức của xã hội, như là một nét văn hóa của nền văn minh Á Đông. Có đúng Lễ chỉ thuần túy là những nghi thức kinh điển của xã hội hay không? Trước khi đi sâu vào vấn đề này xin được phép nhắc chút xíu về định nghĩa văn hoá và văn minh. Theo người Tây Phương thì tất cả những kinh nghiệm, suy nghĩ, cảm giác nhận biết, hành động chung tợng trung cho một vùng đất, một nhóm người thì gọi là văn hoá (culture). Trong khi đó, việc phát triển cao từ văn hoá cho việc xây dựng thể chế, quy

ché, cấu trúc xã hội thì gọi là văn minh (civilization).

Văn hóa như vậy bao gồm triết học, mỹ học, nghệ thuật, văn học...; trong khi đó văn minh bao gồm những thứ như luật pháp, định chế, lễ pháp, hay tổ chức xã hội. Văn hóa là do sự phát triển từ nội tại bên trong và văn minh là cho sự phát triển tổ chức xã hội và tương tác giữa người với người. Một xã hội văn minh chưa chắc mọi người đều có văn hóa, và một người có văn hóa chưa chắc đã có lối cư xử văn minh. Như vậy, văn hóa là con người bên trong với mọi tư chất tiềm ẩn, còn văn minh là con người bên ngoài với thái độ, hành động, thể hiện, và biểu lộ tình cảm. Cái tư chất văn hóa của con người bạn có thể nhìn không thấy mà cần gần gũi, nghiên cứu, và cảm thấy qua việc tiếp xúc. Nhưng nếu văn minh thì biểu hiện lộ lộ ra và bạn có thể quan sát và suy nghĩ về những điều mình thấy.

Nếu đặt lối định nghĩa về Văn Hóa và Văn Minh của người Tây Phương vào câu nói của học trò của ông Tuân Tử thì chúng ta nhận thấy có cái gì đó tương đồng giữa chữ “Lễ” và định nghĩa “Văn Minh”. Cả hai thuộc về phạm trù ứng xử bên ngoài, tương tác giữa người với người, thái độ thể hiện, và hình thức thể hiện. Như vậy Lễ Pháp có nghĩa là những định chế văn minh. Chính vì vậy Khổng Tử từng nói:

- “Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động.”

Nghĩa là:

- “Không hợp với lễ thì đừng nhìn, không hợp với lễ thì đừng nghe, không hợp với lễ thì đừng nói, không hợp với lễ thì chẳng nên làm.”

Nếu hiểu theo định nghĩa hiện đại, ta có thể giải thích thành:

- “Không hợp văn minh thì đừng nhìn, không hợp với văn minh thì đừng nghe, không hợp với văn minh thì đừng nói, và không hợp với văn minh thì đừng làm.”

Con người trọng lễ nghĩa hiểu theo quan niệm hiện đại là

con người văn minh khác với người phi lễ là người thô tục, rùng rú, và hoang dã.

Như vậy nếu đi sâu hơn vào Lễ, ta có thể giải thích một cách dễ hiểu và gần gũi với con người hiện đại học Tây Học rằng:

- Lễ Độ là thái độ ứng xử văn minh. Lễ Phép là cung cách, hành động ứng xử văn minh. Lễ Nghĩa là nội dung việc làm phù hợp với văn minh. Lễ Nghi là hình thức nhìn có văn minh. Phi Lễ nghĩa là kém văn minh vậy.

Nhưng Văn Minh là gì? Nó ra đời và thăng hoa từ văn hóa, vậy nên Văn Minh sẽ thay đổi theo thời gian và địa phương. Văn minh của thế kỷ 21 khác với thế kỷ thứ nhất. Văn minh của Tây Phương khác với văn minh của Đông Phương. Nhưng bất cứ nơi nào và thời đại nào cũng đều phải đề cao và hướng tới sự văn minh, vì trái với văn minh là hoang dã, là kém phát triển.

Lễ cũng như thế, nó thay đổi theo nền văn minh nhân loại và thay đổi theo địa phương.

Ở Tây Phương có Lễ không? Có quá nhiều đó chứ. Người Tây Phương rất đề cao thái độ ứng xử giữa người và tổ chức xã hội, nghĩa là rất đề cao Lễ Nghĩa. Chỉ có điều chỉ là họ không dùng chữ Lễ như ta dùng. Lịch sự là lễ, cư xử đúng với nhau là lễ, ứng xử có nguyên tắc là lễ, thể hiện con người có văn hóa là lễ, tôn trọng lẫn nhau là lễ, không kỳ thị phân biệt cư xử là lễ, báo chí phải tránh cái thô tục và bạo lực cũng là lễ... Vô số thứ thuộc về ứng xử xã hội được người Tây Phương định chế hóa, lễ nghi hóa. Phi lễ khi đó rất khó được họ chấp nhận, đôi khi còn bị xem là có tội. Nếu dùng khái niệm của Tuân Tử về lễ mà nói thì người Tây Phương “Dùng Lễ Để Trị” vậy.

Lễ quan trọng như vậy, vậy có phải lễ là hoàn thiện hay không? Thưa không, lễ là mặt thuộc về ứng xử, nó không là toàn diện một con người. Con người có thể có cái bên ngoài hết sức trọng lễ nhưng bên trong gian trá và người như thế

người ta gọi là nguy quân tử. Đây chính là lý do trong phương châm Giáo Dục của dân tộc Việt, ông cha ta không chỉ nói đến lễ mà đặt song song lễ với văn. Trước phải học lễ để biết cách cư xử, với nhau, biết cách tổ chức xã hội, và biết cách tôn trọng mọi người. Nhưng sau đó phải học cái nền tảng xây dựng con người đó chính là văn hóa. Một con người có văn hóa mà kém văn minh thì thật sự rất khó gần. Một con người đầy văn minh nhưng vô văn hóa thì thật đáng sợ.

Không phải tự nhiên mà câu “TIÊN HỌC LỄ HẬU HỌC VĂN” có thể vượt ra ngoài giới hạn của chính kiến, của chế độ, và của thời gian mà tồn tại. Nó là một nét độc đáo của nền giáo dục Việt thật thụ.

Ngày nay trong trào lưu “Thoát Trung, Thoát Hán” nhiều người cho rằng quan niệm Nho Giáo là phản Dân Chủ và muốn trút bỏ bằng mọi giá với mọi cách. Thế nhưng người ta quên đi câu nói căn bản của Mạnh Tử: “DÂN VI QUÝ, XÃ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH.” Điều này có nghĩa là nếu bạn thật sự là người có tư tưởng Nho Giáo, bạn sẽ coi trọng dân chúng trên hết, trung dung trong khái niệm quốc gia, và xem nhẹ vua chúa, chủ tịch, tổng thống, đảng và nhà nước.

Bạn thấy ngày xa xưa trong chế độ quân chủ vẫn có những Nhà Nho vì bảo vệ dân lên tiếng can vua mà phải chịu chết thảm mà vẫn không sờn lòng. Khổng Tử xây dựng Nho Gia trên nền tảng Nhân Lễ Nghĩa, lấy con người và đạo đức làm gốc mà xây dựng nên hình ảnh người Quân Tử. Mạnh Tử nâng cao hơn, đề cao sự chí nhân và lòng Đại Nghĩa, xây dựng hình ảnh Bậc Trượng Phu hy sinh thân mình vì Đại Nghĩa. Từ đó ông đưa ra câu định chế bất hủ “DÂN VI QUÝ, XÃ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH” làm khuôn vàng thước ngọc cho việc xây dựng Nho Giáo. Nhưng cả Khổng Mạnh thực tế đều không được trọng dụng vì tư tưởng Quá Dân Chủ của họ.

Đến đời Hán Vũ Đế, rất rất lâu sau Khổng Mạnh, Đông Trạng Thư mới viết lại và đề cao đạo Tam Cương làm định

chế xã hội. Từ đó rất nhiều người đời sau hiểu lầm cho rằng nền tảng tư tưởng Khổng Mạnh là Tam Cương hết sức phản động và phản Dân Chủ.

Trong thực tế nếu con người không có lòng nhân sẽ trở thành không cảm tính, hoặc tệ hơn đi đến độc ác với đồng loại. Con người Phi Lễ thì mất dạy, vô loại. Con người bất nghĩa thì vô trách nhiệm, vô đạo lý. Con người bất trí thì vô nhận thức, kém hiểu biết, ngu mà cuồng. Con người bất tín thì gian trá lưu manh phản phúc. Vậy mới thấy dù thích, hay ghét Khổng Tử người ta vẫn cần Nhân Lễ Nghĩa Trí Tín.

Còn nếu thiếu bậc Đại Trượng Phu chí nhân và Đại Nghĩa thì xã hội ai lo? Ai chịu hy sinh bản thân cho việc chung?

Khác với Khổng Mạnh là bậc Triết Gia, ông Đổng Trọng Thư là quan lại, tể tướng. Những gì ông ta làm đều nhằm phục vụ cho danh lợi bản thân và công việc cai trị.

Vì vậy khi nhìn lại qua khứ nên hay không chúng ta cần con mắt khách quan và trung dung mà nhìn nhận vào chi tiết thật sự từng vấn đề? Có như vậy mới tránh bị “Lố” bị “Cực Đoan” một chiều khi đánh giá./.





VÙNG SƯƠNG MÙ

TƯỜNG THÚY, K20/1

Hôm nay là sinh nhật của tôi, tôi vẫn có thói quen tự đi tìm mua một món quà nhỏ cho mình. Lang thang trong Mall, bây giờ đã qua rồi mùa Giáng Sinh, nhiều cửa hàng đã dọn sạch sẽ những đồ trang trí Noel, để thay thế vào đó là những sản phẩm mới cho một năm mới sẽ đến. Tuy vậy tôi thấy vẫn còn sót lại một vài nơi chủ tiệm không dẹp đi những đồ chơi nho nhỏ trong tủ kính. Tại nơi đây, tôi đã tìm thấy một món đồ chơi yêu thích của mình từ thưở còn ấu thơ: Nàng tiên cá, chàng hoàng tử, và cô công chúa.

Ra khỏi Mall, tôi chậm rãi bước về bên xe bus gần đó. Chưa bao lâu tôi đã ngồi trên xe, và nghĩ đến món đồ chơi vừa ý tôi mới mua được. Đã lâu lắm rồi, tôi chưa đi xe bus lại, kể từ khi mua được một chiếc xe hơi cũ làm phương tiện chuyên chở cho cả gia đình đi học, đi làm việc lúc mới qua Mỹ. Cuộc sống bên xứ người càng ngày càng khá hơn, nên đi xe bus bây giờ chỉ còn là chuyện trong dĩ vãng, mặc dù hàng ngày những chiếc xe công cộng này vẫn hiện diện đó đây trong thành phố tôi ở. Hôm nay ngồi trong xe, cái cảm xúc của những ngày đầu đến Mỹ, những ngày cả gia đình cùng nhau lên xe bus đi học ESL ở Community College lại trở lại trong tôi, một chút bồi

hồi, một chút băng khuâng. Cuộc đời quả là vô thường. Tôi thì cầm lên cửa sổ xe, ngắm nhìn xe cộ qua lại, tự dung tôi chợt nghĩ:

- Biết đâu trong đám dòng người ngược xuôi kia, mình nhìn thấy được một khuôn mặt thân thuộc, quen biết nào đó nhỉ? Chắc là ngạc nhiên lắm đó!

Ý nghĩ đó chưa kịp trôi qua khỏi đầu, thì tôi chợt nhòm người dậy. Đúng là cậu được, ước thấy, một dáng người thật quen thuộc, quen không thể quên, đi trong đám người băng qua đường. Cũng dáng đi đó, cũng chiếc quần màu áo hoa rừng cùng chiếc áo thun màu xám và mái tóc húi cua kia không sai vào đâu cả. Đúng là Đông, Nguyễn Tử Đông của năm nào. Chỉ có điều khác là, nếu so về thời gian, thì Đông không thể trẻ như vậy. Tôi cứ cố ngoái nhìn theo mãi dù chiếc xe bus của tôi đã đi khá xa khu vực đó.

Xếp món quà lên bàn, tôi ngồi xuống, cầm nạng tiên cá trong tay. Hình ảnh Vân Chi cùng Tử Đông đã trở về. Hơn ba mươi năm qua rồi, chưa một lần tôi gặp lại những cố nhân này, biến cố 30/4/75 đã làm chúng tôi mất nhau. Kỷ niệm xa xưa như một đồng tro tàn còn âm ỉ ở một vùng sâu thẳm trong tâm hồn, tuy không bùng cháy nhưng cái âm ỉ của nó vẫn khơi gợi trong tôi một chút ngậm ngùi.

Vân Chi và tôi là đôi bạn tâm giao, quen và học cùng nhau từ năm Đệ Thất. Ra đời, tôi theo ngành Luật, còn Vân Chi học Sư Phạm. Có lẽ vì cùng độ tuổi nên tôi và Chi có nhiều suy nghĩ và sở thích giống nhau, giống đến độ tôi thích ai, ghét ai, chơi loại đồ chơi nào là Vân Chi cũng thích, cũng ghét như thế. Tuy vậy vẫn có vài điều khác biệt giữa hai chúng tôi. Tâm hồn Vân Chi thì yếu đuối và mong manh, như cơ thể của nó, còn tôi thì trái lại, tính cách có vẻ mạnh mẽ và cứng rắn hơn nhiều.

Chủ Nhật nào Vân Chi cũng chạy xe tới nhà tôi, hai đứa chở nhau đi nhà thờ. Tôi là người ngoại đạo, Chi là một tín đồ

Công Giáo. Điều này không có gì cản trở tình bạn của chúng tôi cả, chẳng những thế Chi còn lôi kéo được tôi đi xem lễ ngày Chủ Nhật cùng nó:

- Phi Yển này, Chủ Nhật này mày đi lễ nhà thờ với tao nhe?

- Tao đâu có biết đọc kinh, đọc kệ gì đâu, vào trong đó làm gì? Sao mày không đi một mình, hay rủ đứa nào cũng có đạo như mày đi thì hợp lẽ hơn.

- Con khi này, mày là bạn thân của tao, rủ mày là phải rồi, đi với tao cho tao đỡ buồn. Mày đâu cần phải làm gì, cứ quỳ hay ngồi theo tao là được rồi, với lại làm dấu thánh giá mày rành quá mà. Đi với tao nhe!

- Được rồi, nhưng mày phải đến chờ tao đó.

- Không thành vấn đề.

Thế là từ đó, sáng Chủ Nhật nào chúng tôi cũng cùng nhau đến nhà thờ dự thánh lễ. Riết rồi tôi trở thành một tín đồ ngoan đạo từ lúc nào không biết. Kinh gì cũng thuộc, thủ tục xem lễ rành rẽ các nghi thức, chỉ có là chưa rửa tội và chắp bao giờ được rước Mình Thánh Chúa hết. Từ đó tôi biết yêu Chúa và Mẹ Maria thật nhiều.

Sáng hôm đó, chờ mãi không thấy Vân Chi, tôi sốt ruột vì nhỏ Chi này là một đứa rất ngoan đạo không bao giờ nó bỏ một buổi lễ nào. Chẳng lẽ nó bị ốm chẳng? Không chờ nữa, tôi đạp xe tới nhà nó. Vừa ngừng xe trước cửa, tôi đã nghe thấy tiếng cười ròn rã của nó từ trong nhà vọng ra, tiếng cười của một kẻ đang hạnh phúc. Nhè nhẹ tiến gần cửa sổ, tôi ghé mắt nhìn vào thì thấy Vân Chi đang ngồi sát bên một người con trai, không biết người này nói gì mà Chi cười ngật nghèo. Tôi hiểu tình hình này thì mình nên rút lui là hơn. Vì vậy, nhè nhẹ tôi dắt xe quay ra cổng định về thì lại gặp mẹ của Vân Chi vừa vào tới. Tôi chào thì bà hỏi tôi:

- Cháu về à, sao không ở lại chơi với Chi? Con Chi nó đâu rồi?

Tôi ngập ngừng:

- Dạ, cháu chưa gặp vì Chi đang có khách.

Bà bật cười:

- À, khách đâu mà khách, cậu Đông là người nhà đấy mà, để bác gọi con Chi ra. Chi ơi, có Yến đến này con. Con bé này cứ mãi đầu láo mà quên cả mọi thứ. Quay sang tôi bà nhẹ nhàng. Vào nhà đi con.

Đó là lần đầu tôi gặp Đông, Nguyễn Tự Đông.

Qua lời giới thiệu thì Đông là con một người bạn thân thiết của gia đình Chi. Anh cùng Chi đã có rất nhiều kỷ niệm thơ ấu bên nhau. Lớn lên anh vào quân đội và vừa đi tu nghiệp ở Mỹ về. Nhìn cách cư xử của Vân Chi với người con trai này thì tôi thấy hình như cô nàng rất có cảm tình với Tự Đông. Còn về phía anh, anh có vẻ đạo mạo hơn, nhưng không thiếu phần thân thiện. Phải nói ấn tượng đầu tiên của tôi khi gặp mặt anh đó là cặp mắt. Tôi chưa gặp ai có một cặp mắt quyến rũ đến như vậy. Một cặp mắt như biết nói, dễ làm say đắm lòng người đối diện.

Sau vài câu xã giao, tôi ngồi im lặng nghe hai người đưa đẩy nhau. Chợt tôi thấy Đông nhìn tôi và gọi Chi:

- Chi này, hình như cô bạn của em có cái sở thích, thích quan sát người đối diện thì phải. Từ nãy đến giờ hai anh em mình đang là mục tiêu cho cô ấy đấy.

Bị bắt quả tang, tôi đỏ mặt ấp úng:

- Đâu dám anh, chẳng qua là thấy hai anh chị nói chuyện hấp dẫn quá nên nghe để học hỏi lấy kinh nghiệm đấy thôi ạ.

Nhìn thẳng mắt tôi, Đông chậm rãi:

- Khá lắm, chóng chế khá lắm, học Luật có khác.

Bối rối trước cái nhìn của anh, tôi đánh trống lảng, quay ra trách Vân Chi chuyện sáng nay cho tôi leo cây rồi kiếm cỏ xin về.

Sau lần gặp gỡ đó, chúng tôi còn có những lần khác cùng đi chơi với nhau. Mới đầu đi chơi chung do yêu cầu của Đông, “bạn em cũng là bạn anh”. Tôi cũng ngại lắm, từ chối, nhưng Chi bảo tôi:

- Không phải giữ kẽ gì hết, tao với ông Đông chưa là gì của nhau cả, mày cứ thoải mái đi. Ông ấy Tây lắm, không thích những gì gò bó, câu nệ đâu.

- Chưa là gì không có nghĩa không là gì. Giữ chút khoảng cách có lẽ tốt hơn cho cả tao lẫn mày, để nếu lỡ. Tôi cười. Tao có yêu ông ấy, mày vác dao chém thì tao còn có đường thoát thân.

- Chí lý, con này nói rất chí lý. Tao đồng ý với mày, nhưng chuyện này còn xa lắm.

Nói thì nói vậy nhưng tôi rất hiểu, trai gái cứ thân mật quá sẽ phát sinh những chuyện không đoán trước được, “cẩn tắc vô áy náy” các cụ xưa nói không câu nào thừa cả. Vì vậy trong những lúc vui vẻ cùng nhau, tôi vẫn luôn giữ một khoảng cách an toàn đủ để nhét Vân Chi lọt vào. Tôi nhớ có một lần, Đông đi giữa hai tôi, không hiểu vô tình hay cố ý, anh quàng tay qua cổ hai đứa vừa cười vừa nói:

- Phải đi như thế này mới ấm áp chứ. Mỗi người đẹp một bên, thật là hạnh phúc

Tôi phản ứng liền bằng cách nhẹ nhàng nhấc cánh tay anh ra khỏi cổ mình, chuôi khỏi vòng tay anh, và cười nói:

- Muốn ấm thì hai tay anh phải ôm nhỏ Chi mới ấm chứ. Còn quàng cổ thế ”lầy” thì “nạnh” “lách” “nấm” nha, chứ ở đó mà hạnh phúc.

Đông không nói gì chỉ nhìn tôi bằng ánh mắt nồng nàn khác lạ, còn Vân Chi thì vô tư cười như tán đồng câu nói của tôi:

- Giống như anh Đông có hai vợ đó. Em làm vợ cả, cho nhỏ Yến làm vợ bé.

Sau lần đó tôi mơ hồ chợt hiểu hình như tình cảm của Đông đã có chút đổi chiều. Tôi sợ điều đó lắm, tôi sợ những ánh nhìn của Đông, những cái nắm tay tưởng như vô tình, những lời nói bóng gió xa gần của anh với tôi. Tôi sợ Vân Chi hiểu được nó sẽ buồn như thế nào. Vân Chi chỉ yếu đuối thôi, chứ nó không ngu để không biết mình đang bị đưa ra rìa. Chi yêu thật lòng. Tình cảm của một thời thơ ấu trộn lẫn với tình yêu trai gái đã bùng phát mạnh trong tim nó, và đây lại là mối tình đầu thì không biết nó sẽ ra sao, khi biết mình bị phản bội. Trong khi Đông thì cứ như cánh bướm xoay quanh tôi, khiến tôi sợ mình không giữ nổi trái tim mình mà phản bội Chi. Vì vậy, tôi đã tìm cách rút lui khỏi cuộc chơi tay ba này.

Tôi muốn những ngày nghỉ của anh sẽ dành trọn vẹn cho cô bạn thân nhất của tôi, mỗi khi về Saigon chơi. Tôi lẩn tránh cả hai người. Một lần, hai lần rồi ba lần,



Chi?

cho đến một ngày mẹ Chi đến gặp tôi, nói với tôi Chi đang nằm bệnh viện, hốt hoảng trước tin này tôi bỏ nhà đi gặp nó và giật mình trước vẻ tiều tụy, xanh xao của Chi. Ôm lấy nó, tôi khóc không ngừng:

- Sao lại ra đến nông nỗi này, hả

Chi vỗ nhẹ lên lưng tôi nói trong dòng nước mắt:

- Không sao, chỉ là một phút yếu lòng thôi mà. Tao sẽ khỏe lại, sẽ mạnh như mày cho xem, Yến ạ.

Buông Chi ra, tôi lấy tay gạt những giọt nước mắt còn đọng lại trên má nó:

- Chuyện có gì đã xảy ra, mày kể tao nghe đi.

- Chuyện tao với Đông. Anh ấy bỏ tao rồi.

Mắt Chi đỏ hoe, tay nó run run, kể chuyện tình của mình trong tiếng nức nở ngắt quãng:

- Đông đã nói thật, nói hết những suy nghĩ của mình. Anh bảo, anh biết tao yêu anh ấy nhưng với anh, tao chỉ là một cô em gái bé bỏng ngày nào, một cô em gái không thể đổi thay. Giọng của anh nghe sao mà sạn cảm, nghe sao mà nhưc nhối, khô khốc, Yên ơi. Anh xin lỗi tao vì đã làm tao hiểu lầm tình cảm của anh ấy. Anh mong muốn tao được hạnh phúc. Hạnh phúc? Sao mịa mai quá khi mà anh ấy bỏ tao vì đã tìm được người con gái khác, người anh đã yêu. Mà biết không, khi anh ấy về rồi tao thấy mặt đất như chao đảo dưới chân mình. Tim nhói buốt, tao chạy lên sân thượng và ngồi đó cả đêm. Bóng tối vây quanh, và nỗi buồn bóp nghẹt, lúc đó tao thấy mình giống như nàng tiên cá, căng mắt nhìn hoàng tử của mình bên nàng công chúa kiêu sa. Tao không biết nàng công chúa ấy là ai? Mà có biết không chỉ cho tao đi, để cho tao xem cô nàng có quyền lực gì mà chiếm được trái tim của chàng vậy, Yên ơi!

Nước mắt tôi cũng chan hòa trên mặt, tôi ôm vai nó hỏi:

- Thế mà thật không biết người con gái ấy là ai sao?

- Không, làm sao tao biết được.

Rồi nó chột nín bật tiếng khóc, tròn mắt ngó tôi, mặt sừng sốt như không tin vào điều mình đang nghĩ, miệng lắp bắp:

- Chẳng lẽ...

Tôi buồn bã gật nhẹ đầu:

- Đúng, là tao. Đừng giận tao nhé, tao không muốn dẫu mày đâu. Mà còn nhớ hôm Đông khoác cổ hai đứa, rồi mày đùa nói hai đứa mình là vợ của Đông không? Từ hôm ấy tao đã thấy Đông có vẻ gì khác lạ qua cử chỉ cũng như qua lời nói, dịu dàng hơn, âu yếm hơn với tao. Tự dung tao sợ, sợ mày hiểu nhầm tao có tình ý với Đông rồi mày khô, mày giận tao, nên đã lén mày hẹn Đông ra để nói chuyện. Tao cũng không dè Đông lợi dụng dịp này để tỏ tình. Mà biết tao khô sở như thế nào để từ chối Đông không? Tao bảo với Đông, tao là bạn của mày, cái vật dụng gì của mày tao có thể lấy nhưng tình yêu

của bạn thì tao không thể cướp được. Mà nếu tao làm như vậy thì Đông và mày còn có coi tao là giống người nữa hay không? Đông đã cãi bướng là tao cũng có cảm tình với Đông, mà cảm tình thì không thể che dấu được.

- “Đúng tình cảm không thể che dấu nhưng đó là loại tình cảm nào, tình bạn hay tình yêu. Với anh, tôi chỉ có tình bạn không hề có yêu đương ở đây. Người anh nên quan tâm chỉ là Vân Chi mà thôi, không ai khác hết.” Tao nói.

Nói xong tao bỏ đi, Đông chạy theo kéo tao lại:

- “Em nói thế là thế nào, em có thể sắp đặt tình yêu cho tôi sao. Tôi yêu ai là trái tim tôi tự biết, đừng tàn nhẫn với tôi như vậy chứ.”

Tao giựt tay lại và trước khi quay đi, tao cảnh cáo Đông:

- “Nếu muốn tình bạn này còn, tôi mong anh đừng bao giờ nói cho Vân Chi biết chuyện của anh và tôi, đừng làm bạn tôi phải đau khổ thêm nữa. Chuyện anh không yêu nó cũng đủ là một nỗi đau suốt đời không quên rồi.”

Đó là tất cả sự thật mà mày muốn biết, tao không thêm bớt. À quên, đây là lá thư Đông gửi cho mày, dặn chỉ đưa mày khi nào mày biết chuyện của Đông. Mày đọc đi.

Chi nhìn lá thư trong tay tôi:

- Mày sợ tao đau sao còn kể với tao. Biết mày và Đông yêu nhau tao còn đau hơn nhiều. Mày vẫn liên lạc với Đông?

- Không, tao nhận được lá thư này qua anh Tùng, bạn Đông. Đông đã như biến mất. Tao thích Đông nhưng không yêu Đông, khẳng định lại với mày. Mày biết tính tao mà, mày nhầm rồi đó. Nếu yêu Đông tao sẽ chẳng tha cho mày đâu, và nếu yêu Đông tao đã chẳng bỏ cuộc tình tay ba này. Tin hay không tùy mày. Hơn nữa tao không muốn chuyện lại vỡ lở theo chiều hướng khác. Chẳng tha tao tự nói ra khỏi có chuyện đôi chôi, tam sao thất bản. Và lại tao chả muốn giữ mãi lá thư không thuộc về tao trong túi áo mình.

Đưa cho Chi lá thư vẫn còn dán kín với nét bút của Đông ghi phía ngoài phong bì, tôi bước ra ngoài cửa phòng.

Tựa người vào tường, tôi lơ đãng đưa mắt nhìn những tàng lá me đang đung đưa trước ban công. Bây giờ là đầu Xuân. Những lá me non mới xanh mướt làm sao, vài con chim se se ríu rít chuyền từ cành nọ sang cành kia. Cảnh vật thật tươi vui và thanh bình, nhưng sao không hiểu trong lòng tôi không có vẻ thanh bình ấy. Nó như đang muốn nổi sóng, muốn tuôn trào tất cả những gì đang chứa chất trong lòng, đang bị dồn nén bên trong. Tôi đã nói láo với Vân Chi và cả với Tự Đông nữa, chuyện tôi không yêu Đông. Ngay từ ngày đầu gặp mặt, cặp mắt như biết nói của anh đã thu hút hồn tôi. Sau đó, những lần tiếp xúc với anh, thái độ quan tâm, chăm sóc của anh đã làm con tim tôi điên đảo nhiều lần, dù lúc nào tôi cũng tỏ vẻ như lạnh lùng, thờ ơ. Về bên ngoài của tôi đã đánh lừa được Vân Chi, nhưng không qua mặt được anh. Cuối cùng sự dối trá của tôi đã bị anh phát giác. Đông đã tìm gặp riêng tôi, sau khi tôi lần trốn hai người nhiều lần.

- Tại sao em phải khổ sở đến như vậy? Đông đau đớn nói. Mình yêu nhau đâu có tội. Sao phải lánh mặt nhau như thế? Em có biết là tôi yêu em, khắc khoải vì em không?

- Nhưng tôi không thể yêu anh, anh biết không? Tôi không thể phản bội Chi, anh biết đó. Vân Chi mang bệnh tim bẩm sinh, cuộc sống nó rất mong manh. Anh bảo tôi phải làm sao, cướp giật người yêu của nó à? Hay là đâm cho nó một dao rồi rử anh đi xây tổ ấm? Hãy coi tôi như một người bạn, để chúng mình còn gặp được nhau, nhe Đông.

Sau lần trò chuyện này, Đông còn tìm gặp tôi nhiều lần nhưng tôi đều lánh mặt và lần gặp sau cùng là lần tôi hẹn Đông để kết thúc một cuộc tình không lối thoát. Đông biến mất sau khi nhờ bạn trao cho tôi hai lá thư:

- Đông nhờ tôi đưa hai lá thư này cho chị và nói sẽ không trở lại nữa.

Cầm hai lá thư trong tay tôi nghe lòng mình tan nát, rã rời. Tôi đã tự kết liễu mối tình của mình. Tôi đã được toại nguyện, nhưng tại sao tôi lại cảm thấy xót xa, cay đắng như thế này? Mở lá thư đã ướt đầm nước mắt trong tay, một tấm thiệp màu xanh nhạt. Tấm thiệp vẽ hình một con én cô đơn bay trong một khung trời mênh mông rộng mở cùng hàng chữ: “Phi Yến, Anh Yêu Em”, cùng chữ ký Tự Đông.

- “Cám ơn anh đã trả lại cho tôi bầu trời cao rộng. Nhưng cánh én bay lẻ loi có thấy hạnh phúc không, Phi Yến? Tôi tự hỏi.

Tôi không biết lá thư gửi cho Vân Chi anh đã viết gì, chỉ thấy là sau đó tinh thần của Chi đã ổn định trở lại.

Bây giờ tôi xấp ba cái tượng nhỏ thành một hàng dài, chàng hoàng tử đứng giữa nàng tiên cá và cô công chúa kiêu sa. Tôi ngắm nhìn họ:

- Hoàng tử ơi! Nàng tiên cá ơi! Hai người giờ này đang ở đâu, có biết tôi nhớ hai người lắm không? Cầu chúc hai người ở một phương trời nào đó luôn hạnh phúc và bình an nhé.

Và đâu đây nghe như mùa Xuân đang thì thầm:

- “Mùa Xuân nói với em điều gì, mà sao mắt em vui thế? Tình yêu nói với em câu gì, mà sao tôi thấy em băng khuâng...”*

Tucson - AZ - 6/12/2021

** Mùa Xuân Gọi của Trần Tiến.*

Trở Lại Sài Gòn

Nguyễn Văn Trung



Về đến Sài Gòn, đêm Giáng Sinh, tung bùng sáng
Bước lại trên từng dấu vết đời mình
Vẫn phố xá, vẫn còi xe inh ỏi
Vẫn ngàn ánh đèn xanh đỏ lung linh

*Giữa bụi bặm, quanh giòng đời náo nhiệt
Nhìn lên cao, vẫn lấp lánh những vì sao
Ngang phố xưa, không còn vườn sân cũ
Nhưng giọt sương khuya vẫn ướt tựa ngày nào*

Đâu mất đâu Sài Gòn anh yêu dấu
Hạt cát dưới chân vẫn hạt cát một thời
Anh đang thờ khoảng trời mình đã thờ
Thành phố còn đây dù nhiều thứ đổi dời
*Đêm thánh thiện giữa rừng người rục rờ
Qua nhà thờ rộn rã tiếng chuông vang
Anh nhớ ngày xưa cùng em đi lễ
Cũng nơi này mình Chúa xuống trần gian*

Em bây giờ bên nửa kia trái đất
Mình bây giờ cách biệt mấy đại dương
Anh về đây trở lại góc giáo đường
Như đã hứa với nhau ngày xưa ấy!

Back To Saigon

Nguyễn Văn Trung



Arriving in Saigon during a celebrating, brightly lit Noel
night

Tracing back every path and step of my past youthful life
Still the same bustling streets, same on-going, loud honking
of bikes

Still thousands of flickering and dancing Christmas lights

*Amidst the city dust, around the frantic hustle and noise
I look up on the sky and still the same twinkling stars of my
yesteryears*

*Walking by my old street, the fence and lawn of my past home
is gone*

But the night dew on my face is still as wet as ever

I have not lost the Saigon I dearly love

The sands under my feet are still the same old, precious
sands

I am still breathing the same air from the same space of my
growing years

My Saigon is still here though so many things have changed

*A holy night amidst waves of colorfully and lively dressed
folks*

*Passing by this familiar, solemn church with repeated ding
dong Xmas bell sounds*

*I remember the day I went to mass with you, at this same
place, 50 years back*

For the same celebration of the birth of Jesus Christ

You have since been on another side of the Earth
We have since been continents and oceans far apart
And I am now back here at this same precious seating corner
in the same old church

As I promised you that I would do one day, on the day we
said good-bye!

***Phu quân của Nguyễn H Camha,
con gái CSVSQ Nguyễn Phú Hữu, Võ Bị K20***



Sách “Lược Sử Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam” Được Hoàn Thành Như Thế Nào?

*Thay mặt Ban Biên Soạn và Ban Hiệu Đính,
CSVSQ Võ Ý, K17*

Để thi hành Quyết Định của ĐHQĐ XXI tháng 6 năm 2018: “*Tiếp tục hoàn chỉnh và xuất bản sách LSTVB trong nhiệm kỳ 2018-2020, nếu được*”, Ban Chấp Hành Tổng Hội thành lập Ban Biên Soạn vào tháng 11 cùng năm. Một năm sau, tháng 11 năm 2019 hình thành Ban Hiệu Đính và Ban Trị Sự.



Tháng 3 năm 2021, nghĩa là sau hơn hai năm miệt mài làm việc, Ban Biên Soạn và thành Ban Hiệu Đính “hoàn chỉnh” sách Lược Sử và chuyển bản thảo đã layout cho Ban Trị Sự “để phát hành”.

Sách LSTVB được biên soạn dựa trên ba nguyên tắc:

1/ Dân Chủ, Đa Số: Mọi thành viên được quyền đưa ý kiến. Ý kiến cá nhân được toàn thể góp ý chỉnh sửa cho đến khi được

đa số chấp nhận.

2/ Dựa vào tài liệu “*Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam – Theo Dòng Lịch Sử*” do Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN in thành *Bản Thảo năm 2016*. Đây là quyết định của ĐHĐ XX mà Tổng Hội đương nhiệm tiếp tục thi hành. Ngoài ra Ban Biên Soạn & Ban Hiệu Đính còn dựa vào các nhân chứng sống và tài liệu trên internet.

3/ Ban Biên Soạn & Ban Hiệu Đính cũng đã “*hoàn chỉnh Bản Thảo*” dựa vào các nhận xét và các đề nghị được nêu ra trước Đại Hội Đồng trong Đại Hội XX, do Đại Hội Đồng này quyết định, vì nhiệm kỳ Tổng Hội 2016-2018 chưa hoàn thành các mục, như:

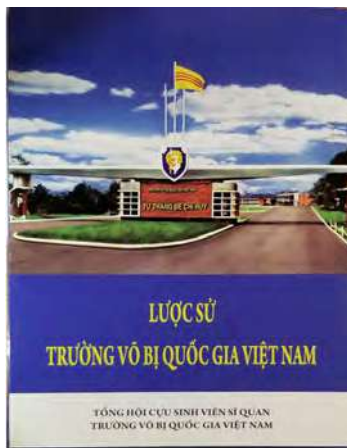
- *Tiểu sử các khóa nên theo một khuôn mẫu.*

- *Tránh lặp lại những điểm chung của mỗi khóa như tên trường, huấn luyện quân sự, văn hóa, lãnh đạo chỉ huy, hình ảnh trường ốc, SVSQ, v.v.*

- *Không nêu các kỷ niệm khó quên trong Tiểu Sử Khóa.*
- *Cần liệt kê chính xác theo alphabet các Danh Sách Khóa.*
- *Cần ghi chú đầy đủ rõ ràng các hình ảnh để đời sau nhận rõ nguồn gốc xuất xứ.*
- *Thêm danh sách các huấn luyện viên Quân Sự Vụ.*
- *Thêm Chương Vị Quốc Vong Thân và thêm Chương TVBQGVN sau 30/ 04/ 1975...*

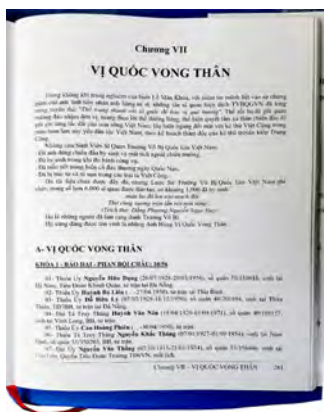
Hơn 2 năm biên soạn và xét duyệt, CSVSQ Tổng Hội Trường luôn có mặt, đặc biệt Giáo Sư Văn Hóa Vụ Tôn Thất Diên, K10, Trưởng Ban Hiệu Đính, không quản ngại tuổi cao, ngày đêm chỉnh sửa nội dung lẫn hình thức theo *nguyên tắc sử liệu là ngắn gọn và chính xác*.

Về tên cuốn sách, Ban Biên Soạn nhiệm kỳ 2018-2020 đề



ngộ lấy tên là “LƯỢC SỬ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM” (LSTVBQGVN) dựa theo chữ viết tắt LS/TVB của quyết định ĐHQĐ XXI. BBS không dùng tên TVBQGVN-TDLS, vì tên này đã được in thành sách vào năm 2017 và có khai báo bản quyền với chính quyền địa phương, (*Văn thư Báo Cáo Nội Bộ tháng 3/2021 của BBS*).

Sách Lược Sử cũng được Ban Biên Soạn xin **Copyright** và **Barcode** với chính quyền địa phương và sách cũng được layout bởi một chuyên viên về layout.



Trang đầu của Chương Vị Quốc Vong Thân

Tổng Hội dự định phát hành Sách nhân Đại Hội XXII vào cuối tháng 6 năm 2020. Rất tiếc, vì đại dịch việc biên soạn cũng như việc tổ chức Đại Hội đã bị trì hoãn. Dù vậy, tháng 3 năm 2021, các Ban liên hệ đã âm thầm làm việc và hoàn thành nhiệm vụ trong **tinh thần trách nhiệm và tự thắng**: Sách Lược Sử, được Ban Trị Sự chuyển cho nhà in tại San Jose vào tháng 3/ 2021, chào đời vào cuối tháng 4/ 2021.

Sách LSTVB dày 400 trang, khổ 11 x 8.5, khâu chỉ, bìa cứng nhựa vàng với cover hình màu, rất trang trọng và mỹ thuật. Sách gồm 10 chương, trong đó có những chương quan trọng như: Thành Quả Đào Tạo, Chấm Dứt Nhiệm Vụ, Vị Quốc Vong Thân, và Sinh Hoạt Tại Hải Ngoại.

Mục “Lễ Mãn Khóa Cuối Cùng” vừa cảm động vừa hào hùng. Mục “TVBQGVN sau 30/04/1975” và “Thay Lời Kết” do Thế Hệ 2 biên soạn như là biểu hiệu của sự **kế thừa lý tưởng** phục vụ Quốc Gia Dân Tộc của tiền nhân và các bậc Cha Chú Bác.

Một số thành viên trong ba Ban, nhận định được giá trị của

cuốn sách, đã tự nguyện ủng hộ một số ngân khoản đáng kể để in ấn.

Sách LSTVB trở thành tài sản chính thức của Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN, là niềm vui cho toàn thể CSVSQ trong suốt 9 năm, kể từ 2012 cho đến nay. Sách không bán mà dành để tặng các thành viên trong nội bộ Tổng Hội. Ủng hộ tùy tâm.

Sau khi sách được phân phối trong nội bộ, Ban Biên Soạn & Ban Hiệu Đính ghi nhận một số nhận xét của độc giả. Đa số khen tặng để khích lệ. Một số nêu những chi tiết không chính xác hoặc thiếu sót, cần điều chỉnh.

Ban Biên Soạn & Ban Hiệu Đính đã ghi nhận tất cả những góp ý này và sẽ trình lên Đại Hội XXII - 2022, nếu có, để Đại Hội này quyết định về việc hoàn chỉnh và phát hành.

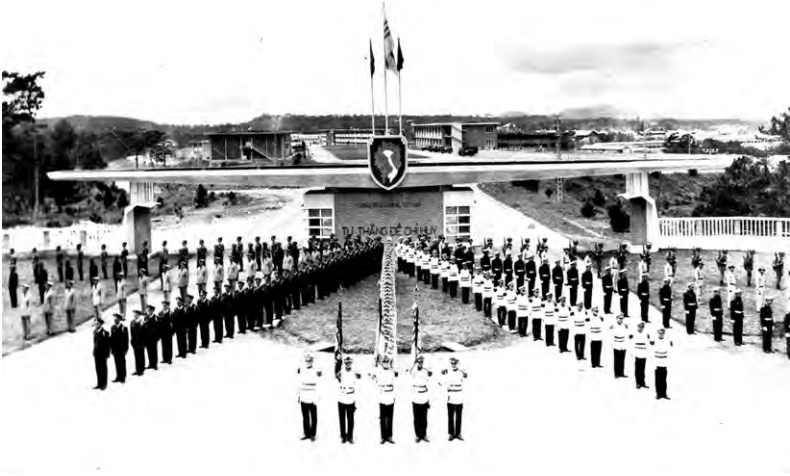
Ban Biên Soạn & Ban Hiệu Đính nhiệm kỳ 2018-2020 coi như đã hoàn thành trách nhiệm.



Bìa sau.



Bình An và Hạnh Phúc!



Kể Từ Mùa Thu Năm Ấy

Trần Kim Băng, K20

Tính đến nay đã 58 năm! Thời gian đi quá nhanh để nhớ về một Mùa Thu của năm 1963. Khi ấy, chúng tôi từ khắp mọi miền quê hương đất nước, sau một chuỗi các cuộc hành trình bằng mọi phương tiện giao thông khác nhau -- tuy khó khăn vì lúc ấy Việt Cộng, sau nhiều năm yên lặng, nay bỗng nổi lên gây rối loạn trên khắp các trục lộ, và gây sóng gió trong mọi sinh hoạt xã hội, chính trị miền Nam -- nhưng vì yêu đời lính cho nên chúng tôi đã vượt qua được mọi chướng ngại, đổ về đây, một địa điểm tuy không hên mà gặp, Câu Lạc Bộ Nhữ Văn Hải. Nơi đây chỉ là một địa điểm khiêm nhường nằm dưới chân Đồi Bắc, nơi có cùng vòng cao độ với các chân đồi Yên-Ngựa, Lap-Be-North, nhưng lại là đỉnh đồi 1515 của khung trời Đà-Lạt, là nơi tọa lạc của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Ông Nhữ Văn Hải là tên của một vị Niên trưởng

Khóa 16 đã hy sinh đầu tiên ngoài mặt trận.

Ngày chúng tôi đến đây, Câu Lạc Bộ này còn thuộc vào dạng “dã chiến” Không biết nó đã có từ năm nào nhưng mãi đến nửa năm sau -- kể từ khi khai giảng Khóa 20 -- nó mới được di dời đến cạnh con đường dẫn xuống Bãi Tập Tác Xạ của Trường Võ Bị và đã được xây dựng lại khang trang theo kiểu mới, dùng để đón tiếp khách đến thăm Trường và phục vụ thức ăn cho sinh viên sĩ quan.

Di dời tới địa điểm mới, Câu Lạc Bộ tuy không còn mang ý nghĩa “dã chiến” nữa nhưng đối với tôi, cái nét “dã chiến” đơn sơ mộc mạc của những năm xưa, ngày đầu tiên tôi nhìn thấy, mới thật đáng yêu, hấp dẫn và đã lưu lại hình ảnh trong trí nhớ tôi đến tận hôm nay. Bởi vì, với riêng tôi, “*cái thuở ban đầu lưu luyến*” với đời lính chính là ở đây!

Có thể quý Niên Trưởng và quý bạn đã biết, vào một buổi chiều hôm ấy, tại đây, lần đầu tiên trong đời, chúng tôi đang ngồi ăn uống thì nghe một thứ “quân lệnh” lạ tai nhưng rắn chắc, gọn gàng:

- “Tất cả các anh chú ý, các anh còn đúng năm phút nữa để ăn uống.”

Tức thì lời nói gây đụng chạm đến tự do cá nhân của mỗi người đang có mặt trong Câu Lạc Bộ. Đồng thời một cảm giác “khó chịu” len lén dâng lên trong tâm tư, có thể là một sự “bất mãn” ngầm đang khởi động trong đầu của những người vừa mới đến!

Cũng tại đây, ngày đầu đời lính, một anh bạn tôi chưa từng quen biết, cũng là người mới đến như tôi, và tôi tin chắc là anh cũng đang có cùng một tâm trạng khó diễn đạt như tôi, ngồi đối diện cùng bàn uống nước, vừa mỉm cười vừa nói nhỏ cho tôi vừa đủ nghe:

- “Đừng uống nhiều nước quá, lát nữa sẽ học ra hết.”

Tôi ngơ ngác nhìn anh, chẳng hiểu ý anh muốn nói gì nhưng

không hỏi.

Không lâu sau đó, năm phút trôi qua. Khi nhóm chúng tôi khoảng trên dưới 30 người lục tục bước ra khỏi cửa Câu Lạc Bộ thì lại nghe một “quân lệnh” khác:

- “Tất cả nhanh lên, các anh xếp thành ba hàng ngang, ngay bây giờ!”

Sau khi ba hàng ngang vừa được thiết lập xong thì thấy mỗi hàng có một Sinh Viên Cán Bộ nai nịt gọn gàng, áo quần kaki màu vàng trắng nếp, mang cầu vai Alpha đỏ, khăn quàng cổ màu xanh lam có thêu phù hiệu của “Trường Võ Bị” ở giữa, găng tay trắng, mũ và đôi giày xô bóng loáng, thoạt nhìn tưởng là tượng gỗ biết đi, đứng ngay vào mỗi đầu hàng của chúng tôi.

Bất thình lình một tiếng hô “ng nghiêm!” khô khan, dứt khoát vang lên, thoát ra từ một anh Sinh Viên Cán Bộ khác, cũng với quân phục y trang như ba người kia.

Tiếp theo lại là một “quân lệnh” khác nữa, cũng khô khan, đanh thép, và dứt khoát:

- “Các anh chú ý nghe đây. Ngay tại đây, ngay bây giờ các anh có quyền tự do quyết định muốn, hoặc không muốn gia nhập Quân Ngũ. Nếu không muốn, các anh được quyền bước ra khỏi hàng, trở về với đời sống dân sự ngay lập tức, không có gì trở ngại. Các anh có một phút để suy nghĩ và quyết định.”

Sau một phút im lặng tôi không thấy ai bước ra khỏi hàng; thế là mọi người trong nhóm chúng tôi đã dứt khoát tiến về phía trước. Trước khi bước qua cổng Nam Quan (*có người gọi đây là cổng lò luyện thép*), chúng tôi được cán bộ đứng mỗi đầu hàng hỏi này, cho biết mình thuộc về trung đội nào, đại đội nào và dặn dò chúng tôi:

- “Các anh hãy nhớ lấy!”

Rồi lại nghe lệnh:

- “Các anh chạy theo tôi!”

Khi mới chạy được khoảng ba phút, tôi mới chợt nhớ lại lời anh bạn hồi nãy ngồi đối diện với tôi ở Câu Lạc Bộ, khuyên tôi, “*đừng uống nước nhiều quá, lát nữa sẽ hộc ra hết.*” Lúc đó tôi mới hiểu và thâm nghĩ với một chút thán phục, “*Làm thế nào mà anh bạn ta lại biết trước được ‘đoạn trường’ như thế này. Hay thật!*” Mãi sau này tôi mới biết anh ta có một người anh đã từng chạy theo cái lộ trình này rồi, nên anh mới biết và đã chuẩn bị tâm tư.

Vâng! Cũng trên lộ trình này, chúng tôi đã một thời chạy theo quý Niên Trưởng. Sau đó vẫn thế và bây giờ vẫn vậy. Nhưng từ ngày mất quê hương, muốn đến được mục tiêu đã định, thì phải đổi hướng. Chỉ tiếc rằng khung trời Đà Lạt không còn mộng mơ, êm đềm như trước để chào đón những người yêu Bình Nghiệp từ khắp nơi đổ về đây mỗi độ Thu về. Thật buồn và tiếc!

Chúng tôi xác quyết, chắc chắn là như vậy! Lộ trình đã chọn, cho dù biết trước có nhiều chông gai luôn chờ đón, nhưng ý chí và niềm tin vững chắc đã thúc đẩy chúng tôi không ngừng tiến tới. Niềm tin ấy đến nay, sau 58 năm vẫn chưa mất, ý chí ấy vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng thật đáng tiếc: Thề chất đã cạn kiệt (!) nhưng lộ trình phía trước thì vẫn còn dài thăm thẳm! Đã 46 năm quân Cộng Sản cướp được miền Nam, thế mà đồng bào của chúng ta trên vùng đất quê hương vẫn còn đang rên xiết! Ánh sáng của Tự Do và Tình Con Người vẫn chưa hé mở! Giặc Cộng Sản Bắc Kinh vẫn không ngừng tham vọng thôn tính nước ta bằng mọi thủ đoạn thâm độc, trong khi bạo quyền Cộng Sản Hà Nội thì lại yếu đuối, hèn hạ, và cũng thâm độc không kém đối với chính con dân nước mình! Không thể đoán biết được việc gì sẽ xảy ra với đất nước ta và dân ta. Nỗi khốn khó của chúng tôi hiện tại, suy tư, ước vọng đã mòn mỏi, còn hành động thì nằm ngoài tầm tay. Nếu có chúng tôi chỉ còn biết cố gắng dùng ngòi bút thay cho tay súng năm xưa, được phần nào hay phần ấy, hy vọng có thể giúp cho thế hệ đi sau, có thêm ý chí bảo vệ Chính Nghĩa Quốc Gia đã và đang

dần dần bị hao mòn.

Dòng đời vẫn trôi theo thời gian, lừng lững vô tư, không ngừng lại!

Cứ mỗi độ Thu về là một lần thêm tuổi đời đê nặng xuống đôi vai, và chúng ta lại có dịp nhìn lại lộ trình đã đi qua. Thật chua xót! Nhiều bạn của chúng ta, vì chiến đấu bảo vệ Tự Do cho miền Nam, đã vĩnh viễn nằm xuống trong vùng đất quê hương từ hàng chục năm trước! Nhiều bạn đã bỏ lại thân xác trong các trại tù “cải tạo” sau năm 1975! Nhiều bạn đã ra đi bằng những chiếc ghe mong manh cố vượt đại dương sau ngày mất nước, không bao giờ còn gặp lại nữa! Nhiều bạn đã mất một phần thân thể sau cuộc chiến, vẫn không bỏ cuộc chơi. Không một ai trong chúng ta lại có thể chống đỡ được “định mệnh”, nên đành phải miễn cưỡng chấp nhận quy luật tự nhiên “sinh, lão, bệnh, tử”. Vì thế mà quân số chiến đấu của chúng ta, cứ mỗi năm lại vơi đi một ít! Đành chịu!

Cứ mỗi độ Thu về, chúng ta lại nhớ đến Vũ Đình Trường, nơi tổ chức lễ hàng năm đưa tiễn người cũ lên đường, và chào mừng người mới đến. Nhưng thật chua xót! Niềm tự hào và hy vọng đã biến mất từ Mùa Thu năm 1975. Từ đó, trong vùng không gian tĩnh mịch của đôi 1515, không ai còn nghe thấy tiếng sáo Truy Điệu hàng năm của những đêm trước ngày Mãn Khóa.

Hôm nay hồi tưởng lại hình ảnh và âm thanh của Khóa 20 chúng tôi, tôi nhớ đến anh Đỗ Bá, Đại đội E, người có tính vui nhộn nhưng điềm tĩnh, thích làm thơ, và có khả năng đưa tiếng sáo rất tuyệt diệu của anh đến tai người nghe. Chính anh là người đã đưa tiếng sáo “Hồn Từ Sĩ” vào tai đồng đội, đêm truy điệu trước ngày mãn khóa của Khóa 20. Cũng chính anh là người đã hy sinh (năm 1966) đầu tiên của Khóa 20 trên chiến trường, vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Nhân dịp này tôi xin được gửi tới anh đôi lời:

Thưa anh Đỗ Bá thân mến,

Đêm nay ngồi viết những dòng tâm tình này, tôi nhớ anh nhiều và tưởng tượng như anh đang có mặt ở đây, đang kể chuyện vui theo lệnh của Niên Trưởng Cán Bộ thời Tân Khóa Sinh Khóa 20 cho chúng tôi nghe. Thời đó chúng ta mới bước chân vào ngưỡng cửa Bình Nghiệp, thật khô khan, còn nhiều ngu ngơ, bỡ ngỡ, nhớ nhà, và vẫn còn một chút ngẩn ngơ luyến tiếc cái thưở tự do rong chơi của đời sống dân sự. Anh đã giúp vui cho bè bạn.

Tôi còn nhớ câu chuyện vui hôm ấy, anh kể trong giờ giải lao với đề tài “may má, may tay” khá duyên dáng. Và sau đó, suốt “tám tuần sơ khởi”, thỉnh thoảng anh còn kể nhiều chuyện vui khác nữa. Thế mà từ dạo đó đến nay, thấm thoát đã 58 năm rồi, nhanh



*SVSQ Đổ Bá, Khóa 20,
1964*

thật! Chắc anh còn nhớ rõ phải không? Giá như giữa anh và tôi, đêm nay đừng có “âm, dương các biệt”, thì chúng ta đã có một buổi tiệc trà chu đáo, đàm đạo với nhau, thật vui! Rất tiếc là anh được gọi về Thiên Trúc sớm quá, còn tôi, đến nay vẫn còn lặn lội nơi Trần Thế. Nhưng không vì cách biệt “âm dương” mà chúng ta tiếc nhau lời nói; vả lại tôi thiết nghĩ, anh vẫn có thể hiểu được tôi, cho nên tôi không ngại nói, và cũng chẳng còn bao lâu nữa thì chúng ta sẽ lại cùng nhau trùng phùng bên Thiên Trúc, khi ấy thời gian dành cho chúng mình sẽ thật dài.

Chắc anh vẫn còn nhớ Phạm Đức Hùng, người cùng Trung Đội với anh, thời Sinh Viên Sĩ Quan năm thứ hai. Phòng nó nằm đối diện với phòng anh ở tầng trệt (first floor), còn tôi ở tuốt trên lầu ba (third floor). Bây giờ, thỉnh thoảng gặp tôi ở đây, nó vẫn nhắc tên anh và kể lại cho tôi nghe rằng cứ mỗi lần anh sáng tác được một bài thơ mới thì anh lại gõ cửa phòng

nó, khoe và đọc cho nó nghe, rồi cùng cười thoải mái với nhau. Tôi hình dung được nguồn vui giữa hai người bạn lúc ấy. Thú vị thật đấy! Chỉ tiếc là những khoảng thời gian thích thú như thế không nhiều và không thể kéo dài thêm được. Lẽ thường tình, ‘ngày vui ngắn chẳng đầy gang’.

Thằng Hùng còn kể cho tôi nghe, một lần đi thực tập bài học Chiến Thuật “Nguy Trang và Ấn Núp” trong vùng địa hình của Ấp Thái Phiên, anh đã có những sáng kiến khá độc đáo. Tôi nhớ bài học này tôi cũng đi tham dự nhưng không có



Các CSVSQ Khóa 20 chụp ảnh lưu niệm.

tên trong nhóm thực tập cùng với anh và Hùng, mặc dù chúng ta cùng Đại Đội E và trong Danh Sách Điềm Danh, tên tôi đứng liền sau tên anh.

Hôm ấy, anh vào nhà dân mượn một bộ đồ đen mặc vào, một cái nón lá đội vào, và một con dao rựa cầm tay, anh đã bôi mặt nguy trang giống hệt như một tên Việt Cộng khát máu. Anh đã phục kích, hù dọa, và vung dao rượt đuổi một anh bạn Đại Đội G, làm cho anh ta cứ tưởng là bị VC nó đuổi thật, khiếp vía! Về phần thực tập “Nguy Trang” như thế là quá hay! Hồi đó, cứ mỗi lần học Chiến Thuật thì hai đại đội E, G lại được học chung với nhau, chắc anh còn nhớ! Thằng Hùng hôm ấy cười muôn “bể bụng” và nhớ mãi. Đúng là một kỷ

niệm quân trường thật vui, khó quên, phải không? Làm sao mà chúng ta có lại được một vùng không gian và thời gian như thế nữa!? Tiếc thật! Cứ mỗi lần nhắc lại chuyện vui buồn xa xưa, thời “vàng son” của chúng mình, đặc biệt là với thằng Hùng nó kể chuyện về anh, thì tôi lại hình dung và tưởng chừng như anh đang hiện diện ở đây, mỉm cười bên cạnh chúng tôi!

Mấy hôm nữa đây, tôi sẽ đến đón nó (thằng Hùng) cùng đi dự tiệc “Kỷ niệm ngày mãn khóa của Khóa 20, Mùa Thu 1965 - Mùa Thu 2021”. Thằng Nguyễn Hữu Quang, cùng Đại Đội E với tội mình, đứng ra tổ chức buổi hội ở San Jose. Chắc anh còn nhớ thằng Quang, nay nó đi khắp khiêng, chậm chạp và đang mang trong người một căn bệnh thuộc đường tiểu rất khó chịu. Bác sĩ nói không thể chữa được; nhưng nó vẫn cười. Thật tội nghiệp! Còn thằng Hùng thì nay không còn lái xe được nữa, tôi hứa sẽ giúp nó khi cần. Cũng còn rất nhiều bạn Khóa 20 của chúng ta, tuổi già sức yếu, đang bị bệnh tật hành hạ thật đáng thương nhưng không tiện kể cho anh nghe ở đây.

Hôm nay Khóa 20 Bắc California tổ chức Kỷ Niệm 56 Năm Ngày Mãn Khóa. Tôi rất vui được đón tiếp anh chị Nguyễn Cảnh Nguyên, Đại Đội H, từ tiểu bang Iowa, tiểu bang nông nghiệp của Mỹ đến thăm thành phố San Jose trong thung lũng hoa vàng của tiểu bang California rất đúng lúc và cùng tham dự tiệc vui với chúng tôi. Anh chị Nguyên -- vì ở xa San Jose nên rất ít khi có dịp xuất hiện, đã lâu rồi nay mới gặp lại -- vẫn còn sức khỏe tốt. Rất mừng và xin chia vui cùng anh chị!

Thưa anh Bá, đây chỉ là một vài mẩu tin kể anh nghe, cũng có thể là hồi ức, hoặc có thể là tin mới toanh, hoặc vui, hoặc buồn, không quan trọng -- còn lưu lại trong trí nhớ, chứ không phải là tưởng tượng -- có lẽ của riêng Đại Đội E phần lớn, xảy ra hồi chúng ta còn chưa va chạm với chiến trường khốc liệt như thời gian sau ngày anh vắng mặt.

Còn riêng hôm nay, ngày Thứ Bảy 20-11-2021, là ngày Kỷ Niệm Mãn Khóa của Khóa 20 Lần Thứ 56, Nguyễn Hữu

Quang đã đặt tiệc sẵn tại Nhà Hàng. Hôm nay được dịp nhìn lại các bạn ta -- sau 2 Mùa Thu bị ngăn cách vì Cúm Vũ Hán hoành hành -- ở tuổi hơn tám bó, tuy có khác nhau đôi chút về hình hài, thể chất, nhưng ý chí các bạn ta vẫn vậy. Tôi thiết nghĩ, ở tuổi này, chúng ta đã trả hết nợ “tình” cho sông núi; nhưng còn nợ “nghĩa” với đồng bào thì chưa, và sẽ chẳng bao giờ trả hết. Cũng còn rất nhiều chuyện vui, buồn khác của Đại Đội E, trong đó có nhiều chuyện liên quan tới anh, và của chung cả Khóa 20 nữa, kể ra không hết, tính từ ngày anh từ giã chúng tôi để về Thiên Trúc. Nhưng thôi, để chừng nào chúng ta gặp lại nhau, mà chắc cũng không còn lâu nữa đâu, lúc ấy chúng ta có nhiều thời gian rảnh rỗi, tôi sẽ lại kể chuyện tiếp cho anh nghe.

Tạm thời bây giờ, chúng ta cùng quay về với xã hội loài người trong mấy năm gần đây. Đã hai Mùa Thu đi qua. Từ Mùa Thu 2019, Mùa Thu 2020, cho đến bây giờ là Mùa Thu 2021, cả thế giới đã và đang còn bị con “Virus Vũ Hán” tấn công kịch liệt. Chưa chấm dứt, nó đã gây chết chóc thảm sầu cho hàng triệu gia đình. Không chỉ riêng trong phạm vi một quốc gia nào hay vùng đất nào, mà toàn thế giới bao gồm hơn hai trăm quốc gia và các hải đảo, nơi nào cũng có người bị virus giết chết. Vì thế mà các nơi tổ chức những cuộc vui chơi và các nơi tổ chức sản xuất, bệnh viện, trường học, nhà thờ, thường có đông người cùng tham dự đều bị ngăn cấm mọi sinh hoạt vì sợ bị lây lan.

Suốt hai năm trời gò bó, nay mới được nói lỏng đôi chút. Nhưng hình như có điều gì đó ngoại lệ, là nhiều nơi người ta coi con Virus như “pha”, họ rất khinh thường đại dịch, chẳng hạn như: rất đông người chen lấn để xem các trận cầu quốc tế. Bên cạnh đó, những người có trách nhiệm cao, như Thống Đốc, Chủ Tịch Quốc Hội chẳng hạn, tuy miệng họ nói lời khuyên người khác là phải cẩn trọng, nhưng khi họ tụ họp chung vui với gia đình, bè bạn thì họ lại rất tự nhiên, chẳng hề phòng, chẳng coi Virus ra cái “thá” gì cả. Hình như Virus chỉ

tấn công những mục tiêu có lựa chọn!? Không biết có phải thế không? Anh Bá ở bên Thiên Trúc có ý kiến gì không?



Các phu nhân của Khóa 20 tham dự buổi họp khóa.

Không chỉ nhìn vào số lượng người chết vì đại dịch (*tin mới nhất 20-11-2021 từ WHO: 5,170,950 người chết*), mà còn phải nhìn sâu vào nền kinh tế thế giới vô cùng trì trệ sau cơn đại dịch. Các công ty thuộc mọi ngành chuyên môn, các dịch vụ lớn, nhỏ đều ngưng hoạt động; từ đó, một số người đã nêu nhận định:

- “Nào có khác gì cuộc Chiến Tranh Thế Giới Lần Thứ Ba đang diễn ra, bị châm ngòi ở Vũ Hán!”

Vâng, đúng vậy! Chẳng khác gì loài người không chỉ bị giết chết bằng bom đạn từ con người, mà còn bằng các trận đại dịch từ các Vi Khuẩn. Những cơn số hàng trăm triệu người bị giết chết qua mỗi lần đại dịch hoành hành trên thế giới, từ trước đến nay đã cho thấy, nó kinh khiếp hơn nhiều so với chiến tranh giết nhau bằng bom đạn. Ví dụ: Trận Đại Dịch Cúm Tây Ban Nha xảy ra năm 1918-1919 đã giết chết hơn 100 triệu người trong khoảng thời gian một năm, so sánh với cuộc Đại Chiến Thế Giới Lần Thứ Hai 1939-1945, tổng số người chết chưa tới 50 triệu trong khoảng thời gian năm năm, trong đó số thường dân bị giết chết lại nhiều hơn số chiến binh.

Theo nhiều thống kê cho biết trong nhiều cuộc chiến tranh từ trước đến nay, người dân luôn là nạn nhân bị thua thiệt đậm đà nhất. Và vì con người luôn sợ chết, sợ bệnh tật, sợ chiến tranh, cho nên đã là mục tiêu của chính con người nhắm tới, lợi dụng để làm lợi cho riêng mình. Bản thật!

Rất may mắn, đại gia đình Võ Bị chúng ta có vài người bị con Virus Vũ Hán gây thương vong. Chỉ một vài người khác bị nó vượt nhẹ, không nặng tay lắm cho nên đã được chữa lành ngay. Dù đang ở trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng nên cảm ơn Thượng Đế và cầu nguyện cho mọi người cùng thoát được cơn đại dịch hiện nay. Cũng xin mọi người cầu nguyện cho công lý, hòa bình, và sự thật được sáng tỏ ở khắp mọi nơi.

Thưa anh Bá,

Cuộc đàm đạo của chúng ta tuy chưa đủ nhưng cũng đã dài. Anh đã thừa hiểu, “bức tranh vân cẩu” nơi Trần Thế môn hình vụn trảng, đầy phức tạp, hỗn loạn không tài nào có thể kể hết được. -- không đơn giản và bình an như trên Thiên Trúc, nơi anh đang hưởng thụ (*tôi đoán vậy, không biết có đúng không*). Có một điều rất lạ và rất thường, là dưới Trần Thế, có lẽ anh đã biết, mọi người thường khuyên nhủ lẫn nhau:

- “*Đừng quá tham lam vì mai kia một nợ, khi về Thiên Trúc sẽ chẳng mang theo được gì.*”

Tuy chẳng ai phản đối ý kiến đó, nhưng cũng chẳng ai nghe, và khi có dịp tham thì họ vẫn cứ tham, dù biết tham là nguyên nhân đưa đến chiến tranh, thù hận... Mặc kệ, cứ quơ về cho mình trước đã, mọi chuyện tính sau mà nếu có chiến tranh thì cũng chẳng sao! Đây là đặc tính rất “người” của con người, phải không anh!

Xin hẹn lần sau và xin chào tạm biệt anh.

Mùa Thu San Jose 25.11.2021



Đôi Mắt Mùa Xuân

Phạm Tín An Ninh

Nếu không nhờ đôi mắt ấy, có lẽ tôi không bao giờ nhận ra vợ chồng người bạn trẻ, từng là ân nhân đã giúp tôi giữ được mạng sống của nhiều đồng đội và của cả chính mình, thời tôi còn lẩn lộn trên chiến trường, khi lẫn ranh sống chết nhiều khi còn mỏng hơn sợi tóc.

Cuối năm 1966, vừa rút ra khỏi Mật Khu Lê Hồng Phong, Phan Thiết, tôi dắt đại đội theo toàn bộ tiểu đoàn di chuyển lên Quảng Đức, tham dự một cuộc hành quân dài hạn nhằm truy lùng một đơn vị địch mới xâm nhập từ biên giới Miên-Việt. Cuộc hành quân kết thúc vài ngày trước Tết Nguyên Đán, nhưng tiểu đoàn có lệnh phải tiếp tục ở lại, biệt phái dài hạn cho Tiểu Khu Quảng Đức. Tiểu đoàn (-) về nghỉ quân tại Đạo Nghĩa, một khu dinh điền do Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng lập nhằm định cư di dân từ miền Bắc sau Hiệp Định Genève, và cũng để tạo thành một vòng đai chiến lược. Riêng đại đội tôi được “solo” xuống tăng cường cho Chi Khu Kiến Đức, một quận hầu hết dân cư là người Thượng và tương đối mất an ninh. Quận trưởng lúc ấy là một sĩ quan lớn tuổi gốc Lực Lượng Đặc Biệt, người Kinh, tuy chỉ mang cấp bậc trung úy nhưng khá dày dặn, nhiều kinh nghiệm chiến trường. Các sĩ quan còn lại trong Chi Khu phần đông là người Thượng,

gốc Bảo An đồng hóa.

Sau một cuộc hành quân táo thanh chung quanh khu vực, đại đội tôi về đóng quân bên cạnh Chi khu để binh sĩ ăn Tết. Nói vậy thôi, chứ lính đánh giặc thì có cái gì để mà ăn Tết, ngoại trừ được ăn cơm nóng thay vì gạo sây lương khô. Riêng tôi, được ông quận trưởng biếu cho mấy lon bia và một gói đậu xanh với đường đen để nấu chè đón giao thừa. Tôi cho ban chỉ huy đại đội và trung đội vũ khí nặng đóng quân trên ngọn đồi thấp giữa một vườn cà phê khá lớn, nằm không xa quận lỵ. Ngọn đồi chỉ là một cái chằm rất nhỏ giữa trùng điệp những vòng cao độ trên tấm bản đồ quân sự đang có trên tay tôi, nhưng đây là một vị trí có xạ trường tốt và tầm quan sát bao quát chung quanh. Mặc dù chỉ còn hai ngày nữa là Tết, tôi vẫn lệnh cho đại đội luôn trong tư thế tác chiến. Ban ngày các trung đội táo thanh chung quanh, tối tổ chức các toán tiền đồn và phục kích theo tin tình báo của Chi Khu.

Phía dưới chân đồi là con đường đất và bên kia đường là ngôi trường tiểu học. Trường chỉ gồm một dãy nhà cũ kỹ, mái tôn gỉ sét phủ đầy bụi đỏ. Đang mùa mưa, cả sân trường và các con đường chung quanh đều đầy bùn đỏ, nhão nhoẹt, nên bọn tôi cũng không muốn bước vào.

Buổi chiều ba mươi Tết, khi đang nằm trên võng mơ màng, hồi tưởng đến những cái Tết ngày xưa, thời còn thơ ấu ở quê nhà, bỗng tôi nghe văng vẳng tiếng đàn và tiếng hát khá hay, đặc biệt giọng hát không có chút âm hưởng gì của một người sắc tộc, tôi tò mò rủ thêm hai chú lính rảo bước xuống chân đồi, đi vào trường, tìm đến nơi phát ra tiếng hát. Khi thấy bọn tôi lấp ló ngoài cửa, một thanh niên cầm đàn bước ra cười chào mừng rỡ, mời vào phòng. Trông anh còn rất trẻ như một thư sinh, nên tôi khá ngạc nhiên khi nghe anh tự giới thiệu mình là hiệu trưởng, và căn phòng lớn nguyên là một lớp học được sửa sang lại làm chỗ ở cho anh. Trong phòng đang có một đám học trò, toàn là người Thượng, cả nam lẫn nữ. Bọn tôi đưa tay chào và mời thầy trò cứ tiếp tục cuộc vui. Anh

hiệu trưởng yêu cầu tôi hát tặng thầy trò anh một bài, nêu lý do đám học trò hồi giờ chỉ nghe có mỗi giọng hát của anh nên cũng chán. Tôi khó từ chối, nên gặt đầu nhờ anh dạo đàn rồi đứng lên hát bài “Con Đường Mang Tên Em”, bài ruột của tôi khi ấy, vì cứ mỗi lần nghỉ quân, lính tráng thường năn nỉ “*ông thầy hát bài rất tình này cho tụi em nghe để thầy đời còn lên hương một chút.*” Trong những ánh mắt của các cô cậu học trò chăm chú nhìn lên, tôi bỗng lưu ý tới một đôi mắt đẹp, mở to, xanh biếc. Cô bé khoảng 14 - 15, có khuôn mặt khá xinh, mái tóc rối, màu nâu đỏ, mang nét hoang dại của núi rừng. Tiếc rằng ngày ấy không có máy ảnh, và tôi lại dốt về vẽ, nên chẳng giữ lại được hình ảnh đặc biệt của đôi mắt này, nhưng rồi nó vẫn ở mãi cùng tôi trong ký ức.



Ông thầy giáo trẻ luôn tỏ ra mừng rỡ, vồn vã. Có lẽ từ khá lâu rồi anh mới gặp lại những người Kinh. Anh ngưng hát, bảo **đ á m** học trò phụ anh làm thịt một con gà, nấu cháo **đ ă i** bọn tôi. Tôi xin cho bọn tôi được góp phần. Tôi nhờ chú lính chạy về lấy mấy ký gạo, một xâu bia, và gói đậu xanh cùng những thỏi đường đen của ông quận mới cho. Một buổi tiệc dã chiến xem như mừng giao thừa sớm, cũng vui và cảm động. Kể từ hôm ấy, tôi trở thành bạn của anh thầy giáo hiệu trưởng, có tâm hồn nghệ sĩ và rất dễ thương này. Quê anh ở Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Sau khi đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp anh thi vào một Khóa Sư Phạm Cấp Tốc và chỉ học một năm thì tốt nghiệp. Chờ khá lâu mà chưa tìm được chỗ dạy, hơn nữa nhà nghèo, cần phải phụ giúp mẹ già lo cho hai đứa em nhỏ đang tuổi học hành, anh tình nguyện lên “vùng cao” nhận ngôi trường này, một nơi mà ai cũng chê. Vài người được chỉ định nhưng tìm cách chạy chọt để được ở lại hay chuyển về nơi khác. Nhưng bù lại, trong cùng khóa sư phạm mới ra trường, anh là người đầu tiên được nhận chức danh hiệu trưởng, ngoài ra còn được phụ

cấp thêm một số tiền “đất đỏ, vùng cao”. Anh ở đây đã tròn một năm. Tháng ngày gần như chỉ ở trong trường, làm bạn với đám học trò, hầu hết nói tiếng Việt chưa thông và hoàn toàn khác phong tục, tập quán. Nhưng cũng nhờ cuộc sống hiu quạnh giữa núi rừng này, lương tháng nào anh cũng còn nguyên để gửi về phụ mẹ, giúp các em ăn học. Học sinh không nhiều, có khi hai lớp khác trình độ phải dồn lại học chung. Ngoài công việc hiệu trưởng, anh còn phải dạy thêm lớp Nhì và lớp Nhất, nhưng cũng chỉ gần hai mươi học sinh được gộp lại thành một lớp. Có đưa đi học trễ, nên dù cùng lớp nhưng tuổi tác khá chênh lệch nhau.

Từ khi quen biết anh, lúc nào không bạn hành quân, đặc biệt những dịp cuối tuần tôi đều ghé lại trường ca hát, ăn uống với anh. Dù vậy, tôi cũng thận trọng, không dám cho anh vào gặp tôi trong khu vực đóng quân.

Điều vui là lần nào ghé lại, tôi cũng gặp vài cô học trò xúm xít bên anh, giúp anh dọn phòng, nấu nướng. Trong số này có cô bé mang nét đẹp hoang dại với đôi mắt to, xanh biếc, từng làm tôi bất ngờ xao xuyến. Nhờ có thầy trò anh mà những ngày sống giữa núi rừng đất đỏ buồn hiu này trở nên thú vị. Tôi còn học được một số tiếng Ê-đê và vài tập quán khá lạ lẫm của họ. Đặc biệt khi sống gần họ, những con người hiền lành chân chất ấy, tôi cảm thấy tâm hồn mình trở nên nhẹ nhàng yên ả, tạm quên phía trước đang có nhiều trận chiến đẫm máu đang chờ.

Một hôm, khi trời sắp tối, anh thầy giáo nhờ một người lính nhắn tôi ra gặp anh gấp. Thấy anh có vẻ bồn chồn, lo lắng, trên môi không còn nụ cười vui vẻ như trước đây, tôi ưu tư, không biết có chuyện gì. Anh kéo tôi vào trong phòng, đóng kín cửa lại, bảo nhỏ cho tôi biết là một đám Thượng Cộng sẽ tổ chức pháo kích và tấn công vào khu vực đóng quân của tôi, có thể ngay trong tối hôm nay. Anh bảo chính cô bé học trò có đôi mắt đẹp ấy, vừa chạy vào cho anh biết để báo tin gấp cho tôi. Cô bé cũng tỏ ra lo lắng lắm. Một người bạn của cô có cha mẹ

quen biết, dính dáng đến đám Thượng Cộng này. Tôi bắt tay cảm ơn rồi vội vàng trở về đại đội, lệnh cho im lặng vô tuyến và âm thầm rời khỏi vị trí, di chuyển đến đóng quân tạm tại một địa điểm khác cách đó không xa, báo cho ông Chi Khu Trưởng biết, để có kế hoạch đề phòng, và cho Pháo Binh một số tọa độ tiên liệu để yểm trợ khi cần thiết.

Và đúng như vậy, vào khoảng một giờ khuya hôm ấy Cộng quân đã pháo kích vào ngay vị trí Ban Chỉ Huy Đại Đội của tôi trên đỉnh đồi trong vườn cà phê, nơi tôi vừa rời khỏi, bằng hai khẩu súng cối 82 ly, bắn đi từ hai hướng. Tôi đã may mắn, kịp thay đổi phòng tuyến để đánh lừa, và có kế hoạch bao vây chúng, nhưng không hiểu vì sao chúng không tổ chức tấn công, nên đại đội tôi đã mất một dịp lập chiến công. Pháo Binh của Chi Khu phản pháo kịp thời, nhưng không hiệu quả, có lẽ không biết chính xác vị trí hai khẩu pháo của địch. Sáng hôm sau, trở lại vị trí, tôi giật mình khi thấy đạn pháo đã cày nát vị trí đóng quân của mình. Ngay chỗ tôi nằm, bây giờ trở thành mấy cái hố sâu, cỏ cây tung tóe.

Tôi kể cho ông quận trưởng biết sự tình. Ông cho mời anh thầy giáo vào quận khen thưởng và đãi anh cùng bọn tôi một chiều. Nhưng anh bảo, công này không phải của anh, mà là của cô học trò người Thượng. Hôm sau, chính tôi đã mang quà của ông Quận đến kín đáo trao cho cô bé, nói nhỏ lời cảm ơn, và cùng ăn uống hát hò với thầy trò suốt ngày hôm ấy.

Khoảng năm tháng sau, đại đội tôi có lệnh rời khỏi Kiến Đức, đến phi trường Nhơn Cơ, sáp nhập với tiểu đoàn, để được không vận về Di Linh tiếp viện cho một đơn vị Biệt Động Quân bị địch quân phục kích và đang tăng cường vây hãm. Tôi chỉ kịp ghé lại trường vài phút để vội vã chia tay anh. Tôi mang tặng anh tấm poncho-light (*loại chăn đắp rất mỏng và nhẹ*) của một anh Cố Vấn Mỹ đã tặng tôi trước khi về nước. Anh bảo sẽ rủ đám học trò ra ngã ba, nơi đoàn xe đang chờ, để tiễn tôi đi, nhưng tôi ngăn lại, không cho, bảo là không còn nhiều thời gian và tôi cũng rất bận với đồng đội của mình.

Tiểu Khu cho biết đã có một đại đội Bảo An mở đường, an ninh lộ trình, nhưng khi đoàn xe đến một ngã ba thì bị Cộng quân phục kích. Chiếc xe phía trước tôi bị giạt mìn ngay chỗ đoạn đường đang sửa chữa. Tôi nhảy xuống khỏi xe vừa điều động phản công vừa gọi Pháo Binh yểm trợ và xin L-19 bao vùng. Mặc dù bất ngờ, và khoảng phân nửa một trung đội trên chiếc xe đầu bị giạt mìn, bất khiển dụng, nhưng nhờ những người lính thiện chiến, can đảm, giàu kinh nghiệm, nên đại đội tôi kịp làm chủ tình hình. Khi đang đứng liên lạc tìm chiếc L-19 để hướng dẫn đến vị trí, một quả đạn súng cối rơi xuống cách tôi khoảng mấy mét, mảnh đạn đâm vào chân trái làm tôi có cảm giác tê buốt. Sau khi được anh y tá chích thuốc cầm máu, sát trùng và băng bó, tôi giao đại đội lại cho anh đại đội phó, và thay vì đi đến phi trường Nhơn Cơ, tôi được tản thương cùng các thương binh khác về bệnh viện tỉnh Quảng Đức ở Gia Nghĩa. Trưa hôm sau, Ông Chi Khu Trưởng Kiến Đức đến thăm, chở theo anh thầy giáo và cô học trò người Thượng đã từng giúp tôi một lần thoát chết trước đây. Cả hai người đã ôm chầm lấy tôi mà khóc, làm tôi cũng chạnh lòng.

Sau vài ngày, tôi được chuyển tiếp xuống Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang, ngay quê tôi, bằng loại máy bay Caribou của Úc Đại Lợi. An ủi phần nào vì được gặp lại cha tôi mỗi ngày và một số bạn bè thường xuyên đến thăm. Cái chân trái của tôi bị thương khá nặng, nhưng may mắn là không bị cưa. Tôi phải điều trị ở đây hơn ba tháng. Những ngày nằm treo cái chân băng bột cứng đơ lên thành giường, nghe những đồng đội thương binh bên cạnh rên xiết, tôi càng nhận ra mình chỉ là một thằng lính mạt hạng, năm tháng chỉ còn biết có đồng đội, súng đạn, chiến trường, và ranh giới giữa sống-chết nhiều khi còn mỏng hơn sợi tóc, thì đâu dám mơ gì đến chuyện tương lai hay công hầu khanh tướng! Đôi lúc, nhớ tới tiếng đàn giọng hát của anh thầy giáo trẻ và nhất là đôi mắt của cô bé học trò người Thượng, tôi cũng có chút xao xuyến, chạnh lòng. Đôi mắt hồn nhiên yên ả như mặt nước hồ thu

giữa núi rừng tĩnh mịch mà sao cứ làm tôi gợn sóng mãi trong lòng. Tôi viết thư thăm và báo tin về cái chân ngày một phục hồi, nhưng mãi đến khi sắp xuất viện tôi mới nhận được tấm carte-postal, chỉ viết mấy dòng, với nét chữ của hai người. Tôi bỗng nhớ tới lần cuối cùng, khi hai thầy trò đến thăm tôi tại Bệnh Viện Gia Nghĩa, và đã nhỏ những giọt nước mắt ân tình xuống giường bệnh của tôi.

Sau khi xuất viện, được nghỉ hai tuần phép, tôi về quê sống bên cạnh cha tôi. Từ ngày đi lính, ngoại trừ lần về phép ra trường, đây là dịp lâu nhất tôi được ở bên cạnh cha tôi, trong gió nội hương đồng nơi tôi đã ra đời và những năm tháng lớn lên không có mẹ. Về trình diện hậu cứ ở Ban Mê Thuột, tôi lại nhận sự vụ lệnh theo học khóa tham mưu đặc biệt một tháng tại Bộ Tổng Tham Mưu. Trở về đơn vị, vì cái chân còn yếu tôi không được về lại đại đội mà sang nắm Ban 3 Tiểu Đoàn (đặc trách hành quân & huấn luyện, một phần vụ có liên quan ít nhiều tới khóa học vừa qua.)

Tháng 6 năm 1970, lúc này tôi đã được điều động về Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn giữ một chức vụ khác. Cả trung đoàn di chuyển lên Quảng Đức, để được tăng cường một tiểu đoàn Biệt Động Quân, và một chi đoàn Thiết Quân Vận, thành lập chiến đoàn, mở cuộc hành quân khá qui mô sang địa phận Cam-Bốt. Bộ Chỉ Huy Chiến Đoàn đặt bên cạnh Phi Trường Nhơn Cơ. Cuộc hành quân mang tên “Bình-Tây III” này kết thúc sau hơn một tháng với nhiều thắng lợi. Các đơn vị thống thuộc được về nghỉ quân chung quanh khu vực, chờ phương tiện triệt thoái.

Một tiểu đoàn đóng quân tại Kiến Đức, anh tiểu đoàn trưởng lại là ông anh rất thân, trước kia là đại đội trưởng đầu tiên của tôi khi tôi mới ra trường. Lính bắn được con nai, anh gọi máy bảo tôi lên nhậu với anh, nhân anh cố vấn tiểu đoàn mới nhận tiếp tế, biếu lại mấy chai whisky. Tôi mừng thầm, tuy thèm lắm. nhưng nghĩ đến rượu với thịt nai thì ít mà nhớ đến đôi mắt cô bé người Thượng lúc trước thì nhiều, tôi xin

phép ông Trung Đoàn Trưởng rồi hú theo mấy chú lính hộ tống chạy lên Kiến Đức. Nhai mấy miếng thịt nai và uống với mấy hớp rượu, tôi chạy sang ngôi trường tiểu học. Rất vui khi bất ngờ được gặp lại anh thầy giáo và có cả cô học trò thuở trước. Nhưng điều làm tôi bất ngờ hơn là hai người bây giờ đã là vợ chồng. Một tấm ảnh cưới thật đẹp được phóng lớn treo trên vách, Căn phòng ngày xưa giờ đã được nói rộng, sửa sang và trang hoàng khá ấm cúng. Tôi ngạc nhiên reo lên mừng rỡ và ôm lấy hai người. Anh còn cho biết, bây giờ cô cũng đang là cô giáo phụ trách lớp mẫu giáo của trường.

Tôi đùa, bảo “*cô học trò cưới ông thầy làm chồng mà không cho tôi biết để có quà mừng*”, rồi đưa cái nón sắt tôi đang cầm trên tay bảo cô ôm trước bụng, như một ví von khi chúc cho cô sớm có bầu, “*bắt được cái con*” để tôi gởi bù quà. Anh chồng đưa tay chỉ cái poncho-light trên giường, bảo:

- “*Bọn em vẫn đắp chung cái mền quý mà anh cho đấy chứ!*”

Khi chia tay, tôi ôm vai hai người và nói với anh:

- “*Chắc bây giờ anh đã chịu nhận nơi này làm quê hương rồi phải không?*”

Hai vợ chồng cười. Khi nói lời chia tay, cô vợ khệ nệ cầm cái nón sắt trả lại, ngược nhìn tôi với nét xúc động, đôi mắt đẹp của ngày xưa lại khuấy động trái tim tôi. Tôi cười mà thấy lòng man mác!

Trong nhiều năm bị tù tội từ Nam ra Bắc, dù cuộc sống tăm tối khốn cùng, nhưng hình ảnh của anh thầy giáo và đặc biệt đôi mắt của cô bé người Thượng thỉnh thoảng vẫn thấp thoáng từ ký ức. Tôi nghĩ chắc chắn sẽ không bao giờ còn gặp lại họ. Hơn nữa lúc ấy, dường như tôi cũng chẳng còn tha thiết tới điều gì.

Ra tù một thời gian ngắn, tôi cùng ông anh và một số bạn bè cùng tù tổ chức vượt biển. Tất cả quá khứ đành bỏ lại phía sau lưng, có còn chẳng chỉ thấp thoáng đâu đó ở trong lòng.

Mới đây tôi bất ngờ đọc được bản tin trên Facebook của một người nào đó ở trong nước, có kèm theo một clip ngắn. Bản tin với cái tựa “*Người đàn bà khí khái của Đắk-Nông đã vĩnh viễn ra đi.*” Đó là người đàn bà từng viết đơn gởi đi các nơi để phản đối việc chính quyền CS cho Trung Cộng khai thác bauxite và thiết lập nhà máy Aluminum ở Đắk-Nông (Tỉnh Quảng Đức cũ). Bà cũng là người kịch liệt phản kháng khi chính quyền cưỡng chế, cướp đất đai canh tác của người Thượng, truy bức xô đuổi họ ra khỏi nương rẫy, bản làng, nơi mà họ đã từng bao đời khai phá và sống chết ở đây. Bà cùng người chồng đã từng bị đàn áp, bắt bớ, tù đày rất nhiều lần.

Đặc biệt cái clip đã ghi lại hình ảnh bà cùng chồng tổ chức biểu tình vào tháng 7 năm 2016, khi đường ống từ nhà máy Aluminum Nhơn Cơ của nhà thầu Chalico Trung Quốc bị vỡ khiến 9,63 mét khối chất kiềm chảy ra ngoài, làm nhiễm độc trầm trọng nguồn nước và hủy hoại môi trường sống của dân chúng trong vùng. Đứng trước một rừng công an với đủ loại vũ khí trên tay, ông bà không hề nao núng, dang tay bảo vệ những người dân khôn khổ. Khi một đám công an lên đạn chĩa súng thị uy, bà bước tới, mở to đôi mắt sáng quắc đầy uất hận, thách thức.

Tôi bỗng giật mình. Đôi mắt đập mạnh vào tâm não làm tim tôi đau buốt. Tôi vừa nhận ra đó chính là đôi mắt đẹp hiền lành của cô bé học trò người Thượng ngày xưa, sau này là vợ anh thầy giáo mà tôi hằng quý mến. Họ đã từng cứu tôi cùng đồng đội của tôi một lần thoát chết. Và cũng chính từ đôi mắt đẹp này đã nhỏ những giọt nước mắt ân tình xuống giường bệnh tôi nằm, sau một lần tôi bị thương ở Quảng Đức, đúng 55 năm về trước. Zoom lớn cái clip trên màn ảnh computer, tôi xem thật kỹ lại một vài lần nữa để nhận rõ khuôn mặt và nhất là đôi mắt của cô nàng, mặc dù bây giờ ánh mắt ấy đã không còn hồn nhiên như mặt nước hồ thu thuở trước. Sau đó tôi cũng nhận ra người chồng, anh hiệu trưởng trẻ tuổi, dễ thương, đàn và hát rất hay ngày trước.

Bây giờ cả hai đều già đi nhiều, tóc đã hoa râm và gầy gò hơn trước. Người viết bản tin cũng cho biết anh chồng đã chết trước đó gần hai năm, sau nhiều ngày bị đày ải, tra tấn trong tù. Giờ thì hai người đã gặp lại nhau ở chốn bình an vĩnh cửu.

Từ nay, tôi sẽ mãi mãi không bao giờ còn nhìn thấy hai người trên thế gian này, nhưng bóng dáng của họ và nhất là đôi mắt của cô bé người Thượng năm nào sẽ không bao giờ rời khỏi ký ức và trái tim tôi. Đôi mắt đã để lại trong tôi biết bao tiếc thương, cùng cả niềm tin yêu và hy vọng. Đôi mắt của mùa Xuân.



Tuổi Dần

Kim Cao, Khóa 25/1



Anh tên Dần vì ở dưới quê lúc sinh ra anh, ba anh hỏi thầy bâm quẻ xin xăm trước khi đặt tên cho anh. Thầy nói, thằng này cao số nhiều đào nên phải kiếm tên xấu xấu để ngăn cản đỡ. Ba anh buồn lòng lắm vì ông đã xếp sẵn một loạt tên rất kêu cho thằng con. Nào là Trùng Khánh, Thượng Hải, Long An, Lâm Viên... tên nào cũng mang máng số làm quận trưởng, tỉnh trưởng sau này. Bây giờ phải đặt tên anh là thằng Cu Đen, cu Đũa thật ông không đành lòng. Suy nghĩ lung lắm, cuối cùng ba anh cũng chọn cho anh được cái tên không tệ. Năm anh ra đời là năm con cọp nên anh được đặt tên Dần. Không cần giấy tờ khai báo mọi người vẫn biết tuổi anh.

Anh Dần lớn lên trong xóm nghèo, anh học giỏi, vật lộn đánh lộn cũng giỏi. Con trai cùng lứa xóm trên làng dưới nê anh như nê cọp. Kể cả thằng Tây đen xóm trên, nghe tên anh cũng muốn thử sức. Thằng Tây to con, anh đứng mới gằn vai nó. Thằng Tây còn xuống thế tấn thì anh đã nhảy bổ đấm túi bụi vào mặt nó. Ba búa như Trịnh Giảo Kim làm anh nổi tiếng như cồn. Anh chẳng biết đánh võ nhưng anh hay cái liều mạng không biết sợ nên “trăm trận trăm thắng”. Học hết tiểu học trường làng, ba anh gọi anh lên thành phố trọ nhà bà con để học tiếp. Anh chững chạc hơn. Anh bánh bao hơn và anh

có nhiều nàng rừ rê anh đi xi nê như thầy tiên đoán. Khổ cho anh Dần, sanh ra nghèo, lớn lên nghèo nên anh cũng “nghèo” trong tình trai gái cho yên thân. Anh từ chối tuột tuột những nụ cười đong đưa gọi tình anh.

Anh Dần thì đậu Tú Tài toàn phần mà không có tiền vào đại học. Anh mù mờ về tương lai nhưng anh có biết đâu con đường tương lai của anh được ông trời định sẵn. Lê la vớ va, vớ vẩn trên hành lang của văn phòng nhà trường, anh thấy được tấm bích chương quảng cáo của trường Võ Bị. Người sinh viên sĩ quan trong hình thật oai phong. Càng đọc anh càng thấy thích và thấy mình có lý tưởng hơn khi hàng chữ in vào mắt anh.

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam là nơi dành cho những người có lý tưởng...

Thế là anh cũng nộp đơn, cũng đi thi, cũng được tuyển chọn vào trường. Anh cảm thấy mình oai như cọp. Anh có đất dụng võ rồi. Chưa hết, lúc anh khoác lên người bộ quân phục sinh viên sĩ quan anh còn oai hơn, bảnh bao hơn. Không cần tên xấu tên đẹp như ông thầy đoán số, anh vẫn không nhớ hết tên người đẹp muốn quen anh. Số anh Dần khổ từ đó. Số đào hoa đúng là số mặt.

Anh ra trường, đánh trận liên miên. Anh quên hết hẹn hò. Yêu đương là ảo mộng xa vời vợi. Anh thương đồng đội, nhớ chỗ đóng quân hơn nhớ người yêu. Mỗi năm vài ngày phép ngắn ngủi thăm gia đình anh chỉ nghe ba mẹ anh hỏi thúc lấy vợ. Ba già mẹ yếu mà con cũng lớn tuổi rồi, cho ba mẹ thẳng cọp con để ẵm để bông. Lần đầu tiên anh nghĩ đến chuyện lập gia đình. Anh nhớ lời hứa năm nào ở Đà Lạt với người con gái anh thương lúc còn là SVSQ.

- “Vài ba năm sau, lúc anh quyết định lập gia đình, nếu em còn chờ đợi. Anh sẽ đến tìm em.”

Anh trở về Đà Lạt tìm thăm nàng... Nàng con một nhà giàu nhưng đơn thuần không se sua, không chảnh chọe, chẳng khoe

khoang. Gia đình anh không khá giả gì thì mong rằng môn đăng hộ đối không mấy quan tâm khi nàng thật sự yêu anh. Nàng theo anh về ra mắt nhà anh. Ba anh cũng một lần nữa bầm quẻ coi tuổi với ngày sinh tháng đẻ. Ông nói:



Tác giả và phu quân (CSVSQ Cao Văn Hải, K25) trong một buổi họp mặt của Hội Biệt Động Quân.

- “Tuổi này không hợp. Con này tuổi dần. Con gái tuổi dần cao số lắm. Nó phù mủ nhe nanh thì cạp beo như mày cũng chạy thôi. Mày còn uỳnh giặc, còn ra trận mạc thì phải có quới nhân hộ phù. Tuổi này chẵn phúc, chẵn phần không nên thành vợ thành chồng.”

Ba anh lắm bầm:

- Cạp mà lấy cạp... ai đời...

Anh cười cười cho ba anh vui nhưng vẫn một lòng muốn rước nàng “zè dinh”. Định kỳ phép tới sẽ tổ chức đám cưới với nàng. Hai đứa chọn màu vàng cho áo cô dâu. Áo chưa kịp may, phép chưa kịp ký thì giặc đã tràn về.

Tháng Tư 1975 đau thương cho người dân miền Nam. Tháng Tư đỏ bắt hạnh cho người lính VNCH. Dinh chưa dọn sẵn cho nàng thì chàng vào tù không bản án, không hẹn ngày

về. Chẳng phải tuổi Dần hay Sửu, mười hai con giáp nếu ai có danh gì với núi sông đều phải vào tù.

Nhiều năm qua đi, cuối cùng anh Dần cũng được trở về với gia đình. Con cọp không còn cao số như thầy bói nữa. Ba anh đã qua đời. Nhà anh nghèo lại nghèo hơn. Anh trở về không còn gì để mất. Anh trở về tìm lại giấc mơ xưa. Anh đợi trước ngõ nhà nàng nhưng ngôi nhà khang trang ngày xưa đã đổi chủ thay tên. Người xưa không biết nơi đâu mà tìm. Anh buồn bã bước đi như kẻ vô hồn. Dưới dốc phố, có căn lều dựng tạm làm chiếc quán con con. Anh dừng chân bên quán nhỏ. Người thiếu phụ có lẽ là chủ quán với dáng ngồi nặng nề mệt mỏi vì bụng mang dạ chửa. Anh kéo ghế tính ngồi cũng đúng lúc người thiếu phụ xoay người nhìn lên. Anh nghẹn lời khi nhận ra nàng. Nhiều năm qua đã biến viên ngọc thành sỏi đá. Nhan sắc kiêu sa ẩn sau lớp muện phiền căn cỗi không che được cuộc sống nhọc nhằn của nàng. Nàng nói thấp giọng:

- ”Không biết tin anh, anh đi mãi không về..., tưởng là anh đã...”

Anh bước đi, nàng cúi đầu. Thế là xong một cuộc tình.

Anh vượt biển và đã được đến bến bờ tự do. Cô đơn trên đất khách dẫn anh tìm đến một cuộc tình mới. Mỗi tình sớm dang dở khi người định cư trước, kẻ ở lại sau. Không hẹn ước, không hứa thề. Đêm nhìn sao trời mà nhớ lời ba anh kể. “Tuổi Dần cao số” số đào hoa để người đến người, đi quên vẫy tay chào. Số vô duyên...

Anh định cư ở Mỹ. Trong chuyến ghé thăm người bạn cùng khoá, anh có dịp gặp cô em vợ bạn. Chuyện nhà vợ của bạn khiến anh thích nghe. Ông nhạc của bạn có “một bầy” con gái. Ông đặt tên theo năm sinh. Vợ bạn tên Hồng Thìn, các chị em lần lượt mang tên như Bạch Ngọc, Bích Mùi,... May mà không cô nào mang tên Hắc Hợi hay Hắc Sửu....

Trong số các chị em có một cô nhanh nhẩu, lí lắc mà dễ thương nên anh có lý do hay đến thăm thẳng bạn cùng khoá

ít thân này. Cô cũng tên Dần, cũng tuổi Dần. Cô thua tuổi anh một giáp. Lê thị Hoàng Dần. Con cọp vằn màu vàng này cao tay ấn hơn anh nên anh ngất ngư vì tình. Lần này thì anh không dám đi coi bói nữa. Vì cao số, thấp số gì anh cũng phải rước chị cọp cái về nhà làm vợ cho bằng được. Chi bằng không coi, không đoán, không biết, thì yên tâm yêu nàng hơn.

Cọp trai cọp gái nên duyên vợ chồng và có một bầy cọp con. Con trai con gái gì cũng mang tên Dần cả. Cọp trai con tên Danny. Cọp gái con tên Danielle, Daniela, Daniana. Bố vợ anh lỡ dại đặt tên con là Hoàng Dần. Ở Mỹ tên viết liền Hoangdan người Mỹ đọc trại thành hoang đàng. Có người tử tế hơn cho thêm dấu thành hoang dâm.

Mấy mươi năm qua, lời dặn của ba anh vẫn còn đó. “Con gái tuổi dần mà chu mỏ nhe nanh thì cọp beo như con cũng chạy.”

Không cần coi bói anh cũng biết cọp cái lúc nào cũng hơn cọp đực. Không cần coi bói anh cũng biết người đàn bà tuổi Dần nhanh nhẹn tháo vát, lúc nào cũng hơn người, mà nhất là hơn cả anh. Không cần coi bói anh cũng biết anh hạnh phúc mãi mãi, vì đàn bà tuổi Dần một đời vì chồng vì con, miễn là anh đừng khoe mình có số đào hoa.

Năm Dần lại về. Chị Dần ra chợ mua bánh mứt chuẩn bị Tết. Chị không quên mua một xấp hình cọp để dán khắp tường. Mua bao lì xì có in hình Cọp. Chị tin rằng năm Dần là năm tốt. Năm mang hạnh phúc sức khỏe đến cho mọi người mọi nhà.





Tình Đồng Môn.

Vũ Văn Táp, K28

Nhiều người hỏi tôi: Nhìn cảnh đàn anh “quần nhừ tử” đàn em trong mùa Tân Khoá Sinh mà rùng mình. Vậy mà các anh không oán hận đàn anh, lại đối xử với nhau hơn cả tình ruột thịt. Sao ngộ vậy?

Tôi sẽ giải thích cặn kẽ cho các vị nghe chơi:

*Công Trường Võ Bị công công,
Người hòng ra khỏi, kẻ mong chui vào.*

Trước khi nộp đơn thi, chúng tôi đã tìm hiểu và suy tính kỹ rồi. Cùng trình độ Tú Tài 2, các quân trường như Hải Quân, Chiến Tranh Chính Trị, Học Viện Cảnh Sát có thời gian thụ huấn là hai năm, tốt nghiệp đeo lon thiếu úy. Riêng Võ Bị Đà Lạt là bốn năm. Có người gọi đùa là Võ Bị học dốt nên phải

đào tạo lâu hơn. Ai mà cãi được! Mệnh danh là lò Luyện Thép, sắt cũng phải mềm nên có nhiều ông đã khuyên em ruột của mình đừng vào. Nhưng khuyên bảo thế nào đi nữa, thằng em cũng quyết nộp đơn, chui vào để thực hiện hoài bão của mình.

Chúng tôi tình nguyện, tình yêu binh nghiệp đã khiến chúng tôi chấp nhận tất cả gian nguy, khổ khó! Thời Trung Học, trong Chinh Phụ Ngâm chúng tôi lạ gì câu “*Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao*”. Còn trong truyện Tàu, khi kết nghĩa đệ huynh họ thường thề: “*Sanh không cùng năm, tháng ngày, nhưng xin được chết cùng giờ. Có phúc cùng hưởng, có họa cùng chia.*”



Các SVSQ Cán Bộ Tân Khóa Sinh đang phạt một đại đội Tân Khóa Sinh Khóa 28

Vào Trường, chúng tôi không cần thề, chúng tôi có sáu chữ: **Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm** và châm ngôn “**Tự Thẳng Để Chỉ Huy**” để trui rèn nhân cách. Được hun đúc, rèn giữa trong bốn năm, tình huynh đệ đồng môn trở nên keo sơn, gắn bó anh em thành một khối. Trên kính, dưới nhường; đùm bọc, che chở cho nhau. Không kiêu căng, tự mãn.

Ngoài chiến trường, đàn em vững tin là ông anh không bao giờ thí mình, còn đàn anh cũng vững tin không bao giờ đàn em bỏ chạy khi không có lệnh.

Đây cũng chính là sức mạnh tinh thần của các chàng “Cùi” Võ Bị. Không sinh cùng năm, cùng ngày, nhưng có thể chết cùng giờ, trong một trận đánh?

Trở lại mùa lột xác. Trong đầu óc non nớt của đàn em lúc đấy, các ông anh là thần tượng, mà chúng tôi kính trọng như một các vị Thầy. Có vị đã tuyên bố:

- Tuổi đời chúng tôi hơn các anh, trình độ hơn các anh. Chỗ tôi đang đứng, trước đây đàn anh đã đứng. Chỗ các anh đang đứng, trước kia tôi đã đứng. Phạt các anh không vì tự ti mặc cảm, hay hận thù cá nhân. Suy cho cùng, các anh chỉ có một tội là cái tội... vào sau. Các anh hãy cắn hờn lên mà sống!

Lạ chưa, các ông xúi đàn em cắn thù các ông? Còn sự thật thì sao!

Các ông anh rèn giữa chúng tôi kỹ lưỡng: Từ cách đi, đứng, nằm, ngồi; cách ăn, uống, xĩa răng, che ngáp; cách lau sàn phòng sao cho ống quần không nhăn, cách lau la va bê, cách thông bồn cầu, cách xếp chăn, mùng vuông góc, cách thắt cà vạt, đánh giày, bút nịt.

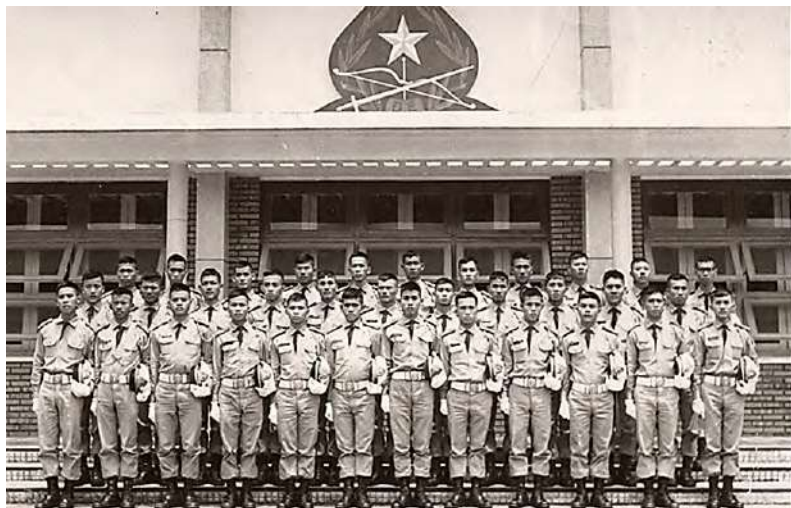
Trời mùa Đông lạnh giá, đàn em ngủ như chết vì mệt thì mấy ông đi từng phòng tấn mùng, đắp mền, rờ trán từng thằng em coi có bị sốt không. Tôi dám cam đoan là mấy ông anh của tôi hơn mấy bà chị đảm đang nhiều lắm.

Ngoài Thao Trường, chúng tôi đồ mồ hôi, thì các anh tôi đâu ngồi trong bóng mát? Trong Phạn Xá, các ông đã nhường cho đàn em từng quả chuối, từng ổ bánh mì, từng chén cơm. Miệng luôn gầm gừ:

- Cố lên, vào đây rồi chỉ có cơm Phạn Xá thương các anh thôi!

Chỉ trong vòng tám tuần lột xác, đàn em lên ký thì đàn anh lại sụt. Khác nào mấy ông anh đã xẻ thịt của mình cho đàn em? Ngộ một điều là ông nào bị đàn em liệt vào “Hung Thần” thì lại được đàn em thương nhớ nhiều hơn. Đúng với câu: Gần

thì phiền, xa lại nhớ! Nhiều ông anh rời Trường rồi, đàn em mới vào. Nhưng khi gặp biết “cùng nòi” cũng cứ thương yêu, đùm bọc. Hình như có sợi dây vô hình nào đó đã cột chặt anh em tôi lại với nhau.



Sinh viên sĩ quan Đại Độ F, Khóa 28

Là một trường Quân Sự, chúng tôi không e ngại bất cứ món nào như Nhảy Dù, Rừng Núi Sinh Lầy, Viễn Thám, vì sức khoẻ của chúng tôi đã được kiểm nghiệm rất kỹ trước khi nhập Trường. Điều chúng tôi ngại nhất là các món Văn Hoá. Thiếu điểm văn hoá năm thứ nhất là bị đẩy về Trường Bộ Binh Thủ Đức, làm lại từ đầu, đổi màu AI pha. Mấy năm kể thiếu điểm thì ở lại học chung với khoá đàn em. Chúng tôi thường nói đùa là: Võ Bị cường bách giáo dục bậc Đại Học! Phê lắm người ơi!

Mấy cô thường chê chúng tôi lạnh lùng không có cảm tình, nhất gái! Oan lắm các cô ơi. Chúng tôi cũng là người bằng xương, bằng thịt; cũng đa tình, đa cảm đâu thua các thi nhân. Nhưng chỉ cần một lá đơn các cô tố cáo; Hội Đồng Danh Dự nhóm họp là chúng tôi “tốt nghiệp non” với lon trung sĩ ngay. Ngừa bệnh hơn chữa bệnh, tránh trường hợp mềm lòng vì

người xưa đã cảnh cáo: *Nhi nữ trường tình, anh hùng khí đoản*. Hay câu: *Anh hùng nan quá mỹ nhân quan?*

Đã mấy mươi năm trôi qua, “Phe thua cuộc” chúng tôi ném đủ mọi đấng cay, chua xót, nhưng tình Đồng Môn vẫn mãi trường tồn. Chúng tôi vẫn duy trì tôn ty, trật tự; vẫn kính trên, nhường dưới; Ngọt Bùi xẻ chia, hoạn nạn cứu mang nhau cho mãn kiếp này.

Hãnh diện một điều là thứ chúng tôi có mà không thể mua được bằng uy quyền, hay tiền bạc.

Đó là Tình Đồng Môn Võ Bị!



Sinh viên sĩ quan Võ Bị với quân phục đại lễ, trong một lần diễu hành.

Như Một Người Khách Lạ

Huỳnh Văn Phú, K19

1. Một Quê Hương Đồ Nát.

Nếu một ngày nào đó người dân Quảng Trị được trở về nhìn lại thành phố của họ, có lẽ họ không bao giờ tưởng tượng được quang cảnh đồ nát và hoang tàn đến như thế. Quảng Trị chỉ còn là một đồng gạch vụn, tan tành ra từng mảnh, những dấu vết quen thuộc xưa đã biến đi đâu mất. Khu phố nào, con đường nào cũng na ná như nhau, chẳng còn hình thù gì để người ta có thể gọi đó là một thành phố nữa.



Trên đại lộ Kinh Hoàng, 1972

Chắc chắn cái cảm xúc đầu tiên của họ khi đứng trước cảnh ấy là ngỡ ngàng và có lẽ họ sẽ mang tâm trạng của một người đi chu du vài năm trong vũ trụ với vận tốc của ánh sáng, khi trở về trái đất, thấy mọi vật đã biến đổi khác xưa: A, con đường ngày xưa ta thường đi, quán cà phê ta thường ngồi nghe nhạc

bập bùng mỗi đêm, những nơi chôn hèn hò của cuộc tình đầu đời... bây giờ như thế này sao?

Quảng Trị đối với tôi, trong trí nhớ rất mù mờ vì nơi đó không phải là quê hương của tôi, cũng không có điều gì đặc biệt để tưởng nhớ, ngoại trừ dòng sông Thạch Hãn rất nên thơ và câu chuyện “Bên Kia Giáo Đường” với cái gác chuông nhà thờ đổ bóng xuống chi nhánh của con sông Vĩnh Định. Thế mà, hơn ba tháng kể từ ngày những người anh em thù nghịch ở ngoài đất Bắc xa xôi kia vào đây tạm chiếm, tôi trở lại thành phố này với một cảm xúc sững sờ, sững sờ như khi gặp lại người tình đầu yêu đã nhiều năm xa cách. Tôi không nghĩ nơi tôi đã có lần đến, đi và lang thang sau những chuyến hành quân dài hạn, bất chợt ghé về mua con tem, tập giấy viết thư, uống chai bia, ăn tô bún... đã trở thành một người khách lạ như ngàn năm chưa hề quen biết. Chỉ có ba tháng chiến trận, khoảng thời gian ngắn ngủi chưa đủ để tạo ra hình thù một con người nhưng với đạn bom trút xuống ngày đêm đã tàn phá và hủy diệt tất cả những gì người ta cố công gây dựng suốt cả một đời.

Tôi bắt tay người khách lạ đó, một chút buồn buồn chạy sâu trong lòng. Tôi tưởng chỉ là một chút buồn thôi nhưng không, cái buồn mênh mông, lan tỏa cùng khắp và lắng xuống theo từng đồng gạch ngói ngổn ngang, những ngôi nhà đổ nát, lỗ chỗ những vết bom. Những bức tường ngã nhào, nằm chồng chất lên nhau, áp ủ nhau, quăn quít nhau như cuộc tình của hai người trai gái chẳng thể rời nhau. Quảng Trị đến với tôi ngày đầu tiên, sau chiến trận, nhiều ý nghĩ quá. Nó vây bủa tôi như một màng nhện. Bởi, những gì tôi nhìn thấy tận mắt đã vượt hoàn toàn trí tưởng tượng của tôi.

2. Những Cây Hoa Anh Đào.

Quảng Trị đây rồi, đứng bất cứ nơi đâu tôi cũng có thể phóng tầm mắt nhìn bao quát thành phố, không có cái gì vươn cao hơn để cản tầm quan sát của tôi ngoại trừ những trụ đèn

đứng chờ vợ, rải rác đó đây. Những trụ đèn này đã nhiều năm dẫn ánh sáng đến cho thành phố, bây giờ thành phố nát tan, nó còn đứng đó để làm gì? Tôi muốn hỏi những vật vô tri ấy về khoảng thời gian qua đã dẫn được bao nhiêu vệt sáng của những viên đạn lóe lên, bùng nổ trong vùng đất này. Nhưng nó có biết gì đâu! Cho đến bây giờ nhân loại cũng vẫn chưa tìm ra được một cái máy nào, một động tử nào có thể chuyển động nhanh hơn vận tốc của ánh sáng để chúng ta có thể bắt gặp lại khoảng thời gian đã mất. Tôi muốn được coi những trụ đèn đó như là những cây hoa anh đào. Trong một thoáng, tôi nhớ lại những ngày đầu tiên vào lính, người ta đã dạy tôi hiểu biết cái phi lý của cuộc đời quân ngũ bằng cách gọi cái trụ đèn là cây hoa anh đào. Ôi, những bông hoa trong cuộc đời này! Làm sao tôi có thể tìm ra được một bông hoa nào ở Quảng Trị vào những giờ phút ấy. Nhưng Quảng Trị chính là một bông hoa thơm ngát mà những người lính TQLC đã ngắt lấy đem về lại cho miền Nam thân yêu sau bao nhiêu tháng ngày chịu đựng gian khổ và chiến đấu với lòng hy sinh vô bờ. Dĩ nhiên, bây giờ trong lòng thành phố đó, lính Cọp Biển vẫn đi đi lại lại và giữ gìn như một báu vật không gì đánh đổi được.



Không còn gì tại Quảng Trị, 1972

Mang thành phố Quảng Trị về lại cho miền Nam tự do, máu, mồ hôi, nước mắt của những anh em, bằng hữu tôi đã đổ xuống khá nhiều. Những vẻ vang của trận chiến lịch sử mà Bình Chũng TQLC khi tái chiếm nơi này, tôi không thể nào lột tả hết được. Tôi nghĩ đó cũng là một thiếu sót của riêng tôi, một người tự thấy mình có bổn phận mang về cho hậu phương

những nét hào hùng của bạn bè tôi, của những tình cảm sâu xa về màu áo tôi đang mặc, của chiếc nón màu xanh tôi đội trên đầu suốt 8 năm nay.

Trong khoảng thời gian sau này, mỗi lần trở lại thành phố Quảng Trị là mỗi lần chòng chát trong tôi thêm những cảm xúc dị kỳ. Tôi đi vòng quanh thành phố, khi thì đi bộ, khi thì ngồi trên thiết vận xa M113, mặc cho những trái đạn của địch vẫn còn rớt xuống. Tôi không biết tôi tìm kiếm gì trong cái thành phố hoang tàn đó nhưng có lẽ tôi muốn ngắm nhìn những dấu vết nơi tôi đã từng đặt chân đến để tưởng như mình vừa sống qua một cơn mê.

3. Những Người Tình Của Quảng Trị.

Lần sau hết, trước khi vào thành phố, tôi dừng lại ở ngã ba Long Hưng ghé thăm Tiểu Đoàn 5/ TQLC, đơn vị tôi đã phục vụ từ những ngày đầu tiên khi tôi mới ra trường. Bạn tôi, Hồ Quang Lịch bây giờ là đảng trưởng đảng Hắc Long. Nhìn anh ta, tôi bỗng nhớ đến những ngày tháng hành quân, cùng thức khuya dậy sớm ở Bồng Sơn, Tam Quan, Tây Ninh... Cũng vẫn cái dáng dấp đó, con người đó, trực tính như ruột ngựa, yêu ai thì nói là yêu, ghét ai thì nói là ghét, không bao giờ biết đánh lén một ai, ngoại trừ đánh lén Việt Cộng.

Hồi còn làm đại đội trưởng, Lịch “húc” nổi tiếng. Thời gian TQLC đánh chiếm Cổ Thành Định Công Tráng Quảng Trị, bốn đại đội của Tiểu Đoàn 5/ TQLC đã luân phiên đánh nhau với một Trung Đoàn CSBV tại khu vực này. Địch luân phiên cấp Tiểu Đoàn, còn bạn tôi luân phiên cấp đại đội. Hai bên quần thảo nhau suốt cả tuần, rớt cuộc mưu toan cắt đứt Quốc Lộ 1 và cửa ngõ dẫn vào thành phố cũng như giải tỏa bớp áp lực của ta đối với các cánh quân của địch đang tử thủ tại Cổ Thành đã bị Lịch bẻ gãy hoàn toàn. Những tên bộ đội CSBV khi bị bắt đã khai rằng chỉ ngăn đưng độ với Hắc Long và Trâu Điền mà thôi.

Lịch đang ngồi nhậu la ve với Mễ, Tiểu Đoàn Trưởng 11

Dù, có cả y sĩ Liệu nữa. Anh ta nói với tôi:

- Phú đây hả? Ngưỡng mộ bài thơ lặn xuống sông Mỹ Chánh của anh đang trên Tiền Phong, nay mới gặp. Sao trông già quá vậy?

Tôi cởi chiếc áo giáp ra, lấy lon bia từ tay Lịch cười:

- Tất cả chúng ta khi đến tuổi trưởng thành, mở con mắt ra là đã thấy mình đứng trước cái cay. Vì không phải là cay máy nên trông ai cũng có vẻ già trước tuổi cả.

Mễ và Lịch cùng la to:

- Hay, hay, đầy đủ ý nghĩa. Làm một lon ngay đi.

Tôi không biết mình đang vui hay buồn vì trong giây phút đó, tôi đang nghĩ đến Quảng Trị, như nghĩ đến một người tình gặp nhau sưng sờ:

”Anh không có ý so sánh em với cái thành phố đồ nát ấy đâu. Em đã làm gì mà đồ với nát, phải không em? Có chẳng là tình ta đồ nát vì em thì ở trên mây, còn anh thì suốt đời ở dưới đất.”

Tôi nói như không biết là mình đang nói đùa:

- Tớ nói theo cái kiểu làm thế nào để triết lý với cái búa đập các cụ ạ.

Có lẽ Lịch không muốn hiểu câu nói của tôi, anh lảng sang chuyện khác:

- Mày vào Tiểu Đoàn 2 hay Tiểu Đoàn 6? Ghi chép hả. Đẹp đi, ngồi đây cái đã.

- Cả hai, chiều sẽ ra lại đây.

- Ừ, mày ngủ lại đây cho vui. Tao dành cái ghế bố cho mày. Có pháo thì chui xuống hầm. Nhưng mà bây giờ ở đây yên lẫm, tụi nó có còn chó nữa đâu mà đánh với đám.

Tôi nhìn quanh, đây là những người tự cho mình cái quyền nghỉ ngơi đôi chút sau những tháng ngày mệt nhọc. Nhìn họ,

tôi biết chắc trong tận cùng ý nghĩ của họ, họ nghĩ đến một ngày mai im tiếng súng.

Nhưng bây giờ thì... , xa hơn về phía Bắc của thành phố, những cột khói đen bốc lên cao cùng những tiếng nổ í ầm. Địch vẫn còn pháo lai rai, pháo vu vơ, pháo dọ dẫm và pháo cay cú. Có tiếng rít xé gió của một chiếc phản lực bay vút qua bầu trời xám đục. Lại sắp đến mùa mưa nữa rồi. Tôi đã nhiều lần sống giữa mùa mưa rét mướt đó ở vùng đất này. Có người lính TQLC nào mà không trải qua những mùa mưa ở vùng Gio Linh, Quảng Trị? Mùa mưa dễ gây cho người ta tưởng nhớ đến những ngày ấu thơ êm đềm cũ.

Tôi từ giả Tiểu Đoàn 5/ TQLC để vào thành phố Quảng Trị. Tiểu Đoàn 2/ TQLC đang trấn giữ khu vực Cổ Thành. Tôi ghé Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn thăm chủ chuồng trâu Trần Văn Hợp, thằng bạn cùng khóa rất ít nói mà chỉ cười. Suốt sáu tháng trên chiến trường Trị Thiên, đơn vị hấn đã “ăn nên làm ra” trông thấy rõ. Hấn đánh giặc cũng như xử sự cuộc đời này một cách bình thản và trầm tĩnh. Hấn nằm trong căn hầm tối om không xa Cổ Thành bao nhiêu, bệnh cúm đang hành hạ hấn. Cái giọng của hấn vẫn “cố hữu” khi gặp bạn bè:

- Mà mới đến đó hả?

Thế thôi, hấn không nói thêm một lời nào nữa, nhe hàm răng cười rồi tiếp tục thở mệt nhọc. Tôi trả lời hấn:

- Ừ, tao vừa ghé Tiểu Đoàn 5 thăm Lịch xong. Mà bị cúm hả?

Hấn gật đầu. Tôi rủ hấn đi thăm phố:

- Ngồi dậy được không, ra phố với tao.

- Phố xá có còn gì mà đi, chỉ nghe pháo thôi. Bốn ngày nay tao nằm liệt giường, chỉ ăn cháo thôi. Mà đi với thằng Liên đi.

Tôi ra xe, kéo Liên đi một vòng phố, chụp vài tấm ảnh. Khác với những lần trước, xác chết của Cộng quân rải rác trong thành

phổ đã được toán y khoa phòng ngừa gom lại chôn cất từ lúc nào. Mùi hôi thối cũng không còn nhưng dù vậy tôi vẫn cảm thấy nó còn phảng phất đâu đây. Bỗng dưng, tôi nhớ đến những xác chết của lính Bắc quân trong Cổ Thành ngày Tiểu Đoàn 6/ TQLC và Tiểu Đoàn 3/ TQLC vừa chiếm xong. Những xác chết nằm ngổn ngang, mỗi người một dáng điệu khác nhau, có xác giòi bọ lúc nhúc và mùi hôi thật nặng nề.

Mọi thứ trong Cổ Thành đều bị san bằng, tôi không thể nào tưởng tượng được nơi này chỉ cách đây vài tháng là Tiểu Khu Quảng Trị, là bản doanh của



Một binh sĩ đang nghỉ ngơi sau một trận đánh tại Quảng Trị, 1972

Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ Binh với những hầm hố kiên cố, những dãy nhà khang trang, bây giờ chẳng còn gì cả. Còn có chăng là những đồng sắt vụn của những chiếc xe vỡ nát, vài gốc cây trơ lại cằn cỗi. Đó đây loang lổ những vũng bom sũng nước. Chỉ có thè thoi, không hơn không kém.

Trong khoảng thời gian dứt điểm Cổ Thành, Tiểu Đoàn 2/ TQLC cũng đã góp công không nhỏ trong việc tiêu diệt các toán chốt ở phía Nam nhằm giúp cho Tiểu Đoàn 6/ TQLC dễ dàng thanh toán nửa chiếc bánh Trung Thu (*tức một nửa Cổ Thành Quảng Trị*). Đại Đội của Thọ chiếm nhà thờ Quảng Trị, Đại Đội 4 của Liễu từ vòng đai xanh ủi lên tiến sang đường Quang Trung để chiếm trường Trung Học Têrêxa. Thọ đã đánh thật xuất sắc khi chiếm nhà thờ này, bật được chốt ở

đó Thọ đã phải tốn hết hai ngày. Sau đó, trong khi Tiểu Đoàn 6 đánh trong nội thành thì Tiểu Đoàn 2 quét sạch vòng ngoài rồi bọc vòng lên hướng Bắc dọc theo sông Thạch Hãn cho đến cửa chính Tây của Cổ Thành, bắt tay với Tiểu Đoàn 8/ TQLC. Nơi đó, người đã gặp người. Người của miền Bắc gặp người của miền Nam, hai bên đánh nhau chết bỏ. Họ cũng cùng là người Viet Nam cả đấy chứ có phải là người Miên, Lào, Thái gì đâu!

Liền chọt hỏi tôi:

- Ông anh nói gì mà lảm bảm thế?

Tôi quay lại:

- Tao muốn nói Tiểu Đoàn Trâu Điền đánh giặc số một!

4. Bích La Đông, Bích La Hậu.

Trong vùng đất này, tôi nghĩ khó mà tìm ra được những địa danh nào có cái tên gồm ba tiếng gọi êm ái, nhẹ nhàng như những tiếng Bích La... đó. Âm thanh gọi lên hình ảnh một người con gái tóc xõa ngồi bên bờ sông giữa đêm trăng. Tôi đã tưởng tượng như thế bởi vì những thôn xóm Bích La này nằm dọc theo hai bờ sông Vĩnh Định, chi nhánh của con sông Thạch Hãn cách thành phố Quảng Trị chừng bốn cây số về hướng Đông Bắc. Hai nhánh sông đó gặp nhau tạo thành một cái túi rộng chừng 50 cây số vuông. Trong cái túi đó là quận Triệu Phong, với những xóm làng sầm uất nhất của Quảng Trị. Cái túi thắt nhỏ lại ở Bến Sãi, cách Cổ Thành một cây số rưỡi về hướng Bắc và dẫn vào thành phố bằng chiếc cầu đã gãy, trên con lộ 560.

Khoảng thời gian từ 2-5-1972 đến 11-7-1972, vùng đất nói trên đã là nơi an toàn của Bắc quân. Con đường tiếp tế đạn dược, lương thực cho các lực lượng địch trong thị xã và Cổ Thành đều phát xuất từ đây. Cho đến ngày 11-7-1972, Tiểu Đoàn 1/ TQLC được trực thăng đổ xuống để bít cái yết hầu đó lại. Cuộc đổ bộ của tiểu Đoàn 1/ TQLC vào đó, lúc bấy giờ được coi là cuộc hành quân đánh sâu nhất vào hậu tuyến địch

trong khi Tiểu Đoàn 2/ TQLC tiến quân thần tốc từ “dãy phò buồn thiu” sang bắt tay với đơn vị này.

Suốt 8 tháng qua, trên chiến trường Trị Thiên, đây là cuộc hành quân trực thăng vận ngoạn mục nhất, táo bạo nhất, có thể so sánh với cuộc đổ bộ của TQLC Hoa Kỳ vào Inchon tại Triều Tiên. Chỉ khác nhau ở chỗ, một đảng thi tử trên không đổ xuống, đảng khác từ ngoài biển đánh vào nhưng điểm giống nhau là tạo được bất ngờ và phá nát hậu tuyến của địch để dễ dàng dứt điểm nhanh chóng sau này.

Từ khu vực Cổ Thành, tôi theo con lộ 555 đến Tri Bưu, Quy Thiện, Tạ Hữu rồi đến đây. Quang cảnh thật tiêu điều, xơ xác. Những cánh đồng mênh mông ngập nước. Chiếc thiết vận xa M113 chở tôi đi, lên xuống gập ghềnh, từng lúc chiếc xe rú lên như con heo bị chọc tiết. Một chiếc Gunship bị bắn cháy nằm đen nằm chơ vơ giữa ruộng, cánh quạt vẫn còn dính trên thân phi cơ. Thiếu Tá Hòa (Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1/ TQLC) chỉ tay về chiếc phi cơ, lắc lắc cái đầu, nói với tôi:

- Chiếc gunship này bị bắn rớt trong lúc yểm trợ cho bọn tôi đổ bộ hôm 11-7 đó.

Tôi hỏi anh:

- Phi công có sống sót không?

Anh ta trả lời ngắn gọn:

- Sống sót.

Nổi bật lên giữa đám ruộng là những ngôi mộ thật lớn, cỏ mọc cao và xanh um. Tôi có cảm tưởng đó là những ngôi mộ chôn nhiều người chứ không phải một người vì nó lớn quá. Giữa cánh đồng mênh mông nhô lên lác đác dăm ba gò mả như thế. Địch đã lợi dụng những mô đất đó đặt chốt cứng ngăn để cản bước tiến của ta. Mỗi ngôi mộ là một ổ chốt, chúng đào hầm hình chữ A, đủ ở chừng 3, 4 người với 2 khẩu AK, 1 thượng liên, 1 B40 hay B41... Tôi thấy tức cười, kẻ sống đào hầm ở chung với người chết để khỏi chết! Chẳng hiểu lính của

ông Giáp nghĩ gì khi chui vào những ngôi một đó mà ở? Cái khô hài ở chỗ phần lớn những người lính Bắc quân đã chọn sẵn nơi yên nghỉ để từ giã cuộc đời khốn khổ này.

Tôi đến vị trí đóng quân của Tiểu Đoàn 1/ TQLC sau hơn 30 phút dùng thiết vận xa đi từ Tri Buru. Con sông Vĩnh Định hiền hòa chảy cách đó vài chục thước, ảnh hưởng của những trận mưa lũ từ mấy ngày trước nên nước sông dâng cao, những cánh đồng lênh láng. Ở đây, không có một ngôi nhà nào còn nguyên vẹn. Có thể nói mỗi ngày ở đây là một ngày sống với nhiều bất trắc và đe dọa: Những cơn mưa pháo của pháo binh địch rót xuống bất cứ lúc nào.

Chúng tôi ngồi dựa vào bóng mát của chiếc thiết vận xa để đầu óc. Chi Đoàn Trường Thiết Vận Xa là Đại Úy Minh, người được tuần báo Điều Hâu gán cho cái biệt danh là Minh Tư Lệnh Đệ Thất Hạm Đội. Hàm râu của anh ta trong 12 con giáp chẳng giống con nào. Người y sĩ kiêm ca sĩ Trung Chinh lặn lội theo Tiểu Đoàn 1/ TQLC từ ngày thay thế y sĩ Hoàn bị thương, cũng có mặt ở đây. Nhìn anh ta, tôi bỗng nhớ đến cái dáng điệu khi anh hát chung với Hoàng Oanh trên Ti Vi, hai con mắt cứ chớp chớp ngó lên trời... Cũng nổi tiếng như còn đây chứ, thử hỏi có người con gái nào ở Sài Gòn mà không biết đến anh. Ấy thế mà anh vẫn bị Thiếu Tá Hòa mô tả anh là ca sĩ chuyên dụ dỗ con nít với những câu như:

- *"Anh sẽ kêu em mình ơi, em sẽ kêu anh mình ơi."*...

Trong lúc chúng tôi ngồi nói chuyện thì địch bắt đầu pháo vào Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn. Ầm, ầm những tiếng nổ vang dội, đất cát văng đến chỗ chúng tôi. Quả nổ đầu còn xa, cứ ngồi, mấy quả nổ kế tiếp cũng còn xa, vẫn cứ ngồi. Đến những quả trực xạ loại 82 ly không giật thì chúng tôi không thể ngồi ngoài được nữa mà phải chui vào hầm. Địch pháo chỉ có hai loại, hỏa tiễn và 82 ly không giật. Cái loại 82 ly này nghe thật khiếp, ùng oành là đạn đã bay đến nổ ầm rồi. Khoảng cách giữa tiếng depart và tiếng nổ khi đạn chạm mục tiêu chỉ có vài

giây thôi. Tôi nghe tiếng depart ở đâu bên kia sông. Thiếu Tá Hòa nói:

- Tụi nó bắn loại 100 ly đó.
- 100 ly đặt trên xe tăng à?
- Ừ, chắc là ở đâu bên Ái Tử.



Bên này sông Bến Hải, 1972.

Tôi và Trung Chinh chui thật lẹ vào căn hầm của Minh Đệ Thất Hạm Đội. Bên ngoài tiếng nổ nghe dồn dập hơn, địch đang pháo loại đạn “delay”, thứ này khi nổ, tôi có cảm tưởng như đất ở dưới chân chuyển động, di chuyển đi chỗ khác. Tiểu Đoàn bắt đầu gọi pháo binh phản pháo lại. Bây giờ, trời đã chiều, tôi nhìn đồng hồ: 6 giờ 45. Những phiến nắng phiến muện hiếm hoi đã tắt trên những chòm cây trước mặt. Tôi như thấy lạc loài trong lần đến thăm người khách lạ mang tên Bích La... này. Minh chửi thề một câu:

- Mẹ, mất cả vui. Không khá được!

Bây giờ, tôi rời vị trí Tiểu Đoàn 1, leo lên chiếc M.113 để về chỗ đóng quân của Tiểu Đoàn 3/TQLC cách đó hai cây số. Khi chiếc M.113 đưa tôi ra giữa cánh đồng, những trái đạn của địch vẫn còn rớt xuống nổ ì ầm. Tôi quay nhìn về phía Đông, những cụm khói đen bốc lên cao ngất. Hình như một pháo đội

của TQLC đóng ở thôn Ngô Xá Tây bị pháo. Địch pháo từ hướng Tây sang, ở phía bên kia sông. Tôi thấy rõ từng lúc hai vệt sáng lóe lên, hai vệt này đến hai vệt khác rồi những tiếng nổ âm âm tiếp theo. Một quả nổ rơi gần chiếc xe đang chạy, viên tài xế lái vội qua bên mặt, chiếc xe rú lên chồm tới trước chạy trong buổi chiều đã tắt hết nắng.

5. Bên Kia Một Dòng Sông

Đây là vị trí đóng quân của Tiểu Đoàn 3/ TQLC, nơi mà hồi tháng 7 vừa qua, những người lính Quái Điều (Tiểu Đoàn 1/ TQLC) đã sống qua những ngày dài nhất trong cuộc đời lính chiến của họ. Vừa từ trực thăng đổ bộ xuống là hàng loạt pháo, pháo lớn, pháo nhỏ, nã như mưa bắc, một trực thăng khổng lồ chở quân bị bắn rớt và bốc cháy khi chưa kịp hạ cánh. Rồi địch ào ra tấn công như vũ bão. Lúc đó, mục tiêu này hội đủ tính chất chính trị và quân sự mà với bất cứ giá nào, những người lính TQLC phải giữ vững cho bằng được. Và họ đã giữ vững sau bảy ngày chiến đấu dũng cảm để rút cuộc Cộng quân đành phải nhả ra.

Tôi đã từng mong ước được đến đây một lần để nhìn những dấu vết của trận đánh khùng khiếp giữa Tiểu Đoàn 1/ TQLC và Cộng quân. Bây giờ tôi đang đi trên chiếc cầu nổi để sang “bên kia một dòng sông”, nơi đã xảy ra trận đánh đó. Tự nhiên, tôi thấy lòng nôn nao vô cùng. Chiếc cầu này ngày ấy làm gì có được. Thằng bạn tôi, Trần Văn Hợp của Tiểu Đoàn Trâu Điền lúc tiến quân qua khu vực này đã dùng một sợi dây nylon để chuyền chở lương thực, đạn dược... khi đơn vị nó đến thay thế Tiểu Đoàn 1/ TQLC đã hoàn tất vẻ vang nhiệm vụ trở về phía sau nghỉ ngơi. Con sông đó là sông Vĩnh Định, bề ngang rộng chừng 50 thước thôi.

Hiện tại, Tiểu Đoàn 3/ TQLC trấn giữ chỗ này bao gồm cả quận Triệu Phong. Quận đường cũng chẳng còn gì nữa, mọi thứ tan nát hết, chỉ còn trơ lại dấu vết của mấy cái lô cốt. Bóng tối xuống dần nhưng ánh sáng còn mờ mờ đủ nhìn thấy con

đường đất bùn lầy nhão nhẹt và giao thông hào chẳng chịt. Ở đây, tôi nghe tiếng súng nổ nhiều hơn. Thiếu Tá Cảnh, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3/ TQLC nói với tôi:

- Cánh bên này tương đối yên chứ cánh bên quận Triệu Phong thì vất vả vô cùng. Tụi nó pháo suốt ngày đêm. Hôm Tiểu Đoàn tôi lên đây, lính tráng phải bò vào vị trí chứ không thể xông lung mà đi được.

Tiểu Đoàn 3/ TQLC là đơn vị đã đánh chiếm nửa mặt Bắc của Cổ Thành Quảng Trị ngày 16-9 vừa qua. Những chiến sĩ Sói Biển của đơn vị này đã chiến đấu tuyệt vời để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó nhưng lúc bấy giờ ở mạn Bắc Cổ Thành ít có phóng viên, ký giả nào đến đây nên người ta thấy Tiểu Đoàn 6/ TQLC ở phía Nam Cổ Thành được đề cập đến nhiều hơn. Tôi định nói ý nghĩ đó với anh Cảnh nhưng nghĩ sao lại thôi. Bởi tôi biết ai cũng có niềm hãnh diện về đơn vị mình. Và riêng anh, thì tôi nghĩ anh đã hãnh diện không những về những gì đã qua mà còn sung sướng vì cái tình trong đơn vị anh đã xây đắp, tạo dựng được trong một thời gian ngắn ngủi. Tôi hỏi anh:

- Ở đây có bị pháo không?

- Có chứ. Bữa trước một ông thiếu úy Địa Phương Quân đứng chỗ kia bị một quả pháo 130 ly, văng ra làm hai khúc, tìm mãi mới thấy.

Anh vừa nói vừa chỉ tay qua một ngôi nhà ở phía bên kia con đường đất. Khu vực này cây cối thật sầm uất và rậm rạp. Nhà cửa cũng không thấy bị tàn phá gì nhiều. Điều đó chứng tỏ Cộng quân bị đánh bực hậu, chúng hãi quá nên đành “bung” sớm. Đi suốt ngày, tôi thấm mệt, tưởng rằng khi ngã lưng nằm xuống là tôi có thể tìm được giấc ngủ dễ dàng; nhưng trái lại, tôi không tài nào nhắm mắt được. Bấy giờ là trăng thượng tuần, ánh sáng trăng không đủ sáng để lấn áp những trái hỏa châu đang thả sáng trên bầu trời. Và địch vẫn tiếp tục pháo ngày đêm vào cánh quân của TQLC bên quận Triệu Phong.

Hầu như mỗi đêm, những người lính TQLC đóng tại đây chỉ ngủ có vài tiếng đồng hồ. Tôi cũng thức với họ, không biết để làm gì nhưng sao tôi không thấy buồn ngủ chút nào. Nếu không có những tiếng nổ ì ầm, không có hỏa châu tỏa sáng lơ lửng trên bầu trời, có lẽ nơi đây là một khung cảnh thái bình. Trong bóng tối mờ mờ, tôi nhìn thấy những bóng đen bò qua bò lại trên con đường trước mặt. Tôi hỏi Th/Tá Cảnh, anh cho biết là đơn vị đang báo động. Giữa những âm vang giục giã hàng ngày, tất cả những người lính đang chiến đấu trên các chiến trường, có lẽ họ chẳng bao giờ tìm được giây phút nào thanh thoi. Tiếng đại bác bắn đi, tiếng súng nhỏ nổ ròn, tiếng phi cơ phản lực rít trên đầu và tiếng bom nổ... và hình như chen lẫn trong những âm thanh đó, tôi còn nghe thấy được một thứ tiếng nói rất im lặng, tiếng nói của tình đồng đội, của những người cùng chiến đấu và sống chết bên nhau.

Nửa khuya, tôi tỉnh giấc vì một tiếng nổ thật lớn. Tôi ngồi dậy nghe ngóng. Không có gì cả. Tôi lại nằm xuống và chợt nhớ ra là mình đang ở bên này một dòng sông với tâm trạng của kẻ đi thăm một người khách lạ, nhưng cũng rất nhiều quen biết. Tôi lục túi lấy gói thuốc lá nhưng thuốc đã hết nhãn. Và tôi đành nằm chờ sáng./.

(Quảng Trị, 12/1972)



Những Mùa Xuân Qua

Giang Văn Nhân, D22



Hàng năm mỗi lần nhìn thấy lá cây
đào phía sau nhà lần lần trụi lá, những chồi non xuất
hiện trên nhánh cây và ngày qua ngày nó to dần thành những
búp hoa, Thảo biết đó là báo hiệu Xuân trở về. Lại một năm
nữa trên đất khách, tuy nói vậy, nhưng đây là quê hương thứ
hai của Thảo, nơi mà Thảo chấp chững từng bước đi vào đời,
như ở quê nhà.

Trong lúc người Việt Nam khắp mọi nơi náo nức chuẩn bị
đón Xuân Đinh Mão, Thảo đặt bước chân xuống phi trường
Seattle của đất nước Hoa Kỳ, với hình ảnh Nữ Thần Tự Do,
cùng chim Đại Bàng tung cánh. Ngày còn phục vụ trong
QLVNCH, Thảo và các bạn chọn binh chủng Thủy Quân Lục
Chiến đều ao ước được đi học ở trường Quantico của TQLC
Hoa Kỳ. Thảo và Đào Duy Chàng trình diện hậu cứ Tiểu
Đoàn 3 TQLC. Khi chờ phương tiện bổ sung ra Qui Nhơn nơi
tiểu đoàn đang hành quân, hai thằng gặp Đại Úy Phạm Văn
Sắt, Tiểu Đoàn Phó bị thương trận Bàng Long. Ông, được
thuyên chuyển làm Quận Trưởng Quận Thủ Đức, đang ghé
thăm hậu cứ tiểu đoàn. Đại Úy Sắt thân tình cho biết về sinh

hoạt của tiểu đoàn, cấp chỉ huy hiện tại, dẫn dò cố gắng tiếp tục tra dồi Anh ngữ để có dịp đi thụ huấn tại trường Wantico. Sau đó, chỉ duy nhất một thằng may mắn được đi, trong khi 14 thằng còn lại (*ba tử trận, một thương binh cấp độ 80%*) gặp vận đen vì các đơn vị trưởng không đề nghị nên miệt mài mãi nơi chiến trường.



*Tác giả - Sinh Viên Sĩ Quan Cán Bộ Tân Khóa
Sinh Khóa 23, 1967 (hàng đứng, thứ năm từ trái).*

Mỗi lần Xuân đến dù tuổi đời chồng chất, nhưng trong ký ức Thảo không bao giờ quên được những mùa Xuân trôi qua trong cuộc đời. Ngày Thảo còn mài quần ở trường Tiểu Học, gần cuối năm có tiệc tất niên, mẹ cho một đồng bạc. Là trẻ thơ Thảo thích bánh xu, bánh kem và nước Limonade, nước cam, văn nghệ hồn nhiên với vài bản nhạc tuổi thơ, như Em Bé Quê. Chia tay bạn bè, Thảo chào thầy cô về nhà để ngóng chờ mấy ngày Tết. Buổi chiều giao thừa mẹ pha sẵn nước ấm hoà ít vôi và lá ngò, tuổi ngây thơ Thảo chỉ biết tắm vôi và chú nào để ý tại sao phải có tí vôi và ngò thơm. Thảo nhập vào đám trẻ con chạy tới những nơi đang có tiếng pháo đì đùng. vui oi là vui. Thời gian trôi qua, chiến tranh ngày càng khốc liệt, chung quanh bạn bè trang lứa đã cùng Thảo lên đường làm nhiệm vụ người trai.

Đêm giao thừa đầu tiên xa nhà, nơi chòi gác gác trên Đồi Bắc, mặc dù chăm chú quan sát hướng Bắc trước mặt, nhưng Thảo vẫn thỉnh thoảng liếc nhìn về hướng Tây, nơi ánh sáng của thành phố Đà Lạt lung linh đang rộn rã đón Xuân. Lòng Thảo lâng lâng, chút cảm xúc cùng tâm trạng người lính trong phiên gác đêm Xuân. Sáng về doanh trại, nấn nót bộ quân phục kaki với cầu vai Alpha mới tinh, Thảo lên văn phòng nhận giấy phép xuất trại.

Sau hai tháng, Thảo mới thấy sinh hoạt nơi thành phố. Nắng ấm đang xua tan lạnh giá trên cao nguyên Langbian, hoa Mimosa và hoa đào nở khắp nơi, đặc biệt hoa đào vương trên má các cô thiếu nữ. Những lần dạo phố sau, Thảo để ý tới các cô gái trường Couvent Des Oiseaux nhí nhảnh, bên cạnh vẻ thánh thiện của các cô gái trường dòng Franciscan, những cô gái Coho nói tiếng Pháp. Họ đã làm các chàng trai như Thảo lưu luyến, tưởng chừng như lạc vào tiên cảnh.

Năm thứ hai cũng đêm giao thừa, đại đội của Thảo ứng chiến bên Quang Trung. Vào những ngày này chỉ có Khoá 22 A và Khoá 23, vừa mới được lên sinh viên sĩ quan, trong khi Khoá 22 B được về phép ăn Tết hàng năm cùng gia đình.

(Theo chương trình, từ Khóa 22 B, mỗi năm các sinh viên sĩ quan được về với gia đình nghỉ phép một tháng. Chương trình này kéo dài không lâu và bị hủy bỏ, từ sau Tết Mậu Thân 1968 trở đi.)

Buổi sáng trở về doanh trại, các sinh viên sĩ quan thuộc đại đội ứng chiến giá súng, quân phục luôn ở trên người và sẵn sàng tập hợp khi có tiếng kèn báo động trở lên.

Thời gian hai năm thụ huấn hoàn tất, Khoá 22 A ra trường được gửi đi phục vụ tại các binh chủng và sư đoàn Bộ Binh. Tiểu đoàn của Thảo và Chàng từ Qui Nhơn trở về hậu cứ Thủ Đức vào ngày cận Tết. Không khí Xuân bên ngoài doanh trại thu hút, quyến rũ sau tấm bảng Cấm Trại 100% quái ác. Tiểu đoàn di chuyển đến Bà Queo, trong khi các đại đội hoạt động

biệt lập. Bộ Chỉ Huy Đại Đội 1 ở xã Vĩnh Lộc, trong khi cả ba trung đội được hoán đổi vị trí theo vòng bảo vệ ấp Vĩnh Bình và Vĩnh Hạnh. Thảo đang tập sự, học hỏi kinh nghiệm (OJT) với Thiếu Úy Võ Văn Đức, tạm thời qua chỉ huy Trung Đội 1, vì Chuẩn Úy Ân về phép đón giao thừa. Trong giai đoạn này, Việt Cộng lợi dụng hưu chiến Tết Mậu Thân đồng loạt tấn công Sài Gòn, Huế, Cần Thơ và một số thành phố của VNCH. Vì thế, tiểu đoàn tức tốc di chuyển về Thị Nghè, Chuẩn Úy Ân kẹt tại hậu cứ và t ừ nạn trên đường ra bỏ sung.

Thảo đón Xuân trong lửa đạn, nhận bánh mứt Tết được dân chúng và các em trai mang đến trong tiếng đạn AK réo bên tai. Qua các trận đánh tại Ngã Sáu Chợ Lớn, Bàn Cờ, Chợ Thiếc, Phú Thọ, kinh nghiệm tác chiến của



Thảo được đánh đổi bằng máu khi điều động quân tiên trong các ngã ngách Sài Gòn, Chợ Lớn. Trận đánh ác liệt tại cầu Bình Lợi, mặc dù chiến thắng, nhưng cảnh chiến trường đổ nát, cùng sự hy sinh của anh em binh sĩ, khiến lòng Thảo bùi ngùi xót xa. Khoá 22 A vừa mới ra đơn vị, trực diện ngay chiến trường ác liệt nên vài anh đã đền nợ nước.

Thảo theo đơn vị đến Cần Thơ, Trà Vinh, Chương Thiện, Cà Mau rồi Tây Ninh, Phú Giáo, Bình Dương; hết Vùng 4, đặng Vùng 3, trên vải ngự trang nón sắt chỉ chít tên các địa danh. Từ vùng hành quân phía Tây Trại Tổng Lê Chân, đơn vị của Thảo xuống phi trường Lộc Ninh lúc xế chiều. Trung đội đang loay hoay lập vị trí phòng thủ trong vườn cao su thì bóng tối ập xuống. Đêm giao thừa đến thật nhanh mang theo nỗi buồn da diết. Hai ngày đầu năm, gió tung bụi đỏ dọc theo phi trường lùa vào vị trí, khiến người lính quân phục nhớp nhúa, phải đi xa trên hai cây số tới dãy nhà cũ của công nhân cạo mủ ngày xưa mới có giếng nước. Ngày Mừng Bốn trực thăng

vận xuống Bà Rá (Phước Long), ứng chiến và dưỡng quân tại Ấp Thánh Mẫu (An Lộc). Người lính chiến vẫn miệt mài đi, từ Long Khánh đến Bà Rịa rồi trở lại vùng sinh lầy, hành quân thủy bộ, nhảy Dù Hâu trực thăng vận.

Thảo đón Xuân tại Hòa Lựu, nơi đây có vài hàng quán cho các anh lính xa nhà, các mũ beret xanh thấp thoáng nơi bến xe Lambretta đi Vị Thanh. Vài anh em được gia đình đến chung vui mấy ngày Tết. Giờ phút thật quý báu, họ được quay quần bên nhau mấy ngày Xuân ngắn ngủi. Đòi lính trận hành quân bốn vùng chiến thuật, biết sẽ dừng chân nơi nào, đoạn đường dài mà sức không kham. Cao Lãnh, Năm Căn, Châu Đốc, ngược dòng sông Cửu Long đổ bộ lên bến đò Neakluong, đất Chùa Tháp bước chân chưa thỏa chí thì tiểu đoàn phải trở về hậu cứ, ba lô trên vai ra vùng hoả tuyến.

Ba Lòng, Động Chio, tiểu đoàn đổ quân xuống Lang Ong Nghiem sát biên giới Lào lục tìm xác phi cơ Mỹ. Năm 1971, Thảo trách nhiệm làng Như Lệ, lội bộ về Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn tại Tích Tường gặp Niên Trưởng Mai Văn Tấn. Cả hai lên xe jeep của Niên Trưởng Hồ Trọng Toạ đón về hậu cứ Tiểu Đoàn 4/1 Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Niên Trưởng Lê Huấn bận lo ngày mai di chuyển tiểu đoàn đến căn cứ Nancy, nên ủy thác Niên Trưởng Toạ đưa mọi người ra quán Tuyết. Không khí lạnh của Quảng Trị, thoảng nghe tiếng chuông giáo đường La Vang, giúp tâm hồn người lính xa nhà cảm thấy chút an bình trong không khí ngọt ngào nơi vùng hòa tuyến vì sự hiện diện của nhiều đơn vị như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Thiết Giáp...

Sau Tết các đơn vị tiến qua Hạ Lào. Vùng hành quân toàn là đồi núi, các căn cứ tiếp liệu, hậu cần của địch rải rác trên các đường mòn. Cuộc chiến đẫm máu. Mục tiêu vào Tchepone đã hoàn tất nên QLVNCH rút về biên giới, cả hai bên tổn thất nặng nề. Niên Trưởng Lê Huấn và Niên Trưởng Hồ Trọng Toạ nằm lại trên đất Hạ Lào.

Năm 1972, Cộng Sản Bắc Việt đánh vào Quảng Trị, Bình Long, Kontum, nhưng hoàn toàn thất bại trước quân và dân Bình Long Anh Dũng, Kontum Kiêu Hùng, Quảng Trị Chiến Thắng. Hiệp Định Paris 1973 ngưng bắn tạm thời cũng là lúc người lính TQLC trong Nam phải liên tục đón Xuân xa nhà.

Từ Tết 1975, ngày đầu thương chung của Việt Nam Cộng Hòa, Thảo “ăn Tết” trong trại tù Côn Thiên, rồi Tết nơi địa ngục trần gian Sông Mực Thanh Hoá; Tết ở trại tù Ái Tử, rồi Tết ở trại tù Bình Điền; Tết ở khám Chí Hòa, rồi Tết ở trại tù Đồng Phú. Cha Mẹ, Vợ Con, hy sinh tiện tặn, bới xách thực phẩm, thuốc men để giúp người tù tồn tại. Nhờ thế, ngày hôm nay Thảo mới có thể tiếp tục đón Xuân với gia đình tại quê hương tự do thứ hai.

Bao nhiêu mùa Xuân trôi qua trong cuộc đời, từ lúc con trẻ đến khi trưởng thành, Thảo chiến đấu bảo vệ quê hương, nhưng nhiệm vụ người trai chưa trọn, phải lìa xa đất Mẹ. Cuộc sống nơi xứ người, xa cộng đồng Việt Nam, không còn nghe tiếng pháo đêm giao thừa, lời mừng tuổi, chúc thọ ba ngày Tết, nên những lúc có tiệc tất niên hay tân niên dù đường xa Thảo cũng phải đến chung vui.

Con đường đi càng lúc càng ngắn lại, mức đèn đang gần phía trước, chúng ta hãy cùng nắm chặt tay nhau, thanh thản vui tươi cùng cất bước trong nhạc quân hành:

*“Đường trường xa muôn vó câu bay dập dờn.
Đoàn hùng binh trong sương lướt gió reo vang...”*

Giờ đây chúng ta vẫn còn là những người lính già chưa có giấy giải ngũ, như lời phát biểu trước Quốc Hội Hoa Kỳ của Đại Tướng Douglas Mac Arthur, vẫn vằng vặc đầu đây:

“Old soldiers never die. They just fade away.”

(Người lính già không bao giờ chết. Họ chỉ nhạt mờ theo năm tháng.)



Những Suy Nghĩ ***Sau Cuộc Rút Quân ở Afghanistan*** ***của Hoa Kỳ***

Song Vũ, k17

Việc quân đội Hoa Kỳ rút khỏi Afghanistan đã mang đến nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời. Có người so sánh cuộc rút bỏ này với cuộc rút bỏ VNCH hơn 40 năm trước đây. Dĩ nhiên có rất nhiều khác biệt, đồng thời cũng có những điểm tương đồng; đại để ta có thể kể ra như sau:

Sự có mặt của Hoa Kỳ ở Việt Nam nằm trong một chính sách be bờ (policy of containment) nhằm ngăn chặn sự lây lan của chủ nghĩa Cộng Sản đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ, trên quy mô toàn cầu trong thời gian đó. Tương tự, sự hiện diện của Hoa Kỳ trên đất nước Afghanistan bắt đầu từ nguyên do các lực lượng khủng bố phát sinh từ một nhóm Hồi giáo cực đoan ISIS chủ trương muốn biến thế giới thành một quần thể, giống như họ sống dưới cùng một niềm tin tôn giáo, mà

giáo luật khắt khe này áp đặt qua sự thuyết giảng của các giáo chủ. Kinh Coran được coi như lý thuyết căn bản của lực lượng cực đoan này, tương tự như cuốn Tư Bản Luận của Marx vậy.

Sau thời gian dài (Việt Nam 15 năm 1960-1975) và Afganistan hơn 20 năm (2000-2021); cuộc chiến đã không thể kết thúc như Hoa Kỳ mong muốn. Đó là duy trì được một chế độ cộng hòa dân chủ ở Việt Nam, trong khi ở Afganistan, thiết lập được một thể chế dân chủ sau khi tiêu diệt hoặc làm tê liệt toàn bộ các lực lượng khủng bố quá khích Taliban. Vì thế, Hoa Kỳ đành phải bỏ lại tiền của, nhân mạng trong suốt khoảng thời gian chiến tranh đó để rút chân ra khỏi vũng lầy; ngỡ hầu chấm dứt được những tổn phí, về cả tiền bạc lẫn nhân mạng cho đất nước mà rõ ràng để lâu tổn hao thêm xương máu, tiền của một cách vô ích.

Về hình thức chiến tranh, cả hai chiến trường giống nhau trong giai đoạn đầu: Du kích chiến ở Afganistan và chiến tranh du kích ở Việt Nam (giai đoạn 1960-1965*). Taliban và Việt Cộng đều dùng chung một thủ đoạn: Sử dụng bạo lực và các hành động man rợ để gây thiệt hại cho dân chúng và lực lượng chính phủ. Taliban gài mìn điều khiển qua điện thoại trên đường lộ, các chiến binh tử đạo mang theo bom trong người trà trộn vào đám đông và kích nổ. Việt Cộng gài mìn, phá cầu đường, pháo kích bừa bãi vào khu dân cư sinh sống...

Riêng chiến trường Việt Nam từ sau 1972, Việt Cộng công khai đưa các đại binh đoàn từ Bắc xâm nhập cùng xe tăng, hỏa tiễn ồ ạt tấn công để mau chóng kết thúc cuộc chiến, khi nắm vững tình hình Hoa Kỳ sẽ triệt thoái khỏi Việt Nam qua hiệp định Paris tháng Giêng 1973. Cộng Sản miền Bắc công khai vi phạm hiệp định đình chiến xưa quân tấn công xâm lược Miền Nam; trong khi ở Afganistan, quân đội Hoa Kỳ sau hiệp ước Doha tháng 2 2021 thỏa thuận rút khỏi chiến trường thì cũng là lúc các lực lượng Taliban với số lượng quân ít hơn và trang bị yếu hơn tràn tới, trước sự tháo chạy tán loạn của quân chính phủ đông hơn và vũ khí mạnh hơn.

Ở Việt Nam, Hoa Kỳ có thể viện cớ họ đã bắt tay được với Trung Cộng để chống Nga - mục tiêu tối thượng của Hoa Kỳ - và làm suy yếu sự phát triển của chủ nghĩa Cộng Sản sau này. Riêng ở Afganistan, rõ ràng Hoa Kỳ chẳng đạt được hoặc tìm ra một nguyên do khả dĩ hợp lý để biện giải cho hành động rút bỏ của mình ngoài ý kiến rất yếu ớt, xoay trục về Biển Đông để chống Tàu Cộng. Chúng ta có thể suy luận rằng nguyên do chính bị che dấu có thể là sự tốn phí quá nhiều về tiền của và nhân mạng, nhưng lại không có dấu hiệu tích cực nào thành công trên cả hai chiến trường.

Hệ quả của hai sự kiện này trong tương lai sẽ ra sao? Đó là câu hỏi mà chúng ta có thể suy nghĩ tới.

Sau thất bại tại Việt Nam, một Trung Cộng lớn lên từng ngày, sự tan vỡ của chủ nghĩa Cộng Sản trên quy mô toàn thế giới - đặc biệt là sự sụp đổ của Nga giờ đây được thay thế bằng một Trung Cộng thâm hiểm, “lợi hại” hơn gấp bội phần. Sẽ có người phản bác lại rằng kết quả Trung Cộng hùng cường như hiện tại chỉ là vấn đề thời gian mà thôi, cho dù Hoa Kỳ không bắt tay và mơ màng với học thuyết cho rằng khi Trung Cộng giàu có lên sẽ tạo ra một tầng lớp tư bản đầu đàn và một tầng lớp trung lưu vững vàng khiến cho chủ nghĩa Cộng Sản phải tự đổi màu và đem nước này hội nhập vào trào lưu sống chung hòa bình của thế giới. Giờ đây giả thuyết này đã không còn giá trị gì nữa. Sau gần nửa thế kỷ ảm đạm, Trung Cộng đã hiện nguyên hình thành con sói hung hãn hơn bao giờ hết, sẵn sàng nanh vuốt ăn tươi nuốt sống trước là lân bang, sau là thế giới còn lại.

Vậy ta có thể suy luận gì về cuộc rút bỏ khỏi Afganistan mới đây? Điều trước mắt có thể thấy được là một nước Afganistan mới sẽ phải đối phó với một nền kinh tế kiệt quệ (giống hệt VN sau tháng 4/75), cho dù ngổn ngang phi cơ, thiết giáp cùng những trang thiết bị quân sự do quân đội Hoa Kỳ để lại. Những hận thù chia rẽ, di sản của cuộc nội chiến kéo dài hai mươi năm đó chẳng dễ xóa bỏ được trong một vài chục năm

trước mắt, khi mà lực lượng chiến thắng vẫn là những khuôn mặt đã từng cổ võ cho cuộc thánh chiến vừa qua. Những giáo luật khắt khe của tôn giáo do những phần tử quá khích sử dụng sẽ lại được lập lại, chủ nghĩa khủng bố toàn cầu sẽ có cơ hội hồi sinh, và thế giới sẽ có dịp trở lại những âu lo căng thẳng từng có sau ngày 11 tháng 9 năm 2001. Những thay đổi này



Thủy Quân Lục Chiến Mỹ tại một điểm kiểm soát ở phi trường Kabul, Afghanistan, ngày 20 tháng 8 năm 2021.

tương tự như chủ nghĩa Cộng Sản ở Việt Nam không thay đổi sau khi Nga Xô sụp đổ và Trung Cộng bắt tay với Hoa Kỳ, mà chỉ biến hình thành một thứ cộng sản mang danh nghĩa khác nhưng bản chất thì chẳng thay đổi chút nào.

Rồi đây những quân nhân Afghanistan từng cầm súng chống lại Taliban sẽ lần lượt bị sát hại, hoặc vô hiệu hóa hoàn toàn. Dân chúng sẽ chìm trở lại vào bóng đêm của ngục tù, đầy ải khổ nạn dưới những giáo luật khắt khe của tôn giáo - cũng giống như Việt Nam sau tháng 4 1975 vậy. Cái khó của Afghanistan còn khó hơn nữa khi tứ bề chung quanh đều là những quốc gia chưa hẳn là thù địch, nhưng chắn chắn không phải là các quốc gia thân hữu. Ve vãn của Trung Cộng hiện tại chỉ báo một điềm gỡ vì hai tôn giáo Cộng Sản và Hồi Giáo cực đoan không thể có tiếng nói chung chân tình thân thiện cởi mở. Và

có thể dự đoán không sai nhiều rằng sau một thời gian khôn khó về kinh tế, chính quyền Taliban nếu muốn tồn tại để đưa đất nước hồi sinh họ lại phải van vỉ, kêu nài tới sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Vấn đề chỉ là thời gian thôi, giống như Việt Nam vậy.

Trong lúc dầu sôi lửa bỏng này lại xuất hiện con virus COVID 19. Virus chẳng mang theo lý thuyết nào trong nó để làm kim chỉ nam cho hành động. Nó công bình tuyệt đối chẳng cần phân biệt chủng tộc, sắc da, hoặc tình trạng kinh tế. Nó cũng chẳng nề hà gì chuyện giới tính, tuổi tác. Rất đơn giản, nơi nào có sự sống là nó tìm đến để tiêu diệt. Nó đủ thông minh để ngụy trang, biến đổi hình dạng để thích nghi với sự chống đỡ của con người. Thêm điều may mắn cho virus là sự phân hóa tới cùng cực của nhân loại nên nó không sợ sự kết hợp toàn cầu để chống nó. Con người có ý nghĩ riêng nên mỗi người một vẻ tùy tâm mà chọn thái độ của mình. Những biện pháp ngăn ngừa lây lan cũng từ đó mà tùy duyên áp dụng. Nơi không có thuốc để chích ngừa, chỗ thì dư thừa quá hạn sử dụng phải đổ đi,... nơi nhốt người dễ dàng như nhốt súc vật, thả rong ai muốn làm gì thì làm... Người chết cứ chết, kẻ tham lam làm giàu vẫn kiếm cách kiếm tiền vô tội vạ...

Bức tranh toàn cảnh là như thế, chỉ có điều, tự do quá lộ của Phương Tây nói chung lại bộc lộ rõ thế hạ phong của mình trước một đối thủ hiểm ác là cộng sản, mà điển hình là Trung Cộng hiện nay. Rõ ràng với thể chế độc tài toàn trị, Tàu Cộng với các biện pháp chống dịch COVID cực đoan như test covid toàn dân, bắt buộc chính ngừa toàn dân... có khả năng chống COVID khá hơn Tây phương rất nhiều. Chỉ có điều, kinh nghiệm này đã được Cộng Sản Việt Nam bắt chước một cách mù quáng khiến cho đất nước điêu đứng và tổn thất quá lớn.

Các nước càng văn minh, tôn trọng nhân quyền, quyền tư riêng, lối sống tự do phóng túng bị chính những nguyên tắc sống đó tác động tới việc chống dịch bệnh. Những cuộc biểu tình chống đối dẫn cách xã hội, đeo khẩu trang... ở Châu Âu, thủ tướng bị ném đá khi đi vận động tranh cử vì bắt dân đeo

mặt nạ, ở Canada mới đây, các thống đốc tiểu bang Florida, Texas quyết liệt chống đối vụ bắt dân đeo mặt nạ còn đang tiếp diễn cho dù trong cả hai tiểu bang này số người mắc bệnh và chết vì COVID cao ngất ngưỡng... là những thí dụ điển hình. Ta có thể suy luận được gì sau các sự kiện này?

Những quốc gia nghèo Phi Châu sẽ chịu nhiều tổn thất thiệt thòi và sẽ ngày càng lệ thuộc vào ảnh hưởng của các cường quốc, đặc biệt là các quốc gia có khả năng chế tạo vắc xin ngăn ngừa dịch bệnh, mà với tài nguyên và sự thâm hiểm của Trung Cộng, họ sẽ có nhiều lợi thế hơn phương Tây khi mỗi chài lôi kéo các quốc gia này về phía mình. Họ sẵn sàng bỏ tiền ra mua chuộc các lãnh tụ các nước nghèo đói này làm theo ý muốn của họ (khai thác tài nguyên và ảnh hưởng chính trị) mà không cần để ý tới việc đòi hỏi nhân quyền, hoặc dân chủ của quốc gia họ đầu tư. Đây là điểm yếu nhất của Hoa Kỳ mang theo ngọn cờ nhân quyền và xây dựng một chế độ dân chủ làm kiểu mẫu làm điều kiện để giao thương.

Những quốc gia Đông Nam Á thực sự không đủ khả năng tự cường để ra mặt chống đối Trung Cộng. Một phần vì đa số quốc gia này chứa chấp một khối lượng kiều dân Trung Cộng khá lớn - đặc biệt là các di dân Trung quốc này lại nắm giữ những khâu then chốt trong nền kinh tế quốc dân của xứ sở tại như Nam Dương, Philippine, Thái Lan, Singapore,... Có thể nói, nền kinh tế quá mạnh của TC đủ lực để cuốn hút toàn bộ các nền kinh tế Đông Nam Á chung quanh phải nhảy theo vũ điệu của Trung Cộng dàn dựng mà không thể làm khác hơn được. Hoa Kỳ quá xa xôi, một nền chính trị thiếu nhất quán và chỉ thích có kết thu hoạch lợi nhuận mau chóng, không có khả năng chịu đựng đầu tư lâu dài. Mọi công việc luôn đòi hỏi phải có thành quả trước mắt, có thể đo lường định giá được... Rồi sau 4 năm hoặc 8 năm cầm quyền, một vị tổng thống mới có thể xoay trục 180 độ mà chẳng cần thông báo trước cho ai. Rõ ràng việc chọn lựa Trung Cộng làm đối tác chiến lược là không thể tránh khỏi, về lâu dài.

Điều này giải thích thái độ trù trừ, do dự chập chờn của Cộng Sản Việt Nam kể từ sau khi Hoa Kỳ rút chân ra khỏi Việt Nam. Mặc dù Trung Cộng là kẻ thù truyền kiếp của dân tộc và âm mưu Hán hóa có thể nói không một người dân Việt Nam nào không biết; sự lệ thuộc vào giới chóp bu Cộng Sản Tàu là quá rõ và đã từng bộc lộ một cách công khai, với lời nhấn nhủ của ngoại trưởng Dương Khiết Trì khi thăm Việt Nam tháng 6/2014, qua lời khuyên không có gì láo xược hơn trong bang giao quốc tế: “Lãng tử hồi đầu!!”

Các đồng minh khả tín của Hoa Kỳ còn lại là ba nước Đông Bắc Á Nam Hàn, Nhật Bản, và Đài Loan. Chúng ta có thể giả định Hoa Kỳ sẵn sàng bảo vệ cho các đồng minh cốt tử của mình. Qua kinh nghiệm của hai trận chiến Việt Nam và Afganistan, Hoa Kỳ sẽ chỉ “chơi hết mình” khi các đồng minh ấy có thực lực tự bảo vệ và Hoa Kỳ chỉ đóng vai trò hỗ trợ là chính. Trường hợp nổ ra chiến tranh - với lý do quân đội Mỹ hiện diện trên lãnh thổ của các quốc gia này chịu tổn thất, lúc đó Hoa Kỳ có thể tham chiến tích cực. Điều đó cũng có nghĩa thế chiến sẽ nổ ra để đến kết quả cuối cùng là toàn thế giới đều là nạn nhân và đại cường còn lại sẽ chỉ là một đại cường què quặt.

Với giả định này Đài Loan có thể bị loại ra khỏi danh sách “chí cốt” vì thiếu yếu tố thứ hai - có quân nhân Hoa Kỳ trú đóng. Chỉ có điều mặc dù có sự khiêu khích quân sự (bằng cách cho phi cơ xâm phạm không phận Đài Loan ngày càng nhiều...) nhưng quyết định thống nhất lãnh thổ bằng quân sự của Trung Cộng đối với quốc đảo này rất ít khả năng xảy ra. Một phần vì quyết tâm phòng thủ của Đài Loan chắc chắn Trung Cộng phải trả một giá rất đắt khi đánh chiếm, thêm vào đó là sự tẩy chay của toàn thể nhân loại về hành động bạo lực này. Tóm lại nếu Trung Cộng dùng chiến tranh để giải quyết tham vọng thống nhất đất nước, cái hại sẽ gấp bội cái lợi, chưa kể có thể dễ dàng dẫn tới một cuộc thế chiến**.

Một kịch bản khác cũng có khả năng xảy ra có xác suất cao

hơn: Trung Cộng chỉ cô lập gây khó dễ cho Đài Loan cùng các nước Đông Bắc Á mà không đưa tới một cuộc chiến khu vực khiến Hoa Kỳ phải can thiệp; nhưng ngược lại tích cực vây ép các quốc gia Đông Nam Á vốn hội đủ hai điều kiện:

- Lệ thuộc rất nặng về kinh tế.

- Các lực lượng Hoa kiều nằm vùng trong các quốc gia này có khả năng khuynh đảo chính quyền sở tại khiến cho giới cầm quyền phải đi theo cây gậy chỉ đường của Trung Cộng.

Tự do hàng hải trên biển Đông sẽ được Trung Cộng duy trì đối với các cường quốc Tây Phương có lực lượng hải quân tham gia tuần hành trong vùng biển này. Các câu thúc của đường chín đoạn, các luật lệ do Trung Cộng ban hành trên biển Đông chỉ áp dụng cho Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ chẳng có cơ nào để can thiệp vào nội bộ giữa hai quốc gia Việt Nam và Trung Cộng! Điều đó cũng có nghĩa Việt Nam đã trở thành một quốc gia lệ thuộc vĩnh viễn vào mẫu quốc Tàu; hay nói đúng hơn là một bang của Trung Quốc. Đúng như những gì chúng ta đang thấy tiêm tiến diễn ra hiện nay.

Những dự báo chính trị hoặc những toan tính dài hơi của các “think tank” Hoa Kỳ trong các thập niên 80/90 về sự đổi màu của Trung Quốc nay rõ ràng đã quá sai. Kế tới những toan tính của Hoa Kỳ sau tháng 4/75 tại Việt Nam đặc biệt là việc “Đổi Mới” sau năm 1986 sau Hội Nghị 6 của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Với kế hoạch viện trợ nhân đạo, bãi bỏ cấm vận, và đầu tư vào quỹ học bổng VEF (Vietnam Education Foundation) nhằm đào tạo một thế hệ lãnh đạo mới đưa dân Việt Nam đi vào quỹ đạo thân Tây Phương cũng sai nốt. Có lẽ các nhà hoạch định chính sách đã đặt quá nặng khả năng nhận thức logic của giới tinh hoa (elite) trong một dân tộc mà quên đi bản chất, hay nói đúng hơn truyền thống của dân tộc ấy.

Dân tộc Á Châu là một sắc dân có khả năng chịu đựng khá cao. Nền văn minh Khổng giáo nhiều thế kỷ đã biến họ thành những người cam chịu với số phận của mình một cách thụ

động. Ý chí quật cường, sự dũng cảm hy sinh đã bị các cuộc chiến tranh tàn khốc trong hai thế kỷ 19 và 20 soi mòn tiêu hủy. Phần còn lại sẵn sàng chấp nhận cuộc sống xích xiềng bất công vẫn tốt hơn là đã phải bỏ xác nơi rừng thiêng nước độc như các tiền bối của họ. Tính mạng con người rẻ hơn bèo, cả triệu binh sĩ Trung Cộng hy sinh trong cuộc chiến tranh Triều Tiên đâu có bao giờ được nhắc tới, hoặc nghe tới sau chiến tranh? Việt Nam cũng thế, hơn một triệu người hy sinh cho cuộc chiến kéo dài 20 năm mà hình tích chỉ còn lại là những vệt trắng trên các bia mộ, nghĩa trang nằm rải rác dọc Trường Sơn? Thà rằng sống tù nhục, bị chèn ép áp bức vẫn còn hơn phải chịu cảnh tù đày tranh đấu đầy bất trắc.

Trong mỗi dân tộc, hàng ngũ trí thức thường được đánh giá là ưu tú dẫn dắt đám quần chúng còn lại. Trí thức được coi như những người có tầm nhìn và lòng vị tha mong muốn cho cộng đồng của mình, dân tộc mình sống hạnh phúc ấm no. Khi trở thành lãnh đạo, họ luôn nghĩ tới hạnh phúc của dân tộc và tiền đồ của đất nước. Trong xã hội cộng sản thành phần ưu tú này một số ít không tham gia chính quyền, chấp nhận cuộc sống công chức ăn lương. Phần còn lại hầu hết là thành phần có học đã bị tẩy não, sẵn sàng dùng kiến thức, mảnh lối leo cao chui sâu vào giới lãnh đạo để trở thành một loại giai cấp mới vơ vét tiền của tài nguyên đất nước cho cá nhân, cho dòng tộc mình.

Trở lại với mạch suy nghĩ về cuộc đối đầu hiện nay giữa một bên là Hoa Kỳ và bên kia Trung Cộng. Nếu chỉ dựa trên các số liệu về quân sự, số vũ khí hạt nhân cùng các phương tiện chuyên chở, dĩ nhiên ta thấy cán cân này lệch hẳn về phía Hoa Kỳ. Chỉ có điều về phương diện tinh thần và khả năng lãnh đạo cùng phương thức lãnh đạo của từng quốc gia chúng ta sẽ thấy cán cân này không hẳn đã luôn thiên lệch như chúng ta nghĩ. Một đạo quân cho dù được trang bị tối tân tới mức nào mà thiếu đi yếu tố tinh thần chiến đấu sẽ chỉ là một đạo quân vô lực và sẽ tan rã nhanh chóng khi gặp thử thách.

Trung Quốc là một quốc gia độc tài toàn trị không ai chối

cãi. Chế độ này tạo nên một sức mạnh vô song khi nó muốn tập trung vào thi hành một kế hoạch nào đó vì nó có khả năng quy tụ toàn bộ tài nguyên trong nước cho mục tiêu nó muốn đạt. Thêm vào đó, lòng tự hào dân tộc Đại Hán với ý tưởng hờn căm vì bị làm nhục trong suốt thế kỷ 19 càng làm cho ý nghĩ này thêm sâu đậm hơn. Vì nhu cầu tồn sinh của dân tộc trong các thiên niên kỷ tiếp theo, nếu không có đột biến nào xảy ra, Trung Quốc sẽ càng ngày càng mạnh hơn.

Tây Phương thì ngược lại. Phân hóa trong nội bộ các quốc gia Mỹ Châu và Âu Châu ngày càng sâu sắc hơn. Tôn trọng tự do cá nhân không cho phép chính quyền đưa ra các biện pháp bắt cá nhân phục tùng tuyệt đối chính sách của chính phủ cho ngay cả vì lợi ích của cá nhân đó nữa (vụ chính giữa COVID là một bằng chứng). Ý tưởng nhân quyền lại càng làm cho những hành động quyết liệt cần thiết trong chiến tranh trở nên bất khả. Một tên khủng bố mang theo mình bom cảm tử dễ dàng nhảy vào đám đông dân chúng và cho nổ bom sát hại mà chẳng thèm để ý tới đám đông đó đang làm gì. Tham dự nhạc hội, hội hè giải trí, hay liên hoan vui chơi? Nó cũng chẳng thèm để ý tới có đàn bà, trẻ em trong đám nạn nhân đó không. Chết càng nhiều phụ nữ, trẻ em, tiếng vang càng dữ dội, nỗi sợ hãi càng mạnh hơn. Người ta quên đi một nguyên tắc:

Trong chiến tranh, con người vì mạng sống của chính mình, đồng đội mình mà sẵn sàng sát thương kẻ thù địch bất chấp bằng phương tiện nào, thủ đoạn như bản nào. Ở chiến trường, nếu ta nghĩ tới vấn đề nhân đạo mà lo ngại để mắt tới kẻ thù - cho dù kẻ thù đó là đàn bà hay trẻ em, cơ may sống còn sẽ rất thấp. Chúng ta thường nghe tới một Võ Thị Sáu, “anh hùng” Lê văn Tám đó thôi. Dĩ nhiên khi viết những dòng chữ này tôi không có ý khuyến khích sát hại thường dân trong chiến tranh mà chỉ có ý nói rằng những tổn thất trong chiến tranh là điều phải chấp nhận, đừng áy náy khi bóp cò chỉ vì nghĩ rằng tà ta hy sinh còn hơn phạm phải tội ác giết người yếu đuối. Bởi vì chúng ta sẽ chết vì sự yếu đuối của mình trước kẻ thù rất nham

hiềm mà chúng ta phải đối mặt.

Cộng Sản chủ trương bạo lực để giải quyết mọi tranh chấp hoặc duy trì quyền thống trị. Nét nổi bật của việc sử dụng võ lực này chính là hành vi tàn bạo dã man mà họ áp dụng trong mọi trường hợp, tàn sát dân lành, đánh đập dã man những người tham gia biểu tình ôn hòa đòi quyền sống, nhốt tù dài hạn những cá nhân không đồng quan điểm chính trị với họ. Một Thiên An Môn điển hình của Trung Cộng, những cuộc thanh trừng đẫm máu của Putin hiện tại, những sự việc bắn giết gia đình cụ Kinh ở Đồng Tâm Việt Nam mới đây là những điển hình. Chính nhờ những hành động tàn ác này mà họ đã duy trì được quyền hành của họ. Khi Tây Phương nêu ngọn cờ nhân quyền rõ ràng đã làm họ khó chịu và bất bình nhưng nếu chỉ dừng ở những lời nói suông, không kèm theo các biện pháp chế tài hữu hiệu thì chắc chắn sẽ chẳng đi tới đâu.

Trong một bài phỏng vấn sử gia Niall Ferguson mới đây***; Ferguson cho rằng việc rút quân đội Hoa Kỳ ra khỏi Afganistan sẽ tạo ra sự ngộ nhận khiến Trung Cộng có thể tấn công Đài Loan. Thực ra việc rút quân của Hoa Kỳ có thể hiểu theo ít nhất là 2 cách: Hoa Kỳ muốn chuyển hướng sự chú ý của mình vào khu vực Biển Đông và Ấn Độ Dương trước sự hung hăng ngày càng gia tăng của Trung Cộng. Hoặc ta cũng có thể hiểu theo cách khác: Các quốc gia mong muốn Hoa Kỳ hỗ trợ phải có thực lực và hiệu quả trong việc tự vệ của chính quốc gia mình và Hoa Kỳ chỉ có thể hết mình nếu các quốc gia ấy là đồng minh đáng tin cậy và hiệu quả trong thi hành kế hoạch chung.

Thế giới biến đổi quá nhanh và nhiều trong vòng hai năm trở lại đây kể từ sau đại dịch COVID 19. Hành động phủ đầu của chính quyền Trump trên mặt trận kinh tế với Trung Cộng đồng thời mở ra những xung đột khác trên nhiều lãnh vực ngoại trừ quân sự. Nhìn về nội tình nước Mỹ, điều đáng lo ngại chính là sự phân hóa quá rõ rệt giữa những quan điểm trái nghịch giữa hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ. Chúng ta có cảm

tưởng rằng sự xung đột này mang tính sinh tử phá bình chỉ nhằm đến làm tê liệt mọi kế sách mà tổng thống đương nhiệm đang mong muốn thi hành một cách có hiệu quả. Ai cũng thấy, trước mắt, muốn phục hồi kinh tế phải tối thiểu dẹp yên được sự lây lan của dịch bệnh COVID. Vắc xin có sẵn, nhân lực có sẵn mà cả trăm triệu người dân Mỹ vẫn không chịu đi chích ngừa! Rõ ràng Mỹ đang suy yếu ngay từ trong nội tạng của mình và nếu giờ đây cuộc chiến phi hạt nhân nổ ra với Trung Cộng chiến thắng khó mà đoán định được.

Việc chuyển trục từ Trung Đông sang Á Châu của Hoa Kỳ thực ra cũng còn cần nhiều điều phải làm. Hoa Kỳ có thể thuyết phục được các quốc gia đồng minh Châu Á rằng mình sẽ đồng cam cộng khổ, không bỏ rơi bạn khi khó khăn như đã từng làm trước đây với Việt Nam Cộng Hòa và mới đây ở Afghanistan? Chưa kể đến chính trong nội bộ mỗi quốc gia trong vùng Đông Nam Á, với tư cách độc lập của mình sẽ răm rắp tuân theo mọi sự điều khiển của Mỹ? Kinh nghiệm cho thấy, Hoa Kỳ khi bỏ tiền ra luôn đòi thêm quyền chỉ huy theo kế hoạch chính sách của mình, khác hẳn với kiểu viện trợ của khối cộng sản, họ giúp tiền của thậm chí quân đội mà không đòi hỏi quyền chỉ huy trực tiếp. Họ khéo léo đứng sau lưng giật dây cứ như thể họ giao cho quốc gia đó được trợ giúp tự lo liệu lấy. Điều này tránh được sự xung đột giữa ý thức độc lập dân tộc của dân chúng nước sở tại và sự lệ thuộc ngoại bang quá rõ rệt của người cầm quyền.

Điều cuối cùng, nếu chiến sự nổ ra toàn vùng, liệu Hoa Kỳ có sẵn sàng chấp nhận một cuộc chiến thế giới để giải quyết một lần từ nay về sau không còn phải bận tâm về chiến tranh nữa? Hay Mỹ lại loay hoay với lương tâm bị cắn rứt, giống như Tổng Thống Truman đã từng làm khi nhận được lời đề nghị của Tướng Mark Arthur trong cuộc chiến Triều Tiên, khi vị tướng này muốn sử dụng bom hạt nhân để tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân đội Trung Cộng do bành Đức Hoài chỉ huy khi chúng đang tập trung chuẩn bị vượt sông Áp Lục cứu nguy

cho quân đội Bắc Hàn đang tan tác chạy?

Thật khó mà có câu trả lời cho những câu hỏi chúng ta tự đặt ra và vì thế cũng khó mà phỏng đoán những điều gì sẽ xảy đến trong thời gian năm năm tới đây. Có vẻ như là chúng ta chỉ còn hy vọng vào sự suy nghĩ “logic” của con người lãnh đạo các đại cường, khi họ ý thức được rằng bất cứ cuộc chiến nào cũng dễ dàng đưa nhân loại tới chỗ diệt vong và không nhất thiết sử dụng tới vũ lực mới có thể thống trị được thế giới mà còn có cách khác không tốn hao xương máu. Trong thế kỷ 20, việc Nga Xô sử dụng sách lược xuất khẩu cách mạng vô sản trên quy mô thế giới tưởng chừng có lúc họ thành công. Giờ đây với các phương tiện khoa học kỹ thuật tiên tiến hơn hẳn, với các phương tiện truyền thông mở rộng, chúng ta có quyền hồ nghi về một sách lược gieo rắc tin giả, qua các thuyết âm mưu, sẽ tạo nên những hỗn loạn chính trị cần thiết kết hợp với các dịch bệnh do con người “bào chế” ra để làm suy yếu các quốc gia khiến nó sẽ tự thân suy yếu hỗn loạn dẫn đến sụp đổ.

Thế giới nếu còn tồn tại tới thiên niên kỷ thứ ba sẽ còn phải đối đầu với rất nhiều thách thức khác: Lương thực thực phẩm, nguồn nước ngọt, sự biến đổi khí hậu, sự ô nhiễm môi trường sống, sự biến hóa của các loại virus ngày càng độc hại và lây lan nhanh hơn... Những thách thức đó đòi hỏi sự chung tay, góp sức của mọi quốc gia vì nó là những thách thức cho mọi con người sống trên hành tinh này. Nhân loại cần tập trung mọi nguồn nhân vật lực để chung tay cùng lo giải quyết thay vì cứ dựa theo các chủ thuyết sằng bậy, niềm tin huyền hoặc tìm cách tiêu diệt lẫn nhau để cuối cùng tất cả đều chết vì sự ngu dốt của mình?

Liên tiếp trong hai tuần lễ vừa qua là các cuộc di chuyển qua lại ngoại giao giữa hai khối Tư Bản và Cộng Sản ở Việt Nam. Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Harris chưa kịp tới, Đại Sứ Hùng Ba của Trung Cộng đã gặp ngay Thủ Tướng Phạm Minh Chính của Việt Nam để nhắc nhở răn đe. Sau đó một tuần, khi Bộ Trưởng Quốc Phòng Nhật qua thăm Việt Nam, Ngoại Trưởng

Vương Nghị cũng đã có mặt để theo dõi. Nhiều nhà phân tích chính trị quốc tế và trong nước đều đồng ý với nhau một điểm, trong thế đù dây hiện nay, Cộng Sản Việt Nam không thể làm gì khác hơn là phải hơi nghiêng nặng một chút về phía Trung Cộng. Đó là lý do giải thích cảnh đón tiếp hờ hững lạnh nhạt đối với sứ giả Hoa Kỳ - Phó Tổng Thống Harris-- so với sứ giả Trung Cộng Hùng Ba và trước lời mời chào thẳng thắn của Phó Tổng Thống Harris về đề nghị hợp tác toàn diện Mỹ Việt đã không được Việt Nam đáp ứng.

Điều tệ hại ở đây là thái độ hèn mạt, khúm núm quá mức trước sự dọa nạt của Trung Cộng trước mắt quốc tế khiến cho Cộng Sản Việt Nam hiện nguyên hình thành một kẻ lưu manh cơ hội không thực tâm mong muốn cho đất nước của mình hùng cường, độc lập thực sự trước kẻ thù truyền kiếp của dân tộc mình như cha ông đã từng làm trước đây. Rồi cơ hội bấy tỏ thái độ lập trường nữa sẽ qua đi như bao lần bỏ qua nhiều cơ hội khác. Nếu Hoa Kỳ một ngày nào đó hiểu ra sự thực này: Cộng Sản Việt Nam không đủ bản lĩnh để thoát khỏi vòng lệ thuộc Tàu Cộng, thậm chí sẽ trở thành một tiểu bang trong đại gia đình Đại Hán thì việc chấm dứt dây dưa để có một kế sách hợp lý lâu dài đối ứng với âm mưu bành trướng của Bắc Kinh sẽ lại khiến cho Mỹ thảm hại trên chiến tuyến biển Đông thôi. Nhiều khi việc buông bỏ níu kéo sẽ làm cho dân tộc quật cường Việt Nam nổi dậy chống bọn Việt Cộng tay sai đưa đất nước đi vào quỹ đạo hùng cường độc lập cũng nên.

Tháng 9 cũng đôn dập mang tới những tín hiệu báo hiệu một sự thay đổi mạnh mẽ trong tương lai gần. Sau Phó Tổng Thống Harris của Mỹ và Bộ Trưởng Quốc Phòng Nhật Bản Kishi Nobuo tới thăm Việt Nam trong hai ngày 10 tới 12 tháng 9. Điều thú vị là trùng với thời điểm này, Ngoại Trưởng Vương Nghị của Trung Quốc cũng sang thăm và “làm việc“ với cầm quyền Cộng Sản Việt Nam!

Trong bài phát biểu của Bộ Trưởng Quốc Phòng Nhật, Nhật Bản hứa chia sẻ kỹ thuật quốc phòng và mong muốn có sự hợp

tác, chia sẻ kinh nghiệm quốc phòng giữa hai nước. Còn về phần Vương Nghị, ngoài nhắc nhở Việt Nam đừng quên tình hữu nghị cùng 16 chữ vàng với Trung Cộng là lưu ý dặn dò đừng có manh động trên biển đông. Lưu ý là cùng thời gian này, Trung Cộng đang tổ chức thao dợt hải quân bắn đạn thật quanh khu vực các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Tiếp theo là chuyến công du Hoa Kỳ với danh nghĩa dự họp Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Nguyễn Xuân Phúc được nhiều nhà bình luận chính trị Đông Nam Á kỳ vọng sẽ dùng diễn đàn này tố cáo Trung Cộng đang lộng hành trên Biển Đông để gián tiếp ủng hộ Mỹ mới vừa công bố liên minh quân sự Mỹ-Anh-Úc. Nhưng rồi dự đoán này cũng tắt ngóm, tệ hại hơn thế là trước khi dự phiên họp Liên Hiệp Quốc, Phúc bay qua Cuba để hoan hô cổ vũ cho các cáo buộc của nước này trước việc cấm vận của Hoa Kỳ.

Thái độ tiếp theo sau đó Nguyễn Xuân Phúc đã gặp gỡ vài đại biểu vô danh cực hữu của Hoa Kỳ để xin ủng hộ giúp đỡ. Quả thật là hết thuốc chữa. Hành động cuối cùng của Phúc vẫn là năn nỉ xin WHO “ưu tiên” phát thuốc vaccine cho Việt Nam chống dịch - cứ như thể Việt Nam là cha thiên hạ, nếu không được ưu tiên thì cả thế giới sẽ... tiêu vong vậy. Dĩ nhiên là cuộc du hành vắc rá đi xin của Phúc hoàn toàn thất bại và từ đó chúng ta có thể suy luận thêm điều gì?

Chắc chắn những công việc của Phúc không phải là kế hoạch/ mưu lược ngẫu hứng mà phải được Bộ Chính Trị của Cộng Sản Việt Nam “nghiên cứu kỹ càng” kịch bản để Phúc diễn. Từ trước tới nay, Cộng Sản Việt Nam chưa từng bao giờ thực tâm muốn ngả về phía Mỹ để mong thoát khỏi cái rọ Tàu Cộng. Lý do chủ yếu vẫn là nếu đi theo con đường này, Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ tiêu vong cho dù dân đất nước có cơ hội hùng cường quật khởi, độc lập. Lý do thứ hai có vẻ cụ thể hơn, chính sách ngoại giao và an ninh thế giới của Mỹ thay đổi quá đột ngột và phụ thuộc khá lớn vào vị tổng thống đương nhiệm. Mỗi 4 năm, sau kỳ bầu cử, tân tổng thống có thể quay

180 độ các chính sách của vị tổng thống tiền nhiệm.

Chính vì tính thiếu nhất quán trong chính sách và kế hoạch an ninh quốc phòng càng làm cho Cộng Sản Việt Nam do dự đong đưa giữa sức hút của hai thế lực đối chọi nghịch chiều. Cộng Sản Việt Nam giờ đây đã dứt khoát chọn bên của mình: Trung Cộng. Điều đó giải thích thái độ khinh thường của Việt Cộng trong các cuộc đón tiếp đón các chính khách Mỹ, Nhật Bản và sự cùn cung chu đáo đối với các chính của Trung Cộng. Chắc hẳn Mỹ cũng đã nhìn ra bộ mặt thật này khiến cho không có cuộc tiếp xúc nào giữa Phúc và Mỹ trong kỳ họp Liên Hiệp Quốc vừa qua, thậm chí Phúc cũng chẳng xin được ông vắc xin chống COVID nào từ phía Hoa Kỳ để đến nỗi phải ký một thỏa thuận đáng xấu hổ và nhục nhã khi mua một triệu liều vaccine của Cuba và sau đó 20 triệu liều vắc xin của Tàu với cam kết dù người sử dụng có mệnh hệ nào cũng không... dám ý kiến! Đó có lẽ cũng là lý do chính khiến Bộ Trưởng Ngoại Giao Bùi Thanh Sơn của Việt Nam sẽ đi thăm Nga vào ngày 25 tới đây, để xin Nga hỗ trợ việc sản xuất vaccine trong nước.

Với một đám lãnh đạo bất tài nhưng lại thừa ngạo mạn vì quá tự tin rằng mình là “bồ thiên hạ”, Cộng Sản Việt Nam đã bị con COVID Vũ Hán đánh cho xây xẩm mặt. Giờ đây kinh tế đổ đốn, thủ tướng chính phủ lại một lần lên lớp nói chuyện “đạo nghĩa” với các doanh nghiệp FDI rằng họ có bốn phận phải chia sẻ các bất hạnh vì lãnh đạo kém tài của y!

Lịch sử luôn lặp lại với những dân tộc không tôn trọng nó. Lịch sử là những kinh nghiệm của tiền nhân thông qua những hành động của mình trong suốt khoảng thời gian trái đất xoay vần. Khi nhân loại chưa có chữ viết, lịch sử là những câu chuyện thần kỳ truyền khẩu đời nọ nói kể lại cho đời kia nghe. Khi loài người có chữ viết, lịch sử được biên soạn lại những sự kiện biến cố đã xảy ra cho nhân loại.

Chỉ tiếc một điều, những tên lãnh đạo độc tài thường sử dụng lịch sử như một phương tiện để biện minh cho các hành

động gian trá của chúng qua các sử gia đã được chúng nhào nặn uốn nắn. Từ đó lịch sử của các quốc gia độc tài trở thành một thứ tiểu thuyết viễn tưởng mang đầy sắc thái tuyên truyền. Đó là lý do khiến cho những sai lầm lịch sử cứ lặp lại mãi. Xét lịch sử nước ta, cái vòng luẩn quẩn cầu cứu Tàu của các vị vua quan thời Lê Chiêu Thống mong giữ ngai vàng đã mang lại biết bao tai họa cho đất nước. Nhưng so sánh việc cầu viện Tàu để chống Pháp và hoàn toàn lệ thuộc vào Tàu để xâm lược Miền Nam đất nước của Cộng Sản Việt Nam thời cận đại cái di họa còn khủng khiếp hơn nhiều lần.

Giờ đây đất nước đang trôi dần vào nanh vuốt Cộng Sản Tàu, ai cũng biết nhưng không một ai có khả năng ngăn chặn được việc này. Đất nước Việt Nam chúng ta thoi thóp sống, tồn tại trong tuyệt vọng. Không ai lường được trong vòng 100 năm tới đây đất nước sẽ như thế nào. Duy một điều chắc chắn: Lề lệ thuộc này sẽ không chỉ kéo dài 1000 năm như trước, mà sẽ là mãi mãi - chung số phận như dân tộc Tây Tạng vậy.

Cuộc rút quân của Hoa Kỳ ra khỏi Afganistan sau 20 năm tham chiến cho chúng ta một suy ngẫm về chính đất nước mình. Qua hai bài học Việt Nam 1975 và Afganistan 2021, chắc hẳn Mỹ đã nhận ra một bài học đắt giá: Không thể giúp đỡ một quốc gia dân tộc nào mà chính quốc gia dân tộc ấy không đủ sức và quyết tâm để tự mình làm điều đó.

Bài học thứ hai cho các nước nhược tiểu thấy rằng, trên bàn cờ thế giới, những mưu cầu lợi lộc cá nhân, dòng tộc hay đảng phái khi được đưa lên thành nguyên tắc để xây dựng đất nước, trước sau gì cũng bị các cường quốc khác khuynh đảo vận dụng thành con cờ của các đại cường.

Bài học lịch sử cuối cùng: Một quốc gia cho dù mạnh giàu mạnh đến mức nào nếu cứ duy trì chiếm đoạt cả thiên hạ vào tay mình, trước sau thế nào cũng thất bại thảm hại.

Thế giới có các quốc gia lớn nhỏ khác nhau, sức mạnh yếu khác nhau nhưng luôn mang giá trị sống còn như nhau. Thêm

vào đó, con người sống giữa thiên nhiên còn tràn đầy kỳ bí bất trắc mà khoa học chưa thể và sẽ không thể giải thích hết được. Loài người ngoài những hiểm nguy tranh giành sát hại tương tàn cũng luôn còn có rất nhiều kẻ thù chung độc hại hơn cả con người: Bệnh tật, thảm họa từ ngoài không gian rình rập sẵn sàng đổ xuống đầu con người. Một vài vật thể có thể tích chừng vài trăm mét khối đang ngày đêm bay trên các quỹ đạo khác nhau luôn có khả năng đâm sầm vào trái đất cũng đủ để triệt tiêu vài thành phố lớn.

Thiên tai bệnh tật - nhất là sau đại dịch COVID 19 trong hai năm qua đã cho chúng ta biết bao kinh nghiệm đau đớn và hiểu rằng cuộc sống con người chưa bao giờ mong manh hơn trong lúc này.

Trước tình cảnh như thế, vì những chủ thuyết, niềm tin tôn giáo khác nhau - mà tất cả đều là sản phẩm của chính con người làm ra - lại khiến cho chúng ta không thể đoàn kết một lòng chung sống hòa bình bên nhau quả thật là một điều khó hiểu.

Tháng 9/2021

Ghi Chú:

*Tôi tạm lấy mốc ngày 8 tháng 3 năm 1965, ngày các đơn vị TQLC Hoa Kỳ đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng và Mặt Trận Giải Phóng Miền nam ra đời ngày 20 tháng 12 năm 1960.

** <https://www.bloomberg.com/opinion/articles/2021-03-21/niall-ferguson-a-taiwan-crisis-may-end-the-american-empire>

*** <https://asia.nikkei.com/Spotlight/20-years-after-9-11/Will-Xi-move-on-Taiwan-History-warns-he-might-Niall-Ferguson>.



NƯỚC MẮT CHIỀU XUÂN

VI VÂN, K20/1

Một mùa Xuân nữa lại về trên đất khách. Không biết đây là mùa Xuân thứ mấy tôi đã xa quê hương. Tôi không muốn đếm, không muốn tính vì nếu biết chính xác thì chắc đã nhiều lần lắm rồi, càng thêm buồn. Tôi nhớ đến mẹ, anh em và bạn bè thân thuộc... Tất cả bây giờ ở đâu? Kể còn người mất, kẻ lưu lạc phương trời nào? Chiều nay 30 Tết nhìn mấy chậu Mai, Lan, Cúc... đua nhau khoe sắc trong không gian lạnh lạnh cuối năm, sao lòng tôi chẳng thấy nôn nao vui vẻ chút nào. Tôi bỗng nhớ về quá khứ, hồi ức về những ngày tháng qua, những gì tôi từng chứng kiến, hoặc chính bản thân tôi từng trải qua lần lượt trở lại như cơn ác mộng làm tê buốt hồn tôi...

Một buổi chiều cuối năm xưa khi gia đình tôi đang chuẩn bị cúng rước ông bà thì nhận được hung tin: Anh trai tôi đã tử trận. Mẹ tôi ngất xỉu không biết bao lần vì đưa con thân yêu mới 25 tuổi đầu ra đi đột ngột. Riêng tôi không còn nỗi đau đớn nào hơn vì đó là lần đầu tiên tôi cảm thấy được việc mất mát người thân như thế nào. Nỗi đau xé nát tâm can của kẻ khóc người đi vào thiên cô không thể nào diễn tả hết được. Cả một thời gian dài đằng đẵng về sau cứ mỗi chiều 30 Tết, lúc

sửa soạn cúng ông bà thì mẹ tôi lại ngồi khóc thật nhiều trước bàn thờ anh. Gia đình tôi chẳng bao giờ có được những ngày Xuân vui vẻ. Làm người dân trong thời loạn, thời chinh chiến khó được hưởng hạnh phúc trọn vẹn.

Tôi theo chồng dời về một tỉnh xa: Kiến Hòa. Người ta nói đây là nôi của Việt Cộng. Người dân Kiến Hòa không ai có thể biết họ thuộc phía nào, phe ta hay phe bên kia. Thành phố không an ninh, bất cứ giờ nào cũng có thể bị pháo kích, bất cứ nơi nào cũng có thể bị đặt mìn, ném lựu đạn. Từ ngoài đường xe chạy, trường học, công sở đến chợ búa, trong đồng bắp cải, rau đậu hay đồng dưa vắn thể phát nổ được. Có lần tôi đang đi chợ thì mìn nổ ngay trong đồng rau bắp cải làm mọi người chạy tán loạn, có người chết, có người bị thương. Riêng tôi may mắn chạy ra xa được nên an toàn nhưng phải một phen kinh hoàng khó quên. Dân ở nơi đây lúc nào cũng phải đề cao cảnh giác, phòng bị vì nguy hiểm luôn chực chờ.

Vào một buổi chiều, một người bạn của chồng tôi đến chơi. Anh Trần Văn Phước là Đại Úy Trưởng Phòng 1 của Tiểu Khu Kiến Hòa. Anh khoảng 27, 28 tuổi, có gương mặt hơi giống Elvis Presley nhưng có giọng ca trầm ấm và chỉ thích hát tình ca. Hôm ấy trông anh không được vui, cũng không nói gì cả, cứ ngồi ôm đàn hát hết bài này sang bài khác. Tôi thấy trời đã về chiều sợ anh đi đường nguy hiểm vì anh tự lái xe Jeep đi nên nói chồng tôi khuyên anh nên về sớm.

Ngày hôm sau khi tôi từ trường về, chồng tôi bảo:

- Em ơi, thằng Phước chết rồi. Hôm qua ở nhà mình ra nó lái xe về đến ngang Ngã Ba Tháp bị bắn sẻ trúng đầu và nó đã chết.

Tôi bàng hoàng, thò thẩn:

- Trời ơi! Có thể nào là vậy? Mới chiều hôm qua anh còn ngồi đây đàn hát kia mà.

Nhưng sự thật vẫn là sự thật, chồng tôi nói anh ấy đã đi rồi. Tôi không cảm được nước mắt, lòng ngậm ngùi thương

xót cho một người bạn của chồng mình. Những giọt nước mắt này tôi khóc không những cho riêng anh mà tôi khóc cho cả một thế hệ trẻ đau thương của chúng tôi. Những người thân, những người bạn chung quanh tôi dù trai hay gái đang ở lứa tuổi đôi mươi, đang độ thanh xuân nhưng không thể tìm thấy mùa xuân giữa thời binh đao khói lửa.

Tôi về đây không bao lâu nhưng nhận ra được không khí chiến tranh bao trùm thành phố. Cuộc sống hồi hộp, lo lắng, phòng bị hằng ngày làm tôi muốn nghẹt thở.

Bên hàng xóm tôi có một cô giáo trẻ, xinh đẹp, tóc dài da trắng, người mảnh khảnh mang dáng dấp liêu trai, tên Kim Chi. Những lúc buồn tôi hay sang hàn huyên cùng cô. Tình thoảng tôi bắt gặp cô nàng đi cùng một anh Trung Ủy Biệt Động Quân trẻ, rất đẹp trai tên Long. Chẳng bao lâu hai người cưới nhau. Tôi rất mừng và cầu mong cho họ được hạnh phúc đến suốt cuộc đời. Sau tuần trăng mật chàng ra đi biệt lập, Chi dù sống đời chinh phụ nhưng cũng cảm thấy hạnh phúc vì đưa con trong bụng.

Rồi vào một buổi chiều cuối năm âm u, lạnh lẽo người ta đã đưa về cho nàng chiếc quan tài của người thương mà nàng mỗi mắt chờ trông. Thế là hết, bao nhiêu mộng ước tan tành, đổ vỡ. Chi gào thét, vật vã điên cuồng bên quan tài người đã anh dũng ngã xuống giữa sa trường vì non sông, vì tổ quốc. Ôi! Còn nỗi đau đớn nào hơn? Mái tóc dài liêu trai của nàng rồi bờ vai tả, đôi mắt đỏ ngầu vì luyến thương hay uất hận? Đôi vai gầy run từng chập theo tiếng khóc bi thương với những lời kể lể thiết tha thống hận. Tôi không biết dùng lời gì để an ủi Chi vì giờ phút này có lẽ nước mắt là liều thuốc tốt nhất làm voi bớt đau đầu của nàng. Tôi chợt thấy thương và thông cảm cho những người mẹ, người vợ, người yêu của chiến sĩ VNCH đã phải gánh chịu nỗi đau đớn tột cùng này. Không biết có bao nhiêu người vợ trẻ cùng cảnh ngộ với Chi bây giờ?

Tôi thờ thần rồi nhà Chi đi lang thang dọc theo bờ sông

Hàm Luông. Chiều xuống thủy triều dâng cao, dòng sông lặng lẽ trôi xa hun hút không biết chảy về tận phương nào. Dòng sông sâu thăm mênh mang buồn như cũng cảm thông tâm trạng đau thương cho người góa phụ, cho tuổi trẻ hôm nay, cho cuộc chiến dai dẳng này không biết bao giờ mới chấm dứt!

Về sống nơi đây chưa được bao lâu mà tôi phải chứng kiến thêm nhiều cảnh đau thương, tàn khốc của chiến tranh. Hằng đêm tôi thường cầu nguyện xin Chúa thương xót, cứu giúp dân tộc đáng thương, bất hạnh của tôi. Chồng tôi mỗi ngày phải đi công tác xuống các quận. Cứ mỗi lần anh ra khỏi nhà là tôi cảm xâu chuỗi lên đọc kinh cầu xin bình an cho chuyến đi của anh. Có một lần khi đọc xong một chuỗi kinh, đáng lý tôi ngưng lại nhưng không hiểu sao lòng tôi cứ bòn chòn xốn xang không an tâm. Thế là tôi cảm xâu chuỗi lên đọc tiếp, cứ đọc hết 50 kinh tôi trở lại đọc tiếp nữa... cho đến lúc nghe tiếng gõ cửa và chồng tôi đã về. Anh bảo tôi rằng:

- Hôm nay anh suýt chết. Khi trực thăng chở anh về đến bên kia bờ sông thì bị súng phòng không của họ bắn lên trúng cánh máy bay của anh. May mà anh phi công Hoa Kỳ giỏi đã “lét” được qua sông và đáp xuống bãi đáp kịp thời nên tụi anh không sao. Nếu máy bay rớt nằm bên kia bờ sông thì coi như xong đời rồi vì bên đó là vùng của họ.

- Thảo nào hôm nay em cứ phập phồng lo sợ và cứ đọc kinh mãi không dám buông xâu chuỗi xuống.

Tạ ơn Chúa và sau đó chồng tôi còn gặp vài trường hợp nguy hiểm hơn thế nữa mà Chúa đều cứu chàng ấy thoát chết.

Từ 1971 đến 1973 tôi ở Kiến Hòa, một trong những tỉnh tệ nhất về an ninh ở Vùng 4. Xác chết của binh sĩ hoặc thương binh được chở về Quân Y Viện hằng ngày qua những tiếng rú kinh hoàng của xe cứu thương, của trực thăng tải thương. Còn dân chúng thì lo sợ pháo kích hằng đêm, đôi khi cả ban ngày.

Có một câu chuyện mà có lẽ suốt đời tôi không thể nào quên được, đó là cái chết của em Trần Thị Nhỏ, học sinh lớp

8 của trường trung học Tân Dân - Kiến Hòa. Hôm đó trong giờ dạy của tôi em Nhỏ phá phách bạn bè đủ thứ. Tôi lấy làm ngạc nhiên vì thường ngày em rất ngoan. Hai lần tôi lên tiếng cảnh cáo nhưng em cứ tiếp tục nghịch. Sau đó tôi bắt em lặp lại những gì tôi vừa dạy thì hóa ra em chẳng biết gì cả, chứng tỏ em không nghe giảng bài. Trong cơn nóng giận tôi đã phạt em chép lại bài học hôm đó 20 lần và nộp cho tôi vào kỳ tới.

Lần kế tiếp tôi đến lớp đó, tôi chợt nhớ có một em thiếu nộp bài phạt. Tôi hỏi:

- Có em nào chưa nộp bài phạt của cô không?

Cả lớp im lặng nhìn nhau. Em trưởng lớp đứng lên nói:

- Thưa cô, có trò Trần Thị Nhỏ chưa nộp bài.

- Tại sao vậy? Em đó đâu?

- Thưa cô, trò ấy chết rồi ạ!

Tôi hốt hoảng, biến sắc:

- Sao? Em vừa nói gì, tại sao trò ấy chết?

Cả lớp học nhao nhao lên:

- Trò Nhỏ bị pháo kích chết, cô ơi!

Tôi dẫn xúc động bảo em trưởng lớp lên kể rõ nguyên nhân cái chết của cô bé kia cho tôi nghe. Em đó đã kể lại rằng:

- Nhà trò Nhỏ ở ngoại ô tỉnh nên không được an ninh. Đêm hôm ấy trò ngồi viết bài phạt của cô đến khuya thì bị pháo kích và trái đạn đó rớt trúng bàn học của Nhỏ khiến trò ấy chết ngay.

Tôi đau xót, hỏi hận:

- Trời ơi, có phải lỗi tại cô không? Nếu cô không phạt em ấy thì Nhỏ đâu có chết.

Em trưởng lớp lắc đầu:

- Không phải đâu cô, tại số trò ấy tận rồi. Cái bàn học của trò ấy sát bên giường ngủ, miếng đạn cũng làm nát cái gối

ở giường trở nên dù không viết bài phạt, trò ấy có nằm trên giường cũng vẫn chết.

Tôi ghen ngào thương xót cho cô bé là một nạn nhân của chiến tranh. Tôi nói với em trưởng lớp:

- Các em có thể đưa cô đến đó để cô an ủi gia đình và thấp cho em ấy một nén nhang không?

- Không được đâu cô. Chỗ đó không được an ninh, nếu cô đến họ sẽ bắt cô vì chồng cô là sĩ quan.

Thế là tôi cũng không đến nhà thăm mộ em được. Đến nay tôi vẫn còn thấy ray rứt trong lòng dù em chết không phải do lỗi của tôi. Vùng đất này đối với tôi không có gì lưu luyến, chỉ có buồn bã, thương tâm nên vợ chồng tôi xin chuyển về Cần Thơ quê nhà của tôi, nơi có gia đình, người thân và bè bạn.

Đầu năm 1973 chúng tôi được chuyển về Cần Thơ. Ở đây vào buổi sáng trên các ngã đường phố ngoài những tà áo dài trắng, những chiếc quần xanh của nam, nữ học sinh còn có đủ các loại quân phục của các binh chủng: Bộ Binh, Không Quân, Hải Quân, Cảnh Sát. Thịnh thoảng có cả màu áo hoa rừng của Nhảy Dù, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến... Trong thành phố này không có đạn bay, súng nổ nhưng ngoài xa kia chiến tranh đang đi vào thời kỳ khốc liệt.

Tôi về lại quê nhà cũng vào đầu mùa Xuân như ngày nào lia gia đình ra đi theo chồng. Tôi nhớ thương anh trai mình nên tôi đưa mẹ đến Nghĩa Trang Quân Đội thăm anh. Nơi đây hiu hắt buồn, không gian trầm lắng, gió vi vu thổi nhẹ qua mấy hàng cây nghe rờn rợn. Phải chăng vong linh của những người trai trẻ nằm đây than thở, nuối tiếc cuộc đời dở dang và nổi u uất, hờn căm chiến tranh chưa tan dù bên kia thế giới. Mẹ tôi ngồi lặng yên bên mộ anh tôi rất lâu. Bà nhìn chăm chăm vào bức ảnh của anh rồi cúi xuống và toàn thân người run lên. Biết mẹ tôi khóc, tôi ôm đôi vai gầy của mẹ, lòng thương cảm biết bao với nỗi đau “tre già khóc măng non” của người. Đôi vai này mẹ mong muốn che mưa chắn gió cho con mình, chịu

đựng tất cả những bất hạnh đổ xuống đầu các con nhưng cuối cùng người đàn bà bất lực.

Mẹ tôi ngược nhìn sang những ngôi mộ chung quanh một lúc rồi lắc đầu tự nói một mình:

- Sao toàn là người mới ngoài hai mươi tuổi vậy? Thật tội nghiệp cho mấy đứa trẻ này!

Nắng đã nhạt nhòa trên hàng cây, tôi dìu mẹ đứng dậy:

- Thôi mình về đi mẹ. Trời sắp tối rồi.

Mẹ tôi gật đầu theo tôi ra về, nước mắt vẫn còn rơi rớt trên khuôn mặt già nua, phúc hậu nhưng héo tàn vì năm tháng khổ đau dày vò. Gió vẫn thổi lướt thướt như rên rỉ tí tê, gió lùa qua tàng cây kẽ lá nhẹ nhẹ ru buồn trong chiều vắng và cơn trùng bắt đầu trở giọng bi thương, ai oán...



Văng vẳng xa xa vài tiếng đi đùng, đi đẹt, đi đùng... Không biết đó là tiếng pháo mừng Xuân hay tiếng súng từ trận chiến nào vọng lại?

Dù tôi luôn tâm niệm sẽ sống bên mẹ lâu dài nhưng ai ngờ đến cuộc bể dâu? Ngày 30 tháng Tư 1975 đã làm thay đổi, xáo trộn tất cả dự định, ước mơ, hy vọng của chúng tôi. Chồng tôi và các em rể của tôi đều bị vào tù hết. Lúc này mẹ tôi bị một cú sốc quá nặng nên đau nằm liệt trên giường, không gượng dậy nổi. Riêng tôi càng bi thảm hơn vì vừa lo cho mẹ bệnh đau, vừa lo cho chồng trong tù, lo cho con nhỏ trong nhiều năm dài đằng đẵng.

Sau khi chồng tôi trở về một thời gian, nhận thấy tình hình thời cuộc lúc đó không thể ở lại quê hương được nữa, chúng tôi chuẩn bị cho một chuyến vượt biên đi tìm Tự Do.

Đầu Xuân 1985 tôi lại theo chồng bỏ mẹ tôi một lần nữa. Vào lúc đó những người ra đi không ai có thể tin rằng sẽ có

ngày được trở về nhìn lại quê hương và người thân.

Ngày từ già ra đi, mẹ con tôi ôm nhau khóc nức nở. Lòng mẹ buồn đau thế nào tôi hiểu được nhưng vẫn phải gạt lệ chia tay. Hai đứa con nhỏ dại của tôi cũng ý thức được cuộc chia ly không ngày tái ngộ nên hai bé ngồi sụp xuống lay từ biệt bà ngoại, dù tôi không bảo chúng một lời nào. Hình ảnh buổi chiều hôm ấy không bao giờ mờ nhạt trong tôi. Một buổi chiều ly biệt suốt đời tôi không quên được với những dòng nước mắt xót xa, bịn rịn của một đáng mẹ hiền:

Chiều nay ly biệt mẹ hiền ơi!

Con sẽ ra đi cuối nẻo trời.

Bao giờ gặp lại hay muôn kiếp?

Nước mắt phân kỳ luôn mãi rơi?

(Vi Vân)

Đêm hôm ấy trên con tàu vượt sóng ra khơi, tâm trạng tôi vô cùng phức tạp không thể nào diễn tả được. Tôi không biết mình đang đi đâu đây? Tại sao phải bỏ quê hương, mẹ già, em thơ để lên đênh trên con tàu không định hướng? Tương lai mình về đâu và sẽ ra sao? Lòng tôi như thác tràn, sông vỡ, đau thương vây chặt tâm hồn. Con tàu vẫn âm ỉ tiến ra xa, xa mãi trong khi nước mắt tôi đầm đìa trên đôi má. Tôi cố quay nhìn lại đoạn sông đã đi qua nhưng chỉ có một màu đen mịt mù che khuất, mất dấu rồi đường về quê mẹ thân yêu.

Xa xa tiếng pháo đi mừng mừng Xuân của nhà ai đó như xoáy mạnh vào nỗi đau ly hương, vong quốc trong tôi. Những tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền vẫn vang lên đều đều cùng một âm thanh trầm trầm, rờn rợn ma quái. Tàu càng đi, càng rời xa đất mẹ và tôi biết rằng... muôn đời tôi đã mất Việt Nam.

Cali Xuân 2022.

Tiểu Đoàn 8 Thủy Quân Lục Chiến Từ Kampuchia Đến Hạ Lào

Mũ Xanh Lê Quang Liễn, K20

Chiến Trường Kampuchia

Cuối Tháng 6/1970, Lữ Đoàn 369/TQLC được lệnh thay thế Lữ Đoàn 147/TQLC tại chiến trường ngoại biên Kampuchia.

Thành phần Lữ Đoàn 369/TQLC tham chiến gồm các Tiểu Đoàn 5, 8, 9 TQLC và TĐ3 Pháo Binh. Nhiệm vụ chính của Lữ Đoàn là:

- Bảo vệ thủy trình từ Châu Đốc đến Thủ Đô Nam Vang.
- Hoạt động quanh thị trấn Neak Luong, nằm bên bờ sông Mekong, trong vòng bán kính 10km.
- Yểm trợ quân đội Kampuchia khi có lời yêu cầu.

TĐ8/TQLC đã tham dự cuộc hành quân giải tỏa đèo Pik Nil trên Quốc Lộ 4 từ Nam Vang đi về Cảng Sihanoukville nhìn ra Vịnh Thái Lan. Đoàn quân xa chuyển vận lữ đoàn đến ngoại ô phía Đông Nam Nam Vang lúc 5 giờ chiều, nhưng hơn 2 tiếng sau mới được hướng dẫn di chuyển qua thủ đô Nam Vang khi



hoàng hôn đã xuống. Sự chậm trễ này nhằm tránh tạo nên tâm lý giao động cho dân chúng Thủ Đô Phenom Penh về tình hình an ninh.

Quanh khu vực đèo Pik Nil, không ảnh ghi nhận CSBV đã bố trí khoảng 20 đại bác phòng không 37 ly để ngăn chặn các trực thăng của QLVNCH. Vì thế, nhiều phi vụ B-52 đã trải thảm khu vực này.

Các Ó Biển thuộc TĐ8/TQLC chạm địch khá dữ dội tại khu vực gần đèo Pik Nil. Sau hai ngày giao tranh, CSBV đã rút lui để lại nhiều xác chết và vũ khí trên chiến trường.

Lữ Đoàn 369/TQLC phối hợp với Lữ Đoàn Kampuchia do Thiếu Tướng Fernandez chỉ huy đã đánh địch trên nhiều hướng và giải tỏa hoàn toàn khu vực này.

Ngoài ra đơn vị còn thi hành nhiều cuộc hành quân dọc theo, hoặc trên sông Mekong để bảo vệ an toàn cho các đoàn tàu tiếp tế nhu yếu phẩm cho Thủ Đô Nam Vang. TĐ8 đã tiêu diệt nhiều ổ phục kích của CSBV dọc thủy lộ Mekong, bảo đảm an toàn cho các chuyến tiếp tế.

Trong cuộc Hành Quân Cứu Long 2/ BK44/ ST2/ 369/ 71 ngày 19 tháng 1 năm 1971, TĐ8 đánh tan một đơn vị thuộc tiểu Đoàn K17 CSBV phục kích đoàn tàu tiếp tế cho Nam Vang.

Đơn vị CSBV bố trí quanh một ngôi chùa tại Phum Lovea Saleu bên bờ phía Đông sông Mekong. CSBV đã lợi dụng khu vực rậm rạp quanh ngôi chùa để cản sức tấn công của TQLC nhiều tiếng đồng hồ. Thiếu Tá Nguyễn Văn Phán, Tiểu Đoàn Trưởng, đã có quyết định táo bạo nhưng hợp lý khi anh ra lệnh ĐĐ1/ TĐ8 sử dụng 3 tàu đổ bộ đánh thẳng vào bờ sông trước ngôi chùa với địa thế tương đối trống trải, dễ quan sát. Với hỏa lực yểm trợ của một pháo đội pháo binh TQLC bên bờ phía Tây sông Mekong cách Neak Luong vài cây số và hỏa lực trực xạ của các dàn đại liên trên các chiến đỉnh vào những vị trí CSBV bố trí quanh ngôi chùa, bờ sông để TQLC đổ bộ thẳng

vào tuyến bố trí của CSBV. Chúng đã bị buộc phải “chém vè” vì cách đánh dứt điểm, chính diện vào vị trí đầu não của thẩm quyền Phu Nhân. Riêng ĐĐ1/TĐ8 đã hạ sát 29 tên CSBV, thu 2K 54, 01 địa bàn, 01 súng B40, 16 AK 47, và nhiều đạn dược, tài liệu quan trọng.

Vào dịp Tết Tân Hợi, cuối Tháng 1/1971, toàn bộ quân nhân thuộc Lữ Đoàn 369/TQLC lại đón Xuân thêm một cái Tết xa nhà, lần này xa quê hương trên đất nước Kampuchia. Tết năm nay, quân ta truy kích, tiêu diệt và cầm chân bọn CSBV ra thật xa biên giới Việt - Kampuchia để đồng bào quốc nội được ăn Tết bình an hơn.



*Hình chụp gần đèo Pik Nil, Kampuchia.
Bác Sĩ Hoàng Cơ Trường, Thiếu Tá Nguyễn Văn Phán - Tiểu
Đoàn Trưởng, Đại Úy Lê Quang Liên (từ trái).*

Cuối Tháng 2/1971, Lữ Đoàn 369 TQLC được lệnh cấp tốc di chuyển về Sài Gòn bằng đường bộ trên Quốc Lộ 1 qua ngã SvayRieng, Kampong Trapek, Gò Dầu Hạ. Dọc hai bên quốc lộ là những cánh đồng bằng phẳng, xen kẽ những phum (làng) của người Miên. Cảnh đồng quê bên nước bạn thật êm đềm, dân cư sinh sống trên những ngôi nhà sàn với thang gác bằng gỗ thường bắc ngay chính giữa nhà, bên dưới là nơi dành cho

gia súc. Mặt trời bắt đầu xuống thấp ở cuối chân trời, những tia nắng vàng đã phai nhạt. Chiều xuống dần, từng đàn trâu bò di chuyển chậm rãi, những cụm khói lam lơ lửng quanh mái nhà, hàng cây của các thôn xóm ven quốc lộ làm gợi nhớ hình ảnh quen thuộc bên quê nhà. Xa xa thấp thoáng những ngôi chùa có đường nét kiến trúc đặc thù với mái cong hai đầu và tháp nhọn được xây cất ở những vị trí cao trong phum, từng hàng cây thốt nốt thẳng tắp, cao với cành lá xum xê trên ngọn tại nhiều vùng thôn quê Kampuchia là nét đặc biệt của xứ Chùa Tháp.

Qua khỏi biên giới Kampuchia - Việt Nam tại Gò Dầu Hạ thuộc Tỉnh Tây Ninh, lòng tôi cảm thấy âm lại, tâm hồn rộn ràng vì cảnh sinh hoạt quen thuộc của đồng bào mình cùng với những âm thanh, hàng quán, phố phường đã in đậm trong ký ức cả mấy chục năm cùng lúc được đánh thức dậy. Quê hương mình đẹp quá, người dân thật hiền hòa qua những vẫy tay, nụ cười tươi vui của đồng bào khi thấy đoàn quân xa chờ những người con của Miền Nam trở về từ chiến trận. Anh em TQLC trên các quân xa cũng hân hoan ra mặt, vẫy tay đáp trả lại tấm chân tình của người dân mình.

Hành Quân Lam Sơn 719

Tại hậu cứ, các đơn vị có lệnh cấm trại 100% để được bổ sung quân số, lương thực, đạn dược trong vòng 2 ngày và sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới. BCH/LĐ 369 TQLC và các Tiểu Đoàn 5, 8, 9 và TĐ3 Pháo Binh TQLC được không vận thẳng đến phi trường Khe Sanh để tham dự cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại Hạ Lào.

Trước khi lên đường Trung Tá Phạm Văn Chung, LĐT 369/ TQLC, đã có một buổi thuyết trình đặc biệt, được giới hạn để các đơn vị trưởng và ban tham mưu ý thức được tầm quan trọng của nhiệm vụ sắp đến. Trước khi rời phi trường Tân Sơn Nhất ngày 1 tháng 3 năm 1971, tất cả các quân nhân đã được chỉ thị phải nhanh chóng rời phi cơ sau khi hạ cánh

để di chuyển đến các giao thông hào sát phi đạo. Các vận tải cơ C-130 của Không Lực Hoa Kỳ vẫn nổ máy và cất cánh liền sau khi chúng tôi xuống hết. Lý do là phi trường Khe Sanh thường bị pháo kích khi có phi cơ lên xuống.

Lữ Đoàn 147 TQLC là lực lượng trừ bị của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I trong Giai Đoạn I của cuộc Hành Quân Lam Sơn 719 khai diễn ngày 8 tháng 2 năm 1971.

Toàn bộ Sư Đoàn TQLC có mặt tại Khe Sanh vào **đầu Tháng 3 năm 1971**. Các đơn vị được phân nhiệm như sau:

- LĐ147 TQLC gồm các TĐ 2, 4, 7 TQLC và TĐ2PB.
- LĐ258 TQLC gồm các TĐ 1, 3, 8 TQLC và TĐ3PB.
- LĐ369 TQLC gồm các TĐ 5, 6, 9 TQLC và TĐ1PB.

Trong giai đoạn hai của cuộc HQ Lam Sơn 719, các Lữ Đoàn TQLC được giao phó các nhiệm vụ sau đây trong lãnh thổ vùng Hạ Lào.

Ngày 2 Tháng 3 năm 1971, BCH/LĐ 147 và các đơn vị thông thuộc được trực thăng vận đến căn cứ Đông Đa, tức Delta ở cao độ 550m theo thứ tự BCH/ LĐ + TĐ7 + TĐ2 Pháo Binh. Tiểu Đoàn 2 phía Đông Bắc căn cứ, TĐ4 phía Đông căn cứ.

Trong tuần lễ đầu tiên, LĐ147 với nhiều cuộc đụng độ liên tục, đôi lúc vô cùng mãnh liệt với Cộng quân. Được yểm trợ mãnh liệt bằng súng cối, quân CSBV tấn công TĐ 4 tại hướng Đông. Cuộc tấn công bị bẻ gãy hoàn toàn nhờ sự yểm trợ hiệu quả của pháo binh nòng dài 175 mm và đại bác 8 inch của Bộ Binh Hoa Kỳ từ Khe Sanh. Trong cuộc phản công này TQLC đã loại ra khỏi vòng chiến 130 tên, phía TĐ 4 có 6 hy sinh và 42 bị thương.

Ngày hôm sau, TĐ 4 lục soát rộng khu vực gần vị trí giao tranh đã tìm thấy thêm hơn 100 tử thi CSBV bỏ mạng vì bị B-52 oanh kích.

Đồng thời, tại phía Đông Bắc căn cứ Delta, sau khi B-52

thả bom vào những khu vực tập trung CSBV để yểm trợ TĐ2, 2 đại đội BB CSBV đã đụng độ với các đơn vị TĐ 2. Kết quả 145 địch bỏ xác tại trận địa, TQLC có 14 tử thương và 91 bị thương.

Đồng thời, LĐ 258 TQLC cùng các TĐ 1, 3, 8 và TĐ3 Pháo Binh lần lượt được trực thăng vận xuống căn cứ Hồng Hà tức Hotel tại đỉnh Coroc, có cao độ hơn 800 m.

Tiểu Đoàn 8 có nhiệm vụ bảo vệ BCH/ LĐ 258 và hoạt động lục soát rộng quanh khu vực Coroc để phát giác, ngăn chặn các toán CSBV xâm nhập. Bãi đáp trực thăng của LĐ cạnh TOC bị pháo kích vài lần, sau đó LĐ phải chọn một bãi đáp khác thấp hơn dưới đỉnh Coroc. Hai Tiểu Đoàn 1 và 3 tiến song song về mục tiêu Bravo phía Nam của Hotel khoảng 7km. Các đơn vị này thường chạm địch cấp trung bình và thường xuyên bị địch quấy rối bằng pháo kích. Tổng kết, Lữ Đoàn 258 đã giết chết 361 CSBV và tịch thu 51 vũ khí đủ loại, ngoài ra còn tìm thấy 153 xác CSBV bị phi cơ oanh kích tiêu diệt. Lữ Đoàn 258 TQLC có 7 quân nhân tử thương và 33 bị thương.

Lữ Đoàn 369 TQLC là thành phần trừ bị của Quân Đoàn I, trấn đóng quanh khu vực Khe Sanh với nhiệm vụ bảo vệ an ninh và hành quân thám sát 5km Tây Nam Khe Sanh.

Việc phối trí các Lữ Đoàn TQLC tại các căn cứ phía Nam QL 9 nhằm hỗ trợ cuộc **đổ quân vào Căn cứ địa 604 (Base Area) của CSBV tại Tchepone. Căn cứ 604 là mục tiêu chính của cuộc HQ Lam Sơn 719.**

Đây là một mắt xích trong chuỗi căn cứ trên đường mòn HCM xuất phát từ Miền Bắc và nằm sâu trong lãnh thổ Lào để xâm nhập Miền Nam. Từ căn cứ này CSBV chuyển đi vũ khí và tiếp liệu để đánh phá hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên trong mùa khô.

Quanh Tchepone, các bãi đáp trực thăng (LZ) là Lolo, Liz, Sophia và Hope, là nơi lần lượt đổ bộ các tiểu đoàn thuộc các

Trung Đoàn 1, 2/ Sư Đoàn 1 BB vào Tchepone từ ngày 3 đến 6 tháng 3 mới hoàn tất. Cuộc hành quân đổ bộ bằng trực thăng này được mô tả là lớn nhất trong cuộc chiến, phải huy động đến **276 trực thăng UH-1 cùng sự yểm trợ của nhiều trực thăng võ trang và các phi cơ hộ tống.**

Ngày 6 tháng 3, để chuẩn bị cho cuộc đổ quân cuối cùng tại LZ Hope, 4 km Đông Bắc Tchepone, các phi vụ B-52, các phi xuất yểm trợ chiến thuật được sử dụng tối đa tại các địa điểm quanh bãi đáp, và cuối cùng một màn khói trắng nguy trang được bao phủ LZ Hope để Tiểu Đoàn 2/2 của Thiếu Tá Trần Ngọc Huế được trực thăng vận xuống LZ Hope. Thiếu Tá Nguyễn Tri Tấn, Tiểu Đoàn Trưởng 3/2 (người bạn tù thân thiết của tôi) cũng được thả xuống sau đó. Cuộc đổ quân hoàn tất lúc 13 giờ 43. Hai tiểu đoàn này lục soát những vùng quanh vị trí Hope và đồng thời chiếm những điểm trọng yếu. Các quân nhân thuộc Trung Đoàn 2 chỉ chạm địch nhẹ, tìm thấy 102 xác CSBV chết vì bom của B-52, 05 súng 12,7 mm và 1 súng phòng không. Riêng Tiểu Đoàn 3/2 lục soát sâu hơn về phía Nam hướng về Tchepone đã khám phá hơn 1,000 tấn gạo, 2,000 mặt nạ, và 31 xác CSBV cùng nhiều loại vũ khí bị bom B-52 phá hủy; còn Tiểu Đoàn 2/2 lại tìm thấy một vùng với gần 100 xác CSBV cùng nhiều loại vũ khí bị B-52 xé nát thành từng mảnh. **Tchepone nằm trong tầm kiểm soát của các chiến sĩ Trung Đoàn 2/ Sư Đoàn 1 BB.**

Các trực thăng của Bộ Binh Hoa Kỳ đảm trách nhiệm vụ rất phức tạp và khó khăn này gồm các đơn vị thuộc 223d CAB, 14th CAB... (CAB: Combat Aviation Battalion). Các phi công trực thăng của Hoa Kỳ đã thi hành nhiệm vụ vô cùng dũng cảm, chuyên nghiệp với tinh thần kỷ luật rất cao trong những phi vụ đổ quân, yểm trợ, tiếp tế cho QLVNCH dù phòng không địch bắn như đạn lưới lửa trên vùng mục tiêu. Số trực thăng bị trúng đạn và bị bắn hạ đều xảy ra mỗi lần bay vào không phận Tchepone. Các tiểu đoàn của Sư Đoàn 1 đã giao tranh ác liệt với địch hoặc phải hứng chịu nhiều đợt pháo kích bằng đủ loại

pháo. Việc tiếp tế và tải thương gặp rất nhiều khó khăn do hỏa lực phòng không dày đặc của CSBV.

Các chiến sĩ của Sư Đoàn 1 BB thật xứng đáng với danh tiếng là sư đoàn bộ binh giỏi nhất của QLVNCH, nên mới chịu đựng được nhiệm vụ vô cùng cam go này!

Đến ngày 9 tháng 3, QLVNCH xem như hoàn thành nhiệm vụ của cuộc HQ Lam Sơn 719. Sau khi lục soát, phá hủy nhiều kho tàng gồm lương thực, hầm vũ khí cùng hàng trăm xác địch do các đợt giao tranh cũng như các cuộc tiền oanh kích của nhiều loại phi cơ, kể cả pháo đài bay B-52, các cánh quân của Sư Đoàn 1 BB được lệnh rời khu vực căn cứ địa 604.

Việc triệt thoái của các binh sĩ Sư Đoàn 1 BB khỏi khu vực mục tiêu cũng trải qua nhiều ngày, nhiều giai đoạn thật cam go và hào hùng.

Ngày 19 tháng 3 /1971, Lữ Đoàn đặc nhiệm Thiết Giáp và Nhảy Dù cũng được lệnh rút lui về biên giới Lào - Việt.

Nhiều ngày trước CSBV đã bắt đầu đánh phá các đơn vị TQLC tại hướng Tây và Tây Nam của căn cứ Delta.

Tuy nhiên đến ngày **21/3/1971**, CSBV sử dụng hai Trung Đoàn 29 và 803 của Sư Đoàn 324 CSBV bắt đầu tấn công các vị trí chung quanh căn cứ Delta. Để yểm trợ cho Lữ 147, BTL/ SĐ TQLC phải sử dụng pháo binh 175 bắn cận phòng để đánh tan quân CSBV đang áp sát các tuyến phòng thủ của TQLC, cùng 13 phi vụ không quân chiến thuật và pháo đài bay B-52. Theo cung từ của một tù binh CSBV sau này cho biết, một tiểu đoàn CSBV không chịu nổi các loại hỏa lực yểm trợ nên phải đoạn chiến, di chuyển để tránh hỏa lực khủng khiếp nhưng đơn vị này đã chui vào vùng oanh kích của pháo đài bay B-52 và đã bị tiêu diệt hơn 400 tên.

Sáng hôm sau, CSBV cố chọc thủng phòng tuyến Delta. TQLC dự trù sử dụng oanh kích cận phòng bằng bom napalm, nhưng vào phút chót các phi vụ bị hủy bỏ vì phải dành ưu tiên cho đơn vị khác. Quyết định này làm cho tình hình quanh

Delta khó khăn hơn.

Mọi chuyến tiếp tế, tải thương trong ngày đều không thực hiện được. Bốn lô hàng tiếp tế thả dù thì 2 lô rơi trên hàng rào kẽm gai, 2 lô hàng rơi bên ngoài vị trí phòng thủ.

Đạn dược, lương thực của TQLC đang ở mức báo động.

Đến chiều, CSBV xử dụng 10 chiến xa có súng phun lửa để tấn công các vị trí của TQLC. Hai chiếc bị TQLC bắn hạ bằng M-72, 1 trúng mìn, 1 bị phi cơ bắn hạ. Số chiến xa còn lại vào được vị trí của quân ta.

Tư Lệnh Sư Đoàn ra lệnh cho LĐ 147 TQLC di chuyển về hướng căn cứ Hotel của LĐ 258 TQLC, cách 10 km về hướng Đông Bắc.

Để cuộc rút quân được an toàn, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đã xử dụng 12 phi vụ B-52 đánh bom vào phía Nam và phía Đông Delta. Các đơn vị TQLC rời căn cứ lúc 8 giờ tối ngay sau đợt B-52 cuối cùng vừa chấm dứt.

Cuộc rút quân trong đêm vô cùng gian nan vì địa thế rừng núi rậm rạp, đầy tre gai, những vực sâu thăm thẳm đầy bụi rậm, cây cối ngổn ngang trên các lối mòn. Cuộc lui binh được mô tả dưới áp lực rất nặng nề của nhiều lực lượng địch, nói chính xác đó là cuộc phá vòng vây.

Pháo binh từ căn cứ Hotel “liên tục bắn vào căn cứ Delta và phía sau Lữ Đoàn để ngăn ngừa địch truy kích theo, đồng thời xen kẽ đạn chiếu sáng để soi đường giúp cho việc lui binh được dễ dàng và đúng hướng” theo lời thuật lại của Đại Tá Hoàng Tích Thông, Lữ Đoàn Trưởng LĐ147 TQLC.

Sáng hôm sau, những đơn vị của LĐ 147 bắt tay được với những binh sĩ của TĐ3/TQLC thuộc LĐ 258 tại địa điểm cách căn cứ Hotel độ 4 km về hướng Tây Nam. Một bãi đáp trực thăng được chuẩn bị tại đây để bốc toàn bộ LĐ147 về Khe Sanh và phải mất đến gần 24 giờ để bốc hết toàn bộ LĐ147.

Trung Đoàn 812 thuộc Sư Đoàn 324 CSBV gia tăng quấy

rời quanh các vị trí của các tiểu đoàn thuộc LĐ 258/ TQLC tại căn cứ Hotel với mục đích cầm chân LĐ để bao vây, cô lập nhằm tiêu diệt như chiến thuật mà CSBV đang áp dụng với các đơn vị bạn.



Đa số trực thăng yểm trợ trong cuộc hành quân đều do phi công Mỹ điều khiển nên các căn cứ được đặt tên Alfa, Delta... để dễ dàng liên lạc.

CSBV thường xen vào tần số nội bộ của TQLC để phá, hoặc để tuyên truyền nên chúng tôi phải đổi tần số liên tục. Nghe tình hình chung quanh có nơi không được khả quan, vị y sĩ trưởng của TĐ8 là Bác Sĩ Hoàng Cơ Trường cũng nhờ tôi ôn tập về xử dụng địa bàn, phương hướng phòng khi bị thất lạc. Anh Trường là một bác sĩ rất đặc biệt mà tôi quen thân, ngưỡng mộ và rất quý mến. Nếu đơn vị đóng quân tại chỗ, anh và nhóm y tá sẽ đến ngay từng đại đội để khám bệnh cho anh em binh sĩ. Thuốc men dư, anh đều khám và phát cho dân chúng tại vùng đóng quân trong công tác dân sự vụ. Anh từng hoạt động trong phong trào Thanh niên Sinh viên Học sinh Nguồn Sông khi còn là sinh viên nên tinh thần phục vụ xã hội rất cao nơi người y sĩ tiên tuyến này. Anh là người y sĩ trưởng mà anh em trong đơn vị rất yêu mến. Khi anh Trường ra khỏi

binh chủng, được chuyển về Bệnh Viện Ngô Quyền, mỗi khi được tin đơn vị về hậu cứ, thế nào anh cũng ghé thăm. Anh đã ra đi trong thập niên 80, thật đáng tiếc và rất đau buồn cho một người đã hết lòng phục vụ đơn vị và binh chủng. Tôi chỉ hay tin muộn màng này sau khi đến Hoa Kỳ định cư cuối năm 1991.

Nay Lữ Đoàn 258/ TQLC là đơn vị sau cùng của QLVNCH còn lại trên chiến trường Hạ Lào, địa thế quanh Coroc như một dãy trường thành cao vồi vợi ngăn cách biên giới Lào- Việt, không thuận lợi cho một cuộc rút quân trật tự bằng đường bộ. Quyền Tư lệnh TQLC cảm thấy phải có quyết định nhanh chóng trước tình hình chiến trường đang biến chuyển rất nhanh.

Vả lại rút khỏi Coroc lúc này không có bất cứ ảnh hưởng nào cho cuộc hành quân Lam Sơn 719 vì cuộc hành quân đã chấm dứt. Tư lệnh TQLC đã quyết định “bóc” các đơn vị thuộc LĐ 258 ra khỏi Hotel để tránh cho một cuộc lui quân đẫm máu vì địa thế quá hiểm trở, không thuận lợi.

Vị tư lệnh chiến trường Hạ Lào không thấy sự hợp lý của tình hình chung, ông buộc TQLC phải trở lại Coroc. Không để tình hình xấu hơn vì căng thẳng, TQLC đành gửi hai toán Viễn Thám trở lại vùng Coroc và anh em đã trở lại Khe Sanh sau một tuần lễ.

Tiểu Đoàn 8/ TQLC là đơn vị sau cùng của QLVNCH rời chiến trường Hạ Lào.

Cuộc rút quân diễn ra nhanh chóng, trật tự nhờ sự phối hợp giữa Bộ Tham Mưu Sư Đoàn và Cố Vấn TQLC Hoa Kỳ. Tiểu Đoàn 8 chịu trách nhiệm bao chốt sau khi các đơn vị Pháo Binh, Tiểu Đoàn 1, LĐ 258, Tiểu Đoàn 3 rời Coroc. Cuộc hành quân triệt thoái của Tiểu Đoàn 8 thành công tốt đẹp nhờ tinh thần can đảm, sự hãnh diện binh chủng, quyết không làm bất cứ điều gì để đồng minh xem thường của Thiếu Tá Trần Ba, Tiểu Đoàn Phó TĐ8TQLC. Sau khi bàn bạc với tôi, anh

quyết định và nói rõ với các đơn vị thuộc quyền:

- *“Tôi và Trưởng Ban 3 cùng Đại Đội 2 sẽ đáp chuyến trực thăng cuối cùng rời Coroc. Tôi yêu cầu các đại đội trưởng giữ đúng thứ tự, và trật tự khi đến lượt mình. Mọi quân nhân không tuân hành sẽ được đi chuyến chót với tôi.”*

Tôi có nhiệm vụ liên lạc với Hammer FAC (Forward Air Controller), đây là danh hiệu của phi cơ điều không tiền tuyến của Hoa Kỳ, còn danh hiệu của Tiểu Đoàn 8 là Sài Gòn. FAC nói rõ trực thăng sẽ xuống nhanh và cất cánh tức thì và lên cao ngay để tránh phòng không địch. FAC yêu cầu rõ rằng **mỗi toán chỉ đúng 5 quân nhân mà thôi.**

Các đại đội vẫn bố trí và sẵn sàng cách bãi bốc từ 100 đến 150 mét trong bia rừng để giữ an ninh. Chung quanh TĐ8/TQLC giờ này không còn đơn vị bạn mà chỉ còn lại Trung Đoàn 812 CSBV. Vài loạt súng cối 82 ly nghe hơi gần, có lúc Hammer hỏi tôi tình hình bãi bốc vì hình như họ nghe được tiếng pháo kích. Tôi phải nói “TQLC vừa ném lựu đạn” để tránh phiền hà vì “hot PZ” (Pickup zone) thì FAC sẽ thay đổi bãi bốc khác cho được an toàn.

Nhìn về phía Tây, phía Nam cứ 15 phút lại một đợt B-52 rải thảm cách từ 5 đến 7 km, từng cuộn bụi đất đỏ bay bổng lên thật cao làm cho không khí chiến trường thêm ngột ngạt, căng thẳng và xen kẽ là những trái khói màu đủ loại bốc lên cách khoảng trên dưới 1 km đường rừng mà tôi đoán là của các binh sĩ Cọp Biển còn thất lạc, anh em muốn đánh dấu khi thấy trực thăng lên xuống. Sau này những binh sĩ này cũng về đến Khe Sanh, họ xác nhận rằng cứ nhắm hướng tiến về những nơi có phi cơ lên xuống hoặc hướng về tiếng depart của pháo binh để có di chuyển đến.

Vài binh sĩ bị thương của các đơn vị bạn đến kịp cũng được anh em Ó Biển ưu tiên đưa về Khe Sanh trong những đợt bốc quân đầu tiên.

Đợt cuối cùng Hammer báo cho tôi biết có 12 birds (ngụy

danh là trực thăng) vào. Tôi nói chỉ cần 7 birds, nghĩa là trên PZ chỉ còn đúng 7 toán gồm 35 quân nhân TQLC thuộc Tiểu Đoàn 8.

Thiếu Tá Ba và tôi lên chiếc thứ 7, trong khi Đại Đội Trưởng ĐĐ2, Trung Úy Bùi Phúc Lộc lên chiếc thứ 5. Chúng tôi đáp xuống Khe Sanh khoảng trưa, gần vị trí đặt Bộ Tư Lệnh SĐ TQLC (HQ) với tâm trạng bồi hồi, xúc động pha chút hài lòng vì toàn thể các chiến hữu Ó Biển đã giữ đúng kỷ luật trong cuộc chuyển quân dưới áp lực địch.

Vị Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369/TQLC, Trung Tá Phạm Văn Chung, đón tiếp Thiếu Tá Trần Ba và tôi tại trung tâm hành quân của Sư Đoàn TQLC sau những cái xiết tay thật chặt với nụ cười thông cảm, hiền hòa của người đàn anh rất được quý mến. Ông nói:

- “Mừng được gặp các cậu về đến đây bình an. Tôi thật sự lo lắng cho anh em TĐ 8 phải bao chót trong lúc tin tức CSBV muốn ”hốt” các cậu... Chuẩn bị thật nhanh, trực thăng sẽ đưa toàn bộ TĐ8 ra Quận Cam Lộ và từ đó quân xa sẽ đưa về đóng quân tại khu vực thuộc Quận Hải Lăng. Nay TĐ8 thuộc quyền của Lữ Đoàn 369, liên lạc với Ban 3 Lữ Đoàn để nhận bản đồ và phóng đồ.”

Cuộc hành quân Lam Sơn 719 phần nào chưa đạt được kết quả như mong muốn. Mặc dầu vậy, các đơn vị tham chiến đã cố gắng hết sức trong những điều kiện chiến trường đã được địch chuẩn bị sẵn. Những sự hạn chế và không thuận lợi là bởi vài vấn đề sau:

a/ Địa thế hiểm trở với địa hình núi non chập chùng, xuyên qua vùng hành quân là trục lộ độc nhất là QL 9 với núi cao chạy dài hai bên, rất thuận tiện cho những trận địa phục kích. Không thích hợp cho các đơn vị thiết giáp của quân ta.

b/ Vấn đề bảo mật cũng như yếu tố bất ngờ trong bất cứ cuộc hành quân nào là điều tối cần thiết. Theo cung từ của tù binh, CSBV đã thiết lập Mật Trận 70B từ Tháng 10 năm 1970

với các Sư Đoàn 304, 308, và 320 của CSBV để thao dượt và chuẩn bị chiến trường.

c/ Vấn đề thống nhất chỉ huy, Bộ Chỉ Huy Tiền Phương của QĐ I đóng khá xa vùng hành quân, đã gây ra sự chậm trễ cho những quyết định quan trọng.

Ba vấn đề trên mà người viết thấy hữu lý nên xin ghi lại theo ý kiến của nhiều giới chức có thẩm quyền đã viết. Và còn nhiều vấn đề khác nữa nhưng do sự hiểu biết hạn hẹp ở cấp tiểu đoàn nên không tiện nêu ra.

Một số anh em, chiến hữu không trở về hoặc trở về không còn nguyên vẹn là niềm đau, là bài học kinh nghiệm bằng máu của mỗi chuyến đi của anh em chúng tôi.

Bạn bè, đồng đội thân quen, sống chết có nhau trong những cuộc giao tranh đẫm máu cứ vui dần sau mỗi chuyến đi. Những mất mát, đau thương, quê hương, đồng bào xác xơ vì chiến tranh là nỗi buồn của những người lính trẻ đang cầm súng. Họ ý thức đây là một cuộc chiến để tự vệ chống bọn tay sai của CS quốc tế.

Là những thanh niên thời chiến, tình nguyện phục vụ Tổ Quốc, chúng tôi luôn sẵn sàng lên đường trong những nhiệm vụ sắp đến với tất cả nhiệt huyết, hãnh diện vì “chúng tôi là Thủy Quân Lục Chiến”.

Tài liệu tham khảo:

- LamSon 719. By Maj Gen Nguyen Duy Hinh. Published by U.S. Army Center of Military History.

- Hành Quân Lam Sơn 719. Tuyển Tập 2/ THT/ QLCVN.

- The Co-Vans. U.S. Marine Advisors in Vietnam - John Grider Miller

SÀI GÒN - MÙA XUÂN CUỐI CÙNG

Nguyễn Đức Thu, K16

Sài Gòn Mùa Xuân 1975 chắc hẳn vẫn là nỗi buồn và niềm uất hận không bao giờ chúng ta có thể quên. Lại thêm một mùa Xuân mất Sài Gòn thân yêu lần thứ 47. Ngồi đọc lại bài viết năm vừa qua “Sài Gòn 46 Năm Nhìn Lại”, tôi vô cùng nhớ Sài Gòn, nên vội ghi thêm vài ký ức cho bài viết cũ. Cũng tìm thêm được vài hình ảnh xa xưa trước năm 1975 nên thân gửi đến Huỳnh Đệ để chúng ta cùng đọc, để cùng nhớ Sài Gòn và tạm quên đi thời gian buồn bã trong lúc phải bắt đắc dĩ tu thân tại gia quá lâu.

47 năm trôi qua. Đôi lúc nghĩ lại chúng ta cũng không thể tưởng tượng nổi, cũng không thể hiểu nổi tại vì ai, tại vì sao Miền Nam và Sài Gòn của chúng ta lại đã phải trải qua, đã phải gánh chịu một cuộc chiến tang thương, vỡ nát, một kế hoạch bỏ rơi của đồng minh, những cuộc rút quân thật phi lý, một cuộc lưu đày kinh hoàng và những năm tháng tù ngục đau thương nhất của quân dân Miền Nam, trong lịch sử cận đại thế giới!

Từ vùng bình yên khá xa phố phường đô thị, mỗi khi chiều về, tôi thường lấy sông nước làm niềm vui cho qua tuổi già, cố



quên chuyện thế sự thăng trầm, nhưng rồi mỗi khi mùa Xuân đến thì tôi lại nhớ Sài Gòn da diết.

Sài Gòn không phải là nơi sinh trưởng, nhưng hình như tôi bị ràng buộc tự hồi nào, vì tôi đã đến đó rồi đi không biết bao nhiêu lần. Đôi lúc tôi cũng đã khó chịu vì những diêm dúa, a dua, những nòng nặc khói xe, và tự do quá trớn của thành phố này, nhưng tôi chưa bao giờ biết ruồng bỏ nó. Đây là thành phố của chính trị, của quyền lực, của tình yêu, của bạn bè, của chia ly, của đoàn tụ, của một số tầng lớp hầu như không thèm biết đến chiến tranh hoặc muốn sống ở đó để quên đi chiến tranh. Một thành phố được thế giới biết đến chỉ sau Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Người ta có thể sống thú vị ở Sài Gòn nếu là một trong hai hạng người, thật nhiều tiền hoặc thật xác xơ. Chỉ cần một ngày được sống trên đó là đủ thấy mãn nguyện, xa đi là ngẩn ngơ luyến tiếc. Chỉ cần một chút tiền nhỏ trong túi là ta có thể tà tà thả dong trên vỉa hè thành phố trong vùng ánh sáng lung linh, đẹp ma quái của trung tâm thủ đô. Chúng ta có thể ngồi dài dài tại Pôle Nord hoặc Brodard ngắm nhìn thiên hạ qua lại, với đầy đủ những phô diễn hoặc nghe thấy được mọi chuyện, mọi tin tức sốt dẻo khắp nơi trên thế giới.

Tôi thích lối diễn tả về Sài Gòn của Người Sài Gòn xưa:

- *“...Người ta có thể bị choáng váng với một đô thị mang dáng vẻ Tây Phương này, Sài Gòn như một người con gái kiều diễm, kiêu sa, đài các. Nhưng ở một góc nào đó, Sài Gòn lại có cái ủ dột của phố đêm, lầy lội của xóm nghèo, trong nét bình dân của tiếng rao hàng và những con kinh nước đen...”*

‘Người Sài Gòn xưa’ còn yêu Sài Gòn rất lãng mạn như sau:

- *“Em Sài Gòn trước 1975 vẫn như một mảnh trầm còn nguyên vẹn hương thơm, như một vết thương trên ngực chưa lành, đang đợi chờ một nụ hôn dịu dàng đặt xuống. Sài Gòn mỗi tháng, mỗi năm tuy dần dần đổi khác, nhưng Sài Gòn vẫn như một người tình đầu đời, để cho ta bất cứ ở tuổi nào, bất*

cứ đi về đâu, khi ngồi nhớ lại, thấy em Sài Gòn vẫn hiện ra với đôi môi còn đỏ mọng.”

Diễn tả Sài Gòn kiểu này nghe thật là nhức nhối con tim.

Nhớ lại, hơn một lần trước năm 1962, cứ vào dịp Lễ Quốc khánh, chúng tôi, các SVSQ Khóa 16 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam cùng các khóa đàn em đã theo nhịp quân hành mòn gót giày tập dượt và diễn hành qua những đường phố của thủ đô này. Chúng tôi được chào đón, được dân chúng vỗ tay nồng



nhật, được thân ái khen tặng là những Sinh Viên Sĩ Quan trong quân phục đẹp nhất và có những bước chân theo nhạc quân hành nhịp nhàng nhất. Tôi đã hãnh diện, đã ưỡn ngực, ngẩng đầu cao, dù là giữa đoàn hùng binh tôi chỉ là kẻ luôn đi hàng sau cùng.

Nhiều lúc tôi ước mong có một ngày đó được tung tăng tự do, được chiêm ngưỡng những kỳ tích văn hóa nghệ thuật và di tích lịch sử Sài Gòn như Tòa Đô Chánh, biểu tượng của Thủ Đô; hay lãng mạn hơn, làm một sĩ quan Hải Quân, đứng trên đài cao chiến hạm trở về bến Bạch Đằng, sau những tháng ngày hải hành sóng gió để được người yêu chào mừng “*với lòng nàng anh là hoàng tử*”.

Không ngờ những mong ước đó sau này đều đã thành sự thực. Còn hơn thế nữa, tôi cũng rất vinh hạnh được dân chúng Đô Thành Sài Gòn dang rộng vòng tay thân ái đón chào, đã chọn bầu tôi vào Hội Đồng Đô Thành trước ngày Quân Lực 1974, như là một bước khởi đầu của kỳ vọng. Thật đau lòng, thời gian dành cho tôi quá ngắn. Vào mùa Xuân năm 1975, tôi phải nghe, phải thấy Sài Gòn thân yêu của mình bắt đầu biến động hàng ngày, với những tin tức không mấy tốt đẹp từ các chiến trường Miền Trung và Cao Nguyên. Rồi ngày 30 tháng Tư năm 1975, Sài Gòn bỗng dưng bị đổi tên. Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông, kiều sa, đẹp như trân châu, từng hẳn trong mỗi con tim người Miền Nam, đã bị Cộng Sản Việt Nam tìm mọi cách đổi tên, đưa vào quá khứ. Mỗi khi kỷ niệm trở về, mọi người thấy thật buồn rầu và nuối tiếc. Tôi cũng vậy, tuổi già không hện mà cứ đến và thời gian cứ vùn vụt qua nhanh không đợi chờ. Trong nuối tiếc, điều tôi có thể làm được bây giờ là thỉnh thoảng ngồi một mình, xem lại dĩ vãng, để đọc, để nhớ để thương Sài Gòn của một thời thân ái xa xưa.

Nguyên do ta mất Sài Gòn cũng do những ưu tư, vội vã, thiếu kế hoạch dưới trào của Nixon và Kissinger. Để có được hậu thuẫn mạnh của dân chúng Hoa Kỳ sau khi tái đắc cử năm 1972, Nixon bằng mọi giá là phải chấm dứt chiến tranh bằng cách bắt buộc Bắc Việt và Nam Việt Nam phải ngồi vào bàn hội nghị đình chiến để làm hài lòng lưỡng viện Hoa Kỳ.

Trong nội dung cuộc đàm phán với Bắc Việt, Nixon và Kissinger đã đưa ra chủ trương như sau:

- Phải đạt được việc ngưng bắn.
- Phải hoàn tất việc rút quân Hoa Kỳ.
- Phải đem tất cả tù binh Hoa Kỳ tại Hà Nội về Mỹ.
- Chuyện tương lai chính trị tại Miền Nam thì để Bắc & Nam Việt Nam tự lo giải quyết.
- Gián tiếp đồng ý ngay cả việc quân Bắc Việt được phép ở lại Miền Nam, trong khi Hoa Kỳ rút tất cả quân về nước.
- Tiếp tục viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa.

Đề áp lực Bắc Việt nhanh chóng ngồi vào bàn hội nghị, Nixon đã ra lệnh tiếp tục oanh tạc miền Bắc trong dịp Lễ Giáng Sinh 1972. Điều này đã làm cho Quốc Hội Hoa Kỳ phản đối mãnh liệt. Ngoài ra ông cũng đã làm cho Tổng Thống Thiệu tức giận khi đe dọa là dù Miền Nam không chịu ký vào hiệp định thì Hoa Kỳ sẽ ký đơn phương và sau này Miền Nam có thể bị cắt viện trợ dầu cho TT Thiệu có đổi ý. Nhưng một mặt khác thì lại thuyết phục Tổng Thống VNCH ký Hiệp Định Paris bằng nhiều lần cam kết trong các mật thư rằng là Hoa Kỳ sẽ trả đũa nếu Bắc Việt vi phạm hiệp định:

“...we will respond with full force should the settlement be violated by North Vietnam...”

(“...chúng tôi sẽ đáp trả với toàn bộ sức mạnh nếu Bắc Việt Nam vi phạm cuộc hòa đàm...”)

Còn Kissinger thì lại nói theo kiểu chính trị úp úp mở mở khiến TT Thiệu rất nghi ngờ. Thật vậy:

“Asked at a news conference in early 1973 if the U.S. “would ever again send troops into Vietnam” if the accord was violated, he responded:

- “I don’t want to comment on a hypothetical situation that we don’t expect to arise.””

(“ Khi được hỏi tại một cuộc họp báo vào đầu năm 1973 là liệu Hoa Kỳ có sẽ gửi quân trở lại Việt Nam hay không, nếu hiệp định Paris bị vi phạm, Kissinger đã trả lời như sau:

- “Tôi không muốn bình luận về một hoàn cảnh giả định mà chúng tôi không nghĩ là sẽ xảy ra.””)

Tuy nhiên, một số đông dân biểu và thượng nghị sĩ Hoa Thịnh Đốn thấy rất rõ ý định của chính phủ Nixon rằng Hoa Kỳ sẽ trả đũa ngay các vi phạm Hiệp Định Paris của phe Cộng Sản bằng cách tái oanh tạc Bắc Việt; và từ đó, có thể làm cho Chiến Tranh Việt Nam tái phát. Vì thế, Quốc Hội Hoa Kỳ đã tìm cách ngăn chặn trước bằng cách cắt giảm ngân sách viện trợ cho VNCH.

Để có thể thực hiện được điều này, các dân biểu và nghị sĩ Dân Chủ tin rằng họ cần phải tạo ra một đạo luật để giới hạn quyền mang quân ra nước ngoài của Tổng Thống. Đó là lý do ra đời của đạo luật *War Powers Act* do Dân Biểu Clement J. Zablocki (Dân Chủ – Tiểu Bang Wisconsin) đệ trình tại Hạ Viện ngày 3-5-1973. Đạo luật *War Powers Act* đòi hỏi Tổng Thống phải thông báo cho Quốc Hội trong vòng 48 giờ việc gửi quân ra nước ngoài và cấm không cho sử dụng quân lực hơn 60 ngày nếu không có được Quốc Hội cho phép, trừ phi Quốc Hội Hoa Kỳ đã có quyết định tuyên chiến.

Miền Nam Việt Nam càng xui xẻo hơn khi vụ Watergate bùng nổ bất thần. Các tờ báo lớn của Hoa Kỳ như *Time*, *New York Times* và đặc biệt là tờ *Washington Post*, với hai kỳ giả Bob Woodward và Carl Bernstein, bắt đầu phanh phui nội vụ, cho thấy vụ đột nhập vào văn phòng của Ủy Ban Bầu Cử của Đảng Dân Chủ tại tòa nhà Watergate, và sau đó là Nixon tìm cách che đậy vụ việc có dính líu đến các giới chức cao cấp của Bộ Tư Pháp, các cơ quan an ninh như CIA, FBI, và cả Tòa Bạch Ốc. Uy tín của Tổng Thống Nixon bắt đầu tuột dốc một cách thê thảm.

Thế là tương lai của Miền Nam coi như xong. Nixon bắt đầu bị bó tay. Watergate đã thật sự thay đổi nhanh chóng vận mệnh Đất Nước của chúng ta

(“...that Watergate had derailed the president’s plan to pulverize Hanoi and Haiphong...”)

(“...rằng vụ Watergate đã làm sai lệch kế hoạch của tổng thống nhằm nghiền nát Hà Nội và Hải Phòng...”)

Ngay sau Tết Ất Mão 1975, tình hình quân sự và chính trị tại Thủ Đô Sài Gòn bắt đầu bất ổn. Tuy nhiên, vẫn có rất nhiều người lạc quan tin tưởng vào giải pháp chính trị hoà giải, theo tinh thần của Hiệp Định Paris đã được các bên ký kết hai năm trước.

Tại các khuôn viên trường đại học, một số các sinh viên tụ

hợp, đàn ca những Ca Khúc Da Vàng với niềm mơ quê hương hết chiến tranh của Trịnh Công Sơn, hay những bài hát ước mơ hòa bình của Phạm Duy. Nhưng tình hình quân sự trở nên căng thẳng sau khi Phước Long bị Cộng Sản chiếm, rồi đến Ban Mê Thuột thất thủ. Nhiều tin đồn được loan truyền sẽ có đảo chánh, sẽ có một Mậu Thân thứ hai, hoặc quân ta sẽ được Mỹ hỗ trợ để đổ bộ ra Bắc. Mặt khác, nhiều người hoang mang vì lo ngại sẽ có tổng động viên, thanh niên có Tú Tài đều phải vào quân đội và những ‘tin vịt’, rằng là những sinh viên có bằng Cử Nhân cũng phải lên đường tòng quân.

Đầu tháng Tư, tình hình quân sự trở nên nghiêm trọng hơn. Nhiều người dân lánh nạn Cộng Sản từ những tỉnh miền Trung đã về tới Vũng Tàu và Sài Gòn, trong khi Dinh Độc Lập bị ném bom vào lúc 8 giờ 30 phút sáng ngày 8 tháng 4 năm 1975. Một máy bay F5E của Không Quân VNCH cất cánh từ phi trường Phan Rang, thay vì tham gia một phi vụ ném bom vùng do Việt Cộng chiếm đóng lại tách khỏi phi đội để bay ngược về Sài Gòn và ném 4 quả bom xuống Dinh Độc Lập, làm hư hại góc trái của dinh. Phi công là Trung Úy Nguyễn Thành Trung, một tên Cộng Sản “nằm vùng”. Lại thêm tin đồn Sài Gòn sắp có đảo chánh!

Tuy nhiên, tình hình Miền Nam không đến nỗi bi đát để Nước mắt Nhà tan nhanh như vậy. Cuộc ‘tổng tiến công’ và nổi dậy của Bắc quân mùa Xuân 1975 cũng không thể bắt đầu nếu không có lệnh rút quân bắt thềm tại Cao Nguyên và Huế -Đà Nẵng, tháng 3 năm 1975.

Sau cuộc triệt thoái thất bại, đầy thống khổ, đầy đau thương này, Sài Gòn đã “ngủ” thấy mùi chiến tranh. Từ văn phòng trên Lầu 2 của Tòa Đô Chánh nhìn thẳng ra trung tâm Sài Gòn, tôi bắt đắ dĩ dĩ trở thành một nhân chứng. Tôi đã phải chứng kiến Thủ Đô thân yêu của mình không còn bình yên; dù dân Sài Gòn thì vẫn cứ tinh bơ, hầu như phó mặc cho số phận. Nhìn rõ sự thật, ký giả Pháp Jean Larteguy ghi nhận rằng:

- "... người dân miền Nam rất sợ những "người Hỏa Tinh" Bắc Việt, sợ những 'đoàn quân nhỏ bé màu xanh' mà họ coi như thuộc về một thế giới khác. Những người này khắc khổ, cứng rắn, dù cũng biết tươi cười nhưng thiếu tận tâm, một chủng tộc mới. Hơn nữa, người Miền Nam vẫn luôn luôn thích đời sống dễ dàng và không muốn bị tống vào các tu viện để trở thành các tu sĩ và các di phước đồ."

(Người Hỏa Tinh tưởng tượng, được phim ảnh phác họa, như là một giống người nhỏ bé, da màu xanh, không biết cười, từ Hỏa Tinh xuống xâm lăng trái đất.)

Jean Larteguy cũng có trái tim rất Sài Gòn, nhưng ông cũng đành phải bỏ thành phố này sáng ngày 28 tháng Tư, khi nghe tin có những đại quân mà ông gọi là 'đoàn quân từ hỏa tinh miền Bắc' đang bao vây Thủ Đức!

Tướng cũng nên hỏi tướng lại tại sao Miền Nam của chúng ta đã phải tan nát dễ dàng như vậy? Phải thành thật mà nói, cuộc đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm thật là một thảm họa, đã kéo theo trên 10 cuộc đảo chánh khác, đã đưa tới sự phân hóa trong QLVNCH. Hai năm sau, người Mỹ hình như không còn nhẫn nại để tin tưởng vào khả năng của các vị lãnh đạo Miền Nam. Tháng 8 năm 1965, khi thấy Tướng Nguyễn Cao Kỳ có khả năng Anh ngữ vì ông được huấn luyện ở Hoa Kỳ, hơn nữa ông là một phi công khá can đảm, được dân chúng yêu thích, nên họ đã ủng hộ ông lên nắm quyền Thủ Tướng (Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương), dù họ thừa biết rằng ông chẳng có kinh nghiệm gì về chính trường. Hai năm sau, họ lại còn ủng hộ ông làm phó cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu 1967-1971, dù họ cũng biết rất rõ hai vị này chẳng ưa gì nhau. Kiểu chính trị của Hoa Thịnh Đốn đối với các nước chậm phát triển là như thế. Thật là đơn giản như thế!!!

Sài Gòn tự nhiên trở thành một thủ đô buông xuôi, các quán Bar mở đầy đường để Việt Cộng lợi dụng, tha hồ xâm nhập.

Rồi sau cuộc tổng tấn công đẫm máu của Bắc quân Tết Mậu Thân 1968, cũng theo ký giả Larteguy:

“Hình ảnh Sài Gòn bắt đầu trông thật là thê lương. Từng đàn trẻ em đi lang thang, từng nhóm người què cụt đi hành khất không nhà cửa và phạm pháp đủ loại. Dân số Sài Gòn lên tới trên bốn triệu, trong khi Thủ Đô chỉ được dự trù để chứa chừng một triệu người. Sài Gòn đã qua một thời kỳ say sưa, khi người Mỹ ở at đổ bộ 543,000 quân, chưa kể số quân nhân Hải Quân của Đệ Thất Hạm Đội, những người lính Mỹ đầu tiên đã được choàng vòng hoa trên bãi biển. Bây giờ, không còn chuyện ấy nữa.”

Khi Nixon lên ngôi năm 1969, những trò chơi áp lực, đi đêm với Trung Cộng của Nixon -Kissinger đã khiến cho các cấp chỉ huy quân lực VNCH càng ngày càng mất niềm tin vào Mỹ và cấp lãnh đạo. Tháng 2 năm 1971, thủy triều bắt đầu xuống. Chỉ còn 335,000 quân nhân Mỹ. Đến tháng 5 thì chỉ còn 284,000 người. Quốc Hội Mỹ tìm cách bỏ rơi Miền Nam Việt Nam.

Thay vì cùng hợp nhau cứu nước, thì các nhà lãnh đạo và một số các chính trị gia Miền Nam lại càng chia rẽ, càng thêm phân hóa. Từ đó, Kissinger không thấy những con bài đảo chánh, thay quyền đổi ngôi này còn một chút giá trị nào nữa tại Việt Nam; so với ván bài mới với Trung Cộng. Miền Nam bắt đầu bằng “ri máu” vì bị cắt đứt viện trợ và quân dụng.

Trở lại cuối Tháng 3 năm 1975, tại Hội Đồng Đô thành Sài Gòn, với tư cách cách Chủ Tịch Liên Ủy Ban, tôi rất ưu tư về tương lai của Thủ Đô sau những cuộc triệt thoái đẫm máu, đầy kinh hoàng từ Cao Nguyên và từ vùng hỏa tuyến. Hàng vạn người đã chết, hàng trăm ngàn quân nhân và dân chúng tìm đủ mọi cách để trốn thoát Miền Trung, đang dưới tay tử thần. Một số may mắn thoát được, một số được các chiến hạm Hải Quân VNCH cứu thoát, cập bến Vũng Tàu đầu tháng Tư. Họ hầu hết mong muốn được tái định cư ở Thủ Đô Sài Gòn. Chúng tôi đã

chuẩn bị đón tiếp họ, nhưng thật đau lòng khi cảm thấy thủ đô cũng sẽ phải đối diện với những ngày tang thương, có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Đài BBC Luân Đôn, ngay tối 29 tháng 3 năm 1975 đã loan báo Đà Nẵng thất thủ với 100 ngàn quân???, bị bắt làm tù binh. Dù tin đúng hay sai cũng đủ tạo nên những đợt sóng thần tâm lý cuộn cuộn tràn đến. Mọi người tìm cách tháo chạy.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 29, Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I và Đại Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó TQLC không còn một lựa chọn nào khác hơn là cùng quân sĩ khoác áo phao, bơi ra chiến hạm HQ 404 đậu ngoài khơi. Nhiều người đã bị chết chìm!

Tại Sài Gòn, Chủ Nhật 30 Tháng Ba, một phát ngôn viên của Chính Phủ cho biết là các liên lạc vô tuyến giữa Sài Gòn và Đà Nẵng đã bị gián đoạn. Đây là dấu hiệu cho thấy Đà Nẵng đã thất thủ (*Malcolm Brown, The New York Times, March 30, 1975*)!

Ký giả Brown cho biết thêm:

- *“Một nguồn tin đáng tin cậy ở cấp cao hơn cho biết vẫn còn có liên lạc vô tuyến giữa Trung Ương và những quan sát viên VN từ một chiến hạm ngoài khơi Đà Nẵng. Tuy nhiên, đây rõ rệt là dấu hiệu Chính Phủ Sài Gòn đã mất Đà Nẵng.”*

Sau khi Đà Nẵng thất thủ, bị kịch của hàng triệu người miền Nam Việt Nam thật sự bắt đầu.

Ngày 9/4/1975, tại mặt trận cuối cùng Xuân Lộc, mức độ tấn công của quân Bắc quân đã thực sự trở nên ác liệt, trước khi Sài Gòn thất thủ đúng 3 tuần lễ. Để uy hiếp và trấn áp tinh thần của Sư Đoàn 18 Bộ Binh VNCH, quân Bắc Việt đã dùng loại pháo 130 ly liên tục pháo kích vào những cứ điểm đóng quân của sư đoàn này và hầu hết những địa điểm trong ngoài thành phố Xuân Lộc.

Sau khi chịu đựng những đợt pháo kích liên tục của Bắc

quân, lực lượng phòng thủ Sư Đoàn 18 Bộ Binh do Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo làm tư lệnh, với tương quan lực lượng kém hẳn địch thủ là 1 đối 3, bắt đầu tổ chức những đợt phản công đánh trả lại một cách hữu hiệu. Thật đáng kinh ngạc, những binh sĩ Sư Đoàn 18 dũng mãnh không biết bao nhiêu đợt tấn công của CS Bắc Việt vào Xuân Lộc, dưới quyền chỉ huy của 2 Tướng Cộng Sản Hoàng Cầm và Hoàng Thế Thiện.

(Chuẩn Tướng VNCH Lê Minh Đảo sau đó được thăng cấp thiếu tướng tại mặt trận.)

Tại thành phố Sài Gòn, không khí trở nên náo nức và nhộn nhịp trong nỗi hân hoan chào mừng chiến thắng Xuân Lộc của dân chúng, một sự chiến thắng không ngờ. Với thắng lợi này, đa số dân chúng thủ đô đều nghĩ rằng quân Bắc Việt sẽ mệt mỏi và cần một thời gian khá dài để dưỡng sức. Nhất là nếu có tướng Lê Minh Đảo thì Sài Gòn sẽ bình yên. Cho đến ngày 13/4/1975 thì sinh hoạt tại Xuân Lộc đã tương đối trở lại bình thường với đường phố tấp nập xe cộ, người qua lại đông đúc. Cảnh mua bán rộn rịp, tung bừng hẳn lên. Nhưng hầu như người ta không hề biết rằng cách đó mấy chục cây số, quân Bắc Việt vẫn đóng chốt và chuẩn bị cho những cuộc tấn công kinh hoàng khác chỉ trong vài ngày sau đó.

Thật vậy, sau cuộc tái tấn công của Bắc quân lần này, và sau những ngày cầm cự đẫm máu, da thịt và sức lực con người hầu như không chịu đựng nổi trước chiến thuật biển người và các trận mưa pháo biển lửa, áp đảo bởi các sư đoàn địch đến tăng cường, Sư đoàn 18 Bộ Binh đành phải triệt thoái khỏi thành phố Xuân Lộc vào ngày 20/4/1975 để cố rút về bảo vệ Thủ Đô. Nhưng tất cả đều quá muộn, Sài Gòn đang đi vào những ngày cuối!

Tại Dinh Độc Lập, ngày 21 tháng Tư, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, và trao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Ngày 23 tháng Tư, Chuẩn Tướng Đô Trưởng Đỗ Kiến Nhiễu bàn giao chức đô trưởng cho Đại Tá Quách

Huỳnh Hà tại phòng Khánh Tiết Tòa Đô Chánh.

Ngày 24 tháng Tư, tôi thấy Sài Gòn vẫn sinh hoạt như bình thường, cũng vẫn có những làn sóng xe gắn máy chạy ngang dọc không màng đèn xanh đèn đỏ. Những chiếc xe Peugeot cũ hôi xăng vẫn bám còi inh ỏi, chen lấn với những xe jeep bóng loáng và xe quân vận chở những thùng vật liệu chẳng có gì liên quan đến chiến tranh. Những cảnh sát thì tinh bơ để mặc cho xe cộ, khách bộ hành mạnh ai nấy đi. Các nhà hàng và quán rượu trên đường Tự Do vẫn mở cửa, tiệm bánh mì Hương Lan trước cửa Bru Điện, các quán kem trên đường Lê Lợi vẫn đông thực khách. Đó là hình ảnh rất ‘hòa bình’ của Thủ Đô, đúng một tuần trước ngày mất nước.

Trong lúc đó, tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, ông Đại Sứ Graham Martin vẫn tin tưởng rằng cho dù Bắc Việt với thế lực đại quân số có tấn công trực tiếp vào Sài Gòn đi nữa thì miền Nam cũng chưa đến nỗi mất hết hy vọng. Ông vẫn vận động những cuộc thương thuyết để giải quyết vấn đề, và cho đến phút cuối, vẫn chống lại những mệnh lệnh triệt thoái toàn diện từ Hoa Thịnh Đốn, dù ông thừa biết rằng tại cơ quan DAO Tân Sơn Nhất, những chiếc xe bus đã chạy lui tới liên tục, nhất là ban đêm để di tản hàng ngàn nhân viên và gia đình Việt Nam có liên quan đến người Mỹ lên những vận tải cơ khổng lồ bay thoát ra khỏi Sài Gòn mà không cần bất cứ sự khai báo nào với quan thuế hoặc cảnh sát!

Sáng ngày 26 tháng Tư, tôi ngồi uống cà phê tại một ‘bàn vỉa hè’ của khách sạn Continental Palace để cố tìm gặp một số ký giả quen, trong đó có vài ký giả ngoại quốc. Những ký giả Mỹ quen thuộc thì không thấy, duy chỉ có những ông người Pháp, một số biết nói tiếng ‘Ăng-Lê’ thì ngồi đầy kín. Họ cho biết rằng Tổng thống Pháp Giscard D’Estaing đã thảo luận với Đại Sứ Pháp và Ngoại Trưởng Jean Souvagnargues là một giải pháp chính trị vẫn còn là hy vọng có thể. Ngay trưa hôm đó, đề nghị ngưng bắn của Tổng Thống Trần Văn Hương được cái gọi là ‘Mặt trận GP Miền Nam’ xác nhận với điều kiện,

đại khái là:

- Sài Gòn lập một chính phủ mới, không có người của ông Thiệu.

- Chính phủ mới phải chủ trương một chính phủ hòa hợp quốc gia.

- Tất cả quân nhân và dân sự Mỹ phải ra khỏi Việt Nam ngay lập tức.

- Phải trả hết tất cả tù nhân chính trị.

Ngay chiều hôm đó, ông Kỳ lại nhảy ngay vào cuộc, tuyên bố hoàn toàn ủng hộ cựu Tướng Minh làm thủ tướng để lập chính phủ mới. Đệ Nhất Phó Thủ Tướng là Tướng Trần Văn Đôn kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng sẽ cương quyết thi hành luật pháp tối đa cho những kẻ nào “dám bỏ nước ra đi”!

Trong lúc đó, cựu Tướng Minh hứa sẽ thương lượng, kể cả với quân Bắc Việt đang bao quanh Sài Gòn. Nhưng có lẽ ông không hiểu rằng Cộng Sản Bắc Việt sẽ được lợi gì khi phải thương lượng với ông và liệu chúng có tin vào sự bảo đảm của chính phủ Pháp chẳng, những người mà chúng đã từng không đội trời chung, đã từng tốn bao xương máu vì mối thù mà chúng gọi là ‘*một trăm năm đô hộ giặc Tây*’? Thật sự là chúng đang chuẩn bị một cuộc đại xung phong lần chót.

Cho đến lúc này, tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, Đại Sứ Graham Martin vẫn tin tưởng ngồi chờ đợi kết quả của những cuộc thương thuyết. Nhưng ông có ngờ đâu, tình thế đã quá muộn màng vì quân Bắc Việt sau khi gỡ được nút chặn Xuân Lộc, các mũi dùi Nam tiến của của Cộng Sản Hà Nội đang tiến quân ào ạt về Sài Gòn.

Đã có rất nhiều lần Sài Gòn được cứu nguy bằng những phép lạ. Nhưng có lẽ lần này, người ta không còn nhìn thấy cách nào để có phép lạ nữa vì bốn sư đoàn VNCH, các lữ đoàn Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động quân, 81 Biệt Cách Dù... đang cố gắng bảo vệ Thủ Đô cũng đang từng từ từ rã từng mảnh, từng mảnh vì thiếu đạn dược và quân vận.

Cùng ngày, Tổng Thống Trần Văn Hương sau khi nắm chức Tổng Thống chỉ trong bảy ngày đã trao quyền lãnh đạo cho cựu Tướng Dương Văn Minh để tìm cách điều đình với lực lượng Cộng Sản đang trên đường đến Sài Gòn. Ông được xem là vị tổng thống chính danh cuối cùng của nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Ngày tàn của Thủ Đô đang đến.

Trưa ngày 29/4/1975, người ta có thể nhìn thấy từ xa những cảnh di tản hỗn loạn, ồn ào trên các đường phố Sài Gòn. Trên bầu trời vang dội những âm thanh rộn ràng của các loại trực thăng AH-1G Cobra bay khắp nơi trong thành phố. Người ta có thể trông thấy quang cảnh chính diện trên sân thượng của Trung Tâm Văn Hóa Pháp, có nhiều người Việt Nam cả nam lẫn nữ đang đứng xếp hàng nối đuôi nhau như một đàn kiến và từng người một leo lên chiếc thang của những chiếc trực thăng Hoa Kỳ bay đến rồi đáp xuống tại đây.

Hàng trăm ngàn người đổ xô xuống Bến Bạch Đằng như nước lũ, như sóng triều, tìm đường di tản. Nhưng không phải mọi người đều được may mắn, chỉ là một số, một số rất ít, rất ít đã thoát ra được một nhà tù khổng lồ đang từ từ ụp xuống. Sài Gòn sắp đổi tên!

Tại bến Bạch Đằng, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang, Tư Lệnh Hải Quân quyết định Hạm Đội Hải Quân sẽ chính thức ra đi vào lúc 6 giờ chiều ngày 29 tháng 4. Cuộc di tản dự trù sẽ hoàn tất vào lúc 22 giờ đêm. *“Điểm hẹn là đảo Côn Sơn.”*

Vào lúc 10 giờ 24 sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, Dương Văn Minh đã đọc nhật lệnh trên Đài Phát Thanh Sài Gòn ra lệnh cho tất cả mọi Quân Nhân thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa phải buông súng đầu hàng. Các sư đoàn đang cố gắng bảo vệ vòng đai Thủ Đô cũng đành phải giã từ vũ khí. Tư Lệnh Sư Đoàn 5, Tướng Lê Nguyên Vỹ đã tự kết liễu vận mạng bằng cái chết thật hiên ngang.

Tại Củ Chi cách Sài Gòn khoảng 30km về hướng Tây Bắc, Sư Đoàn 25 của VNCH cũng phải buông súng. Tư lệnh sư

đoàn là Tướng Lý Tông Bá bị bắt làm tù binh.

Tại vùng Tân An nằm ở hướng Tây Nam Sài Gòn do Sư Đoàn 22 VNCH trấn thủ cũng không còn sự lựa chọn nào khác.

Trong lúc đó, sau cuộc tấn công lần thứ hai của trên ba quân đoàn Cộng Sản Bắc Việt do Tướng Cộng Sản Trần Văn Trà chỉ huy (*thay thế Tướng CS Hoàng Cầm bị thất bại trong đợt tấn công lần thứ nhất tại Xuân Lộc*), lực lượng còn lại của Sư Đoàn 18 phải rút lui về để bảo vệ Thủ Đức. Thiếu Tướng Lê Minh Đảo tiếp tục chỉ huy Sư Đoàn 18 (-) tại phía Đông Sài Gòn, cố cầm cự cho đến giờ phút chót, nhưng một lần nữa đã bị toàn bộ Quân Đoàn 2 CS Bắc Việt tấn công. Danh tướng Lê Minh Đảo dù *‘chỉ tuy còn mong tiến bước, nhưng sức không kham nổi đoạn trường’*, đành buông tay.

Thế là xong, Sài Gòn yêu dấu của quân dân Miền Nam thất thủ ngày 30 và Mùa Xuân cuối cùng của Sài Gòn năm 1975 cũng tàn theo vận nước.... Rồi những mùa Xuân trên Đất Nước tạm dung lại tiếp tục đến tiếp tục đi. Kiếp lưu vong thì dài tưởng như vô cùng tận. Thời gian thì cứ vùn vụt qua nhanh và tuổi già không đợi không chờ thì lại đến.

Biết đến bao giờ chúng ta mới có thể tìm thấy lại được những mùa Xuân an bình ngày trước của miền Nam yêu dấu? Biết đến bao giờ chúng ta mới có thể lấy lại được cái tên gọi kiêu sa của một Đô Thành yêu quý của chúng ta, cái tên của một Thủ Đô mà không một ai trên thế giới không ước mơ được đặt chân đến, dù chỉ một lần: “Thủ Đô Sài Gòn”?

*Hoa Thịnh Đôn, Xuân 2022,
Mùa Xuân mất Sài Gòn lần thứ 47*

Việt Nam Nữ Lưu Lãm Liệt
Bà Trần Thị Băng

Nguyễn Minh Thanh kính bút



Tiết Phụ Ngậm Ngùi

Trời sầu đất thảm một hừng đông
Thiếu phụ xả thân giết xác chồng
Tay yếu làm sao tranh lũ giặc
Chân mềm đâu thể thoát bầy ong
Phát phu thảm máu trang anh kiệt
Tiết hạnh soi gương khách má hồng
Quyết thác theo chồng không uống thuốc
Phu - thê nghĩa trọng tựa non sông..!!

Nguyễn Minh Thanh

*Phát phu: tóc, da

1 - Dẫn Truyện Bà Trần Thị Băng:

Là người VN, không ai không biết Ô. Thái Phiên.
Là Cựu SVSQ / TVBQGVN, không ai không biết áp Thái Phiên.

Nhưng rất ít người biết vị Nữ Lưu Lãm Liệt: Bà Trần Thị

Băng, phu nhân của nhà cách mạng, chí sĩ Thái Phiên.

Bà TRẦN - THỊ - BĂNG, sinh trong gia đình phú hộ, con của Ô Trần Thượng Hữu ở làng Quang Châu, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. [Ông Trần Thượng Hữu từng hợp tác Phong Trào Duy Tân".]

Bà là vợ sau của Ông Thái Phiên. Ông Thái Phiên có đời vợ trước, bệnh mất sớm, chưa con.

Sử truyện không thấy ghi năm sinh và mất của Bà. Song, cứ vào sự tích, Bà mất năm 1916.

Bà đã lâm liệt thân, do sự kiện:

Ông Thái Phiên chồng Bà, cùng quý Ô... TRẦN CAO VÂN, PHAN HỮU KHÁNH... bí mật liên lạc với vua DUY - TÂN mưu đồ khởi binh đánh đuổi giặc Pháp. Mưu sự bại lộ, Vua Duy Tân bị giặc lưu đày sang đảo Réunion, Ấn Độ Dương ...!!

Còn ba Ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Hữu Khánh đều bị giặc giết với hai lính hầu của Vua Duy Tân..!!

Pháp trường tử hình những người yêu nước, trong đó có chồng Bà, lập tại An Hoà, phía Bắc thành nội Huế. Thi hành án lệnh: Hùng đồng ngày 17 - 5 - 1916.

Ngay khi đầu Ô. Thái Phiên vừa rơi xuống đất, mọi người đều sững sờ ngơ ngác khi thấy Bà Trần Thị Băng đã xông vào ôm lấy đầu chồng. Nhưng bà làm sao giành được với bọn lính giặc. Hỡi trời, Bà đành buông tay!!

Về nhà, Bà bị bệnh, và dứt khoát không thuốc thang, không ăn uống, để nguyên áo quần đẫm máu đào của chồng nằm cho đến chết..!!

Trước giờ sắp mất, phụ thân Bà yêu cầu để cho người nhà tắm gội. Bà nhút quyết từ chối, và thưa:

“- Áo quần con, thân thể con đã thấm máu chồng. Xin cha cứ để cho con chết trong bộ áo quần này!”

Rồi từ từ... Bà lặng lẽ qua đời với bao ngậm ngùi thương

xót của gia đình và làng, nước!!

Bà mất mới hơn 20 mươi tuổi..!!

Thế gian hi hữu, vô tiền khoáng hậu, duy chỉ có ở phụ nữ VN mà thôi..!!

Tiếc rằng, người viết không đủ văn tài để ca ngợi đáng phụ nữ TIẾT HẠNH cao quý tuyệt vời này..!!

2 - Lược truyện Ô. Thái Phiên:

Thái Phiên (1882 - 1916): Người Quảng Nam, nhà hoạt động cách mạng. Ông cùng Ông Trần Cao Vân và vua Duy Tân lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống giặc Pháp tại Trung Phần VN, trong tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội.

Muru sự bại lộ, Ô. Thái Phiên bị giặc bắt với nhiều người...

Trong ngục thất, Ô. Thái Phiên với những người đồng sự đã dũng cảm nhận hết trách nhiệm về mình và xin tha cho vua Duy Tân. Ông bị chém đầu vào ngày 17 tháng 5 năm 1916, tại kinh đô Huế !!

Vọng tưởng nhị vị tiền nhân, Nam Nhi hào kiệt, Nữ Lưu lâm liệt:

Ô. Thái Phiên, Bà Trần Thị Băng, hậu sinh cảm thán và nguyện cầu quý hương linh chư vị:

“ Sống dương gian ngậm ngùi biệt ly... hy sinh vì tình dân quốc

Thác âm cảnh hân hoan trùng phùng... chung hỉ vện nghĩa phụ phu.”

3 - Phần Kết:

Hỡi những anh thư, hào kiệt...

Hỡi những người lâm liệt của thiên thu,

Hậu sinh xin kính cẩn dâng lời thơ ngưỡng vọng:

Tiền Nhân Bất Khuất

Rừng phong lã chã lá mưa Thu

Thương tưởng Tiền Nhân hận kẻ thù

Xâm lược quốc gia nhiều thủ đoạn

Hoá nô dân tộc lăm gian mưu
Hy sinh xã tắc bao hào sĩ
Tuần mệnh sơn hà quý nữ lưu
Mây trắng bông bèo qui Nghĩa Lĩnh*
Hồn thiêng khí phách rọi trăng thu...!!

Nguyễn Minh Thanh

Đất khách, ngoài trời đêm tối lạnh lùng, màn đêm sâu
thăm thẳm...

Người viết “Sử Truyện bi hùng “ xin dừng bút, với cõi lòng
man mác... lá vàng sang Thu.

Than ôi!

*“Vận nước Thu bay sâu điệp điệp...
Trăng cao nhiều khuyết ít khi tròn!! “
Bành trướng trường giang đầy qui quyết
Ngàn sau Tổ Quốc mất hay còn...?!*

GA, Thu vàng, năm 2021

* Ấp Thái Phiên: Toạ lạc phía trước cổng trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, chéch về tay phải.

* Nghĩa Lĩnh: Núi nhỏ, cao 175 m, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Nơi có Đền Hùng, thờ Mười Tám Vị Hùng Vương, kinh đô nước Văn Lang.

*** Nguồn Gốc:**

- *TNĐT - DNTĐ, Giáo Sư Trịnh Vân Thanh.*
- *Báo: Niềm Tin GA.*
- *Các Trang web: Thái Phiên, Trần Cao Vân...,*

Thủy Quân Lục Chiến

Robert Lửa -

Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc

Captovan, K19

*T*QLC Nguyễn Xuân Phúc tốt nghiệp Khóa 16 Trường Võ Bị, đời binh nghiệp của Anh đã được đồng đội và thân hữu mến phục qua các bài viết, tôi xin trích một số đoạn trong các bài viết của đồng môn và đồng đội TQLC.

* * *

Đồng Môn Phan Nhật Nam: Mùa Hè Đỏ Lửa.

... “Tiệc” đang đến hồi gay cấn, Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc, con Trâu Diên đầu đàn đang ngồi ở thế “ngát ngư con tàu đi”. Người ngồi ở ghế xa lông bằng tác phong “văn minh miệt vườn”, hai chân bõ lên ghế, đầu gối ép sát mang tai, áo thun, quần trần, mang dép, mở đôi mắt đỏ trông ra phía đồi cát tàn tạ. Người đang “vô”, men bia đang ngấm vào máu, da mặt đỏ từng khoảng...

- A! Đ.M... Tiên sư, bố khí, lại mày!

Một lô danh từ quý phái tung ra ào ào. Quan Năm Phúc hay ông niên trưởng khùng khiếp nhất của Khóa 16, người đã từng phạt nguyên khóa tôi chạy băng đồng từ đồi Bắc về Trường và đoạn chót miếu Tiên sư - Phạn xá gần 500 thước đường

đôi trong vòng 1 phút! Người nghiêm khắc của 10 năm trước không còn nữa. Bây giờ niên trưởng chửi nghe ngon lành. Niên trưởng không áo quần thẳng nếp, dây nịt đánh bóng, bây giờ cũng không còn đôi giày đánh bằng nước soi rõ mặt. Quan Năm đánh đôi dép da nhặt đầu đố của dân chạy loạn.



Từ trái, các cựu Sinh Viên Sĩ Quan Nguyễn Đăng Tổng, Trần Đăng Khôi, Nguyễn Xuân Phúc, Tôn Thất Chung. Người đứng là Sĩ quan Thủ Khoa Khóa 16, Bùi Quyền. Trong trận chiến mất nước, ba trong năm cựu sinh viên sĩ quan này đều là các lữ đoàn trưởng Thủy Quân Lục Chiến và Nhảy Dù: Hai người đền nợ nước, ba người tù 12 năm đến 13 năm tù.

Phúc lắc, đánh, đá và chửi để chào mừng thằng đàn em khốn nạn! Lại thêm Lê Quang Liễn nữa, thằng bạn thân hơn năm nay không gặp. Tôi bị vây kín bởi một hàng rào tiếng cười và men rượu.

- Uống! Uống! Tìm ông như thể tìm chim... A ha! Sài Gòn thì rộng nhưng nước ta thì hẹp. Một năm rồi mới gặp được, uống đi...

Tôi nâng hộp bia không đá, chất lỏng ngọt và nồng đậm trong người. Những phóng đảng ngày xưa trở lại, tôi đầu hót ào ào, phanh ngực áo, cởi giày, gió từ Trường Sơn thổi qua

nóng hừng hực.

Trời chiều thẫm và bóng tối đến, hai cây đèn cây lớn được thắp lên, ánh sáng vàng lung linh, ngôi nhà thờ vắng khẽ rung theo nhịp B-52 đánh ở hướng núi. Im lặng. Tiệc đến độ cao nhất bỗng chùng lại, radio đọc sắc lệnh bổ nhiệm tư lệnh quân khu mới...

Bữa rượu kéo dài thật hào hứng trong đêm. Chẳng biết đây là Mỹ Chánh hay Phong Điền, bên kia con sông rộng không hơn 50 thước lính ông Giáp đang bố trí, đào hầm, liên lạc... Chiến tranh được quên đi, xem như trò chơi, một trò chơi độc ác và cường bạo bị ép buộc phải diễn cho hết màn chót. Bên kia sông trên Quốc Lộ 1, 19 cây số nữa là Quảng Trị, địa ngục trần gian có thật trên 19 cây số đường dài và trên thành phố.

Toán viển thám ở bên kia sông báo cáo phát giác được tiếng động của xe GMC di chuyển về phía Hải Lăng...

- Hỏi nó ước tính bao nhiêu cái? Phúc nói với người giữ máy truyền tin.

- Khoảng hơn 10 cái, tụi nó để đèn chạy về phía mình.

- Như vậy là nó di chuyển bộ binh, nó không dám kéo pháo đi khơi khơi vậy đâu Smith, gọi máy bay Mỹ cho bom xuống đây... Việc này Tây làm được thì thích lắm. Mà gọi máy bay, bao giờ có bảo tao, bây giờ thì tao uống cái đã...

Uống, quan Năm lim dim đôi mắt để thưởng thức men bia, nhưng vẫn lắng nghe thảng Tây báo cáo.

- Smith, nếu có bom thì bom cho chính xác, đừng như hôm mùng 5, mà ném ngay chỗ đóng quân thì tao “phơ” mà đấy!

- Hôm mùng 5 có chuyện gì anh Năm?

- Bảo jet ném bom bên kia sông vì tụi nó bám sát bờ, chẳng biết sao nó thả ngay lên trên tuyến của mình gần 10 trái, cày nát tuyến đại đội thắng Liên bay đến chỗ chợ. Chục chết, mười sáu bị thương. Chơi ở đây phải chơi bằng bom, súng tay và cối hay pháo của mình là đồ bỏ... Mà hỏi làm gì? Viết báo hả?

- Không có, hỏi chơi, tôi viết cái quái gì!

- Mà thấy, lực lượng căn bản cho một mũi dùi của tụi nó bây giờ là trung đoàn, dù quân số có đủ hay thiếu cũng là một trung đoàn... Trong khi bên mình kế hoạch hành quân vẫn giữ nguyên ở cấp tiểu đoàn và đại đội... Đ.m... chơi kiểu Mỹ mà lấy bài Tây để đánh giặc Tàu thì sống sao nổi! Chiến tranh này phải đánh *en mass* mới có hiệu quả và kỷ luật chiến trường phải giữ tối đa, lính chạy là sĩ quan bắn, tao hoàn toàn chịu trách nhiệm. Sĩ quan để phân tao, kể cả Tây nữa. Phải không, Smith?

Anh cố vấn chẳng hiểu gì cũng toét miệng cười.

Cửa sổ đóng kín, giọng cười vang động ngôi nhà thờ. Ngoài cửa, Mỹ Chánh im lặng trong bóng đêm, bên kia bờ sông 80 thước là Bắc quân, chúng tôi cách địch trong một tầm súng bắn thẳng. Mọi người im lặng, nhà thờ rung rinh theo nhịp B-52 dội bom ở trong núi.

- Tốt, đánh đúng *line* buổi chiều mình đưa.

Anh Phúc đưa mắt nhìn Trần Văn Hợp, Tiểu Đoàn Phó.

- Đúng vậy, Trung Tá.

Con đũa ngừng, Phúc nghiêm trang bảo viên cố vấn đưa tấm bản đồ.

- Bom đánh ở *line* này, bao lâu có thêm phi tuần nữa?

- Khoảng 1 giờ nữa, phi tuần thứ hai sẽ đánh tiếp.

Smith nghiêm nghị trả lời sau khi đã check một hồi với November. Chẳng biết November ở đâu chỉ nghe thằng cha này OK âm ỉ...

Phúc chìa bản đồ qua tôi chỉ vào dãy đồi phía Tây chân Trường Sơn chạy dài từ Camp Carroll, Hương Hóa xuống.

- Tụi nó chuyển pháo đi ở đường này, chắc chắn như thế. Chiều ngày 9 tụi nó pháo xuống đây và Phong Điền nghe rõ 5 tiếng depart ở vùng La Vang. Quan sát thấy hơi khói của nòng

súng, jet đánh tan ngay sau khi tụi tao bắn được 3 phùa 15 trái.

- Vậy pháo đầu đã xuống sâu, có thể nó không muốn đánh xuống nữa.

- Sao được, vì vào Quảng Trị quá sớm, quá dễ, đường tiếp vận và tiếp liệu từ Bắc chưa xuống kịp nên tụi nó chưa đánh mình. Rồi mày xem, nó sẽ kéo pháo xuống bằng đường núi. Chỉ cần ngang Hải Lăng là đủ sức bắn đến Phong Điền, An Lỗ. Mỹ Chánh này sẽ nằm trong cái túi cho tụi nó xóc lô tô! Mục tiêu của chiến dịch sắp đến là Phong Điền, An Lỗ, tao chắc như thế... Thôi dẹp chuyện này lại, bộ binh nó qua sông được một thằng thì tao biệt phái ngay thằng đó về nước thiên đàng. Yên chí, năm năm làm tiểu đoàn trưởng tao chưa thua. Hạ Lào, Pleiven và cú vừa rồi ở Barbara tao cũng đem tiểu đoàn de lui được an toàn. Thôi, uống đi, hết bia, tao và mày đánh tiếp thằng Johnny Walker.

Đêm khuya, bia hết, anh Phúc quơ chân tìm chai rượu, chai rượu vỡ đổ lênh láng. Có tiếng vỡ trên gạch.

- Bỏ mẹ, rượu bẻ rồi, cứt cỏ không bằng đồ rượu.

Phúc bật quẹt đốt ngọn lửa trên vũng rượu, anh mở mắt nhìn ngọn lửa vàng xanh nhảy múa. Đẹp!

- Lửa đẹp thật! Đ.m... có hai xác Biệt Động Quân chết mấy ngày, tao phải đem chôn. Chiến tranh mẹ gì như c...

Anh lảm bảm một câu không ăn nhập gì với câu chuyện, mắt mở lớn nhìn ánh lửa chập chờn. Thôi đi ngủ...

.....

Binh Chung hàng đầu, đơn vị trụ cột của Quân Lực Miền Nam - Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, những sĩ quan Khóa 16 Trần Văn Hiến, Nguyễn Kim Đễ, Phạm Văn Sắt, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Đăng Tổng, Trần Ngọc Toàn, Đỗ Hữu Tùng... từ một thỏa thuận “ngâm” nào đó (kết ước bởi tình huynh đệ, bằng hữu) do Anh Phúc điều động, đã tạo nên một huyền thoại có thật. Những Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến

là những đơn vị không hề thua trận.

Thật ra đây là một cách nói quá độ để tuyên dương Khóa 16 này, vì ở đây còn có những “tay” cự phách khác - *Sinh đi lính, sống nhậu không tính!* Cỡ như Phán, Hòa hoặc những người khóa sau như Hợp Khóa 19; Nghiêm, Liễu Khóa 20.

Nhưng dù xuất thân Thủ Đức hay Đà Lạt, những sĩ quan trẻ ở các Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến đều một lòng đồng ý tôn vinh - Ông ấy, Ông Robert “Lửa” Nguyễn Xuân Phúc là một sĩ quan ngoại hạng. Người chỉ huy kiệt xuất.

Đau đớn thay, anh không hề thua trận chống giữ miền Nam. Lợi “Râu”, đại úy trẻ nhất của Quân Lục Miền Nam, Đại Đội Trưởng Tiểu Đoàn 8/ TQLC hằng đêm nằm ở trại giam Lam Sơn Thanh Hóa cứ mãi ngậm ngùi:

- Lính mình mà có độ vài ông như anh Phúc thì đâu đã mất nước dễ như thế... Chúa phạt mình thôi!

* * *

Tiểu Cần Nguyễn Thế Thụy:
Thượng Sĩ Âm thoại viên BCH/LĐ147/TQLC.

Hạ Lào 719....

Cứ thế, ngày này sang ngày khác, chúng tôi nằm bó gối trong những căn hầm tránh pháo! Sang tuần thứ ba, sau nhiều lần VC vừa pháo kích vừa tấn công bằng bộ binh liên tục, ban ngày pháo kích, ban đêm tấn công, nhưng thầy đều bị TĐ2/ TQLC bảo vệ BCH/ LĐ147 đẩy lui. Tôi nhớ lúc đó tuyến ĐĐ5/ TĐ2 của Tiền Giang Phạm Văn Tiền chịu nặng nhất. Sáng sớm ngày 22/3/1971 VC bắt đầu tấn công có cả xe tăng T54 đi đầu, nhưng chúng cũng bị các anh Trâu Điền chặn đứng, tuyến vẫn còn nguyên vẹn. Chỉ có vài thằng đặc công VC lọt vào sau tuyến và đang bị Trâu Điền truy lùng tiêu diệt.

...Tôi từ hầm của ban hiệu thính viên chạy sang hầm TOC trình công điện khẩn vừa nhận được từ BTL/ SĐ/ HQ lên Lữ

Đoàn Trưởng là ĐB Thăng Long Trung Tá Hoàng Tích Thông. Trong TOC lúc bấy giờ chật kín người, hệ thống truyền tin tiếng gọi phát ra từ 7 chiếc PRC25, tiếng trả lời vang dội. Tôi trình công điện cho ĐB Thăng Long xong vừa mới quay lưng đi thì một anh ATV kéo tôi lại nhờ điều chỉnh hệ thống truyền tin bị trở ngại. Đang điều chỉnh chiếc máy thì ĐB Nguyễn Xuân Phúc TĐT/TĐ2 vỗ vai tôi nói:

- Cho anh nói chuyện với Kinh Ngư (TĐ4/TQLC).

Đây là lần đầu tiên tôi có duyên mặt tận mặt với một cấp chỉ huy có rất nhiều huyền thoại, không như những lần trước xa xa đứng nhìn. Chứng kiến khi ông làm việc, hạ sĩ quan như tôi cũng có đủ kiến thức về bản đồ để theo dõi ngòi bút mờ ông chấm, gạch, điều động máy bay đánh bom mới thấy rõ cái tài của ông.

Vâng, chính tôi và rất nhiều người trong TOC lúc đó chứng kiến sự kiện một TĐT/ TĐ2 Trâu Điền tự nhiên trở thành một Lữ Đoàn Trưởng điều động từ trái sang phải, từ nội bộ Lữ Đoàn đến đơn vị bạn. Thật tuyệt vời, quá tuyệt vời hình ảnh người chỉ huy đôi mắt mệt mỏi sau hơn hai tuần chiến trận với quân thù, ông ngồi hẳn lên mặt bàn đóng bằng thùng gỗ đạn pháo binh đặt gần máy PRC25, ông thao thao bất tuyệt, điện đàm với Hùm Xám xong, bỏ ống liên hợp xuống, bóc vội cái khác điều động Pháo Binh, rồi lại với BTL/ SĐ/ HQ v.v.. cứ thế tiếp tục ông làm việc không ngưng nghỉ. Chắc chắn là tôi không thể nào quên được những hình ảnh mà tôi đã chứng kiến. Tôi đứng bên ông để trao vội ống liên hợp khi ông cần.

Đại Bàng Phúc Yên ơi! Tất cả những hình ảnh, giọng nói, dáng dấp, và nhứt là tài điều binh, chỉ huy xuất thần của Anh sẽ mãi mãi trong trí nhớ của tôi đến cuối cuộc đời. Xin nghiêm chào vĩnh biệt Anh! (*hết trích.*)

*Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc, niềm hãnh diện của
Thủy Quân Lục Chiến*

TQLC Tr/Tá Nguyễn Văn Phán:

“Robert Lửa”, do anh em trong đơn vị đặt, vì đối đầu với trận mạc, ông ta là lửa để đốt cháy địch và ông ta là một sức nóng để sưởi ấm cho đồng đội.

Phúc trình diện Tiểu Đoàn 2/ TQLC tại Cà Mau, làm ĐĐP/ ĐĐ.3 cho Trung Úy Nguyễn Năng Bảo (sau là Đại Tá Bảo). Với óc thông minh và một khả năng thiên phú, Phúc đã lấy được cảm tình và sự kính nể của tất cả bạn bè, đồng đội, và cả cấp chỉ huy.

Tiểu Đoàn 2 nghỉ dưỡng quân cạnh nhà máy gạo trên đường dẫn về Năm Căn đã bị bỏ hoang nhiều năm. Đêm đó trời Cà Mau không lạnh nhưng có cái buồn của buổi chiều hôm, Phúc và tôi lang thang ra phố uống rượu. Hai giờ khuya tối mịt mùng, trở về đại đội qua cây cầu sắt khá cao có toán Địa Phương Quân đang gác cầu và nghe văng vẳng giọng hát một ca sĩ nào đó trong bản “Trăng Rụng Xuống Cầu”. Hai thằng tôi say ngất ngưỡng bèn cầm tay nhau làm... trăng rụng xuống cầu! Cả toán Địa Phương Quân nhón nháo la to: “Có người tự tử...” rồi nổ súng lia chia. Tôi và Phúc lội vào bờ ngửa mặt lên trời cười lớn. Sau cùng mấy ông Địa Phương Quân mới biết đó là hai ông thiếu úy Thủy Quân Lục Chiến đóng ở bên kia cầu.

Quận Đầm Dơi mất trong đêm hôm sau, tiểu đoàn nhảy tiếp viện. Tất cả bốn đại đội xuống đều bị cầm chân nằm chịu chết tại chỗ. Hỏa lực địch quá mạnh, hai tiểu đoàn VC là U Minh và Cửu Long phục kích và chặn đường tiếp viện.

Tại sân bay Cà Mau, Phúc và tôi được lệnh nhảy đọt chót, chúng tôi là thành phần sau cùng. Trước khi vào mục tiêu, trên trực thăng tôi nhìn xuống thấy một chiếc B-57 bị bắn rớt nằm xoải cánh, khói mịt mù trong quận.

Tôi và Phúc được thả xuống khoảng 4 giờ chiều. Địa thế trống trải, ruộng nước sâu cỡ đầu gối, không tìm được chỗ che thân, các đường mương không đủ che lẩn đạn địch đang nổ

xối xả vào cánh quân của tôi và Phúc.

Hai thằng gom con cái lại thành một hàng ngang giữa ruộng trồng đầy nước. Phúc bò sát tôi và nói:

- Ê Phán! Đíu có đại đội nào vào chiếm bìa làng được, nằm yên tại chỗ chỉ chờ chết thôi. Tối đến mà tụi vẹm ủa ra là đi doong.”

Tôi nói với Phúc:

- Vậy bây giờ tính sao? Hay xung phong bừa đi, mình tìm một con đường sống trong con đường chết.

Phúc nói rất bình tĩnh và chậm rãi lúc hai thằng ngậm mình dưới nước:

- Tao gom lính chiếm đám đừa bên tay mặt, xong yểm trợ cho mây dzọt vào. Mây chiếm được bìa làng thì tao chuyên xạ. Như vậy mới cứu được tiểu đoàn, nếu không cứ nằm tại đây thì chết hết.

Phúc thật nhạy và sắc bén, hai thằng đồng ý và làm liền.

Nhìn Phúc điều động quân mà tội nghiệp và thương xót cho một thằng thiếu úy đại đội phó, người đã làm nghiêng hẳn cả một mặt trận lớn nhất từ xưa đến giờ. Phúc đã rơi rụng thật nhiều con cái. Nhưng Phúc đã hiên ngang, hùng dũng dẫn đầu, xung phong chiếm được hàng đừa và mở hỏa lực ào ạt vào bìa làng ngay. Không cần nói chuyện trong máy, Phúc ra dấu cho tôi dzọt vào thật nhanh. Hình ảnh của Phúc quá tuyệt vời và anh em của tôi vừa bắn vừa chạy dưới nước vừa la xung phong, đừa nào rớt mặc kệ. Thượng Sĩ Hồ bị thương kêu lên quần quai cũng mặc kệ. Khí xung thiên đã bốc ngập đầu, cảm hờn đã nổi dậy. Tôi chụp cây trung liên BAR của một người lính bên cạnh nhà đạn, vừa chạy vừa la lớn, hét băng này đến băng kia. Bắn không cần trúng, chỉ cần tiếng nổ để áp đảo tinh thần địch.

Bảy thầy trò lên sớm nhất đã bám được bìa làng. Sau đó tôi thấy tất cả tiểu đoàn đều xung phong như vũ bão. Việt Cộng

không ngờ chúng tôi lại mau chóng và tấn công thần tốc như thế, chém về không kịp bị sông Đầm Dơi ngăn cản. Chúng nó toán thì dùng ghe, toán thì lội bằng tay cố gắng băng qua sông thật nhanh, thoát được toán nào thì thoát. Những cây bia thịt rụng dần xuống dòng sông. Hai tiểu đoàn khét tiếng của Việt Cộng ở Vùng 4 đã bị Tiểu Đoàn 2/ TQLC xóa tên.

Phúc và tôi nhận vị trí phòng thủ qua đêm. Kiểm điểm tại chiến trường thu rất nhiều vũ khí, đặc biệt có hai khẩu 75 ly không giật. Đây là vũ khí lớn nhất mà lần đầu tiên Việt Cộng sử dụng tại chiến trường miền Nam. Và đây cũng là trận chiến lớn nhất và là chiến thắng vĩ đại nhất của QLVNCH cho đến cuối 1963. Cả nước đều nghe thấy, cả Vùng 4 và Sài Gòn đều rúng động. Ngày hôm sau tiểu đoàn tái chiếm quận, nhìn chợ Đầm Dơi tan nát, tất cả phải xây dựng từ đầu. Dân chúng ngỡ ngác trở về, héo hắt nhìn nơi làm ăn nuôi sống của mình giờ đây phải làm lại tất cả...

Bốn ngày sau xác Việt Cộng sinh thúi nổi đầy trên dòng sông, mùi hôi nồng nặc không đóng quân được phải đổi vị trí. Tiếp theo đó ngày nào phi cơ cũng thả báo chí tường thuật về trận đánh Đầm Dơi cho cả tiểu đoàn xem.

Tất cả quân dân thành phố Cà Mau đã hân hoan đón chào Tiểu Đoàn 2/ TQLC tại vận động trường. Tôi và Phúc cũng có mặt trong hàng quân đó. Đêm đó hai thằng lại ra phố và say bất kể trời đất.

Một cuộc đón rước thật rầm rộ từ Cà Mau đến Sài Gòn. Dân chúng cả vùng Thị Nghè đổ xô ra đường để chào mừng và đón tiếp, tiếng kêu la vang động cả vùng, tiếng kêu tên ơi ơi vì biết chắc rằng những người thân yêu của họ còn sống trong đoàn quân chiến thắng trở về.

Thị Nghè là nơi đồn trú của Thủy Quân Lục Chiến. Buổi lễ trình diện tiểu đoàn lên Tổng Thống và Chính Phủ tại bến Bạch Đằng, huy chương được trao tặng từng người cũng như cho đơn vị và Binh Chủng.

Trước một chiến thắng như vậy, ngoài vị tiểu đoàn trưởng tài ba, ngoài các đại đội trưởng can đảm và kinh nghiệm cộng với truyền thống binh chủng mà tất cả các cấp trong tiểu đoàn đã tạo được chiến thắng vẻ vang đó, còn sự bén nhạy, thông minh gan dạ và thật quả cảm của Phúc.

Thật vậy, nếu Phúc không quyết định sớm thì giờ đây trên mảnh đất lạc loài này tôi chưa chắc đã còn được ngồi đây để viết lên mấy dòng thật khiêm nhường cho Phúc. Cho tôi xin một đóa hoa hồng riêng gửi cho Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc.

Những tháng năm gian nan, hiểm nguy, cuộc đời chỉ có sông nước và mây trời, cuộc chiến càng ngày càng mãnh liệt, Phúc thật sự đã trưởng thành trong khói lửa, đã thật sự già dặn với kinh nghiệm của chiến trường. Điều này Phúc đã minh xác thật rõ ràng trong trận Mậu Thân 1968 đợt hai với chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6/ TQLC.

Sau khi Việt Cộng đã làm chủ toàn vùng Gia Định, đặc biệt Việt Cộng đã chặn đứng và làm chủ cầu Bình Lợi. Một lần nữa Phúc đã thật sự làm rạng danh cho Thủy Quân Lục Chiến với sự thông minh, mưu lược và số kinh nghiệm sẵn có đã chiếm lại cầu Bình Lợi, kiểm soát toàn vùng và chặn tất cả các đường rút lui của Việt Cộng. Nhờ sự nhanh nhẹn đó của Phúc mà Tiểu Đoàn 1/ TQLC đã thanh toán các đơn vị Việt Cộng tại Ngã Ba Cây Thị và Ngã Năm Bình Hòa thật mau chóng, và điều đáng kể là Việt Cộng bị bí lối nên đã ra đầu hàng hàng trăm tên với Tiểu Đoàn 1/ TQLC.

Kết quả của trận chiến, Phúc nhận hai viên đạn, một viên xuyên ngực, một viên xuyên cổ và một mảnh pháo làm rách mặt. Robert Lửa phải rời khỏi chiến trường gần sáu tháng. Công của ai? Danh vọng của ai? Phúc vẫn là Phúc, vẫn hào khí ngất trời. Đối với Phúc điều đó không cần thiết, đó chỉ là hư danh vụn vặt. Và Phúc vẫn ngày Trời tháng Phật, vẫn lang bạt mây trời...

Ở nhà thương ra, Nguyễn Xuân Phúc được chỉ định làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Yểm Trợ Thủy Bộ, dù không thích hợp, nhưng Phúc vẫn làm tròn bổn phận, và Phúc đã chứng tỏ thật xuất sắc khả năng của mình ở mọi môi trường, kể cả môi trường không thích hợp. Ở điểm này không ai thấy được, cho tới thay mặt Phúc để minh xác:

Tiểu Đoàn Yểm Trợ Thủy Bộ toàn là những cán bộ... (?) thành ra rất khó khăn cho đơn vị trưởng. Nhưng Phúc đã tuyệt vời tái tổ chức đơn vị đúng với ý Phúc, và với một lý tưởng sáng ngời, với bộ óc tổ chức đầy kỹ cương, Tiểu Đoàn Yểm Trợ Thủy Bộ đã vào khuôn phép, xây dựng đúng nghĩa một đơn vị yểm trợ.

Vì ông quá trong sạch, vì ông ta quá sáng, tất cả các cán bộ phải kính nể là điều hẳn nhiên. Tôi nghĩ làm được chuyện này chỉ có Phúc, vì điều đó còn khó hơn một trận đánh quyết định. Phúc đã thành công thật xứng đáng, tôi xin được vinh danh cho Robert Lửa.

Nhưng Tiểu Đoàn Yểm Trợ Thủy Bộ đâu phải là nơi dừng chân thích hợp với mẫu người của Phúc, vì Phúc có lần nói với tôi ở hồ tắm Ngọc Thủy, Thủ Đức:

- “Moa không thể nằm ở đây, moa phải xin ra tác chiến.”

Sau lần tâm sự này, Phúc đã đạt được nguyện vọng. Tiểu Đoàn 2/ TQLC hốt danh Trâu Diên, tiểu đoàn đầu đời của Phúc, tiểu đoàn đã vang danh từ Nam ra Bắc. Thật sự các đơn vị VC đã run sợ khi đụng với Trâu Diên. Bằng chứng là khi bắt được tù binh họ đều hỏi:

“Các anh có phải là Trâu Diên không?”

Trâu Diên thật sự là do VC đặt sau một trận đánh ở Tam Quan, Bồng Sơn. Và tất cả các đơn vị bạn của QLVNCH đều hãnh diện với tiểu đoàn này. Phúc đã nghiêm nhiên trở thành con chim đầu đàn của Trâu Diên.

Những chiến thắng của Trâu Diên do Robert Lửa chỉ huy

đã sơn thêm thật sáng, thật chói cho quân sử của đại đơn vị Thủy Quân Lục Chiến và thêm một lần nữa, tôi xin ghi ra đây để trải lòng với bạn hữu mà tôi rất kính phục: Robert Lữ Nguyễn Xuân Phúc.

Chiến trường Hạ Lào đã diễn ra thật qui mô, chiến trường thử lửa một mắt một còn với Hà Nội. Trâu Điền của Phúc đã nhập trận cùng với Tiểu Đoàn 7 của Thiếu Tá Nhã, Tiểu Đoàn 4 của Thiếu Tá Kinh, Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh của Thiếu Tá Đạt, đặt dưới quyền chỉ huy của Lữ Đoàn A do Đại Tá Hoàng Tích Thông chỉ huy và Trung Tá Phan Văn Thắng làm tham mưu trưởng.

Lữ Đoàn thiết lập căn cứ hỏa lực nằm phía Nam của Quốc Lộ 9 và Tchépone. Trâu Điền bảo vệ Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn và Pháo Binh. Tiểu Đoàn 7 và Tiểu Đoàn 4 mở các cuộc hành quân nói rộng vị trí Lữ Đoàn, chuẩn bị cho mục tiêu Tchépone.

Áp lực địch mỗi ngày mỗi nặng, một vài đơn vị bộ binh, thiết giáp đã tan hàng. Lữ Đoàn 3 Dù của Đại Tá Thọ ở phía Bắc quốc lộ 9 đã anh dũng và hiên ngang giữ vị trí cho đến cùng, không lùi bước, không bỏ vị trí, không đầu hàng. Với tình hình đó, Lữ Đoàn A/ TQLC cũng bị bao vây bốn phía. Việt Cộng tiếp tục tấn công ngày cũng như đêm với đủ mọi vũ khí, đặc công được tung ra tối đa để đột kích Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn A/ TQLC.

Nhưng Lữ Đoàn với sự bảo vệ của Phúc đã đánh bật được các cuộc tấn công và đã bắt sống cũng như tiêu diệt rất nhiều Việt Cộng ở trong vòng rào Bộ Chỉ Huy. Các Tiểu Đoàn 7 và 4 cũng không kém, quần thảo không có thì giờ để nghỉ ngơi, hết tiền pháo lại hậu xung, tình hình thật nóng bỏng.

Trong lúc đó Tiểu Đoàn 8/ TQLC của tôi (Phán) đang nằm ở Cô Rốc. Tiểu Đoàn 3 của Trung Tá Bảo nằm giữa đường tôi và Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. Tất cả các đơn vị đều bị vây khốn và pháo đổ xuống hàng ngày hàng đêm. Chúng cố cầm chân tôi và Trung Tá Bảo bằng cách bám thật chặt, vây quanh các

điêm nước.

Hỏa châu sáng rực cả một vùng trời, phi cơ Mỹ yểm trợ tối đa. Phúc vẫn hiên ngang chống trả mọi cuộc tấn công của địch. Trong cuộc hành quân Hạ Lào không có một cố vấn Mỹ nào được đi theo. Tất cả mọi phi tuần quan sát và đánh bom đều phải liên lạc về Khe Sanh để nơi đây hướng dẫn đánh. Từng loạt B-52 trải thảm, Tiểu Đoàn 2 của Phúc đã bảo vệ Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn vững vàng.

Thương vong của các đơn vị càng ngày càng cao. Đây là mối lo âu lớn nhất của các cấp chỉ huy với cố gắng tối đa để tải thương kể cả bằng lưới đạn của pháo binh. Tuy vậy vẫn không đủ để đưa hết thương binh và xác chết về được.

Sau khi Lữ Đoàn 3 Dù của Đại Tá Thọ đã chiến đấu tới viên đạn cuối cùng, căn cứ hỏa lực của ông bị bộ binh và chiến xa tràn ngập. Còn lại một cái gai chính, đó là Lữ Đoàn A/TQLC. Tất cả các mũi dùi địch đều quay cả về phía Lữ Đoàn A/TQLC. Chúng làm một trận địa pháo khủng khiếp như là địa ngục của trần gian. Trong máy, tiếng ra lệnh của Phúc vẫn bình tĩnh, chậm rãi và thật rõ ràng, điều động các con cái của ông ta trảm vào những chỗ bị chọc thủng. Tiếng Phúc đồng dục ra lệnh luôn cho pháo binh trực xạ vào biển người.

Tình hình quá khắt trương, tụi tôi chỉ biết theo dõi máy, thật nóng ruột và lo sợ cho họ. Cố tìm mọi cách làm sao để chia sẻ với Phúc và con cái ông ta trong hoàn cảnh đó, chính tụi tôi cũng đang trong tình trạng không thua gì Phúc, chỉ trừ chúng chưa dùng biển người.

Đêm đó trời tối mịt mùng, không khí u buồn thê lương. Tôi không biết là đêm thứ mấy của cuộc hành quân Hạ Lào. Tiếng kêu trong máy bỗng báo cáo loạn lên, Tiểu Đoàn 7 và 4 mất liên lạc. Súng hai bên dồn dập không ngừng, hỏa châu được soi sáng tới tấp, những tiếng nổ xé trời liên tục. Cả một khu núi rừng thâm u rung chuyển, lửa lóe lên mịt trời, không còn phân biệt được tiếng súng nào của địch của ta. Các đơn

vị đang đung kịch liệt, tiếng Phúc liên tục gọi Tiểu Đoàn 7 và Tiểu Đoàn 4.

Bỗng tiếng của Đạt hốt hãi báo cáo thật gấp:

- Cua của tụi nó đã sát bờ rào!

Vẫn giọng thật âm trầm và bình tĩnh, Phúc ra lệnh cho pháo binh hạ nòng bắn thẳng. Chận đứng đợt thứ nhứt, đợt thứ hai



Trung Tá Lữ Đoàn Trưởng Nguyễn Xuân Phúc và phóng viên chiến trường Đặng Văn Phước của AP.

nổi tiếp và cứ thế liên tục. Đạt báo cáo đều:

- Biển người tụi nó được sử dụng sau hai đợt chiến xa...

Phúc hét lớn trong máy ra lệnh cố giữ vị trí không cho địch tràn vào và ra lệnh cho Đạt rất ngắn nhưng rất sắc:

- Đạt! Còn bao nhiêu chơi bấy nhiêu không cần xin lệnh nữa!.

Mặt khác Phúc vẫn cố gắng kêu Tiểu Đoàn 7 và 4 tiếp viện, nhưng trong thâm tâm Phúc biết chắc chắn rằng Tiểu Đoàn 7 và Tiểu Đoàn 4 đã bị nặng nề lắm rồi.

Từ đầu đến cuối chỉ một mình Phúc ra lệnh và chỉ huy toàn diện. Mặt khác Phúc vẫn cố gắng gọi máy bay Mỹ xin thả trái sáng và yểm trợ cho ông ta chung quanh căn cứ. Vẫn chậm rãi

bình tĩnh một cách khác thường, ông ta cho biết sơ qua tình hình và xin được yểm trợ gấp, tối đa. Đây mới thật sự là giờ phút lịch sử của Phúc.

Đạt báo cáo khẩn cấp:

- Cua và biển người đã tràn ngập các pháo đội, chúng đang tiến vào Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn.

Phúc trả lời:

- Đạt, còn cây pháo nào chơi cây đó, chơi tụi nó tới cùng.

Nhưng từ đó Phúc mất liên lạc với Đạt.

Bộ binh Bắc Việt tràn ngập vị trí Lữ Đoàn, trận cận chiến trong đêm tối bắt đầu. May thay, Phúc đã tiên liệu sẵn ám hiệu của đơn vị:

- “Tay áo mặt xấn thật cao, cánh tay trái thả xuống”.

Mặt khác ông gọi tất cả các đại đội bên ngoài về cứu BCH/LĐ.

Trận chiến tôi không nhìn thấy, nhưng nghe con cái của Phúc báo cáo đều đặn. Lửa ngút trời làm sáng tỏ cả một khu núi rừng rộng lớn. Hỏa châu tiếp tục soi sáng, tiếng máy bay vẫn bao vùng trên không phận.

Hình như trận chiến đã quá khốc liệt, địch và chiến xa đã tràn ngập vị trí lữ đoàn. Bỗng tôi nghe Phúc dùng tiếng Anh yêu cầu đánh bom thẳng vào vị trí ông ta, lộp đi lộp lại hai ba lần:

- I'm Crazy Buffalo Battalion Commander!

Một hai phút sau giọng Phúc gấp và lớn, vừa tiếng Việt vừa tiếng Anh:

- *D.M, I'm Ground Commander. Go ahead, do it, please!*

Từ đó Tiểu Đoàn 8 của tôi và Tiểu Đoàn 3 của Tr/Tá Bảo cố gắng theo dõi Lữ Đoàn nhưng tất cả đều im lặng, một sự im lặng đáng run sợ. Chúng tôi cố gắng gọi Phúc (Tiểu Đoàn

2), Tiểu Đoàn 7 và 4, nhưng tất cả vẫn im lặng. Căn cứ đã bị bỏ ngỏ...

Mãi đến khoảng bốn giờ sáng, âm thoại viên của tôi báo cáo có tiếng Thiếu Tá Phúc, tôi liền chụp máy thật nhanh và theo dõi. Giọng Phúc quá nhẹ và quá chậm có lẽ vì quá mệt mỏi. Ông ta đã liên lạc được với Tiểu Đoàn 7 và 4. Tôi nói:

- Tôi sẽ thấp đèn cây cho các ông, cứ đi hướng đèn thì sẽ gặp Tiểu Đoàn 3 và 8.

Thật tình mà nói trong giờ phút này ông ta vẫn còn sáng suốt và thông minh để liên lạc được với Tiểu Đoàn 3 và tôi để thấp những ngọn đèn cây cho ông ta đi. Hỏa châu bắt đầu đánh dấu cho các đơn vị bạn. Sau chữ cảm ơn nhẹ nhàng, ông ta tắt máy.

Chín giờ sáng hôm sau gặp cánh tiền đồn của Tiểu Đoàn 3, Phúc cùng đi với Đại Tá Thông và Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. Một lúc sau nghe báo cáo gặp được Đợt và lần lượt các Tiểu đoàn 7 và 4. Họ cố gắng đi thêm vài cây số để tìm bãi đáp. Trung Tá Bảo, Tiểu Đoàn 3 làm an ninh bãi đáp, sau đó trực thăng lần lượt đáp xuống để mang những đứa con thân yêu còn lại trở về Khe Sanh.

Phúc, ông đã làm được tất cả những gì mà ông phải làm trong tình hình và hoàn cảnh bi đát như vậy. Thật sự ông đã làm được những việc mà không ai làm được. Đã tròn với bổn phận, đã hết nhiệm vụ, ông không cần ai khen ngợi, ca tụng, ông không cần huy chương, ông cũng chẳng cần lon lá. Ông đang đau xót, đau xót tận cùng trong lòng của ông, khi nghĩ tới những thằng em, đồng đội của ông đang cô đơn, lạnh lẽo nằm rải rác đầu đó trên chiến trường Hạ Lào. Nhân danh một người bạn, cho tôi được nghiêng mình kính phục ông.

Ông vẫn mặc bộ rằn ri bạc màu, không bao giờ chải chuốt, vẫn bình dân như một người lính một buổi tối mênh mang trên khách sạn Hương Giang nhìn xuống dòng sông hiền từ. Trời không trăng, một vài vì sao nhỏ lấp lánh, trán của ông nhăn

lại, sự quặn thắt tận cùng của ông, vết thẹo căng dài ra trên má ông. Ông đã nuốt hàng hàng lớp lớp đắng cay trong từng ly rượu của ông. Cặp mắt ông nhú lại và ông gục xuống bàn mà không hay...

Đầu năm 1975, Nguyễn Xuân Phúc nhận Lữ Đoàn 369/ TQLC. Với kinh nghiệm dày mình, với già dặn của chiến trường, Phúc đã dẫn Lữ Đoàn TQLC đi thay Lữ Đoàn Dù ở đồi 1062 Thường Đức, ngọn đồi lịch sử của các chiến sĩ Dù bách chiến bách thắng. Tùng, cùng khóa với Phúc, làm Lữ Đoàn Phó, một Đồ Hữu Tùng, người đã làm lịch sử cho Thủy Quân Lục Chiến. Tùng với Tiểu Đoàn 6/ TQLC đã hạ hàng chục chiến xa và bắt sống năm chiếc để mang về tận Sài Gòn và Huế triển lãm cho cả nước.

Tuy nhiên lịch sử xoay vần, 29/3/75 Đà Nẵng mất, Phúc, Tùng và binh sĩ của các ông đã cùng chung số phận. ***Binh Chung mất các ông, quân đội mất các ông như mất những viên trân châu quý giá nhất. Mẹ Đà Lạt đã mất đi đứa con thân yêu được nuôi dưỡng bằng một lý tưởng vượt thoát. Khóa 16 đã mất đi một người bạn mà anh ta đã làm sáng rực và vinh danh cho khóa.*** Đâu đây trên đời sống lưu vong này vẫn còn vang vang tiếng Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc.

Cho tôi được hâm nóng bầu rượu này để sưởi ấm phần nào cho Phúc và cũng để được đền đáp ơn tri ngộ giữa tôi và Phúc đã cùng chiến đấu dưới cùng một màu cờ và sắc áo Thủy Quân Lục Chiến.

*Trung Tá Nguyễn Văn Phán**
Tiểu Đoàn Trưởng TĐ8/ TQLC.

*(*Anh đã qua đời ngày 1/12/2020 tại Houston TX.)*

(còn tiếp)

Các Sư Đoàn Bộ Binh QLVNCH

Bùi Quyền, K16

(Tiếp theo)

9. Sư Đoàn 1 Bộ Binh

Sư Đoàn 1 Bộ Binh được thành lập ngày 1 tháng 1 năm 1955, theo Nghị Định số 012-QP/NĐ 17-1-1955 và Sắc Lệnh TTM 474/TCM/1/1/SQ 22-1-1955.

Sư Đoàn 1 Bộ Binh được thành lập từ các thành phần của Liên Đoàn 21 Lưu Động, vốn được thành lập ngày 1/9/1953 và bị giải tán vào ngày 15/12/1954. Sau

đó, Bộ Tổng Tham Mưu thành lập Bộ Tham Mưu của tân Sư Đoàn 21 BB, chuyển từ Bộ Tham Mưu của Liên Đoàn 21 Lưu Động. Trung Tá Lê Văn Nghiêm, Chỉ Huy Trưởng của Liên Đoàn trở thành vị tư lệnh đầu tiên. Nghị định cho phép thành lập sư đoàn - có hiệu lực hồi tố - kể từ ngày 1/1/1955 (“Đúng là từ 1/1/1955 một sư đoàn bộ binh mang danh hiệu các Sư Đoàn 21, 31 BB”). Tuy nhiên năm ngày sau, Bộ Tổng Tham



Mưu xác định là hai sư đoàn – Sư Đoàn 31 BB bây giờ là Sư Đoàn 7 BB sẽ được thành lập kể từ 1/2/1955. Sư Đoàn 1 BB coi ngày 1 tháng 1 năm 1955 là ngày thành lập. Bộ Tổng Tham Mưu ngày 22/1/1955 cũng đề ra các chi tiết về các toán cố vấn, cũng như nghị định thành lập - có hiệu lực từ hồi tổ - vào ngày 1 tháng 1 năm 1955.

Sau đó năm ngày Bộ Tổng Tham Mưu ban hành quy định rằng hai sư đoàn - Sư Đoàn Bộ Binh 31 nay là Sư Đoàn 7 - sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 1955.

Bộ Tổng Tham Mưu ngày 22 tháng 1 năm 1955, cũng cho biết chi tiết về các toán cố vấn trực thuộc, quy định rằng sư đoàn sẽ có một nhóm cố vấn người Pháp (“un Goope de conseillers Français”). Những người được đề cử sẽ phù hợp với các quy ước hiện hành. Chú thích của phần này đề cập đến sự hiện diện đầu tiên của các cố vấn Mỹ đối với các sư đoàn Việt Nam. (*Cố vấn Hoa Kỳ sẽ ở lại các sư đoàn cho đến đầu năm 1973.*)

Vào ngày 1 tháng 8 năm 1955, Sư Đoàn 21 BB được tái tổ chức và trở thành Sư Đoàn 21 Dã Chiến. Ngày 1 tháng 11 năm 1955 sư đoàn này đổi tên thành Sư Đoàn Dã Chiến Số 1 (theo Sắc Lệnh của JGS 3975 / TTM / 1/1 / SC ngày 17 tháng 9 năm 1955). **Ngày 1 tháng 1 năm 1959, danh hiệu là Sư Đoàn 1 Bộ Binh được thông qua.**

Sư Đoàn 1 là sư đoàn duy nhất trong số bốn sư đoàn ban đầu của QLVNCH được thành lập từ các đơn vị lớn lên trong khu vực hoạt động của sư đoàn. Liên Đoàn Cơ Động 21 được thành lập từ các tiểu đoàn địa phương ở các tỉnh Thừa Thiên, và Quảng Trị.

Đặt trụ sở chính tại Huế từ khi mới thành lập cho đến tháng 1 năm 1972, Sư Đoàn 1 BB vào thời gian cuối cùng đã đóng quân cách thành phố 6 km về phía Nam tại một doanh trại cũ của quân đội Hoa Kỳ, Trại Eagle. Trong quá khứ, sư đoàn đã có một sở chỉ huy tiền phương. Tháng 10 năm 1968, một

đơn vị được thành lập tại Đông Hà, phía Nam khu phi quân sự, tỉnh Quảng Trị. Sở chỉ huy tiền phương này đóng cửa vào năm 1969 nhưng đến tháng 2 năm đó một sở chỉ huy khác được thành lập tại Ái Tử, bên kia sông Thạch Hãn từ thành phố Quảng Trị. Sở chỉ huy tiền phương này giải tán từ ngày 30 tháng 9 năm 1971 khi nó được chuyển giao cho Sư Đoàn 3 BB mới thành lập.

Kể từ khi thành lập, Sư Đoàn 1 BB đã hành quân ở các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Nam và cả Hạ Lào. Cuối cùng, trách nhiệm chính của sư đoàn là phòng thủ tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế.

Ban đầu, các Trung Đoàn 1, 2, và 3 BB (*được gọi là các Trung Đoàn 21, 22, và 23 trước năm 1955*) được giao cho sư đoàn. Tháng 9 năm 1958, Trung Đoàn 54, thành lập giữa năm 1958, gia nhập Sư Đoàn 1. Ngày 1 tháng 10 năm 1971, Trung Đoàn 2 được chuyển giao cho Sư Đoàn 3 mới. Tuy nhiên, sư đoàn đã được có bốn trung đoàn bộ binh vào cuối năm 1972 khi Trung Đoàn 51 độc lập chính thức được đưa vào sư đoàn. Trung đoàn này, tách ra khỏi Trung Đoàn 25 vào năm 1964, nhiều lần trước đó được đặt dưới quyền kiểm soát của Sư Đoàn 1. Kể từ khi trở thành một bộ phận của Sư Đoàn 1, Trung Đoàn 51 thường xuyên bị đặt dưới sự kiểm soát của các đơn vị khác.

Danh sách các Tư Lệnh Sư Đoàn 1 BB:

- Đại Tá Lê Văn Nghiêm	01-01-55	15-12-55.
- Đại Tá Nguyễn Khánh	15-12-55	14-08-57.
- Đại Tá Tôn Thất Đính	14-08-57	09-08-58.
- Đại Tá Nguyễn Văn Chuân	09-08-58	30-07-59.
- Đại Tá Tôn Thất Xứng	30-07-59	02-12-60.
- Đại Tá Nguyễn Đức Thắng	02-12-60	01-10-61.
- Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu	01-10-61	08-12-62.
- Đại Tá Đỗ Cao Trí	08-12-62	12-12-63.
- Đại Tá Trần Thanh Phong	12-12-63	19-02-64.

- Ch. Tướng Nguyễn Chánh Thi	19-02-64	21-10-64.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Chuân	21-10-64	14-03-66.
- Chuẩn Tướng Phan Xuân Nhuận	14-03-66	18-06-66.
- Thiếu Tướng Ngô Quang Trưởng	18-06-66	23-08-70.
- Thiếu Tướng Phạm Văn Phú	23-08-70	12-11-72.
- Chuẩn Tướng Lê Văn Thân	12-11-72	31-10-73.
- Đại Tá Nguyễn Văn Điem	31-10-73	

10. Sư Đoàn 5 Bộ Binh



Sư Đoàn 5 Bộ Binh được thành lập ngày 1 tháng 2 năm 1955 theo Sắc Lệnh 040- QP/ND 10/2/1955 và Chỉ Thị TTM 15590 TTN/1/1/S 212/11/1955

Trong trận chiến Đông Dương lần đầu, Pháp thành lập các đơn vị gồm nhiều người thiếu số vào một tổ chức gọi là Vệ Binh Biên Phòng cho khu vực Đông Bắc và Tây Bắc Bắc Kỳ để tuần tiễu khu vực giáp giới biên thù với Trung Hoa. Tại khu vực Đông Bắc và Tây Bắc Bắc Kỳ, nhiều đội quân là lính Nùng.

Ông Vòng A Sáng được gán cấp bậc đại tá để chỉ huy đơn vị này. Ngoài lực lượng quân đội của Đại Tá Sáng, Pháp cũng thành lập một số tiểu đoàn chính qui người Nùng. Theo Hiệp Định Genève tháng 7 năm 1954, một số tiểu đoàn Nùng (các Tiểu Đoàn 32, 67, 71, 72, và 75) cùng các đơn vị Nùng khác dưới quyền Đại Tá Sáng được đưa vào Nam Kỳ. Lúc đầu các tiểu đoàn này được đưa vào Ba Ngòi (Cam Ranh) và Nha Trang, cùng với những người Nùng sớm định cư tập trung tại Sông Mao thuộc tỉnh Bình Thuận. Lực lượng này, với quân số cỡ sư đoàn, nhận lệnh sẵn sàng tác chiến đầu kể từ 16/12/1954.

Tuy nhiên đến ngày 1/2/1955 thì Sư Đoàn 6 Bộ Binh mới

chính thức thành hình với Đại Tá Sáng là tư lệnh đầu tiên của sư đoàn. Ngày 1/8/1955, Sư Đoàn 6 Bộ Binh trở thành Sư Đoàn 6 Dã Chiến. Một tháng sau ngày 9 tháng 9, Sư Đoàn 6 Dã Chiến được đổi tên thành Sư Đoàn 41 Dã Chiến. Từ ngày 1/11/1955, sư đoàn này trở thành Sư Đoàn 3 Dã Chiến.

Tháng 1/1959, sư đoàn này lại được đổi tên thành Sư Đoàn 5 BB. Một đơn vị quân đội không thể tồn tại lâu dài nếu đơn vị đó chỉ có một sắc tộc duy nhất tham dự, mà hiện tại là người Nùng chiếm đa số. Nhìn thấy sự kiện này nên Tổng Thống Ngô Đình Diệm sớm đã điều động một số đông binh sĩ và sĩ quan Việt Nam vào phục vụ trong sư đoàn, với hậu cứ đóng tại Sông Mao là nơi có nhiều người Nùng sinh sống. Đến tháng 5 năm 1961, hậu cứ của sư đoàn di chuyển cùng đơn vị về Biên Hòa. (*Lúc đó Sư Đoàn 7 BB đã rời xuống Mỹ Tho.*) Toàn bộ sư đoàn đã hiện diện tại khu vực bây giờ là Vùng 3 Chiến Thuật, hậu cứ ở Biên Hòa. Tháng 11 năm 1960, sư đoàn có hai trung đoàn và tiền trạm tại địa điểm lúc đó là Vùng 1 Chiến Thuật (bây giờ là Vùng 3), tuy nhiên Trung Đoàn 9 vẫn có hậu cứ tại Sông Mao.

Sư Đoàn 5 BB trú đóng tại Biên Hòa, đã trực tiếp tham gia đảo chánh lật đổ Tổng Thống Diệm, ngày 1/11/1963. Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu, Tư Lệnh Sư Đoàn đã trực tiếp tấn công dinh Gia Long, nơi Tổng thống Diệm cư ngụ.

Vào tháng 7 năm 1964, sư đoàn di chuyển lên Phú Lợi, phía Đông Phú Cường thuộc tỉnh Bình Dương. Đến tháng 2 năm 1970, sư đoàn lại di chuyển đến Lai Khê, một căn cứ cũ của Sư Đoàn 1 BB Hoa Kỳ mà trước kia là trung tâm nghiên cứu cây cao su. Lai Khê nằm ở phía Bắc tỉnh Bình Dương khoảng 5km và phía Bắc quận Bến Cát trên Quốc Lộ 13. Các Trung Đoàn Bộ Binh 7, 8, và 9 (trước tháng 11 năm 1955 mang tên 34, 35, và 38) trực thuộc Sư Đoàn 5 BB từ lúc thành lập. Sư Đoàn đã chịu trách nhiệm kiểm soát an ninh tại khu vực phía Bắc các tỉnh thuộc Vùng III Chiến Thuật, cũng như tại vùng giáp ranh với lãnh thổ Campuchia.

Danh sách các Tư Lệnh Sư Đoàn 5 BB:

- Đại Tá Vòng A Sáng	01-03-53	25-10-56.
- Đại Tá Phạm Văn Đổng	25-10-56	18-03-58.
- Trung Tá Nguyễn Quang Thông,	18-03-58	16-09-58.
- Đại Tá Tôn Thất Xứng	16-09-58	19-11-58.
- Trung Tá Đặng Văn Sơn	19-11-58	03-08-59.
- Đại Tá Nguyễn Văn Chuân	03-08-59	20-05-61.
- Thiếu Tướng Trần Ngọc Tám	20-05-61	16-10-61.
- Đại Tá Nguyễn Đức Thắng	16-10-61	20-12-62.
- Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu	20-12-62	2-02-64.
- Chuẩn Tướng Đặng Thanh Liêm,	2-02-64	5-06-64.
- Chuẩn Tướng Cao Hảo Hớn	5-06-64	21-10-64.
- Đại Tá Trần Thanh Phong	21-10-64	19-07-65.
- Đại Tá Phạm Quốc Thuần	19-07-65	15-08-69.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Hiếu	15-08-69	14-06-71.
- Đại Tá Lê Văn Hưng*	14-06-71	4-09-72.
- Đại Tá Trần Quốc Lịch,	4-09-72	7-11-73.
- Đại Tá Lê Nguyên Vỹ**	7-11-73	30-04-75.

* *Tự sát đêm 30/4/1975.*

** *Tự sát trưa ngày 30/4/1975.*

11. Sư Đoàn 7 Bộ Binh

Sư Đoàn 7 Bộ Binh được thành lập ngày 1 tháng 1 năm 1955, theo Nghị Định 012-QP/ND 17/1/1955 và TTM lệnh 474/TTM/1/1/SQ 22/1/1955

Sư Đoàn 7 BB khởi đầu với lực lượng Đệ Thất Liên Đoàn Lưu Động của quân đội viễn chinh Liên Hiệp Pháp. Về sau liên đoàn này được đổi tên là Đệ Nhị Liên Biên Lưu Động. Ngày 1/9/1952, một lần nữa đơn vị này được đổi tên thành Liên Biên Lưu Động 31. Đó chính là một trong hai lực lượng quân sự Việt Nam được thành lập tại vùng châu thổ sông Hồng, Bắc Việt. (*Lực lượng kia là Liên Biên Lưu Động*

32.) Theo tinh thần của Hiệp Định Genève tháng 7 năm 1954, Liên Biên Lưu động 31 được hải vận từ Hải Phòng vào miền Nam đến Đà Nẵng ở Trung Việt và được chính thức giải thể ngày 15/12/1954.

Hiệu lực kể từ ngày 1/1/1955, Sư Đoàn 31 BB được cấu thành từ các thành phần của Liên Biên Lưu Động 31 trước kia. Trung Tá Nguyễn Hữu Có, vị chỉ huy trưởng sau chót của Liên Biên Lưu Động 31 này trở thành vị tư lệnh đầu tiên của sư đoàn. Các chi tiết về việc thành lập tân sư đoàn rất phức tạp. Các văn bản cô đọng về thuở ban đầu của đơn vị có thể tìm thấy khi đọc về tiểu sử của Sư Đoàn 1 BB vốn nằm chung trong cùng nghị định và sắc lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu.



Sư đoàn có thời gian đặt căn cứ ở Tam Kỳ (*lúc đó thuộc tỉnh Quảng Nam, nay thuộc tỉnh Quảng Tín*). Từ 17 tháng 3 và 22 tháng 4 năm 1955, sư đoàn tham dự Chiến Dịch Giải Phóng và suốt trong thời gian chiến dịch này quân đội quốc gia đã kiểm soát khu vực Nam Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định (*Liên Khu 5 của Việt Minh*) theo thỏa ước giữa Pháp và Việt Minh.

Vì Sư Đoàn 31 BB lúc đó chỉ có một trung đoàn (Trung Đoàn 156) nên được tăng phái một trung đoàn của Sư Đoàn 32 (nay là Sư Đoàn 2 BB). Vào mùa Hè năm 1955, Sư Đoàn 31 được chuyển dịch từ Trung Việt vào miền Nam. Ngày 1/8/1955, Sư Đoàn 31 BB trở thành Sư Đoàn 31 Dã Chiến. Ít tuần lễ sau, sư đoàn được tái chỉ định danh xưng là Sư Đoàn 11 Dã Chiến. Rồi ngày 1/11/1955, Sư Đoàn 11 Dã Chiến đổi thành Sư Đoàn 4 Dã Chiến. Hậu cứ mới được thiết lập ở Biên Hòa có hiệu lực kể từ ngày 11/11/1955. Sư đoàn chỉ đem theo ban tham mưu và một số ít các đơn vị đặc biệt vào Nam. Ba

trung đoàn Bộ Binh - các Trung Đoàn 51, 52, và 154 đều thành lập từ ngày 1/12/1954 từ các tiểu đoàn di cư từ miền Bắc đã theo sư đoàn khi vào miền Nam. Các Trung Đoàn 51, 52, và 154 trở thành các Trung Đoàn 10, 11, và 12 vào ngày 1/11/1955. Các trung đoàn này tiếp tục là trung đoàn cơ hữu của Sư Đoàn 4 Chiến. Đầu năm 1956, cả 3 trung đoàn của Sư Đoàn 4 BB được sử dụng để hành quân chống lại lực lượng Hòa Hảo của Tướng Ba Cụt (Lê Quang Vinh) trong khu vực nay thuộc tỉnh Châu Đốc.

Tháng Giêng năm 1959, Sư Đoàn 4 Đã Chiến được gọi lại là Sư Đoàn 7 BB. Bản doanh sư đoàn di chuyển về Mỹ Tho ngày 20/5/1961. (Sư Đoàn 5 BB đã di chuyển hậu cứ về Biên Hòa trong cùng tháng này.) việc di chuyển Sư Đoàn 7 BB về vùng châu thổ sông Cửu Long đã hoàn tất. Tuy nhiên ngày từ tháng 11 năm 1960, Trung Đoàn 10 đã tham chiến ở vùng này (đó là tại Sóc Trăng).

Vào ngày 1/9/1969 hậu cứ sư đoàn lại rời đi, lần này về Đồng Tâm phía Tây Mỹ Tho 8 cây số, nằm trên một nhánh cực Bắc của con sông Cửu Long. Đồng Tâm là căn cứ xưa kia của Sư Đoàn 9 BB Hoa Kỳ.

Kể từ lúc sư đoàn di chuyển về Mỹ Tho trong năm 1961, sư đoàn đã chịu trách nhiệm hành quân trong các tỉnh Định Tường, Long An, Kiến Tường, Kiến Hòa, Gò Công, Đức Hòa, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Phong Dinh, và An Giang, cũng như vượt biên giới sang Cao Miên thời gian 1971-72.

Danh sách các Tư Lệnh Sư Đoàn 7 BB

- Trung Tá Nguyễn Hữu Có	1-01-55	15-06-55.
- Đại Tá Tôn Thất Xứng	15-06-55	27-04-55.
- Trung Tá Ngô DZU	27-04-55	17-03-58.
- Đại Tá Trần Thiện Khiêm	17-04-58	30-03-59.
- Đại Tá Huỳnh Văn Cao	30-03-59	22-12-62.
- Đại Tá Bùi Đình Đạm,	22-12-62	1-11-63.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Hữu Có	1-11-63	5-11-63.

- Đại Tá Phạm Văn Đồng	05-11-63	2-12-63.
- Ch. Tướng Lâm Văn Phát	02-12-63	02-02-64.
- Đại Tá Bùi Hữu Nhơn	02-02-64	07-03-64.
- Đại Tá Huỳnh Văn Tồn	07-03-64	16-09-64.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Bảo Trị	16-09-64	09-10-65.
- Chuẩn Tướng Nguyễn Việt Thanh	09-10-65	03-07-68.
- Ch. Tướng Nguyễn Thanh Hoàng	03-07-68	16-01-70.
- Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam	16-01-70	01-01-74.
- Chuẩn Tướng Trần Văn Hai *	01-01-74	30-04-75.



Vạn Sự Như Ý!



Bạch Y Thương Cầu

Người Tù Đặc Biệt

Hồi ký của Lê Quốc Toàn, K20

Tôi lấy đề tài bài hồi ký này là “Bạch Y Thương Cầu” do tâm đắc vào ý thơ của nhà thơ Đỗ Phủ trong bài Khả Thán:

*“Thiên thương phù vân như bạch y,
Tu du hốt biến vi thương cầu.”*

*(“Trời có đám mây bay hình tựa như chiếc áo trắng,
Phút chốc đám mây biến thành hình con chó màu xanh.”)*

Câu này có ý nói đời là vô thường biến đổi không lường, từng giây từng phút.

Thực ra trong bài này, tôi muốn viết về một người tù đặc biệt mà tôi đã gặp trong trại tù “cải tạo”. Tôi và anh ta ở hai chiến tuyến khác nhau trước đây, nhưng khi gặp anh ta, cùng chung số phận và cùng khổ trong chốn lao tù Cộng Sản, chúng tôi quên chuyện trước đây mà nay chỉ biết tình cảm của con người. Chúng tôi còn có cơ may hiểu nhau hơn và tôn trọng nhau. Dù không nói ra nhưng hầu như về sau này chúng tôi đã nhận ra như cùng chung chiến tuyến, đúng như mây bay trên trời chuyện đời vô thường đó ai biết được.

Câu chuyện về “Người Tù Đặc Biệt” xin sẽ nói sau,

Ngày Ba Mươi tháng Tư năm 1975 Cộng Sản Bắc Việt xâm chiếm toàn miền Nam, Tổng Thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng. Hy vọng lật ngược thế cờ đã chết tức tưởi trong tôi từ ngày ấy. Ngày 15 tháng 6 năm 1975, tôi và đồng đội đành thất thủ trình diện Ủy Ban Quân Quản thành phố Sài Gòn để đi ở tù. Tâm tư của tôi nặng trĩu khi nghĩ đến vợ con cô cút, neo đơn ở lại với quân thù. Tôi nghĩ đến ngày về chắc xa lắm. Nhưng liệu có ngày đó không? Con đường chúng tôi đi từ đó đã trải qua biết bao bao khổ ải, nhưng tôi chưa hề oán trách một số đồng đội đã bỏ chúng tôi ra đi tìm nơi an trú ở nước ngoài, trong khi chúng tôi thè ở lại chiến đấu đến hơi thở cuối cùng với bọn Cộng Sản Bắc Việt bạo tàn.

Đêm 16/6/1975, chúng nhồi nhét chúng tôi lên các xe tải bị bùng, chạy vòng vèo nhằm đánh lạc hướng, đi đến cuối cùng là Long Giao. Chỉ nội đêm đó tôi nghe như đã có người chết vì nghẹt thở. Ở Long Giao được hai tháng, chúng tôi được đưa lên tàu Sông Hương từ bến cảng Sài Gòn để đưa ra Bắc. Tại đây, chúng tôi được chia thành từng toán hai trăm năm chục người đưa lên tàu lửa trực chỉ lên Yên Bái qua phà Ô Lâu, đi bộ hai ngày đường nhập vào rừng núi Tây Bắc. Về sau, tôi mới biết rải rác nơi đây có nhiều trại tù giam giữ hàng ngàn sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa đưa từ miền Nam ra.

Trại giam Liên Hoàng gồm nhiều phân trại có tên Hồng Ca do Bộ Công An quản lý thuộc huyện Trấn Yên tỉnh Yên Bái. Phân trại của tôi nằm sát đường lên Cổng Trời, địa danh do anh em tù “cải tạo” đặt tên. Nơi đây rừng núi âm u, buổi sáng nghe chim ca “ở mãi không về” tới đến chúng lại hót “chết đi sống lại” nghe mà buồn thúi ruột. Đúng là địa ngục trần gian. Tôi đã từng chứng kiến đồng đội của tôi ngã gục vì đói, vì bệnh, vì bị kẻ thù ngược đãi. Những ngôi mộ chôn họ được đánh dấu bằng từng viên đá ghép lại, hoặc bằng một khúc cây do đồng đội xót thương ghi dấu.

Từ trong cái chết hàng ngày rình rập, tôi bỗng nhiên bình tĩnh. Khát vọng “sống” đã đánh thức tôi hơn bao giờ. Đã có

lúc tôi sáng tác các vần thơ chấp nối trong đầu tôi, trong đó thơ nhắc đến vợ tôi, các con tôi: Nguyên Nhy Tam Lan Tứ My. Trong khoảnh khắc đó, tâm hồn tôi vẫn còn lưu chút lãng mạn khi nghĩ đến tình yêu với người vợ đầu yêu năm xưa. Tôi đang hoài vọng quên cả bên ma thiêng quỷ dữ:

*Tìm em mãi tận Cổng Trời
Bởi chân em vốn là người cõi Tiên
Trải qua trăm suối ngàn đèo
Chỉ mây ôm núi sương chèn lối đi.*

Phải rồi, trong cảnh tù đầy này có ai nghĩ đến ngày về. Thành ra ngày về gặp vợ con xa vời lắm thế thì được gặp vợ cũng khó như gặp Tiên trên trời vậy! Đó là ký ức về “Cổng Trời” của tôi, đã đến đó thì khó về. Tôi nghe đầu trại tù Cổng Trời tử thần khét tiếng ở tỉnh Hà Giang cũng nằm không xa nơi tôi bị giam giữ, vì Yên Bái giáp ranh với Hà Giang.

Trong không gian cô quạnh của rừng núi miền Việt Bắc, nhiều đêm thao thức tự xét mình, tôi cảm thấy không làm lỗi làm gì khiến tôi phải ân hận trước cảnh nước mất nhà tan, sông sâu núi thẳm vào tay Cộng quân xâm lược. Trong gần mười năm phục vụ trong quân đội, với ba năm hành quân chiến đấu ngoài bưng biên và gần bảy năm giữ chức vụ Sĩ Quan Kế Hoạch Hành Quân cấp quân đoàn, tôi phục vụ quân đội với tinh thần trong sáng của một sĩ quan xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Tôi không biết tham nhũng, hối lộ là gì.

Ngay cả khi tôi có cơ hội giữ chức vụ Chỉ Huy Trường Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận Buôn Mê Thuật, gia đình tôi vẫn sống kham khổ trong phạm vi lương hàng tháng eo hẹp có được của tôi. Hai vợ chồng tôi chia sẻ mấy con cá nhỏ cho các con tôi trong các bữa ăn, mà thời đó với chức vụ chỉ huy trường một trung tâm Tiếp Vận lớn cỡ như Buôn Mê Thuật về vật chất tôi muốn gì cũng có được. Tôi vô cùng biết ơn vợ tôi không se sua, chịu khó gói ghém đồng lương ít ỏi của tôi

cho qua ngày, không hề xúi dục tôi làm bậy để kiếm tiền bất hợp pháp.

Khoảng thượng tuần tháng 11 năm 1978, Cộng Sản Hà Nội đánh hơi Bắc Kinh sẽ xua quân xâm chiếm Việt Nam trong thời gian sắp tới, chùng đôi ba tháng nữa thôi. Do đó Hà Nội đã gấp rút di chuyển các trại tù “cải tạo” về phía Nam, tránh xa vùng chiến địa gần biên giới với Trung - Việt. Vào đầu tháng 1/1979, trại tôi được di chuyển về trại giam Số 3, nằm trong khu vực rừng núi phía Tây, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, do Cục 10 Bộ Công An điều khiển. Ngày 17 tháng 2 năm 1979, quân xâm lược Trung Quốc ồ ạt đánh chiếm toàn tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam.

Đến trại 3 Tân Kỳ, tôi được vào đội rau xanh, chuyên sản xuất rau cho trại. Sau một ngày lao động ngoài trời, buổi chiều khi hoàng hôn sắp tắt tất cả tù viên vào “chuồng” (*phòng nhốt tù được các tù nhân ví như chuồng nhốt súc vật*). Cũng như ở trại cũ ngoài Yên Bái, sau khi vào chuồng một số anh em ốm đau đến nhờ tôi cạo gió, hoặc châm cứu (*dùng lá ngải cứu phơi khô quán thành điếu thuốc đốt lên rồi đi đầu lửa gần huyết đạo bệnh nhân trong vòng ba mươi giây, thường là á huyết*), bởi vì trong tình trạng ốm đau giữa chốn núi rừng không có thuốc men. Tôi trị bệnh như vậy phần nào an ủi anh em ốm đau. Có thể vì yếu tố tâm lý, sáng ra nhiều anh vui vẻ bắt tay tôi bảo rằng họ đã khá rồi, hết bệnh rồi. Tôi mát tay quá. Tôi thầm cảm ơn Trời Phật đã độ trì cho các anh.

Cũng do việc tôi trị bệnh cho anh em tù nhân trong buồng hàng đêm, cán bộ trại biết được gọi tôi lên có ý cho tôi làm việc ở trạm xá, nhưng tôi thú thật tôi chẳng biết gì về y tế, chỉ biết chút ít về cạo gió đốt huyết sơ sài mà thôi. Nghe vậy họ cho tôi trở lại đội rau xanh.

Tôi có vài kỷ niệm trong thời gian tôi làm “lang băm”. Kỷ niệm tôi nhớ nhất là khi tôi đốt huyết cho Thạch Tròn, vốn là người Miên nguyên thiếu úy Thủy Quân Lục Chiến. Anh ta

rất khỏe, đi rừng chỉ mặc chiếc quần đùi và cái áo cộc ngắn. Anh ta đi chân không, vì gai tre rừng đối với anh ta là chuyện nhỏ. Thế mà một buổi chiều tối khi cửa chuồng vừa khóa lại, anh vội vã mò đến chỗ tôi. Thấy dáng anh không được khỏe như các ngày thường, tôi chưa kịp hỏi thì anh đã mệt nhọc lên tiếng:

- “Toản ơi! Chắc ‘tau’ (*tiếng địa phương có nghĩa là tao*) chết quá. Sao tau khó thở và cảm thấy đau trong lòng ngực. Toản có cách chi cứu tau với.”

Tôi nghĩ bụng với bệnh này bác sĩ thứ thiệt cũng phải bó tay. Thuốc đâu? Dụng cụ y khoa đâu mà trị? Nhưng không lẽ để anh đau đớn tuyệt vọng, mặc dầu tôi đâu có gì ngoài mấy điều ngải cứu. Trong tâm tôi ngay lúc đó nhóm lên một niềm tin rằng cơn đau của anh ta rồi sẽ hết. Tôi đốt cháy điều ngải cứu, rồi dí sát vào điểm đau trên ngực (á huyết) của anh ta. Dầu ngải cứu chạm sát vào da anh ta đến nỗi tôi nghe như có mùi khét. Tôi giật mình nhích mũi thuốc ra xa, rồi tiếp tục cứu. Hồi lâu cơn đau giảm dần anh ta bắt đầu đi vào giấc ngủ êm.

Sáng ra, anh đến gặp tôi, vui vẻ như không có gì xảy ra, và cảm ơn tôi. Khi được tôi hỏi vết da bị bỏng hôm qua có đau lắm không, anh cười trả lời, “Chuyện nhỏ.” Tôi nghĩ chỉ có Thạch Tròn mới chịu đựng được đòn “tra tấn” cháy da đó mà thôi. Đây là một kỷ niệm nhớ đời khi tôi trở thành một “lang băm” bất đắc dĩ trong trại tù. Dầu ở tù ở trại Hồng Ca Yên Bái, hay ở trại Số 3 Tân Kỳ Nghệ An tôi đều giữ tâm nguyện cứu mình và cứu người. Cho dù khổ cực cách mấy, tôi không bi quan tuyệt vọng, với bạn tù tôi giúp đỡ an ủi những lúc họ bị ốm đau. Tôi mong ngày mai trời lại sáng và mọi người sẽ về sum họp bên vợ bên con, quốc nạn nhất định sẽ qua đi.

Tháng 5 năm 1981, hơn nửa tù nhân thuộc Phân Trại 3 của tôi được đưa vào trại Z30D tại Hàm Tân-Thuận Hải. Tại đây tôi và bạn tù Trương Đình Tu được phân công chăm sóc vườn thuốc Nam, kiêm vệ sinh khu trạm xá. Trong vườn thuốc Nam

rộng hơn một công đất, chúng tôi trồng nhiều cây thuốc, chủ yếu là sâm đại hành và xuyên tâm liên.

(Một loại thuốc được quảng cáo trị bách bệnh, sốt cũng uống, ho cũng uống, vv. Trong tình cảnh vô cùng thiếu thốn không có thuốc men thì người bệnh không còn chọn lựa nào khác. Xuyên Tâm Liên cũng có một số hiệu quả và là phao cứu cuối cùng.)

Bất cứ công an nào của trại có dịp về Bắc thăm gia đình cũng đều gặp chúng tôi để xin một ít sâm đại hành về làm quà cho ông bà già, vì sâm đại hành ngâm rượu uống vào bồi bổ cơ thể và trị được chứng đau nhức. Chúng tôi tổ chức lai giống, canh tân lại vườn thuốc Nam trồng rất thú lớp và đẹp khiến mọi người khi thấy đều trầm trồ khen ngợi. Dần dà, khoảng ba tháng sau tôi gặp người tù đặc biệt, mà tôi đang viết trong hồi ký này.

Vào một buổi trưa, tôi và Trương Đình Tu đang lau chùi vệ sinh trạm xá thì nhận được lệnh buổi chiều đúng ba giờ chúng tôi lên Bộ chỉ huy trại gặp tên trung úy công an phụ trách an ninh trại để làm việc. Tôi cảm thấy lo lắng nhưng Tu có vẻ lo lắng nhiều hơn tôi. Nhưng mà lo lắng cũng phải thôi, gặp ai không gặp gặp phải tên trung úy công an phụ trách an ninh để “làm việc” mà không cho biết việc gì, chắc là lãnh ít dũ nhiều.

Đúng ba giờ chiều hôm đó tôi và anh Tu lên gặp viên trung úy. Buổi gặp thật ngắn gọn. Hắn nhìn chúng tôi bằng đôi mắt cú vọ và nhân mạnh từng tiếng:

- “Ngày mai trạm xá sẽ nhận một “người tù đặc biệt“. Hai anh có nhiệm vụ tắm rửa và lo cho anh ta ăn uống. Ngoài hai việc đó ra, hai anh tuyệt đối không được nói chuyện với anh ta. Nếu vi phạm hai anh sẽ bị Bộ chỉ Huy của trại Z30D trừng trị nghiêm khắc. Các anh đã thông hiểu và thi hành được không? Tôi nhắc lại, nghiêm cấm hai anh không được trò chuyện với người tù đó.”

Cả tôi và anh Tu đành hứa sẽ không chuyện trò với “người

tù đặc biệt“, theo tên gọi của tên trung úy công an phụ trách an ninh trại.

Khoảng 2 giờ chiều ngày hôm sau, một xe nhỏ bị bùng chờ “người tù đặc biệt“ (tôi đoán vậy) vào trạm xá. Trước và sau xe bị bùng có hai xe jeep hộ tống chở đầy công an vũ trang. Hầu như anh em tù “cải tạo” hôm đó đều xôn xao muốn biết việc gì đang xảy ra trong trạm xá, nhưng có lẽ tôi là người nôn nóng nhất muốn biết người tù đó mặt mày ra sao? Nam hay nữ? Chắc hẳn ta phải ghé gớm lắm mà viên trung úy kia mới găm gù đe dọa tôi và anh Tu trong buổi “làm việc” ngày hôm qua, không được nói chuyện không được tiếp xúc với hẳn ta ngoại trừ lo việc tắm rửa và cơm nước cho đương sự mà thôi.

Rồi chuyện gì đến nó phải đến. Lúc bốn giờ chiều, tên trung úy công an gọi tôi và anh Tu vào trạm xá để giới thiệu chúng tôi với “người tù đặc biệt” (như tên gọi của tên này). Tôi thường ngày rất giỏi đoán tuổi đoán người, nhưng thú thật với người tù này tôi đoán được người tù này là nam giới là đã già lắm rồi. Việc tôi đoán đầu tiên là anh ta bị biệt giam ít nhất mười năm trong phòng tối, nên bây giờ khi được ra ngoài da anh ta trắng như đá sô các cô các bà. Đôi mắt anh có vẻ chưa quen với ánh sáng, hai chân thì tong teo như hai ống xương khô. Có lẽ suốt mười năm trong phòng biệt giam của Cộng Sản cả hai chân anh đều bị cùm, lâu ngày máu không lưu thông được các tế bào hai chân bị hoại tử nên phát sinh biến chứng tê liệt.

Tôi đoán anh ta chắc phải trên năm mươi tuổi. Qua ánh mắt, anh nhìn tôi và anh Tu có vẻ thân thiện dù mới đầu chưa quen biết. Bù lại, anh nhìn bọn công an áo vàng bằng cặp mắt nghiêm trang lạnh lùng. Thế thì anh thuộc loại tù nào, phe nào? Tôi phân loại anh ngay lúc đó trong đầu tôi là anh ta không dính dáng gì đến Chính Quyền Miền Nam Việt Nam. Anh ta lại càng không phải dân đâm thuê, chém mướn vì anh ta có dáng dấp của một người thuộc lớp trí thức khoa bảng. Anh ta cũng không thể là dân buôn bán hàng quốc cấm. Thế

thì anh ta phạm tội gì mà bị bọn Cộng Sản Bắc Việt đối xử với anh ta tàn ác như vậy? Tôi nghĩ chỉ trong tương lai gần tôi sẽ tìm ra câu trả lời về những thắc mắc hiện có trong đầu tôi; vì sau này tôi có nhiệm vụ phải tắm rửa cho anh hằng ngày, tôi sẽ có cơ hội chuyện trò với anh ta, để gì mà tên trung úy công an biết được.

Hai ba ngày đầu như để tránh rắc rối cho tôi với anh Tu, người tù đặc biệt hạn chế tiếp xúc với chúng tôi, ngoại trừ lúc đầu gặp gỡ giới thiệu công việc. Anh ta ăn nói rất nhẹ nhàng giới thiệu tên anh ta là Văn, sáu mươi tuổi đời kèm theo nụ cười nhân hậu. Đáp lại tôi và anh Tu giới thiệu tên để dễ dàng xưng hô sau này. Tất nhiên nhất cử, nhất động của tôi và Tu không tránh khỏi cặp mắt cú vọ theo dõi của tên công an. Tôi nghĩ thâm trong bụng chuyện người tù đặc biệt tên Văn khá lý kỳ hấp dẫn. Tôi sẽ dễ dàng qua mặt tên trung úy công an, để kết cục tôi sẽ khám phá phần nào bí mật về cuộc đời của anh Văn lỡ sau này được trở về tôi sẽ kể chuyện những tháng ngày trong tù, kèm thêm chuyện người tù đặc biệt này chắc chắn hấp dẫn, lôi cuốn người nghe.

Khoảng ba ngày sau khi anh Văn xuất hiện tại trạm xá Z30D, một phái đoàn công an hùng hậu gồm đại tá, trung tá, thượng tá công an xuống làm việc với anh Văn. Họ có cả thầy sáu người. Tôi đoán họ từ Sài Gòn. Vì tôi và anh Tu được lệnh đứng canh cửa không cho trại viên nào được vào trạm xá trong lúc phái đoàn đang làm việc, nên tôi có cơ hội nghe lén cuộc đối thoại giữa anh Văn và phái đoàn họ. Tôi đứng cách giường anh Văn nằm chưa đầy mười thước, buổi nói chuyện diễn ra khoảng mười lăm phút.

Tên đại tá công an mở đầu nói gì hơi dông dài tôi không nghe kịp. Sau đó, tôi nghe được tiếng anh Văn nói lớn lên đại ý anh ta không muốn nói chuyện với phái đoàn này, mà hẳn nhủ muốn nói chuyện với cấp cao hơn của Cộng Sản tại Hà Nội mà thôi. Anh Văn chắc làm gì lớn lắm trong Đảng Cộng Sản Bắc Việt, vì thế mới coi phái đoàn công an cao cấp kia

không ra gì. Thế nhưng sao với những người tù như chúng tôi anh tỏ ra thân thiện, nhẹ nhàng, vui vẻ như thế? Chuyện khá hấp dẫn không thể bỏ qua, phải tìm ra lý do.

Dáng anh cao khoảng tầm cỡ với tôi, nước da trắng, trán cao, mắt sáng thông minh, nụ cười tươi đôn hậu, có vẻ là quan văn hơn là quan võ. Sau này có dịp nói chuyện với anh, có những điểm chúng tôi rất tâm đắc, nhất là sau này anh biết tôi là sĩ quan cấp tá xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam danh tiếng. Tôi biết anh nguyên là trưởng toán phóng viên của Bắc Việt tại Hội Nghị Paris năm 1973. Em và anh của anh là thứ trưởng, là giám đốc bệnh viện lớn ở Hà Nội. Chỉ trong một tuần, anh nói chuyện với Tu và tôi một cách thân thiện, nhẹ nhàng như quen biết từ lâu. Tôi và Tu thay nhau công anh xuống giếng tắm hằng ngày vì hai chân anh hoàn toàn bại liệt.

Cũng đúng một tuần sau khi đám công an Sài Gòn xuống gặp anh Văn và phải về không, một nhóm khác lại xuống gặp anh. Có lẽ nhóm này từ Hà Nội và có lẽ cao cấp hơn, như thuộc hàng bộ trưởng hoặc thứ trưởng của bộ công an hoặc bộ nội an Công Sản. Cuộc tiếp xúc diễn ra vào lúc hai giờ chiều, khi các cửa sổ ở trạm xá được đóng kín. Tôi và Tu được phép đứng ở bên ngoài cánh cửa lớn. Nhóm cán bộ cao cấp và anh Văn trao đổi rất nhiều vấn đề (tôi đoán thế) và có lẽ họ không đồng ý với nhau về trọng tâm cuộc nói chuyện, nên cuối cùng tôi nghe rất rõ tiếng của anh Văn thốt lên đầy căm hờn:

- “Tôi phục vụ Đảng gần bốn mươi năm, cuối cùng Đảng đã cho tôi cái gì ngoài đôi chân bại liệt và một thân hình tàn phế.”

Màn đối thoại hạ màn. Phái đoàn cao cấp ra về mà chẳng thuyết phục anh Văn được điều gì như họ mong muốn trước khi đến đây.

Qua cuộc đối thoại, tôi cảm thấy anh ta “ghê” thật vì đã xem bọn cán bộ cao cấp ở Hà Nội không ra gì. Nhưng anh Văn

đã phạm tội gì mà Cộng Sản Hà Nội biệt giam anh đến mười năm khiến anh trở thành tàn phế? Khi công anh trên lưng để xuống giếng tắm rửa, tôi cũng cảm thấy xót xa cho anh. Ngày nào họ là “đồng chí, đồng rận” mà nay đối xử với nhau quá ư tàn ác. Chỉ có bọn Cộng Sản mới nhẫn tâm như vậy mà thôi. Tôi sẽ cố tìm hiểu xem tại sao chúng đối xử man rợ với anh như thế. Thời gian sau này, tên trung úy công an có đôi mắt cú vọ đã chuyển đi đâu tôi không còn thấy nữa, thành thử tôi và anh Tu cảm thấy dễ thở hơn.

Thời gian thẩm thoát thoi đưa, mới đó mà anh Văn đã vào trú tại trạm xá Z30D đã hai tháng rồi. Tôi và Tu thay nhau công anh hàng ngày để tắm rửa cho anh. Chúng tôi và anh Văn ngày một thân tình. Riêng tôi, tôi thường trao đổi với anh về văn chương, thơ phú, âm nhạc, có lúc say mê quên cả giờ giấc. Nhưng tuyệt đối, tôi không bao giờ hỏi anh về thân thể, cũng như không bao giờ hỏi anh câu hỏi mấu chốt là vì sao anh bị “biệt phủ” Hà Nội đối xử với anh tàn nhẫn đến như thế. Tuy nhiên, tôi biết thêm một số tin tức về anh qua các người làm việc dưới quyền anh chị của anh Văn, đang giữ các chức vụ cao cấp tại Hà Nội, nhân chuyển công tác vào Sài Gòn mang theo quà gửi cho anh. Vì một lý do nào đó tôi chưa hề thấy mẹ hay anh chị em của anh vào thăm anh. Phải chăng Hà Nội không muốn bà con ruột thịt anh gặp anh trong hoàn cảnh quá đau lòng khi thấy con mình em mình trong tình trạng tàn phế chẳng?

Được biết dòng dõi của anh Văn thuộc nòi khoa bảng, anh em đều từng qua du học Liên Xô hay các nước Đông Âu. Người nào cũng có học vấn cao và giữ các chức vụ cao cấp trong guồng máy cầm quyền Hà Nội. Có người là thứ trưởng, có người đang là giám đốc bệnh viện nổi tiếng tại Hà Nội. Có bằng cấp cao về truyền thông và báo chí, anh nguyên là Trưởng Ban Báo Chí của phái đoàn Bắc Việt tại Hội Nghị Ba Lê 1973. Anh bị bắt vào tù, bị biệt giam gần mười năm vì lý do đã phản đối chính sách vô nhân đạo của Cộng Sản Hà Nội

đối với quân dân cán chính miền Nam, trong các trại tù “cải tạo” khắc nghiệt. Anh yêu cầu Hà Nội phải đối xử nhân đạo với họ, bằng cách cung cấp thuốc men khi họ đau ốm, cho họ ăn đủ no để có sức lao động, và nhất là phải có thời hạn tù. Tất nhiên chính quyền Hà Nội không bao giờ chấp nhận khuyến cáo này của anh.

Tôi sống gần gũi với anh Văn gần bốn tháng. Một buổi sớm mùa Đông lạnh lẽo, một toán công an võ trang với chiếc xe nhỏ bịt bùng lại chờ anh đi. Chắc chuyến đi lành ít, dữ nhiều? Bạo quyền Hà Nội muốn thủ tiêu anh, hay muốn đưa anh về trại tù Công Trời khét tiếng ở Hà Giang để dày ải anh. Nơi đây, người tù một khi đã đến thì ít ai được sống sót trở về với gia đình vợ con? Có lẽ Cộng Sản Hà Nội dường như không lay chuyển được lập trường của anh trước chính sách tàn ác của chúng đối với hàng vạn tù “cải tạo”, những người thua cuộc?

Khi anh Văn đi rồi, tôi ngộ ra rằng hai người trước đây dù ở hai chiến tuyến khác nhau; nhưng khi họ cùng hướng về một điều thiện, cùng phân biệt được điều đúng và sai, thì dễ thông cảm và có khi còn xem nhau như anh em. Tôi giữ trong tôi nhiều kỷ niệm về anh, và tôi hy vọng anh cũng giữ trong anh nhiều kỷ niệm về tôi.

Trong hơn bốn tháng trời anh Văn không bao giờ nói với tôi về chính trị, về cuộc chiến, cũng như chưa bao giờ nói với tôi về anh và gia đình. Điều tôi biết anh là một con người đa cảm, vị tha, và hờn căm Cộng Sản. Trong bốn tháng gần anh, anh nói cho tôi nghe về văn học, về triết học, đặc biệt nói về những văn nhân thi sĩ nổi tiếng của thế giới. Anh thuyết giảng cho tôi nghe mười lăm nhà văn nổi tiếng của Nga, các sách truyện và khuynh hướng của họ, như văn hào Lev Nicolayevich Tolstoy, văn hào Fyodor Mikhailovich Dostoevsky, nhà văn Maksim Gorky. Tôi thích nhất khi anh nói về chủ nghĩa hiện sinh nổi lên tại Pháp vào thế kỷ 20, đó là một phong trào triết học đứng đầu có triết gia hiện sinh Jean- Paul Sartre và Martin Heidegger. Anh nói cho tôi nghe về nhà văn nhà triết học

Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997). Ông là người Việt Nam đầu tiên và duy nhất đỗ hai bằng tiến sĩ văn học và luật học năm ông mới 23 tuổi đời (1932) tại đại học nổi tiếng Sorbonne bên Pháp. Ngoài ra anh còn nói cho tôi nghe về giai thoại Nguyễn Mạnh Tường đã từng tranh cãi “nảy lửa” với Jean – Paul Sartre về triết học hiện sinh.

Hai ký ức tôi giữ mãi trong lòng, đó là hai ký ức tôi vô tình đã làm anh rơi lệ. Cũng nên nói thêm vào lúc đó anh Văn khoảng 60 tuổi còn tôi vừa đúng 40.

Lần thứ nhất tôi làm anh ứa lệ là khi anh bảo tôi đọc thơ thiên của tôi viết trong tù cho anh nghe. Tôi không ngại ngần đọc cho anh nghe liền, hay cũng đọc mà dở cũng đọc. Tôi đã đọc đến hai câu thơ:

*“Câu kinh tiếng kệ quên mùi tục.
Nghe tiếng gà trưa nhớ mẹ hiền.”*

Đọc xong, ngoảnh lên tôi thấy đôi mắt anh ứa lệ. Có lẽ trong giây phút đó anh chạnh lòng nghĩ đến mẹ đang mòn mỏi chờ đợi anh suốt hơn mười năm qua. Anh chắc đã biết sẽ không có ngày về, vì bọn Cộng Sản Bắc Việt sẽ không dám cho anh gặp mẹ trong cảnh thân anh giờ đã bại liệt, sau gần bốn mươi năm anh nhàm lẩn phục vụ cho bọn Cộng Sản bạo tàn. Cổ nén đau thương anh Văn lên tiếng hỏi tôi:

- Nghe nói Toàn là quyền tự điển về thơ. Thế thì thử đọc cho tôi nghe bài thơ nào tâm đắc nhất nói về người mẹ.

Tôi hiểu trong giây phút này anh nhớ mẹ anh vô ngần. Anh chỉ nghĩ về mẹ và muốn nghe về mẹ mà thôi. Tôi lên giọng và đọc cho anh Văn nghe bài thơ viết về mẹ rất chân quê của nhà thơ Lưu Trọng Lư:

“Mỗi lần nắng mới hắt bên sông
Xao xác gà trưa gáy náo nùng
Lòng rượi sầu theo thời dĩ vãng
Chập chờn sống lại những ngày không

*Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời
Lúc người còn sống tôi lên mười
Mỗi lần nắng mới gieo ngoài nội
Áo mới người phơi trước đậu thưa*

Đã mấy năm nay vắng mặt người
Nhưng hình dáng cũ của mẹ tôi
Vẫn còn văng vẳng bên hàng đậu
Trong ánh trưa Hè trước đậu thưa.“

(Cũng cần viết rõ, Lưu Trọng Lư vốn là một trong những thi sĩ nổi tiếng qua những áng thơ trữ tình, như ‘Tiếng Thu’. Tuy nhiên, sau khi theo Cộng Sản, Lưu Trọng Lư đã trở thành một “văn nô”, chỉ xử dụng thơ phú của mình để ca tụng chế độ bất nhân Cộng Sản. Mọi người đã không còn thấy hình ảnh của thi sĩ Lưu Trọng Lư, đầy nhân bản của những năm xưa.)

Đến đây tôi nghe rõ tiếng nấc của anh Văn quyện trong buổi trưa Hè tịch mịch trong trại tù Z30D. Tôi hối hận đã làm anh buồn, tính đa cảm cùng lòng thương nhớ mẹ hiền đã khiến cho người từng là phát ngôn viên của phái đoàn Cộng Sản tại Hội Nghị Paris năm 1973 ngậm ngùi rơi lệ. Giờ đây, anh đã về với quê hương dân tộc, trở về với bản chất thực của một con người.

Lần thứ hai cũng do tôi vô tình, một lần nữa đã làm anh rơi lệ. Trưa hôm đó như thường lệ tôi cũng anh Văn sau lưng từ trạm xá xuống giếng nước để tắm rửa cho anh. Cả hai đều mệt. Tôi vội để anh xuống và nối tiếp câu chuyện đang dang dở. Tôi hỏi anh Văn trước đây có khi nào anh nghĩ một ngày kia một người lính “ngụy” như tôi cũng một đảng viên Cộng Sản cao cấp tàn phế trên lưng do chính đồng đội gây ra, như anh và tôi bây giờ. Bất giác tôi đọc hai câu thơ trong bài Khả Thán của thi sĩ Đỗ Phủ nổi tiếng đời Đường:

*“Thiên thượng phù vân như bạch y
Tu du hốt biến vì thương cầu.”*

Có nghĩa:

*“Trên trời có đám mây bay hình thù tựa như chiếc áo trắng
Phút chốc áo trắng kia biến thành hình con chó màu xanh.”*

Ý nói đời là vô thường biến đổi không lường, cũng như anh và tôi trước đây ở hai trận tuyến, nhưng nay anh và tôi thân thiết tưởng như cùng chung một trận tuyến. Nào có ai ngờ, đọc xong hai câu thơ, tôi ngoảnh lên nhìn anh Văn thì thấy mắt anh như chừng róm lệ. Có lẽ anh cảm cảnh về cuộc đời tàn phế của mình khi trót theo bọn Cộng Sản bạo tàn. Tôi đã vội vàng xin lỗi anh.

Đó là hai ký ức sâu đậm khi tôi nghĩ về “người tù đặc biệt” tên Văn.

Khi những ký ức này được viết xuống thì câu chuyện đã xảy ra cách đây gần 40 năm. Thời gian chưa đủ dài đối với thời gian sống của một con người trung bình, nhưng dường như quá dài đối với một người tù có tuổi 60, không có ngày về, tàn phế và cùng kiệt về thể chất. Nếu may mắn anh còn sống và đọc được câu chuyện này thì hãy nhớ rằng anh đã từng chia sẻ nỗi nhục nhằn, đau khổ với một người cùng chung cảnh ngộ, cùng ý nghĩ, nhưng đã có một thời ở hai bờ chiến tuyến.

Xét cho cùng niềm đau xảy ra cho mỗi cá nhân, mỗi một gia đình, niềm đau chung xảy ra cho cả Dân Tộc Việt Nam ta suốt gần tám mươi năm (1945-2021) và còn kéo dài nữa không biết bao giờ mới dứt, vì đất nước ta bất hạnh đã sản sinh ra một người có tên Hồ Chí Minh.

Portland ngày 3 tháng 10 năm 2021.



Nước Mất - Mất Theo Nước.

(Bài viết vinh danh các CSVSQ xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã Vị Quốc Vong Thân trong biến cố 30 tháng Tư, 1975. Chúng tôi xin được nghiêng mình tưởng nhớ đến những gương hy sinh can đảm ấy.)

Võ Nhân, K20.

(Tiếp theo)

* * *

Lúc Tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng thì Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, K7 đang ở Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 7 BB. Trưa 30/4, ông đã tập họp quân nhân của Bộ Tư Lệnh tại Câu Lạc Bộ Sư Đoàn để ngỏ lời cảm ơn, chào từ giã... và đề nghị mọi người về nhà thu xếp cho gia đình trong hoàn cảnh mới, tuyệt đối tránh đụng độ với quân địch, đổ máu vô ích ...

Đến 15 giờ, Trung Ủy Hoa lên văn phòng thì thấy Tướng Hai ngồi trầm ngâm như một pho tượng. Thái độ yêu đời, nhiệt tình của ông không còn nữa, báo hiệu một điều chẳng

lành sắp đến với ông. Ông ra đầu cho Trung Úy Hoa ngồi xuống ghế, rồi từ tốn nói:



Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, Tư Lệnh Sư Đoàn 7 BB, 1975.

- Anh cảm ơn em đã ở bên anh trong giờ phút này. Vận nước đã đến hồi như vậy, chúng ta không thể làm được gì khác hơn. Là quân nhân, chúng ta phải tuyệt đối chấp hành lệnh của thượng cấp!

Ông mở ngăn kéo, lôi ra một gói đồ bọc bằng giấy báo rồi đưa cho Trung Úy Hoa và nhờ:

- Đây là gói quà của anh gửi cho bà xã và bảo bà đừng lo gì cho anh cả!

Sau này, Trung Úy Hoa được biết trong gói có 70.000 đồng, là một tháng tiền lương và một số vật dụng cá nhân của ông.

Chờ mãi đến 6 giờ chiều không nghe Tướng Hai gọi, Trung Úy Hoa tự ý chạy lên văn phòng. Nơi đây đèn vẫn sáng như mọi ngày nhưng không khí vô cùng lạnh lùng, âm đạm. Đẩy mạnh cửa phòng vào, Trung Úy Hoa hoảng hốt, đầu đón lảo xốt xa, khi nhìn thấy khung cảnh trước mắt.

Chuẩn Tướng vẫn ngồi trên ghế nhưng đầu thì đã gục xuống trên bàn... mê man, bất tỉnh canh một ly rượu lớn đã cạn... Trung Úy Hoa liền gọi xe cứu thương đến, chở ông về bệnh xá. Các bác sĩ cố cứu chữa, nhưng rất tiếc Tướng Hai đã trút hơi thở cuối cùng.

i. Trong hoàn cảnh vô cùng hỗn loạn đầy tang thương, bi đát thì Thiệu Tá Nguyễn Văn Viên, K6 không lo cho bản thân và gia đình mà lại dấn thân cho một cuộc chiến mới với Cộng Sản. Sau ngày 30 tháng 4 tháng 1975 khi trở về Sài Gòn, ông lại chọn con đường đầy chông gai, nguy hiểm. Ông hợp tác với Linh Mục Nguyễn Văn Vàng cùng với các tôn giáo bí

mật tổ chức, lãnh đạo lực lượng võ trang đứng lên chống bạo quyền Cộng Sản, hoạt động ngay trong khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn. Cuối năm 1976, Thiếu Tá Viên, linh mục Nguyễn Văn Vàng và một số thành viên của tổ chức đã bị Cộng Sản bắt.

Cộng Sản đã “kết án” tử hình Thiếu Tá Nguyễn Văn Viên, Linh Mục Nguyễn Văn Vàng chung thân... Đê đê dọa, khủng bố tinh thần người dân, cộng quân bắt dân chúng tham dự buổi xử bắn Thiếu Tá Viên tại Vườn Điều, Thủ Đức. Khi khi trói Thiếu Tá Viên vào cột, tên chỉ huy nói:

- Ông còn có muốn nói điều gì không?

Thiếu Tá Viên bình tĩnh, đồng dục nói:

- Tôi muốn nói với các anh rằng hôm nay, các anh bắn tôi cũng không dập tắt được ngọn lửa đấu tranh của người dân trong nước. Mai này, sẽ có hàng trăm, hàng ngàn Nguyễn Văn Viên khác nối gót...

Thiếu Tá Viên quay sang hướng đồng bào nói lớn:

- Xin chúc đồng bào ở lại mạnh giỏi.

Khi một tên cầm miếng vải đen để bịt mắt, Thiếu Tá Viên nhìn nó rồi hiên ngang, đồng dục bảo:

- Không cần bịt mắt. Tôi sẵn sàng rồi, bắn tôi đi!

Dòng máu đã chảy từ tim xuống tận chân rồi thấm vào mảnh đất mà ông hằng mến yêu.

j. Cựu Thiếu Tá Thương Binh Phan Ngọc Lương - K17, là một tiểu đoàn trưởng nhiều mưu lược, anh dũng khi chiến đấu, tận tụy với trách nhiệm của mình. Với những thành tích đạt được trong chiến đấu, ông đã được chính quyền Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ tưởng thưởng nhiều huy chương cao quý. Bị thương vô cùng trầm trọng lúc hành quân ở Quảng Nam, ông phải giải ngũ. Khi cuộc chiến gần tàn ông không chịu di tản!

Dưới chế độ Cộng Sản, ông đã bí mật tổ chức một lực lượng

chiến đấu hầu tiên hành một cuộc đấu tranh mới! Ngoài lực lượng sẵn có, ông đã tuyển mộ thêm được một số thanh niên có đầy đủ khả năng và nhiệt tình cho công cuộc phục quốc. Tổ chức được thành hình với một lực lượng khá mạnh từ thành phố Huế cho đến các xóm làng hẻo tại các quận Phú Lộc, Hương Trà, Phú Vang... thuộc tỉnh Thừa Thiên. Bị bại lộ, ông bị Cộng Sản bắt, giam cầm, hành hạ. Sau cùng, ông bị chúng sát hại vào ngày 9 tháng 9 năm 1979 tại Chín Hàm, Huế.

k. Trung Tá Võ Văn Đường K11, Trưởng Ty Cảnh Sát, Tỉnh Chương Thiện tiếp tục chiến đấu khi có lệnh buông súng của Dương Văn Minh. Hôm sau, hết đạn dược, ông bị bắt. Ngày 14/ 08/ 1975, Cộng Sản đã xử bắn ông tại sân vận động Cần Thơ.

l. Đại Úy Hoàng Trọng Khuê K21 không chấp nhận đầu hàng mà lại cùng nhiều những chiến binh cùng chí hướng tham gia vào phong trào phục quốc, hoạt động trong khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng. Đến năm 1978, ông mới bị bắt. Sau 2 năm bị giam cầm, tra tấn, hành hạ, ngày 14 tháng 6 năm 1980, ông bị Cộng Sản giết ông tại Gò Cà, Quảng Nam.

* * *

II. Cộng Sản Việt Nam lại mở ra hàng trăm nhà tù khổ sai từ Bắc chí Nam dưới chiêu bài “cải tạo” để giam giữ, tù đầy những viên chức chính quyền, sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa với một chính sách vô cùng tàn ác, dã man. Các tù nhân đã phản ứng một cách dữ dội dù bị Cộng Sản đàn áp vô cùng dã man, tàn bạo. Dưới đây là vài trường hợp phản kháng điển hình:

- Thiếu Tá Trần Văn Bé Khóa 19 và Thiếu Tá Phạm Văn Tư Khóa 19 đều bị tập trung vào trại Tân Hiệp, Suối Máu, Biên Hòa. Ngày 22 tháng 2 năm 1976, cả hai đã cùng vượt ngục.

- Thiếu Tá Trần Văn Bé thoát qua được khỏi hàng rào kẽm gai nhưng một tuần sau thì bị bắt. Cộng Sản tổ chức “tòa án Kangaroo” để giết Thiếu Tá Bé vào ngày 9 tháng 4 năm 1976

tại Suối Máu, Biên Hòa.

- Thiếu Tá Phạm Văn Tư bò theo sau Thiếu Tá Bé, bị phát giác, bắn trọng thương. Thiếu Tá Tư bị mang vào trại cho nằm trên nền đất. Một tên chỉ huy của Cộng Sản đã rút súng K54 bắn vào tay, chân của nạn nhân, máu chảy lai láng cho đến lúc nạn nhân chết.

- Thiếu Úy Trần Hữu Sơn Khóa 28, lớn lên trên đất thần kinh Huế. Anh đã tình nguyện gia nhập Khóa 28 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Sau hơn 3 năm được tôi luyện trong “môi trường thép”, nay anh đã trở thành một trong, “*Những sinh viên sĩ quan trẻ từ 18 đến 22 tuổi đầu. Họ thật sạch sẽ, gọn ghẽ và bóng loáng như những chú lính trong tủ kính. Trên ba lô của họ, đặt dưới đất là chiếc mũ cát kết truyền thống của sinh viên sĩ quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.*” (Như bài viết của ký giả Jean Lartéguy, người Pháp).

Trong lần mãn khóa vào những ngày cuối cùng, một sinh viên sĩ quan đã nói với ký giả Jean Lartéguy một cách trịnh trọng:

- *Chúng tôi sẽ đội chiếc mũ sinh viên sĩ quan lên khi thấy mình phải chết.*”

Ký giả này nhận định: “...*trong những bộ đồng phục mới, giày chùi xi bóng loáng, các sinh viên sĩ quan anh dũng của Trường Võ Bị Đà Lạt đã đi vào chỗ chết. Họ ra đi thật hào hùng, đi như diễn binh, chỉ thiếu cái mũ... và đôi bao tay trắng.*”

Một ký giả người Pháp khác là Raoul Coutard đã thu được cảnh xuất quân đầy bi tráng này vào máy quay phim, cố nén xúc động để hỏi các sinh viên sĩ quan:

- “*Các anh có biết các anh sắp bị giết chết không?*”

Một tân thiếu úy nhanh nhẹn đáp:

- *Chúng tôi biết chứ!*

- *Vì sao?*

- *Tại vì chúng tôi không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản.*”

Ngay sau khi tốt nghiệp, Khóa 28 và 29, trong đó có tân Thiếu Úy Sơn, lên xe và được chuyển ngay ra các mặt trận sôi động.

Ngày Quốc Hận ập đến, Thiếu Úy Sơn đành phải giã từ vũ khí. Trong lao tù, Cộng Sản giam cầm, ngược đãi, không làm cho anh phải khuất phục. Anh đã tích cực tham dự ngay khi tập thể tù nhân Bình Điền bắt đầu tranh đấu với bọn cai ngục khiến anh trở thành mục tiêu hàng đầu trong cuộc đàn áp của “bọn mặt người, dạ thú”. Anh bị bắt, giam vào nhà cùm ngay sau ngày 20 tháng 4 năm 1979, ngày mà toàn thể trại viên đồng lòng chống lại chính sách dã man của Cộng Sản đối với Quân Cán Chính VNCH. Hằng ngày, các bạn tù đã phải chứng kiến những nhục hình mà Thiếu Úy Sơn can đảm hứng chịu. Anh nhận lãnh hết trách nhiệm về tất cả những hành động trong cuộc đấu tranh. Anh bảo anh chỉ hành động theo lương tâm lẫn trách nhiệm của anh mà thôi, không làm theo sự chỉ huy của bất cứ người nào khác!!!

Cứ 2 hoặc 3 ngày, cai tù bắt anh đi “làm việc” để tra tấn, đánh đập. Đầu tháng 10 năm 1979, sau một lần bị cai ngục tra tấn dã man, cơ thể đầy thương tích trầm trọng, với mặt mày hốc hác, da mặt tái xanh, Thiếu Úy Sơn quyết định tuyệt thực để phản đối các hành động dã man của bọn cai tù.

Ban đầu, Sơn tuyệt thực đứng như cây thông giữa trời Đà Lạt cả ngày lẫn đêm. Tất cả anh em trong buồng giam đều khuyên Sơn nên bỏ ý định tuyệt thực, hãy nghĩ đến cha mẹ và gia đình. Sơn chỉ trả lời:

- *Cám ơn các anh.*”

Càng ngày, cơ thể của anh càng trở nên hốc hác, tiều tụy. Hai chân của anh sưng vù lên nên vòng cùm sắt lại càng siết chặt... Lốp da thịt ở cổ chân chạm vào cùm sắt, bung ra thành một vết thương đỏ loét, nhức nhối. Qua ngày thứ sáu, hai chân của anh xung to, lớn như chân voi. Đôi cùm sắt trên cổ chân

đã lún sâu vào lớp da, thịt phù thũng của nạn nhân. Các vết thương bắt đầu chảy nước màu vàng, nhày nhụa có đậm mùi tanh. Da mặt trở nên nhợt nhạt, tái dần... nhưng tinh thần của anh càng trở nên cương quyết vô song! Anh không bao giờ than van hay rên siết!

Ngày thứ bảy, sức khỏe của anh đã kiệt lực, anh đã vĩnh viễn ra đi. Khi bốn người tù khiêng thi thể anh ra khỏi nhà kiên giam và đưa vào chiếc quan tài thì tất cả tù nhân trong phòng đồng loạt đứng dậy, chào tay.

Vĩnh Biệt Anh Hùng Trần Hữu Sơn.

* * *

Khi vận nước đổi thay vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975, đã có những sĩ quan xuất thân từ TVBQGVN tự sát để giữ toàn khí tiết. Chúng ta có thể kể đến:

- Thiếu Tá Nguyễn Văn Chúc, Khóa 6 - Tổng Cục Tiếp Vận.

- Trung Tá Nguyễn Xuân Tiêu, Khóa 8.

- Trung Tá Nguyễn Định Chi, Khóa 10 - Phụ tá Chánh Sở 3 An Ninh Quân Đội.

- Trung Tá Nguyễn Văn Đức, Khóa 11 - Trưởng Ty Cảnh Sát Giao Thông Công Lộ Sài Gòn.

- Thiếu Tá Lê Vĩnh Xuân, Khóa 13 - Biệt Đội Trưởng Biệt Đội Quân Báo/ Biệt Khu Thủ Đô, cùng vợ và các con.

- Đại Úy Trịnh Lan Phương, Khóa 21.

- Trung Úy Vy Văn Đạt Khóa 25.

- Trung Úy Nguyễn Đình Giang, Khóa 25 - Đại Đội Trưởng Đại Đội 50 Trinh Sát.

- Trung Úy Lê Văn Cao, Khóa 26.

- Trung Úy Phạm Đức Loan, Khóa 26 thuộc Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù.

...

* * *

Trung Ủy Nguyễn Ngọc Trụ, giáo sư Văn Hóa Vụ của Trường VBQGVN vừa tốt nghiệp cao học Luật thì nhận được lệnh nhập ngũ. Được chuyển về Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, ông được phân công về Khoa Luật, mà Trung Ủy Nguyễn Phước Vĩnh Đương là Trưởng Phân Khoa, và giảng dạy về môn Chính Thể Đối Chiếu.

Sau ngày mất nước, Trung Ủy Trụ bị giam tại trại lao động khổ sai Trảng Lớn, Tây Ninh. Những ngày đầu, Cộng Sản bắt các tù nhân sửa lại hàng rào dây kẽm gai quanh trại. Trong lúc lao động có nhiều người huýt gió bản nhạc “Cờ Ta Bay Trên Thành Phố Quảng Trị Thân Yêu”. Bỗng nhiên, có tiếng khuyến khích của ông Trụ vang lên:

- Hay lắm! Chúng ta cùng hát.

Trong không khí đầy uất hận, mọi người cùng huýt gió bài hát này. Tiếp theo sau là tiếng hát của ông Trụ:

- Sài Gòn ơi! Chờ quê hương giải phóng....

Theo tiếng hát, mọi người đều hướng về ông Nguyễn Ngọc Trụ, một người có nước da trắng, đeo cặp kính cận dày cộm.

Chuyện phải đến đã đến. Ban chỉ huy trại tù của Cộng Sản đã liên tiếp tổ chức các buổi “học tập” nhằm mục đích tẩy não mọi người, trong đó phải “tự kiểm điểm” và “tự khai báo”... Ông chỉ ghi lý lịch cá nhân còn phần kiểm điểm thì để trống. Dù bị bọn cai tù hăm dọa nhiều lần, ông vẫn cương quyết khẳng định:

- Nhiệm vụ của tôi là đào tạo một lớp trẻ có đầy đủ khả năng xây dựng Tổ Quốc Việt Nam độc lập, dân chủ, nhân bản để mọi người dân đều được hưởng ấm no, tự do và hạnh phúc. Tôi không có tội!

Trong một buổi thảo luận tại hội trường có đến 1000 tù nhân và bọn Cộng Sản cao cấp tham dự, ông vẫn bình tĩnh,

đồng dục phát biểu:

... Cộng Sản đã lợi dụng xương, máu của dân Việt để phục vụ quyền lợi phe nhóm. Chủ thuyết Cộng Sản là hoang tưởng, lỗi thời, không thuyết phục được con người trong các xã hội văn minh...

Trung Úy Trụ lại ví con ngựa đã bị bịt mắt với người dân Xã Hội Chủ Nghĩa, rồi hùng hồn nói:

- “Con ngựa phóng trên đồng cỏ, dưới chân là một thảm cỏ xanh mịn như nhung nên nó không biết phía trước là một vực thẳm đang chờ sẵn. Con ngựa đã lao đầu xuống vực sâu vì mắt đã bị bịt. Người dân Xã Hội Chủ Nghĩa chính là những con ngựa đó.”

Khi có 2 tù nhân vượt ngục bị bắt, trại tổ chức một cuộc học tập chính trị, một tên trung tá Cộng Sản từ quân khu đến, nói rằng trong trại có một người cầm đầu một tổ chức phản động. Trung Úy Trụ liền đứng dậy rồi nói:

- Tôi biết người mà ông định nói là ai? Là tôi chứ gì? Tôi không cầm đầu ai cả? Tôi chỉ bày tỏ chính kiến của tôi. Tôi không thích chế độ Cộng Sản. Ông có muốn nói chuyện với tôi về lý thuyết Cộng Sản không?

Cả hội trường im phăng phắc! Lúng túng, khựng lại trước hành động đầy bất khuất, anh dũng của Trung Úy Trụ, tên cán bộ chính trị vội vã tránh né lời thách thức đầy khí khái, anh hùng đó, nói:

- Tôi sẽ nói chuyện với anh sau!

Cộng Sản đã tổ chức ba buổi học tập chính trị nhằm khuất phục Trung Úy Trụ. Trước những lý luận đanh thép, hùng hồn và bén nhọn của ông, Cộng Sản đã quyết định giết ông. Trước hết, chúng biệt giam ông. Giữa tháng 5 năm 1976, ông bị chuyển về Trung Tâm An Dưỡng Biên Hòa rồi bị nhốt vào trong một thùng sắt (conex).

Cuối tháng 10 năm 1976, Cộng Sản mở “phiên tòa xét xử”

Trung Úy Nguyễn Ngọc Trụ tại khu An Dưỡng Biên Hòa do một tên trung tá dẫn đầu và một tên làm công tố viên. Cũng như bao nhiêu phiên tòa khác của Cộng Sản, phiên tòa không có tang chứng, nhân chứng, cũng không có luật sư. Trung Úy Trụ khẳng khái phủ nhận hết những cáo buộc vô căn cứ của chúng và lại đưa ra những sự kiện chứng minh rằng Cộng Sản mới chính là những kẻ có tội với dân tộc. Ông đồng dục, can trường nói tiếp:

- *“Công lý luôn luôn chiến thắng. Tôi tuyệt đối tin tưởng vào công lý và chấp nhận mọi hậu quả cho niềm tin đó.”*

Sau lời phát biểu của Trung Úy Trụ, chỉ sau 10 phút tên trung tá chánh án đọc hai trang giấy được đánh máy sẵn từ những ngày trước, rồi vội vã tuyên án tử hình... Trung Úy Trụ biết trước kết quả của “phiên tòa Kangaroo” nên rất bình thản, nói lớn:

- *Đừng bịt mắt tôi. Chào các anh em ở lại. Tôi đi!*

Sợ Trung Úy Trụ phát biểu tiếp, một tên bộ đội Cộng Sản vội vã chạy đến, nhét giẻ vào miệng của ông.

IV. Những chiến sĩ can trường nói trên, từng là những người xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam hoặc đã phục vụ tại đây, đã về với hư vô; nhưng gương hy sinh cũng như lòng kiên cường, bất khuất của họ đã nêu cao chính khí sáng ngời của Lý Tưởng Quốc Gia Dân Tộc mà người chiến sĩ luôn tận tụy cống hiến cho đất nước. Những gương hy sinh đó đã in sâu vào tâm khảm mọi người và luôn là những gương sáng ngời cho những ai đang kiên trì đấu tranh chống bạo quyền Cộng Sản, tay sai của kẻ thù phương Bắc, hầu đem lại một nước Việt Nam độc lập, tự do, dân chủ và phú cường.



LÁ VÀNG RƠI

*Minh Nguyệt, K17/1
(Nam Sinh Tín)*

Chiều hôm nay, bầu trời rất đẹp nhưng thời tiết hơi lạnh lạnh, tôi đi bách bộ trên con đường nhỏ trải đầy lá vàng khô, báo hiệu mùa Thu đã về. Nhìn hai hàng cây bên đường vàng ối lá Thu, tôi lại nhớ đến bao nhiêu kỷ niệm của thời niên thiếu, mộng mị ngắm cảnh mùa Thu dưới ánh nắng ban mai hay mưa phùn lún phún. Thuở xa xưa đó thật tuyệt vời! Vào những buổi đi dạo ven hồ, tà áo dài vờn lá Thu bay theo gió, tôi nhặt một cánh hoa rơi, tay khẽ vuốt cánh hoa, thổi nhẹ từng hạt bụi, nâng niu nhìn rồi mang về ép vào trang thơ.

THU VỀ

*Thu lại về vàng phai lối cỏ
Gió rì rào lá đỏ muôn phương
Cảnh xưa nhưng nhớ còn vương
Thuở yêu thơ mộng trên đường bên nhau*

*Thu về giữa tiết trời lành lạnh
Đàn chim bay bốn hướng phương xa
Sắc Thu màu nhớ nhạt nhoà
Hương về quê mẹ chan hoà tình thương*

Thấm thoát đã 46 năm qua, tôi đã nhìn lại cả một chuỗi ngày lưu vong dài đằng đẵng với bao nhiêu biến chuyển đời

thay trong cuộc sống. Tôi nhớ đến thời gian trước năm 1975, dân chúng miền Nam Việt Nam đã được sống yên vui trong tự do no ấm, nhưng cuộc sống no ấm ấy đã chấm dứt vào ngày 30 tháng Tư năm 1975, khi quân miền Bắc xâm chiếm miền Nam, gieo tai hoạ thảm khốc, khiến nhà tan cửa nát, gia đình ly tán, đất nước ly tan. Người dân không chấp nhận Cộng Sản đã phải rời bỏ quê hương, vượt biển đi tìm tự do và định cư nơi xứ lạ quê người. Suốt gần nửa thế kỷ, niềm khát khao tự do, dân chủ, và nhân quyền trên quê hương Việt Nam vẫn luôn khắc khoải trong lòng mọi người.

Trở lại thực tại, những thảm họa của thiên nhiên không ngừng đổ lên mọi quốc gia trên thế giới. Đại dịch COVID vẫn còn đang hoành hành giết hại dân gian hàng ngày, không biết bao giờ mới chấm dứt. Người mang bệnh lây lan tràn, bác sĩ y tá phải cực nhọc gian nan từng ngày. Thật trân trọng những tấm lòng vì tình cảm con người mà hy sinh quên cả bản thân của mình. Nhân gian phải đeo khẩu trang và cách ly ở nhà. Mọi người trên thế giới hằng luôn cầu nguyện cho dịch COVID biến mau không còn gieo hoạ cho nhân loại.

Khi dịch bệnh xảy ra, dân chúng trong nước phải đau lòng rời bỏ thành phố, đi bộ hoặc lái xe gắn máy di tản về quê. Họ đã gặp bao nhiêu trắc trở, gian nan khổ cực, mưa bão, và phải ăn uống cầm hơi để dưỡng sức. Thật chẳng thể yên lòng mỗi khi nhìn cảnh thê lương đầy xót thương như thế.

Với tinh thần *Lá Lành Đùm Lá Rách*, các tổ chức làm thiện nguyện và các tư nhân đang đóng góp công sức, tài chánh, thực phẩm, và thuốc men để giúp các bệnh nhân trong nước bị mắc bệnh, thiếu thốn mọi thứ khi bị cách ly và bị cấm đoán bởi những quy luật hạn chế.

Trong khi đó, dịch COVID đã cản trở mọi sinh hoạt của cộng đồng người Việt ở hải ngoại suốt gần hai năm, cho đến nay mọi sinh hoạt mới có thể tạm trở lại bình thường. Các nhà hàng ăn, chợ, thương xá và trường học được mở cửa lại, các tư

gia có thể họp mặt từng nhóm nhỏ, và hội đoàn có thể tổ chức những buổi lễ long trọng.

Gần đây nhất, Liên Hội Cựu Chiến Sĩ VNCH đã tổ chức ngày Tưởng Niệm Cố Tổng Thống VNCH Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu.

Tôi đã đến dự buổi Lễ Tưởng Niệm cố Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu lần thứ 20 vào ngày 29 tháng 6, 2021. Đã có nhiều quan khách đến dự, gồm có các đại diện thành phố, hội đoàn, quân binh chủng Quân Lực VNCH, và đồng hương. Trong buổi lễ tại Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Việt Mỹ, các vòng hoa Tưởng Niệm cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và anh linh chiến sĩ QL/VNCH và đồng minh đã được trang trọng dâng lên với nén hương nghi ngút trên bàn thờ.

Sau đó, buổi lễ được tổ chức tại hội trường Warner Middle School, thành phố Westminster.

Hai câu bất hủ của cố TT Nguyễn Văn Thiệu: ***“Đừng nghe những gì Cộng Sản nói. Hãy nhìn kỹ những gì Cộng Sản làm”*** và ***“Đất nước còn, còn tất cả. Đất nước mất, mất tất cả.”*** đã được treo bên trong hội trường của buổi lễ.

Mở đầu là lễ nghi quân cách theo đúng lễ nghi quân đội trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa, phút mặc niệm, và sau đó là nhắc lại tiểu sử của cố TT Nguyễn Văn Thiệu. Ông Tàn Nam, Chủ Tịch Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Nam California, ngỏ lời chào mừng và cảm ơn mọi người đến dự. Ông nói:

“Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là một nhân vật lịch sử, là một chiến sĩ chống chủ nghĩa cộng sản quyết liệt nhất trong suốt 20 năm tại Việt Nam, và ông cũng là vị Tổng Tư Lệnh Quân Lực VNCH...”

Ông đã chiến đấu trong điều kiện vô cùng khó khăn, dẫu sôi lửa bỏng trước áp lực bành trướng của cộng sản quốc tế, cộng với sức ép của đồng minh Hoa Kỳ. ‘Trên đe dưới búa,’ ông đã chiến đấu trong sự cô đơn khủng khiếp...”

Vị chủ tọa buổi lễ, ông Nguyễn Đức Cường, cựu Tổng Trưởng Kinh Tế & Thương Mại, đại diện cựu thành viên nội các chính phủ Đệ Nhị Cộng Hòa, lên phát biểu, nhắm vào việc bảo vệ lãnh thổ và xây dựng đất nước của cố TT Nguyễn Văn Thiệu, với dẫn chứng như sau:

- Qua các trận đánh khốc liệt từ Tết Mậu Thân 1968, chiến dịch mùa Xuân 1972, trận hải chiến Hoàng Sa tháng Giêng năm 1974, đến những trận Mùa Hè Đỏ Lửa, trận Quảng Trị, Hạ Lào, Kon Tum, An Lộc, v.v.. Tất cả những trận đánh, TT Nguyễn Văn Thiệu đã phải đương đầu với quân Bắc Việt và Trung Cộng để giữ vững miền Nam như thế nào.

Bản nhạc “Cờ Ta Bay Trên Quảng Trị Thân Yêu” do Ban Hợp Ca Liên Hội Cựu Chiến Sĩ trình bày được mọi người cùng hát với rừng cờ vàng tung bay tại hội trường tổ chức. Tôi đã tham gia vừa hát vừa phát cờ Vàng trên sân khấu. Hát xong, tôi trở về chỗ ngồi, có một vị khách tham dự đã hỏi tôi tên họ của tác giả. Thực ra, theo tin tức trên trang xã hội, từ xưa bản hùng ca “Cờ Ta Bay Trên Quảng Trị Thân Yêu” làm nức lòng mọi người, không ai biết rõ chính xác tác giả của nhạc phẩm này, chỉ biết là do các nhạc sĩ của Cục Chính Huấn sáng tác. Tôi thật hâm mộ những lời nhạc rất thấm thía lòng người như:

*Cờ Bay, cờ bay, oai hùng trên thành phố thân yêu,
vừa chiếm lại đêm qua bằng máu
Ta ôm nhau mắt lệ nghẹn ngào, quỳ hôn đất thân yêu,
Quảng trị ơi, chào quê hương giải phóng*

Sau đó ban tổ chức mời một số quan khách và dân cử lên phát biểu và sau cùng ông Phan Tấn Nguru (*Tổng Hội Trưởng Tổng Hội CSQG*) thay mặt Liên Hội Cựu Chiến Sĩ VNCH cảm tạ quan khách cùng tất cả các tổ chức, hội đoàn, các cơ quan truyền thông tham dự. Cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu quả là một vị lãnh đạo tài ba hết lòng vì dân vì nước, đã để lại sự kính phục, tri ân, và tiếc thương trong lòng người.

Tôi mãi thả hồn suy tư đến mọi điều mà không biết là đã đi

bách bộ hơi lâu. Tôi đến một ghé đá bên đường để ngồi nghỉ chân. Như thường lệ, tôi lấy cuốn sổ nhỏ và bút trong xách tay ra để viết lại những cảm nghĩ của mình, đồng thời sáng tác những vần thơ mới. Có một chiếc lá vàng vừa rụng, rớt xuống bên tôi.

Tiệc thay một chiếc lá vàng
Lìa cảnh héo úa bên đàng rụng rơi

Tôi cầm chiếc lá lên và thầm nghĩ rằng, tạo hoá vẫn xoay vần, cây trở mầm, lá xanh tươi, vàng phai, rồi rụng về cội. Đứa bé, khi chào đời đã cất tiếng khóc, có lẽ là để vui với hạnh phúc gia đình đang chào đón mình, hay có thể khóc vì sẽ phải lăn lộn vào một định mệnh đã an bài. Trên hành trình sinh tồn, cho dù người đời có muốn sống cách nào, có khác biệt nhau thế nào, thì cuối cùng cũng sẽ như chiếc lá, trở về với cát bụi. Bởi vậy, mọi sự giàu nghèo, tiền tài danh lợi, thành công thất bại, v.v... cũng chỉ tựa như vàng mây, mưa nắng thất thường, gió cuốn mây trôi, tất cả là do Trời định đoạt.

Buổi chiều dần dần trôi, tôi đang loay hoay ngồi viết thì có một cơn gió mạnh thổi bên tai làm tôi cảm thấy rùng mình. Mặt trời đã khuất, tôi đứng lên lấy áo khoác mặc và đi bộ về nhà ở gần đó. Trên con đường nhỏ vắng vẻ, tôi đi giữa Thu vàng, đọc lại bài thơ Chuối Hạt mới viết xong để xem có cần sửa đổi gì không.

CHUỐI HẠT

Đời là chuối hạt của trời
Hạt Non hạt Dại của thời ngây thơ
Hạt Chờ hạt Đợi nắng mưa
Hạt Mong hạt Nhớ sớm trưa hẹn hò

Hạt Cười khúc khích trời mơ
Hạt Reo ca khúc tình thơ rạt rào
Hạt Vui hưởng thú trăng sao
Hạt Buồn ôm mối tình sâu ghen ngào

Hạt Đâu trong giấc chiêm bao
Hạt Sầu vương mối tình đầu dở dang
Hạt Cay như xé tim gan
Hạt Đắng chua chát dạ càng sâu mang

*Hạt Khổ của kẻ đa đoan
Hạt Thương của những cơ hàn sâu bi
Hạt Ham của những sân si
Hạt Ghen ám ức hiềm tì nhỏ nhen*

Hạt Túc với những bon chen
Hạt Hiền ban phước từ thêm mở lòng
Đời thì cứ thế xoay vòng
Trở về với hạt Hư Không của trời

Đời ví như một chuỗi hạt luân hồi, thế gian là cõi tạm sống, nên sự yêu thương và lòng bác ái sẽ giúp cho nhau vui hưởng cuộc đời. Mùa Thu rồi sẽ qua đi, mùa Đông tiếp nối, và mùa Xuân sẽ sang. Nhân dịp Tết Nguyên Đán Nhâm Dần vào ngày 1, tháng 2 năm 2022, xin kính chúc quý độc giả một năm mới an khang, hạnh phúc, và vạn sự như ý. Xin cầu nguyện cho quê hương Việt Nam được sớm khôi phục không còn cộng sản, cầu cho đại dịch Covid biến nhanh để nhân gian thoát khỏi nguy cơ và hưởng đời sống an lành.





Đời Pháo Thủ

Trần Văn Bường, K18

TÌNH NGUYỆN VÀO KHÓA 18 TVBQGVN

Sau niên khóa 1958 - 1959 trường Trung Học Công Lập Phan Bội Châu Phan Thiết chưa có lớp Đệ Nhị, các bạn cùng lớp với tôi ai có điều kiện muốn tiếp tục học Đệ Nhị phải rời quê hương xứ 'Mắm Nhĩ' yêu thương vào Sài Gòn hoặc ra Nha Trang. Lúc bấy giờ tình trạng kinh tế tỉnh Bình Thuận chưa khá lắm dù nổi tiếng có nhiều cá và sản xuất nhiều nước mắm ngon cung cấp hầu hết cho dân ta từ Quảng Trị vào tận trong Nam. Đặc biệt giới dân chài tỉnh này ít ai quan tâm đến tương lai của thế hệ sau về đường học vấn. Dù ba má tôi cũng thuộc giới này nhưng cố gắng cho tôi vào Sài Gòn học tiếp trong khi các anh em tôi mới học xong lớp Ba trường làng đã phải ở nhà phụ giúp cha mẹ hằng ngày vất vả hiểm nguy nơi

biên cả mênh mông sóng to gió lớn đánh bắt cá nuôi tôi.

Mấy tháng đầu mới vào Sài Gòn với vài người bạn cùng hoàn cảnh khó khăn như tôi phải sống tạm bợ trong khu nhà tôn lụp xụp nơi các con hẻm nhỏ tại Ngã Tư Quốc Tế Sài Gòn gần góc đường Đề Thám và Bùi Viện. Để tiết kiệm tiền bạc hầu như ngày nào chúng tôi cũng phải đến quán cơm xã hội ‘Anh Vũ’ tự động phục vụ mỗi phần ăn năm đồng. Thức ăn giới hạn còn cơm được ăn thả ga, no mệt nghỉ. Cũng có phần ăn giá mười đồng nhưng nhóm này tôi không muốn với tới. Quán cơm này chỉ dành cho giới học sinh và sinh viên mà thôi. Đôi khi cha mẹ tôi vì lý do nào đó chưa gửi tiền vào kịp tôi phải ‘chạy đôn chạy đáo’ nhờ bạn bè ứng trước đôi ba bữa.

Bất ngờ một hôm, ba má anh Nguyễn Văn Ty- người bạn học chung lớp- cảm thông hoàn cảnh khó khăn của tôi, cho tôi về ở chung với các con bác trên tầng lầu hai, nằm trên đường Trần Hưng Đạo quận Nhì (gần khu Nancy). Thịnh thoảng hai bác khuyên tôi cố gắng chịu khó học hành và khi nào rảnh rồi hướng dẫn dùm cô con gái bác học sau tôi hai lớp. Tiền ăn ở bác không nhận. May quá! Buồn ngủ lại gặp chiếu manh. Mừng quá là mừng, gặp ân nhân quá tốt và đúng lúc. Ở đây ăn uống khá hơn trước nhiều. Kể từ đó tôi yên tâm học hành, thịnh thoảng mới hướng dẫn cô học trò khó tánh đó đôi chút về toán mà thôi.

Ở đây được hai năm, con đường học vấn cũng khá suông sẻ chứ chưa đến nỗi “ba chìm bảy nổi chín cái lênh đênh”. Nhưng tình hình chiến sự nước nhà đã bùng nổ lớn. Chánh phủ đang lần lượt gọi động viên khóa 12 Sinh Viên Sĩ Quan Thủ Đức (tháng 8/1961), có ‘dính’ mấy bạn học cùng lứa tuổi tôi. Thấy con đường khoa bảng như bác sỹ, kỹ sư còn khó khăn nhiều, hơn nữa không thể sống theo kiếp “cây tầm gửi” mãi giữa lúc cuộc chiến ngày càng dữ dội, tôi phải quyết định chọn hướng đi cho đời mình. Đó là đường binh nghiệp. Đã là lính thì phải “một xanh cỏ, hai đỏ ngực” (*một là chết thành phân nuôi cỏ, hai phải là tá tướng oai danh*). Vì vậy tôi tình

nguyện vào Khóa 18 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, nhập ngũ từ ngày 23 tháng 11 năm 1961 khi tuổi vừa hai mươi một đề thỏa mãn chí tang bồng ấp ủ từ lâu:

*“Làm trai cho đáng lên trai,
Xuống Đông Đông tinh, lên Đoài Đoài yên.”*

(Nguyễn Công Trứ)

Thời cấp sách mỗi khi phải vào Sài Gòn hay về Phan Thiết tôi thường đáp tàu lửa, vừa được bớt tiền lại nhanh. Để tiết kiệm thời gian chúng tôi thường chọn chuyến “ tàu đêm”, vừa có giấc ngủ thích hợp lại tiết kiệm được thời gian ban ngày. Xe lửa khởi hành vào buổi chiều tại ga Phan Thiết, sau một giấc ‘ngủ gục’ ngon lành bên song cửa, chợt mở mắt ra đoàn tàu đã đến ga Sài Gòn vào sáng hôm sau và ngược lại, khi đáp tàu lửa từ Sài Gòn về Phan Thiết cũng vậy.

Tôi thuộc nhóm khóa sinh Nam Việt Nam, có lệnh tập trung tại ga xe lửa đầu đường Phạm Ngũ Lão, gần sát chợ Bến Thành Sài Gòn lúc năm giờ chiều ngày 21 tháng 11 năm 1961 để đi Đà Lạt. Hôm đó mới vừa hơn bốn giờ chiều, sân ga Sài Gòn đã đầy bóng giai nhân anh hùng hào kiệt. Phần nhiều các nàng tóc xõa bờ vai áo dài đầy màu sắc khác với những chiếc áo dài trắng thường tình như những ngày đi học; trong khi các chàng vẫn áo sơ mi trong chiếc quần tây dài rất gọn gàng. Hầu hết họ là những cặp tình nhân thời cấp sách, tay trong tay trông rất tình tứ mặn nồng; thì thâm to nhỏ bên tai, thỉnh thoảng trao nhau những nụ hôn nồng cháy. Loáng thoáng đó đây cũng có một số phụ huynh tiễn con lên đường phục vụ tổ quốc Việt Nam đang cần.

Trong lúc mọi người đang vui mừng hướng về một tương lai tươi sáng với những cử chỉ yêu thương mặn mà dành cho nhau, bỗng dừng một hồi còi vang lớn báo hiệu đoàn tàu lửa sắp rời ga. Nhiều cặp vội vàng dành cho nhau nhiều nụ hôn lần cuối, để rồi chỉ còn vẫy tay chào nhau. Khi tiếng còi thứ hai rền vang báo hiệu đoàn tàu lửa bắt đầu rời ga Sài Gòn, với

những tiếng kêu dích dắc do sự cọ xát giữa bánh xe và đường rày đang hướng về ga Hòa Hưng mỗi lúc càng nhanh, bỏ lại sau những ánh đèn màu rực rỡ cùng nếp sống phồn hoa đô thị đầy kỷ niệm buồn vui của “Sài Gòn Hòn Ngọc Viên Đông”.

Có thể nói tôi là ‘anh dân chài con’ đầu tiên được vinh dự vào trường Sĩ Quan Đà Lạt lúc bấy giờ. Dù vậy, cha mẹ tôi cũng không vui lắm vì e ngại đời lính rất gần gũi với cái chết. Không ai tiễn tôi vào Sài Gòn trình diện, ngoài anh Phạm Văn Quan, người bạn học cũ. Quan thuộc diện “học tài thi phận” không có duyên với khoa bảng, bị trắc trở mấy lần thi, anh đành về lại quê nhà Phan Thiết đeo đuổi nghiệp cha truyền con nối “Văn chương không bằng xương cá mồi”. Anh nói gót cha mẹ về nghề chế biến hải sản thành những loại nước mắm thơm ngon nổi tiếng, mà tôi tình cờ gặp lại sau này trong trường hợp khá oái ăm.

Rời Sài Gòn lần này lại trên chính những toa “tàu đêm năm cũ” mà chúng tôi từng đi trước đây, xuyên qua ga Biên Hòa, Long Khánh rồi đến ga Mương Mán (Phan Thiết) vào buổi sáng hôm sau. Bỏ xung xong nhiên liệu đoàn xe lửa tiếp tục vượt ga Sông Mao, ga Tháp Chàm rồi đến ga Đà Lạt vào buổi chiều hôm sau dưới ánh nắng hồng rực rỡ chào mừng.

Đón chúng tôi tại sân ga Đà Lạt là một toán Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Khoá 16. Anh nào anh nấy cũng cao ráo đẹp trai trong bộ đại lễ dạo phố mùa Đông, màu xám đậm trông oai nghi lắm liệ, khiến đám này thêm phần thích thú và mừng thầm mình đã chọn đúng sở thích “Đời binh nghiệp”. Lần đầu tiên đặt chân đến xứ hoa anh đào, nơi mệnh danh ”Hoàng Triều Cương Thổ” (đất dành cho dòng họ nhà Vua) mà từ nhỏ mình từng ao ước có một ngày du lịch nơi đây. Nay giấc mơ xưa đã đến.

Lúc này thời tiết lành lạnh, tuy không giá buốt lắm, tạm thích hợp với tuổi trẻ đang thời sung sức. Cảnh và người chung quanh tươi đẹp làm sao! Mặt mày anh nào cũng ửng

hồng tươi trẻ xóa tan nỗi mệt nhọc những ngày qua. Những cánh hoa Lyon, tu lip tươi sáng và những bụi hoa pensé vàng nhung tím phở bày bên cạnh những cánh hoa anh đào bông trắng nhụy hồng cạnh bờ Hồ Xuân Hương tạo nên một bức tranh đẹp lộng lẫy giữa bầu trời mùa Đông sương lạnh lạnh, chưa từng thấy nơi quê mình cũng như không thấy ngay cả ở vườn hoa tươi trung bày bán tại đường Nguyễn Huệ Sài Gòn trong mỗi dịp Xuân về. Đang mãi mê ngắm cảnh đường đèo khúc khuỷu quanh co, chập chùng hoa lá hai bên đường, chẳng mấy chốc đoàn xe GMC chở chúng tôi dừng trong công Trường Võ Bị Đà Lạt.

Chúng tôi xách hành trang vào phòng tiếp tân đã dọn sẵn những đĩa bánh kẹo và nước ngọt đủ nhãn hiệu. Cũng như nhiều anh em khác, trước khi rời Sài Gòn, tôi đã chuẩn bị đem theo mấy bộ đồ “kềnh nhất” lên Đà Lạt, định du hí mấy ngày để xem phong cảnh hữu tình như thế nào mà những người ‘lắm tiền nhiều bạc’ ca tụng. Nào ngờ, đang thưởng thức mấy cái bánh kem cùng chai nước ngọt đang dở, tai tôi bỗng nghe những tiếng hò hét phát ra từ các chàng mặc đồ kaki (SVSQ Cán Bộ Khóa 16):

- Mời quý vị ra sắp hàng đôi, đồ đạc vác lên vai... Chạy vào doanh trại, nhanh lên! Nhanh lên!!!

Dù chưa từng mặc áo nhà binh, tôi vẫn thi hành lệnh khá nhanh nhẹn nhờ từng là Hướng Đạo Sinh, sống nề nếp từ nhỏ tại Phan Thiết. Tuy vậy trong đầu vẫn nghĩ thầm:

- “Trời ơi! Mấy thằng cha này (xin lỗi các niên trưởng) mới cho nuốt mấy cái bánh chưa qua khỏi cổ đã bắt chạy và quát tháo rùm beng.

Nghĩ là nghĩ vậy chứ phải cầm đầu cầm cổ chạy bám sát các bạn chạy trước. Nhiều anh thuộc diện công tử Sài Gòn, mang theo “đòn địch” công kênh lè mè, chạy theo không kịp trông tội nghiệp. Từ đó về sau ngoài giờ ăn ngủ, lúc nào cũng nghe văng vẳng bên tai các điệp khúc hối thúc: Nhanh lên,

bám sát, lê mê, yếu điệu như con gái, cùng những tiếng la phạt bò, chạy, nhảy xồm, hít đất v.. v. của các hung thần Khóa 16.

Mười tuần lễ “đầu tắt mặt tối” đầu tiên, với quy chế **Tân Khóa Sinh**, chỉ biết thi hành lệnh như cái máy chứ không được quyền ‘théc méc’ gì cả. Cũng từ hôm đó đám Tân Khóa Sinh này không còn thì giờ mơ mộng suy nghĩ ‘linh tinh, lang tang’ về những ánh đèn hồng nhấp nháy với tiếng nhạc ‘xập xình’ ở các phòng trà Sài Gòn, hoặc viết những cái thư tình mùi mẫn cho em gái thành đô, hoặc người tình tình nhỏ xinh xinh mà chỉ còn âm thầm khắc phục hướng về tương lai đang trong giai đoạn thử thách **‘chí làm trai ngang dọc hải hồ’**. Nếu lơ mơ bị rớt phải ra trường dang dở mang lon ‘cánh gà’ (trung sĩ) sẽ ân hận như ta thường nghe câu nói đùa: “*Rớt Tú Tài anh đi trung sĩ, em ở nhà lấy Mỹ nuôi con.*”

Vào một buổi tối trong tuần lễ thứ hai, tôi bị phạt chạy mười vòng sân doanh trại (khoảng 5km) vì tội sắp xếp giường ngủ không ngăn nắp. Đang chạy thi hành lệnh phạt tới vòng thứ tám người mệt bờ hơi tai, lại nghe hơi người thờ hỏn hển đang chạy sát bên cạnh mình. Nhìn qua, tôi thấy gương mặt khá quen quen, nhìn kỹ lại chính là Nguyễn Quang Hành, người bạn học chung lớp Đệ Tam ‘B’ trường Phan Bội Châu Phan Thiết cách đây hai năm. Hành là em của cựu Đại Tá Nguyễn Quang Hoàn từng làm Tỉnh Trưởng Bình Thuận năm 1964, sau ngày đảo chánh nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Đó là hai người Bình Thuận hiếm hoi tình nguyện vào Khóa 18 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Thương thay bạn Nguyễn Quang Hành đã tử trận tại Vùng 4 Chiến Thuật năm 1972, trong chức vụ **Tiểu Đoàn Trưởng Biệt Động Quân**.

Rồi mười tuần lễ **Tân Khóa Sinh** đầy thử thách gian lao khắc khổ trôi qua để lại bao gương mặt hốc hác xám nắng thay cho những nét thư sinh trắng trẻo đẹp trai như ngày nào mới vào quân trường. Sau thời gian đầy lao tâm lao lực này chúng tôi rất hãnh diện trở thành **Sinh Viên Sĩ Quan**.

Bây giờ không còn phải chạy mỗi khi di chuyển khỏi phòng, hay bị phạt linh tinh lang tang vô lý như trước. Việc sinh hoạt cũng bình thường như các khóa đàn anh. Cuối tuần cũng được dạo phố tự nhiên, xem quang cảnh mộng mơ Đà Lạt bên cạnh người đẹp xứ sương mù quanh năm má đỏ môi hồng. Dạo phố mỗi chân ghé vào Cà Phê Tùng thường thức ly cà phê thơm dịu tai nghe những bài hát yêu thích ngày nào qua giọng hát liêu trai Thanh Thúy, Thanh Tuyền v.v. Đói bụng vào các tiệm bún bò nướng nằm trên đường Phan Đình Phùng, Minh Mạng. Thỉnh thoảng được người thân yêu từ Sài Gòn hay từ tỉnh nhỏ lên thăm còn gì hạnh phúc hơn, Ngoài những con đường đồi dốc quanh co bao quanh chợ Đà Lạt và Hồ Xuân Hương kề cận, xa hơn chúng ta có thể viếng thăm thác Cam Ly, Prenn hay Chùa Sư Nữ, hoặc Suối Vàng v.v. Có dịp cùng em thì thăm bên công viên ghé đá dưới bóng mát hữu tình thì còn gì thích thú hơn.

Đặc biệt chừng một năm sau có nhiều bóng hồng đẹp nổi tiếng như Hồng Liễu, Huỳnh Mười, Quỳnh Uyển lên thăm các chàng Khóa 18 cùng quê xứ “Nước Mắm Nhĩ” Phan Thiết. Dù vậy muốn được thoát mái ít bị khóa đàn anh ‘hỏi thăm sức khỏe’ bất ngờ ta phải giữ quân phục luôn chỉnh tề, phòng ngủ lúc nào cũng phải sạch sẽ gọn gàng, giày dép, bút nịt lúc nào cũng phải bóng loáng; thầy niên trưởng từ xa đã lo chuẩn bị chào kính đàng hoàng. Nếu không, đêm nào cũng phải thi hành phạt ‘dã chiến’ dài dài về tội câu thả lè mề thì không còn thời gian ngồi nghỉ. Khóa 18 sống dưới áp lực của hai khóa đàn anh, 16 và 17. Tuy nhiên “Ông 16” khó khăn hơn vì dưới sự chỉ huy trực tiếp của khóa này suốt cả năm thứ nhất đây thử thách.

Trước khi hoàn tất khóa học hai năm, chúng tôi đã phải học khóa “Rừng Núi Sinh Lầy” tại Trường Biệt Động Quân Dục Mỹ hơn hai tuần lễ, rồi trở lại trường mẹ rơi vào dịp đảo chánh nền Đệ Nhất Công Hòa (1/11/63).

Nhắc đến Trường Biệt Động Quân Dục Mỹ làm sao tôi

quên được đây là trung tâm ‘tàn phá sắc đẹp’ như nhiều người từng ví. Tại đây, chúng tôi luôn trong tư thế súng cầm tay với chiếc ba lô nặng trĩu trên lưng, phải chạy nhảy vượt dốc băng đèo suốt ngày dù mưa hay nắng; tối về phải vượt suối



Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, Nha Trang (còn được gọi là Trung Tâm Tàn Phá Sắc Đẹp).

sâu quá rồn trong đêm tối mịt mù, quần áo ướt đầm đìa đi tìm mục tiêu đã định theo “phương giác từ” mất nhiều thời giờ. Có ngày cũng phải tập đi qua dây ‘kính dị’ lắc lư cao hơn chục thước, bắc ngang qua con suối, rồi đu ‘dây tử thần’ bò trở lại bờ sông khi nãy. Thực ra bài tập này không có gì nguy hiểm đối với người bình thường; nhưng với những chàng không biết lội hay yếu ‘bóng vĩa’, từ thế tồn ten trên cao nhìn xuống thấy những tảng đá lờm chờm, hay giòng nước sâu thẳm phía dưới cũng nhọn lăm. Thời gian thực tập chiếm rất nhiều giờ, mỗi ngày chỉ còn mấy giờ đồng hồ nghỉ, ngủ mà thôi. Thời gian huấn luyện tại đây tuy ngắn ngủi nhưng vất vả hơn thời Tân Khóa Sinh tại trường mẹ Đà Lạt,

Đúng ngày 23 tháng 11 năm 1963, chúng tôi được làm Lễ Mãn Khóa. Từ anh đầu thủ khoa đến chàng cuối số đều được mang cấp bậc Thiếu Úy thực thụ, với mỗi bông mai vàng sáng choang gắn hai bên vai. Và từ đó chúng tôi rất vui mừng ca bài ‘Đà Lạt ơi, giã từ em nhé’. Đặc biệt, khóa chúng tôi có nhiều quân binh chủng ngoại trừ Không Quân và Hải Quân, để chọn trước khi mãn khóa mấy ngày.

Chọn binh chủng Pháo Binh

Thời còn cấp sách cũng như lúc học trong quân trường Đà Lạt, tôi chưa biết nhiều về các quân binh chủng VNCH. Mãi đến khi đi học khóa ‘Rừng Núi Sinh Lầy’ tại trường Biệt Động Quân Dục Mỹ quá phong sương vất vả, lại thấy các quan pháo thủ sao tà tà quá, lúc nào cũng ngồi dưới bóng cây đầy gió mát thực tập điều chỉnh tác xạ pháo binh. Hơn thế nữa ngành Pháo Binh bắt buộc phải tính toán yếu tố tầm xa, hướng súng và thời tiết lúc bắn một cách chính xác sao cho viên đạn đi đúng điểm quân bạn yêu cầu. Điều kiện này hợp với năng khiếu toán của tôi. Nếu tính sai rui đạn rớt vào quân bạn hoặc rơi vào nhà em như câu hát “ Anh bắn khéo kéo rớt vào nhà em nhé” thì tả tôi đời binh nghiệp chứ không phải chọn pháo binh vì thích ‘giật le’ như câu người ta thường đùa: ”Em ơi chớ lấy Pháo Binh. Đêm đêm nó bắn rung rinh chiếu giường.”

Sau khi tốt nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, tôi được hưởng mười ngày phép vui chơi ‘hối hả’ với gia đình và người thân. Sau đó, tôi lại phải vội vàng ra trình diện Trường Pháo Binh tại Dục Mỹ tiếp tục học bốn tháng chuyên môn **“Căn Bản Pháo Binh”**.

Thời gian học Pháo Binh có vẻ thong thả lè phè hơn nhiều. Mọi lần thực tập ra khỏi trường đều có xe đưa đón; cuối tuần cũng được đi phép Nha Trang ngắm cảnh thăm người... Nhắc đến Nha Trang làm sao quên được nơi có nhiều quân trường sĩ quan nổi tiếng và không ít cảnh đẹp nên thơ của Quê Hương Miền Cát Trắng. Nào bờ biển cát trắng cong cong. Đoạn từ Hòn Chông đến Cầu Đá rồi cong qua Cửa Bé phì nhiêu nhiều cá luôn có những tiếng sóng vỗ rì rào, nhiều bóng hồng phơi nắng. Ngoài xa rải rác những cù lao đẹp nên thơ mà dân trong đất liền thường ra đây tắm biển hoặc câu cá giải trí. Bờ biển Nha Trang thường đông khách đặc biệt vào những ngày cuối tuần, đông hơn nhờ các quân trường nghỉ phép kèm theo các người đẹp đi cùng. Khi có dịp về Nha Trang, tôi thường tá túc qua đêm tại nhà vợ chồng Huỳnh Văn Giai - người bạn thân cùng Khóa 18. Vừa ra trường chưa tới một năm, anh Giai bị

thương nặng mất một chân không còn cơ hội tiếp tục phục vụ tuyến đầu như bao bạn khác.

Học xong khóa Căn Căn Pháo Binh, tôi chọn về Tiểu Đoàn 91 Pháo Binh đóng tại Sa Đéc. Tuổi trẻ nhiệt tình, máu còn hăng nóng thích nơi xa lạ để biết thêm về đất nước ‘rừng vàng biển bạc’ mà tổ tiên ta có công gầy dựng nhiều đời qua. Ngày rời Sài Gòn về trình diện Tiểu Đoàn 91 Pháo Binh trong cảnh độc thân, với chiếc ‘ba lô’ duy nhất không một bóng dáng tiền đưa như cảnh bịn rịn, như ta học trong “Chinh Phụ Ngâm Khúc”:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai!*

Chiếc xe đò Miền Tây rời bến xe Pétrus Ký theo Quốc Lộ 4 qua ngã ba Trung Lương (Mỹ Tho) đây cây ăn trái, queo phải đến Cai Lậy rồi bến phà Mỹ Thuận. Qua phà, xe queo phải (*nếu queo trái về Vĩnh Long, Vĩnh Bình, hay Cần Thơ*) xuyên qua Cái Tàu Hạ, Nha Môn rồi tới Sa Đéc. Tình cờ trên chuyến xe đò hôm ấy tôi ngồi cạnh một thiếu nữ trắng trẻo khá đẹp, tóc xõa bờ vai, có lẽ tuổi vừa qua khỏi trăng tròn, học trường Trung Học Tổng Phước Hòa Sa Đéc. Nhờ có dịp chuyện trò, tôi được biết nhiều địa danh và đặc sản từng vùng xe vừa chạy qua. Câu chuyện khá vui và hào hứng khiến tôi quên đi ý cả thời gian, lẫn không gian đến khi xe ngừng tại khoảng đất trống gần con rạch nhỏ mới biết mình đã đến nơi. Tôi già từ người đẹp Sa Đéc, xuống con đò nhỏ băng ngang sông trình diện đơn vị bên kia cầu. Đó là cô gái Miền Tây đầu tiên tôi hân hạnh được gặp trên đường trình diện đơn vị.

Tôi ngủ qua đêm tại Tiểu Đoàn 91 Pháo Binh rồi sáng hôm sau tháp tùng Trung Úy Pháo Đội Trưởng Nguyễn Văn Đạt về Trà Vinh. Tại đây tôi đảm nhiệm chức vụ Tiền Sát Viên (đề lô) phần nhiều cho Trung Đoàn 14 Sư Đoàn 9 BB, rồi đến Tiểu

Đoàn 43 BĐQ (Đại Úy Luận và Phước) và Chi Đoàn Thiết Vận Xa 3/2 (Đại Úy Siêu) hậu cứ tại Vĩnh Long. Có thể nói thời gian làm tiền sát viên của tôi khá dài, hiếm có tiền sát viên nào sánh kịp. Mới trình diện đơn vị hai ngày (tháng 5/64) tôi đã bắt đầu đi ‘đề lô’. Đến tháng 8/1965, tôi đi học khóa Pháo Đội Trưởng xong. Dù mang cấp bậc trung úy (11/65) tôi vẫn tiếp tục đi ‘đề lô’ trong khi nhiều sĩ quan khác cấp bậc hay thâm niên quân vụ thấp hơn tôi đã làm trung đội trưởng từ lâu. Vào đầu năm 1967, trong một trận hành quân giải vây cho một tiền đồn tại Quận Tiểu Cần (Vĩnh Bình); đang khi tôi tiếp tục xin pháo binh chuẩn bị hai chục tràng và báo cáo khi sẵn sàng thì hai cậu lính Pháo Binh theo phụ tôi lại la lớn;

- “Người ta chạy hết, sao trung úy ở đây bắn hoài?”

- “Mắc mớ gì chạy mầy.” Tôi liền ‘quạt’ lại chúng.

Miệng nói vậy nhưng mắt liếc ngang thấy mấy anh lính Địa Phương Quân cuối cùng trong đồn mà tiểu đoàn đến giải vây, cũng bỏ chạy, nên thầy trò chúng tôi cũng đành phải mang máy chạy lui luôn. Đại Úy Nguyễn An Khương, Khóa 12 Đà Lạt đang chỉ huy pháo đội bắn yểm trợ khiển trách tôi ‘sao gọi nhiều lần không lên tiếng’. Tôi liền báo:

- “Chưa đánh nhau đã bỏ chạy, khiến tôi phải chạy lui cả cây số nên không nghe đại úy gọi.”

Có thể lời báo cáo của tôi đến tai vị chỉ huy trưởng cuộc hành quân (Trung Tá Thẩm hay Phẫm) nên chừng mười lăm phút sau, Trung Úy Quách Nguyễn, Khóa 13 Đà Lạt, phụ tá cho Đại Úy Khương đột nhiên đáp trực thăng lên thay tôi trong nhiệm vụ tiền sát viên! Nhờ vậy tôi mới được về giữ chức vụ trung đội trưởng Pháo Binh đóng tại quận Đức Thành. Nếu không xảy ra vụ này chắc tôi còn phải đi đề lô dài dài trong khi nhiều sĩ quan khác, cấp bậc thấp hoặc kém thâm niên hơn lại được giữ chức vụ này từ lâu.

Miền Tây ruộng lúa phì nhiêu, rộng bao la ‘cò bay thẳng cánh’ không thấy bờ chia cắt từng mảnh nhỏ như ở miền

Trung, mà cô ca sĩ Duy Khánh đã diễn tả trong bài hát ta từng nghe “miền Trung nghèo lắm ơi“. Miền Tây gần đến mùa gặt, lúa chín vàng đầy đồng tỏa mùi thơm ngát. Cây trái và đặc sản địa phương nhiều thứ rất ngon, nào là mận đặc ruột Trung Lương, xoài Cao Lãnh, nem Nha Môn, bánh phồng tôm Sa Đéc, đụn chà là Cầu Ngang, lẩu cá bông lao Cần Thơ, rùa rang muối, chấu rắn, cá lóc nướng trui, cam quýt, vú sữa thơm ngọt nơi nào cũng có.

Các nhánh sông Cửu Long mang đất phù sa giúp Miền Nam ngày càng thêm trù phú. Sông có nhiều tôm cá ngon. Thuyền bè buôn bán nhộn nhịp chở đầy hoa quả, tôm cá, rùa, rắn qua lại hoặc xuôi ngược khắp các nhánh sông, phần nhiều mang về Sài Gòn tiêu thụ. Dân tình hiền hòa chất phác, ít bon chen; cuộc sống thật vô tư bình dị. Hầu như dân chúng đều sống về nghề nông ngoại trừ tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang) sống về nghề biển là chính; nên khi nhắc đến Miền Nam người ta nghĩ ngay đó là vựa lúa Việt Nam. Khi đất nước thanh bình lúa là nguồn xuất cảng chính.

Trên đường hành quân, tôi đã từng đặt chân đến hầu hết các tỉnh Miền Tây, sang cả Cao Mên, nhiều nhất là các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Sa Đéc, Mỹ Tho, Kiến Phong. Đặc biệt tại quận Mỹ An (Kiến Phong) năm 1967, tình hình chiến sự nơi đây khá yên tĩnh, thỉnh thoảng đơn vị tôi chỉ bắn quấy rối mười quả đạn pháo binh về đêm mà thôi; ban ngày rất thông thả, vì vậy tôi đã có thời gian rảnh dạy giúp trường Trung Học Bán Công Mỹ An về Hình Học và Đại Số cho hai lớp Đệ Ngũ và Đệ Tứ, gần bốn tháng cho đến khi thuyền chuyển đi nơi khác mới thôi. Vì vậy tôi có rất nhiều kỷ niệm được sống lại thời cấp sách và quen biết nhiều dân địa phương nơi đây. Đó là kỷ niệm hiếm có của đời lính.

Lúc còn “độc thân vui tính tiền lính tính liền”, những ngày rảnh rỗi, tôi thường bách bộ hay lái xe tà tà vào giờ tan trường nơi mình đóng quân như Trung Học Huỳnh Quang Tiên (Trà Vinh), Tổng Phước Hòa (Sa Đéc), Tổng Phước Hiệp, và trường

Sư Phạm Vĩnh Long. Cũng như trường Phan Bội Châu tỉnh nhà, vào giờ tan học những tà áo trắng các trường này phát phối như đàn nhạn trắng tung bay tìm về tổ ấm. Đó là dịp rửa mắt tốt nhất, tự tin hơn thời mình còn cấp sách chưa thấy tương lai.



Một trung đội Pháo Binh đang bắn yểm trợ đơn vị bạn.

Cuối năm 1964 được bảy ngày phép về Phan Thiết thăm gia đình cha mẹ trên chiếc xe đồ Tiến Lực khởi hành từ Sài Gòn, chẳng may bị Việt Cộng chặn tại Rừng Lá (Long Khánh). Trên chiếc xe đồ này cũng có một anh bạn học cũ tên Tùng, sĩ quan Thủ Đức, ngồi cạnh tài xế. Hai tên Việt Cộng mang súng CKC đứng bên hông xe hỏi giấy căn cước dân sự, chúng tôi đều có đem theo. Riêng anh chàng ngồi sau lưng tôi xưng là lính đào ngũ không có giấy tờ nên Việt Cộng ra lệnh: “Nếu đào ngũ thì đưa quần áo nhà binh cho chúng tôi mặc, về nhà làm ăn...” Anh lính đào ngũ khăng khăng trả lời không có mang quần phục theo mặc dù hai tên Việt Cộng nhiều lần đòi lên mũi xét.

Nghe chúng đòi lên mũi xét, kẻ này càng teo “bu-gi” vì mình có đem theo bộ đồ trận với cặp lon thiếu úy sáng choang cùng giấy tờ sĩ quan trong va li để trên mũi xe không ngoài mục đích về giựt le với mấy em Phan Thành. Tình thế hơi

căng, trong đầu đang tính toán thà chết chứ không để nó bắt sống dẫn đi. Một tên Việt Cộng đòi xét mũi xe còn tên kia thì bảo thôi. Cuối cùng họ không xét. Hú hồn hú vía! Nhờ vậy họ không phát giác ra tôi nên mình thoát khỏi cùm từ ngữ “đền nợ nước” như bao chiến sĩ khác từng hy sinh. Đó là lần **hụt chết** đầu tiên thấy rõ. Từ đó về sau tôi không về thăm cha mẹ bằng xe đò nữa, mà chỉ đi phi cơ thôi.

VỀ NINH THUẬN

Xa quê hương đã lâu, hơn nửa khi nghỉ cảnh “cha mẹ già chờ mong bóng con” ở tuổi về chiều; sau khi học xong Khóa Pháo Binh Cao Cấp, tôi chọn về đơn vị gần nhà, nhất lúc bấy giờ là Tiểu Đoàn 233 Pháo Binh có hậu cứ tại Sông Mao. Cuối Thu năm 1971, tôi được chỉ định làm pháo đội trưởng kiêm sĩ quan liên lạc Tiểu Khu Ninh Thuận. Trong khi chờ ra Phan Rang, tôi được bốn mươi tám giờ phép về thăm gia đình cha mẹ tại Phan Thiết. Sau thời gian dài xa cách, ba má thấy tôi về bất ngờ rất mừng rỡ dường như trẻ lại được mấy tuổi. Chuyện trò chưa được lâu, bạn bè cũ đang phục vụ tại Tiểu Khu Bình Thuận đến thăm và ‘bắt cóc’ tôi đi nhậu nhẹt, tạm gọi là “mừng ngày tái ngộ”. Nhậu xong về ba má tôi lại trách:

- “Sanh mấy thằng con trai như mày, chẳng ích lợi gì cho gia đình ngoài việc nổi giồng nổi giống, vừa về ngôi chưa nóng đít đã biến rồi”.

Vì thương nhớ con quá nên “ông già” nói vậy khi giận, chứ mình cũng chưa đến nổi bê tha rượu chè quên công đức sanh thành của cha mẹ. Từ đó về sau, lợi dụng một vài chuyến công tác từ Phan Rang về Sông Mao nhận lương cho đơn vị, tôi thỉnh thoảng vượt đoạn núi Tà Dôn khá nguy hiểm về thăm gia đình cha mẹ và bạn bè. Bằng hữu tôi cấp nào cũng có, từ anh Nhân Dân Tự Vệ đến anh lính kiềng lính cậu, hạ sĩ quan và sĩ quan, nhà mô phạm, thương gia v.v... Thành phần nào cũng có phe ta cả. ‘*Mày mắn thành quan, lang thang thành lính cậu, lính kiềng.*’ Một ít bạn khác bắt hạnh “theo ông theo

bà” hay ngấm gà ‘khỏa thân’ sớm cả rồi.

Cuộc chiến mang đến những đau thương chết chóc, anh nào may mắn còn sống gia đình nhờ, cho nên khi có cơ hội gặp nhau thì phải mừng sức khỏe ‘dzô! dzô’; “năm mươi phần trăm em ơi!”. Vừa ‘dzô’ vừa nhắc những kỷ niệm cũ rất vui. Nhắc lại chuyện từ trường Nam Tiểu Học với thầy Mô, thầy Khánh, thầy Thành. Vào Trung Học Tiến Đức có cụ Đặng Vụ Tiễn, cụ Xuyên, thầy Khôi Anh, thầy Chà, và cô Yến. v.v... Sang trường Trung Học Phan Bội Châu thời thầy Lê Tá làm hiệu trưởng, thầy Lê Chính Long dạy Anh văn, thầy Trần Phụng Tường dạy Pháp văn v.v. Thịnh thoảng thầy Tường gọi cô Đặng Thị Bê lên đọc Pháp văn cho chúng tôi nghe với giọng rất hay. Nếu không nhìn thấy người thì tưởng cô là Đàm thứ thiệt đọc tiếng Tây. Cô Bê học sau chúng tôi một lớp, sau này là vợ thầy Thân.

Tại đơn vị mới này, tình cờ tôi gặp lại anh Phạm văn Quan, người bạn từng tiễn chân tôi vào trường Sĩ Quan Đà Lạt mười năm trước trên chuyến ‘tàu đêm cũ’. Thật quá bất ngờ cho cả hai! Những năm mới ra đơn vị chúng tôi còn liên lạc nhau qua vài lá thư, sau đó bị gián đoạn; nay lại tình cờ gặp nhau nơi đây. Gặp nhau tay bắt mặt mừng trong cảnh vui buồn lẫn lộn. Từ đó mỗi khi nghe lại bài “Tàu Đêm Năm Cũ” với giọng ca liêu trai đầy ướm át tình cảm của Thanh Thúy, tôi cảm thấy buồn vui lẫn lộn nhất là từ khi tình cờ gặp lại anh. Quan là hạ sĩ quan trong đơn vị. Để giúp đỡ bạn bè, tôi chuyển anh về làm hạ sĩ quan tác xạ pháo đội gần gũi tôi hơn và chờ khi nào có lớp ‘sĩ quan đặc biệt’ sẽ đề nghị anh đi học hầu có tương lai tươi sáng hơn. Thịnh thoảng có tiệc tùng tôi không quên rủ anh cùng chung vui. Trước mặt các quân nhân khác anh đều xưng hô với tôi theo lễ nghi quân cách; lúc chỉ còn hai đứa, chúng tôi gọi nhau mầy tao như thời cấp sách rất thân mật.

Tại Ninh Thuận ba trung đội do tôi phụ trách đóng ba nơi trải dài theo Quốc Lộ 1. Trung đội của Trung Úy Nguyễn Văn Anh đóng tại quận Ninh Phước, Trung đội của Trung Úy

Nguyễn Duy Mẫn đóng tại Ninh Chữ và trung đội của Trung Úy Nguyễn Văn Thuận (Thuận Lế, xin lỗi) đóng tại quận Du Long sát Cam Ranh. Sau đó trung đội anh dời ra phi trường Nha Trang. Đặc biệt ba anh trung đội trưởng này vừa là đồng hương Bình Thuận vừa là cựu học sinh cùng mái trường mẹ-trung học Phan Bội Châu Phan Thiết- với tôi trước đây. Tất cả đều học sau tôi mấy lớp.

Vì ba trung đội đóng riêng rẽ, các trung đội trưởng chịu trách nhiệm an ninh và bảo yểm trợ của đơn vị mình nên Quan cùng với tôi ở hậu cứ tại thị xã Phan Rang. Công việc của tôi khá đơn giản nhẹ nhàng. Mỗi sáng vào trung tâm hành quân tiểu khu dự thuyết trình, báo cáo tình trạng yểm trợ quân bạn trong đêm qua xong đi huấn luyện cho pháo binh diện địa Phan Rang đang thành lập vài giờ đồng hồ, rồi có thể đi thăm các đơn vị mình. Vì vậy tôi có nhiều cơ hội và thời giờ rảnh rỗi đi lại các vùng lân cận như Nha Trang, Đà Lạt, Phan Thiết. Dù địa vị và cấp bậc chênh lệch nhau, ngoài nhiệm vụ phải làm, anh em chúng tôi rất vui vẻ với nhau và thỉnh thoảng tôi tạo điều kiện để có dịp cùng gặp nhau vui chơi sau nhiều ngày làm việc căng thẳng. Có thể nói thời gian an nhàn hưởng thụ này đã bù đắp lại phần nào những năm tháng hành quân vất vả nguy hiểm khắp Miền Tây trước đây.

(còn tiếp)

Cựu Th/Tá CHT/PB kiêm TMP/HQ/TK Quảng Đức

Thân Phận

Cẩm Tú Cầu, K18/1

Vợ của Cù 18 Đào Thương.

(Viết theo lời kể của phu nhân anh Nguyễn Văn Ván, K18)

Anh chị gặp nhau ở quân trường Đông Đa, Phú Bài, Huế. Chị là một nữ quân nhân xinh đẹp; còn anh là một sĩ quan tốt nghiệp Khóa 18 trường Võ Bị Đà Lạt, lúc ấy là một đại úy đẹp trai dẫn quân về huấn luyện tại trung tâm. Vừa gặp chị, anh đã thấy lòng mình xao xuyên băng khuâng, rộn ràng mê đắm. Đêm về, anh có cảm giác như đầu đây có tiếng mời gọi xa xăm. Tâm tư anh cứ miên man nghĩ về chị, một người con gái dịu dàng, dáng dấp mảnh mai mà lái xe, bắn súng không thua gì một đấng nam nhi. Anh thấy cuộc đời đầy màu hồng tươi thắm. Anh vừa yêu, vừa nể phục, còn chị cũng bị hút hồn với vẻ hiên ngang tuấn tú của anh, tâm hồn người nữ quân nhân trẻ bị lay động dạt dào.

Tình yêu nồng nàn, chơn chất mau chóng nảy nở giữa hai người. Có những chiều, anh chị ngồi bên nhau ở đồi vọng cảnh nhìn dòng Hương Giang trôi lặng lẽ mà nói chuyện về đất nước, về quê hương yêu dấu đang ngập chìm trong khói lửa chiến tranh. Tâm tư hai người cùng có chung một cảm giác



xót xa cho đất nước mình, cho dân tộc mình, cho những lứa đôi và những tình yêu bị chia lìa bởi chiến tranh.

Rồi anh chị cưới nhau, sống bên nhau thật hạnh phúc. Trong mười năm qua, chị sinh cho anh hai con trai đầu lòng kháukhinh và một bé gái xinh đẹp. Bây giờ anh đã xin cho chị về dạy Pháp Văn ở trường Quốc Gia Nghĩa Tử dành cho những đứa con không cha theo học. Hằng ngày chị nhìn những đôi mắt ngây thơ, những gương mặt thiếu tình yêu thương của người cha và mẹ, thiếu bàn tay ấm áp của đấng sinh thành, lòng chị chùng xuống cảm thương, như muốn chia sẻ nỗi đau, nỗi mất mát cùng với đám trẻ thơ vô tội bị số phận an bài. Chị nhìn chúng mà bất giác nghĩ về mình, nghĩ về các con của mình. Rồi ngày mai đây mình sẽ ra sao? Anh là lính chiến, mà cuộc đời lính chiến thì mấy người đi trở lại, cuộc sống rất mong manh, mấy ai được suông sẻ trước đầu tên mũi đạn, trước những cuộc hành quân dài ngày trong núi thẳm rừng sâu.

Anh bây giờ đã là một thiếu tá tiểu đoàn trưởng thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh, một cấp chỉ huy trẻ anh dũng trong Quân Lực VNCH. Mỗi lần về phép, anh chị cùng hai đứa con trai chất nhau trên chiếc lambretta màu trắng, cùng nhau đi dạo khắp phố phường. Cuộc đời binh nghiệp đôi lúc làm anh lo lắng. Anh nghĩ nhiều về vợ trẻ, con thơ, anh chỉ sợ một ngày nào đó, mình ra đi mãi mãi không bao giờ trở lại. Vợ và các con anh sẽ đau đớn đến dường nào! Chỉ nghĩ vậy thôi mà anh đã thấy lòng mình tê dại, nhói đau.

Cuộc đời cứ trôi qua theo ngày tháng, theo nhịp bước của thời gian. Bỗng một hôm, vào ngày mười ba tháng Bảy năm 1970, khi trời vừa chớm Thu. Một buổi chiều có mây giăng u ám, chị đang dạy ở trường thì một tin sét đánh đến bên tai. Đầu óc chị tối sầm lại, ngỡ mình nghe lầm. Nhưng không, đó là sự thật, một sự thật quá đột ngột phũ phàng. Anh đã bị một mảnh đạn súng cối găm vào màng tang tại căn cứ Anne ở Quảng Trị. Hôn mê, anh được đưa về trên chiếc trực thăng

xám xịt. Anh nằm trên chiếc băng ca, khi xe tải thương chuyên anh về bệnh viện Nguyễn Tri Phương - Huế. Anh nằm đó hôn mê sâu thẳm, mặc vợ con đến bên anh khóc lóc van xin:

- Dậy đi, anh ơi! Tỉnh lại đi, anh ơi! Hãy mở mắt ra đi anh, mở mắt ra nhìn em và các con!

Nhưng anh vẫn nằm im lìm bất động, mặc dù đã được các y bác sĩ cứu chữa tận tình. Anh bỏ lại sau lưng cả cuộc đời, cả một tương lai binh nghiệp đang rộng mở. Chị nắm tay anh thật chặt. Bao nhiêu hơi ấm, bao nhiêu sức sống chị đều cố gắng san sẻ truyền hết cho anh, nhưng mà anh vẫn im lặng, anh tiếp tục chìm sâu trong cơn mê đầy ảo mộng. Sau hai ngày, anh trút hơi thở cuối cùng trước sự bất lực của y học. Anh ra đi đã để lại cho các cấp chỉ huy của anh một nỗi tiếc thương vô bờ bến, một nỗi trống vắng mênh mông, như chính họ đã mất đi một phần trong thân thể mình.



Còn chị, chị khổ đau điên dại, hệt hẳng đến tận cùng. Chị tưởng mình không thể nào sống nổi khi thiếu vắng anh. Trong đám tang anh, chị lê từng bước như người sắp chết, vật vờ thiếu não, tâm tư hoảng loạn đờn đau. Bạn bè, đồng đội, lính tráng tiễn đưa anh rất đông và bầu trời mùa Thu cũng sâu thẳm như thương tiếc anh, như chia sẻ nỗi đau mất mát vô tận cùng với chị.

*“Anh ra đi mùa Thu
Mùa lá rơi ngập đầy
Lá úa khóc người đi...”*

Tiếng hát của ca sĩ Thái Thanh đâu đây vọng lại làm cho nỗi lòng của chị thêm chát ngắt não nề. Chị về nhà ôm đứa con gái nhỏ chín tháng tuổi vào lòng mà nghe con tim mình rướm máu, nát tan. Một nỗi đau mà chị cảm thấy thấm thía, xoáy vào lòng chị những buốt giá ghen ngào. Nỗi bất hạnh cứ âm ỉ cháy trong lòng, chị vẫn đi dạy các em nhỏ ở trường Quốc Gia Nghĩa Tử. Nhưng bây giờ chị thấy thương chúng hơn, đồng

cảm với chúng nhiều hơn, vì chị thấy chúng là hình ảnh của con mình trước mắt. Tất cả như dội vào tâm tư chị, thật nặng nề, thật chua xót. Chị tâm nguyện sẽ gác lại những buồn đau, cố đem hết sức mình để chăm lo cho các con và đảm học trò nhỏ. Những tưởng cuộc đời chị sẽ êm xuôi, đi dạy nuôi con, thờ chồng, rồi cuộc sống sẽ dần dần ổn định.

Nào ngờ biến cố lịch sử năm 1975 xảy ra. Vào ngày quốc hận, chị mất dạy. Ngôi trường mà chị yêu quý, gắn bó bao năm qua bị đóng cửa. Không biết các em nhỏ sẽ đi về đâu, về nơi nào trong môi trường mới mẻ mà các em chưa định được hướng cho cuộc đời. Riêng chị, chị đau buồn nhất là ngôi nhà mà anh vừa mới xây dựng xong thì anh đã vĩnh viễn ra đi, nay đã bị cầm quyền địa phương trưng dụng. Ngôi nhà này anh đã bỏ ra biết bao nhiêu công sức, hằng đêm miệt mài tự mình thiết kế kiểu mẫu, vẽ đi vẽ lại nhiều lần mới vừa ý.

Khi ấy là đầu năm 1976, ngôi nhà chị ở đã bị tịch thu để phân phối cho cán bộ Cộng Sản ở. Chị chới với, hoảng loạn, không biết rồi đây mẹ con sẽ tá túc nơi nào? Quá đau khổ, quá tuyệt vọng chị đã uống thuốc rầy để kết liễu đời mình. Nhưng cuộc đời chị còn nặng nợ với trần gian, chị đã được cứu sống. Người thân hết lời khuyên giải, vì con đầu lòng của chị mới có tám tuổi, đứa giữa sáu tuổi và con bé út năm tuổi. Nếu chị mất đi thì rồi đây sẽ ai nuôi và dạy dỗ chúng? Chúng sống với ai cho bằng mẹ mình? Chị gượng sống nhưng sức khỏe của chị từ đó gần như mất đi khá nhiều.

Chị làm đơn xin xỏ khắp nơi, trình bày hoàn cảnh một mình chị với ba con nhỏ, nhưng chị toàn gặp những người không cảm tính, hống hách, tự đắc, khó lay động tình cảm của con người. Chị sống trong cái xóm làng của mình mà như ở một nơi nào xa lạ, lấm lét sợ sệt, không dám tiếp xúc với ai. Chị che một tấm bạt bên hông nhà của mình, mẹ con chui rúc cho qua ngày tháng. Nỗi thiếu thốn vật chất, nỗi đau tinh thần đã làm cho con người chị như lơ lửng giữa không gian, tinh thần hoang mang và khổ đau. Chị kiên trì sống trong cảnh thiếu

thôn, chật chội, mặc cho những cơn mưa tầm tã, rồi đến nắng chói chan...

Có những đêm mưa phùn lạnh buốt của mùa Đông xứ Huế, lạnh đến tê người, mẹ con chị ráng chịu đựng. Đêm đêm chị chấp hai tay trước ngực, ngược mặt lên trời thiết tha cầu nguyện và hy vọng một ngày mai tươi sáng sẽ đến với gia đình chị. Chị cố nuốt đắng cay sống cho qua năm tháng. Nỗi u uẩn đè nặng tâm tư, chị cố gắng âm thầm chịu đựng... Rồi cuối cùng chị cũng được bù đắp. Cuối năm 1976, chị được cho nhận lại căn nhà bếp để ở vì chị không có nhà, cũng không có đất đai.

Mặc dù căn nhà trên khung trang, rộng rãi do vợ chồng chị xây cất, nhưng chị không được ở, mà cả bốn mẹ con phải chui rúc trong căn nhà bếp. Kể cả nhà vệ sinh, chỗ ở và nấu ăn chưa đầy 20m². Dù trong tim chị nỗi đau vẫn chưa phai mờ... nhưng chị vẫn thấy mình hạnh phúc lắm vì chị đã được trở về sống chính trong ngôi nhà kỷ niệm của vợ chồng chị. Ngôi nhà mà chị đã từng coi như sinh mạng mình gắn bó với nó, mà chị thuộc nằm lòng từng bờ cây ngọn cỏ, thuộc từ ngõ ngách đến từng chiếc lá khô ở trong vườn...

Hai năm sau, chị bán được căn nhà bếp. Sự mừng vui làm sao nói hết! Chị như người thoát khỏi chốn tù đày, lòng lâng lâng nhẹ nhõm. Chị vội vàng mua một chỗ đất khác cất nhà, nhưng ở được ít lâu, lại bị giải tỏa. Chị đành lên tận chùa Từ Đàm, vào tận trong hẻm sâu mua miếng đất nhỏ làm nhà. Các con của chị đều học hết cấp ba rồi ở nhà tìm nghề sinh sống vì lúc đó lý lịch gia đình chị bị cho là “xấu”, không được đi học tiếp.

Mẹ con chị tiếp tục heo hút sống đùm bọc bên nhau. Chị trở nên còm cõi, đôi vai gầy ốm o. Bao nhiêu nước mắt đã can kiệt khô cạn. Mỗi năm các bạn cùng khóa với anh ở nước ngoài gởi về tặng chị một món quà nhỏ, chị để dành cúng giỗ cho anh. Cuộc đời chị cứ trôi buồn theo năm tháng. Chị vẫn cỗi

chiếc xe đạp cũ kỹ đi từ chợ này, qua chợ khác để bán nhang kiếm đôi đồng sống qua ngày. Các con của chị đã có nghề nghiệp chỉ đủ nuôi bản thân.

Nhưng cuộc đời chẳng bằng phẳng chút nào. Giữa lúc chị muốn thử phào khoan khoái, thì một hôm đưa con trai thứ nhì của chị có cửa hàng sửa xe đạp, xe honda, cũng đủ tạm sống qua ngày, rồi thay lại bị tai nạn. Thuộc thang một thời gian, bây giờ cháu đã lành, nhưng di chứng để lại, cháu không bình thường như trước đây. Có ngày cháu lên cơn co giật hai lần. Mỗi lần lên cơn cháu không còn biết ai hết, kể cả mẹ, có khi cháu rượt mẹ để đánh, chị phải đi trốn cả ngày trời.

Nỗi đau này tiếp nối nỗi đau khác chồng chất lên con người chị, lên trái tim chị. Chị lo sợ rồi mai đây mình già yếu, không còn đi xe đạp được nữa, ai sẽ nuôi đứa con tật nguyền, mẹ con sẽ vịn vào nơi đâu để sống qua ngày. Mỗi lần nhìn đứa con trai chị lại thấy tim mình thắt lại, mới ngày nào nó còn mơn mớn, mà giờ đây... nghĩ đến nó, lòng chị lại dậy lên bao nỗi lo sợ bất an. Chị cảm thấy từ đây mình tuyệt vọng, không còn lối thoát..

Bỗng một hôm...

Sau bốn mươi ba năm, chị nghe được tin là bạn đồng khóa của anh ở nước ngoài về thăm chị và muốn giúp chị một món quà, để chị làm vốn tạo dựng cuộc sống ổn định lâu dài. Mới nghe thôi, nhưng chị đã nôn nao mừng rỡ, nỗi vui mừng cứ nhảy nhót trong trái tim, chị cứ ngỡ đây là giấc mơ, một giấc mơ trong tiềm thức. Đêm về chị trằn trọc khó ngủ, chị cứ chờ, cứ mong, cứ đợi... Rồi ngày ấy cũng đến. Một buổi sáng có nắng vàng, có cả tiếng chim ca, ba người bạn của anh đem quà đến. Những gương mặt chị chưa từng gặp bao giờ, nhưng sao chị thấy gần gũi, thân yêu quá! Khi gặp họ, chị xúc động miên man, bầu không khí như chìm lắng. Giờ đây, chị cảm thấy món quà không còn quan trọng bằng tình bằng hữu.

Quá khứ hiện về, chị mơ hồ ngỡ như có anh quanh đây rất

gần, rất gần bên chị, cảm giác như có hơi thở âm áp của anh bên mình sau bốn mươi ba năm. Đôi mắt tưởng chừng như đã cạn khô giòng lệ vì khổ đau, vì nghiệt ngã của cuộc đời, giờ đây bỗng rung rung, nước mắt chị rớt xuống trên đôi má vẫn còn phẳng phất chút xuân sắc ngày nào. Dù thời gian đã làm chị cần cỗi, tằm thân gầy còm của chị bây giờ chỉ còn có hai mươi tám ký bỗng rung lên bần bật, vì một nỗi xúc động ngọt ngào, êm ái, len lỏi qua trái tim của mình.



Gửi Quê

Bà Nguyễn Hữu Quê, K19/1

Gửi quê lời thăm hỏi
Sau COVID còn ai
Giữa đau thương đại dịch
Nghèo đói chịu oàn vai

*Gửi quê lòng thương xót
Hạt muối cắn làm đôi
Lá lành đùm lá rách
Rách cũng đùm tả toi*

Quê ở đây! Ở đây!
Dẫu ngàn trùng xa cách
Quê ở đây! Ở đây!
Máu tim về chung mạch

*Việt Nam quê hương ơi!
Việt Nam quê hương ơi!*

Tháng 10, 2021

Lính Trận “Phong Ba”

*“Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống Đông, Đông tinh, lên Đoài, Đoài yên”.*

(Ca Dao Việt Nam)

***BCD. Lê Đức Lực**

Từ khi bước chân vào quân ngũ, tôi đã phục vụ trong một đơn vị tác chiến nổi danh “Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù”. Tùy theo nhu cầu chiến trường, tôi thường phải theo đơn vị rày đây mai đó vạn nẻo quân hành. Lúc thì tôi ở Tân Phú Trung Hóc Môn, Bến Thê, Bình Dương, lúc thì có mặt tại Mật Khu Ba Lòng, A Shau, A Lưới, Chiến Khu D, lúc thì Bình Long An Lộc, Cổ Thành Quảng Trị, Phước Long. Biết bao gian khổ nguy nan, cận kề sinh tử, tôi và các đồng đội vẫn tự hào dần thân, quyết một lòng hy sinh tiêu diệt giặc thù, bảo vệ Tổ Quốc Quê Hương, trước âm mưu thôn tính giải phóng Miền Nam của bè lũ giặc Cộng. Qua đó, chúng tôi đã mang lại không ít chiến thắng hiển hách cho đơn vị, để tới bây giờ vẫn còn mãi lưu truyền cho hậu thế.

*“Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang bồng vay trả, trả vay.
Chí làm trai Nam Bắc Đông Tây,
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.”*

(Chí Anh hùng – Nguyễn Công Trứ)

Trong suốt quãng đời binh nghiệp, tôi đã lăn lộn trên khắp các mặt trận dầu sôi lửa bỏng, nếm trải mùi thuốc súng, đạn bom, chứng kiến cảnh sinh ly tử biệt của đồng đội, chiến hữu. Hôm nay họ còn đó, ngày mai mất đó. Nỗi buồn đau luôn ray rứt và khắc sâu, in đậm trong tâm khảm của tôi, khó thể mờ phai, quên lãng được.

Bởi thế, đôi khi sau các cuộc quân hành thập tử nhất sinh, những người lính cầm súng mang lại chiến thắng cho đơn vị và may mắn sống sót trở về đông đủ; thường chỉ biết vui mừng, khuây khỏa, cùng tập trung lại với nhau ngồi bên bàn tiệc, chén chú chén anh, cùng uống với nhau một nón sết rượu đầy ắp nghĩa tình “huynh đệ chi binh”.



Một đơn vị của Biệt Cách Dù.

Thế nhưng đôi khi vẫn có những sự kiện xảy ra ngoài dự trù mong muốn, có thể tạo nên sự hiểu lầm không mấy tốt đẹp, ảnh hưởng đến uy tín và danh dự cho đơn vị.

Đây là một câu chuyện vui, khó quên trong đời binh nghiệp của tôi. Đó không phải là sự bốc đồng hay là nạn kiêu binh, mà chỉ là một hành động phản kháng trực diện chính đáng trước sự hống hách, lạm quyền, thiếu sự cảm thông của các lực lượng thi hành kỷ luật Quân Đội.

Sau khi phối hợp hành quân với Toán 6 Thám Sát, khám phá kho vũ khí lớn của giặc Cộng từ Chiến khu D trở về. Trong thời gian nghỉ dưỡng quân tại Căn Cứ Hành Quân Suối Máu, vào một một buổi chiều tối, tôi lái xe Jeep chở Biệt Đội Phó, vài sĩ quan trung đội trưởng và một số binh sĩ đồng đội ra Quán Hương Giang ở Thành Phố Biên Hòa kiểm cái gì ăn nhậu mừng chiến thắng.

Trước Rạp Ciné Biên Hùng, có một con đường dẫn ra ngã ba đường Dốc Sỏi. Bên kia đường, ở góc trái là Quán nhậu Hương Giang.

Chúng tôi vào Quán khoảng 10 người, quây quần chung quanh một chiếc bàn tròn lớn, nằm bên ngoài hàng hiên. Rượu ngâm bao tử nhím, đổ vào một chiếc nón sắt, thế rồi cứ thay phiên nhau bung lên mà uống, mỗi thì đã có thịt heo rừng xào lăn, vừa ăn vừa nhậu, vừa trò chuyện, cười đùa râm rang, vui vẻ.

Về khuya, Quán vắng, chỉ còn lại bàn nhậu chúng tôi vẫn tiếp tục chiến đấu, nhưng trên bàn rượu thì còn, mà mỗi đã hết sạch. Có chiến hữu nào đó tự dung đề nghị tôi:

- “Đại Úy, trở tài thiện xạ cao bồi Texas đi, Đại Úy.”

Hồi ấy, tôi thường mang ở hông phải một khẩu P.38 ngắn nòng, bên trái một cây dao găm Thái Lan, lưỡi dài gần ba tấc, cán ngà, chạm trổ đầu con báo khá đẹp. Với súng P.38, tôi bắn trúng mục tiêu không thua gì tài tử “John Wayne” trên màn bạc Western Cowboy Movies, như anh em trong Biệt Đội thường nói đùa.

Hứng chí, tôi gọi chị Hằng, chủ nhân Quán Hương Giang, người Xứ Huế cùng quê với tôi, đề nghị:

- “Chị nói lên Thực Đơn treo trên đó, tôi sẽ bắn, trúng vào món nào, chị cho bung ra món đó nghe hi.”

Chị chủ quán cười khẽ, gật gật đầu nói:

- “Đại Úy cứ trở tài đi, hễ trúng món nào là sẽ dọn ra ngay

cho Đại Úy mà.”

Vậy là tôi rút súng ra, đưa lên cao, hướng về tấm bảng Thực Đơn treo ở trên tường cuối góc phòng nổ một phát. Đạn bay ghim vào ở dưới hàng chữ: “Gỏi tôm nõn sen chua ngọt”. Mấy sĩ quan và binh sĩ người vỗ tay, người vỗ vào bàn, hoan hô ầm ĩ, rồi tất cả cùng nâng nón sắt rệu đứng lên hô to: “Dô, Đô, Đô, Đô...”

Không ngờ, lúc ấy một xe Jeep Quân cảnh tuần tra đi ngang, dừng lại, đi vào Quán. Đến gần bàn nhậu chúng tôi hỏi, họ hỏi giọng có vẻ trịch thượng:

- “Vừa rồi ai mới nổ súng ở đây? Người nào bắn đứng lên!”

- “Tôi.” Tôi vẫn ngồi yên tại chỗ, trả lời.

Một Quân cảnh khác quay mắt nhìn tôi, nói:

- “Cho tôi xem giấy tờ.”

Tôi không trả lời. Anh ta yêu cầu lần thứ hai. Tôi vẫn im lặng. Mấy binh sĩ có vẻ hơi khó chịu nên xẵng giọng:

- “Chúng tôi đang nhậu với mấy Ông Thầy. Các anh vui lòng đi chỗ khác chơi.”

Thay vì thông cảm, Toán Quân cảnh ra xe, gọi mấy bộ đàm báo cáo về Quân Trấn. Chỉ khoảng 15 phút sau, một xe Dogde chở một toán phối hợp tuần tra Biệt Động Quân tới. Họ đứng án ngữ trước đường.

Thấy mất vui cụt hứng, anh em chúng tôi cầm súng đứng dậy đi thẳng ra xe, cùng leo hết lên, cho xe nổ máy chạy thẳng xuống bờ sông, vòng ngược lên khu Phố Chợ, đến một Quán Cà phê thì dừng lại, tất cả vào Quán, kêu cà phê uống. Hai xe Quân Cảnh và Toán Biệt Động Quân tuần tra phối hợp vẫn bám riết sau lưng. Họ cũng dừng xe lại, vây chặt hai đầu ngõ đường. Một binh sĩ nhìn thấy vậy, tức mình nói:

- “Nhóm này bố láo, đã bỏ đi rồi mà vẫn còn đuổi theo. Để em lo cho nghe, thăm quyền”.

Nói xong, binh sĩ này ra sau xe, lấy quả mìn Claymore tay trái cầm để trước ngực, tay phải cầm con cóc mìn, bước từng bước đi tới trước. Xe Jeep chất đầy chúng tôi theo sau. Toán Quân Cảnh đang bao vây trước mặt, thấy thế vội dẫn ra hai bên lề đường. Thế là binh sĩ này nhảy vội lên xe, tôi nhấn ga chạy thẳng một lèo về lại Căn Cứ Suối Máu.

Xe đang chạy ngon trơn, vừa qua khỏi Bệnh Viện Tâm Thần, Xã Tân Tiến, bỗng dừng vỏ xe đằng sau bên phải bị bẻ. Tôi phải ngừng xe tấp lại ở bên trái con đường, trên một vạt cỏ. Máy đồng đội của tôi, tất cả xuống xe nằm “xin” hết ngay tại chỗ, không còn biết trời trăng mây nước gì nữa.

Xe tuần tra Quân Trấn chở toàn bộ chúng tôi về Đồn Quân Cảnh. Họ mang nốt các anh em binh sĩ, còn các sĩ quan được đưa vào nằm bên trong phòng trực. Riêng tôi, làm như có vẻ tỉnh táo, tự mình đi vào phòng Trung Úy Trưởng Đồn Quân Cảnh, cất giọng xẵng xái hỏi:

- “Trưởng Đồn đâu? Trưởng Đồn đâu rồi?”

Nói xong, tôi nhìn sang trái, thấy có cái giường trải nệm trắng tinh, đặt đằng sau chiếc bàn làm việc, tôi lăn đùng nằm ngay xuống, rồi ngủ thiếp đi. Cho mãi tới lúc nửa khuya, Thiếu Tá Sĩ Quan trực Hành quân Biệt Cách Dù mới đến đánh thức, đưa tôi và các sĩ quan về lại Căn Cứ Hành Quân Suối Máu.

Sáng hôm sau, thức dậy tôi không nhớ gì về câu chuyện xảy ra tối hôm qua cả, cứ tưởng là vừa trải qua một cơn mộng mị, thế thôi. Thượng Sĩ Thường Vụ Biệt Đội bước vào, báo cho tôi biết Đại Tá Chỉ Huy Trưởng vừa gọi máy kêu tôi lên trình diện. Nhìn xuống người mình, thấy hơi “ẹ” cho tôi, quần áo xóc xếch, nhăn nhó. Tôi tỉnh hẳn người, vội tắm rửa qua loa, thay bộ hoa bèo trắng nếp, để đi trình diện “Xếp”.

Đại Tá Chỉ Huy Trưởng vừa gặp tôi, nghiêm mặt nói:

- “Tôi qua quây dữ, làm náo động cả Quân Trấn. Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn kêu dẫn chú qua trình diện.”

Đứng chờ ngoài phòng của Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn III cũng khá lâu. Tôi được vị Thiếu Tá Sĩ Quan tùy viên mở cửa gọi tôi vào.

Trung Tướng đang ngồi đằng sau chiếc bàn rộng, bóng loáng, có để một lá cờ Tướng, nền màu đỏ, viền ren màu vàng và thêu nổi ba ngôi sao cũng màu vàng, với một bảng tên khắc tên Trung Tướng bằng sơn mài, sang và đẹp.

Tôi bước đến trước mặt bàn, đứng nghiêm, chào tay, nói lớn:

- “Đại Úy, số quân 65.205..., trình diện Trung Tướng, chờ lệnh.”

Ông Tướng quay ghế, nhìn thẳng mặt tôi, rồi đồng dục:

- “Kiêu binh! Đại Úy làm náo loạn cả Thành Phố Biên Hòa tối hôm qua, có biết không?”

Tôi khẽ cúi thấp đầu như là chấp nhận, nhưng vẫn trong tư thế nghiêm, không nhúc nhích, trong lòng lo lắng tột cùng, nắm chắc 10 ngày trọng cấm là chí ít. Một dòng mồ hôi từ trên vai chảy dài xuống sau thắt lưng. Bỗng, tiếng chuông điện thoại trong phòng Trung Tướng reo vang, Tướng vừa nhấc điện thoại lên vừa nhìn tôi nói:

- “Đại Úy trở về lại đơn vị đi, tôi sẽ có biện pháp cho Đại Úy sau.”

Nhưng rồi, không có gì hết. Mấy ngày sau, Đại Tá Chỉ Huy Trường ra lệnh cho tôi chuẩn bị Biệt Đội, cùng Biệt Đội 811, ngày hôm sau xuất phát lên đường, đến Xã Bến Thê, Huyện Tân An, Tỉnh Bình Dương, giải tỏa áp lực địch đang chiếm ngự hoành hành nơi đây.

Tại mặt trận Bến Thê, chỉ trong vòng hai ngày hai đêm hai Biệt Đội 814 và 811 Biệt Cách Dù đã diệt sạch gọn đám giặc Cộng thổ phi, đã gây bất an cho Xã Bến Thê từ bấy lâu nay.

Trên đường rút về Chợ Nhỏ, đồng bào đổ ra đứng hai bên đường hoan hô và tặng đủ thứ quà bánh, trái cây. Ở đây, không

có cô học sinh tha thướt áo dài trắng, choàng vòng hoa lên cổ, mà chỉ có những cô thôn nữ, áo bà ba vui mừng, vừa đưa tay vẫy chào chúng tôi, vừa cúi đầu mắc cỡ. Tình Quân Dân như người ta thường nói, thể hiện trong dân chúng và chúng tôi một cách rõ ràng. Hòa bình rồi, đồng bào muốn yên ổn làm ăn, không còn muốn súng đạn. Sau những ngày Cộng quân lần đầu giành dân, chúng tôi đã đem lại an bình cho mọi người.

Sáng hôm sau, trong khuôn viên của Trụ Sở Xã Bến Thề, Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn III, Quân Khu 3, cùng Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù tháp tùng, đã đáp trực thăng xuống, để ban thưởng Huy Chương cho các chiến sĩ Biệt Cách Nhảy Dù, cùng Xã Trưởng Xã Bến Thề và Trung Đội Nghĩa Quân.

Tôi đứng thể nghiệm chào tay, Trung Tướng Tư Lệnh bước tới gần, gắn lên ngực áo tôi tấm huy chương Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Vàng.

Tôi tự hỏi, có phải đây là lệnh phạt, đẩy đi hành quân, lập công chuộc tội, cho cái tội “quây kiêu binh” hay lại “gặp nhau” để tuyên dương công trạng trước Quân Đoàn bằng tấm huy chương “Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Vàng?”

Cuộc đời **Lính trận “phong ba”** là đây./.

Tình Báo Chiến Lược của Hà Nội

Tên Vũ Ngọc Nhạ, Bí Danh Hoàng Long

Đặng Kim Thu, K19

Khi nhắc đến chiến tranh Việt Nam, người ta nghe nói nhiều về nhóm từ ngữ “Tình Báo Chiến Lược A2”, do tên Vũ Ngọc Nhạ cầm đầu, đã lọt vào Dinh Độc Lập. Vậy thì chúng xâm nhập vào đây bằng cách nào? Do ai giới thiệu?

Vũ Ngọc Nhạ mang danh nghĩa “Thầy Bón” tại một xứ đạo xa xôi ngoài Bắc. Khi đất nước chia đôi, Nhạ theo đoàn người di cư vào Nam, khai là giáo dân Phát Diệm, đóng vai “chiến sĩ Công Giáo chống Cộng”. Ôm chân Linh Mục Lê Hữu Từ, nhờ khéo mồm khéo miệng nên được giới thiệu vào làm việc tại văn phòng “Ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu”. Trong cương vị phụ tá, hắn đã thu thập nhiều tài liệu mật chuyên ra Hà Nội.

Sau cuộc đảo chính ngày 1/11/1963, Nhạ bị thất sủng nên công tác gián điệp phá hoại miền Nam phải bắt đầu lại.

Nhạ vào núp bóng trong nhà thờ Bình An, trong lúc tình hình giáo dân vô cùng rối ren. Những người có địa vị cao thời Đệ Nhất Cộng Hòa bị Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng của Dương Văn Minh bắt bớ, giam cầm. Linh Mục Nguyễn Hữu Từ, được mọi người kính trọng và quý mến, phải rời khỏi Việt Nam. Thừa cơ hội, các giáo xứ Phước Tuy, Thành Bò,

Đức Lợi ở Đà Nẵng, Phú Cam, Huế, vv... bị Cộng Sản đội lốt Công Giáo xách động giáo dân trả thù với mục đích tạo sự hiềm khích, chia rẽ giữa giáo dân Công Giáo và Phật Tử.

Các xứ đạo ở ngoại ô Sài Gòn đâm ra lung túng, không hiểu “Phong trào Bài Trừ Công Giáo Thân Nhà Ngô” do ai xúi dục?

Nhiều cha cô đâm lo lắng, kể cả những linh mục Công Giáo cũng e ngại khi đứng ra làm lễ “Mi Sa” cho các quân nhân theo đạo Công Giáo. Tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn cũng như Khâm Sứ Tòa Thánh Công Giáo hoàn toàn bối rối.

Tên Nhạ trở tài tuyên truyền, trấn an giáo dân để lấy điểm Linh Mục Hoàng Quỳnh, thuộc xứ đạo Bình An:

- Vì phong trào bài xích Công Giáo không phải do Khôi Phật Giáo gây nên, mà do cán bộ Cộng Sản nằm vùng đứng phía sau các đảng phái đối lập với chính quyền, hay không có cảm tình với nhà Ngô tạo nên. Phải hết sức sáng suốt, nếu không sẽ dễ dàng lôi kéo giáo dân và Phật tử vào cuộc “thánh chiến Việt Nam” một cách thiển cận và Cộng Sản là kẻ “ngư ông đắc lợi”.

Nhờ vậy, sau thời gian bất ổn, giáo xứ Bình An trở lại yên tĩnh, bình thường như cũ. Giáo dân lại tấp nập lui tới đi lễ và viếng thăm linh mục Hoàng Quỳnh. Danh tiếng của nhà thờ Bình An càng ngày càng được báo chí ngoại quốc đề cập tới.

Các ký giả ngoại quốc tường thuật các sự kiện theo chiều hướng cho độc giả hiểu rằng nhà thờ Bình An có thể là “trung tâm đầu phiêu” cho những nhà lãnh đạo tương lai của miền Nam Việt Nam. Do đó, sau khi lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, hầu hết các ủy viên trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng kéo tới nhà thờ này xin yết kiến Linh Mục Hoàng Quỳnh để bày tỏ lòng cảm ơn đối với ông, vì đã nhiệt tình ủng hộ cuộc đảo chánh.

Trong cương vụ phụ tá, Vũ Ngọc Nhạ thay Linh Mục Quỳnh niềm nở tiếp đón mọi người, mà đa số những người tới

nơi đây hầu hết là các chính khách “nửa mùa”. Mùa nào có ăn, có ghé chính phủ thì họ tới.

Lợi dụng việc tiếp đón nhiều chính khách, Nhạ bịa tin bằng cách rỉ tai tuyên truyền rằng, “*Chính Phủ Cách Mạng sẽ tịch thu tất cả tài sản của các xứ đạo từng cộng tác mật thiết với gia đình họ Ngô.*” Nghe vậy, những linh mục “yếu bóng vía” chạy đến cầu cứu Nhạ. Hắn ta đã long trọng hứa sẽ can thiệp với “Hội Đồng Tướng Lãnh” với mục đích tạo thêm uy tín chứ thực ra hắn thừa biết Dương Văn Minh chẳng bao giờ dám làm chuyện đó.

Vũ Ngọc Nhạ cần lập công với giáo xứ và chính quyền, giữa phe này với phe kia để nâng cao uy tín cá nhân, lúc nào cũng sốt sắng với tư thế “nói một nhịp cầu”. Làm như vậy, Nhạ sẽ được lòng của tất cả mọi phe phái, uy tín ngày càng thêm lan rộng. Đối với những người cộng tác trung thành với chế độ cũ hiện đang bị Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng của Dương Văn Minh giam giữ, Nhạ tình nguyện đứng ra vận động xin trả tự do cho họ. Nhờ uy tín càng cao, Nhạ càng dễ chui vào chính quyền.



*Linh Mục Hoàng Quỳnh,
Chánh Xứ Bình An.*

Rất nhiều xứ đạo sau một thời gian lo lắng, hồi hộp đợi chờ Hội Đồng Cách Mạng tịch thu tài sản, nhưng chờ hoài mà không thấy xảy ra nên họ nghĩ có kết quả tốt đẹp là do Nhạ can thiệp. Thế là họ cùng nhau tới nhà thờ Bình An, cảm ơn Nhạ.

Công tác tình báo cấp thời của Vũ Ngọc Nhạ là tìm cách phục hồi gấp rút vị thế cũ trong chính quyền mới, trong khi đó tình thế chính trị trong bộ máy chính quyền do Hội Đồng Quân Nhân nắm giữ có dấu hiệu chia rẽ, nghi kỵ, việc tranh giành quyền lợi càng lúc càng tăng gay gắt.

Đối với người Mỹ, trong thâm tâm họ vốn không ưa người Pháp, mà Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng do Tướng Dương Văn Minh lãnh đạo, hầu hết xuất thân từ các lò đào tạo của quân đội Pháp, thậm chí có người được huấn luyện từ hạ sĩ quan. Vì lẽ đó, Đại Sứ Cabot Lodge không thể tiếp tục ủng hộ một nhóm người chưa từng qua cuộc trắc nghiệm “trung thành” do CIA làm giám khảo. Cabot Lodge phải “xài” họ ở giai đoạn “câu giờ” để tìm “thí sinh” hoàn toàn thân Mỹ.

Sau khi thăm Khâm Sứ Tòa Thánh trở về, Linh Mục Hoàng Quỳnh cho người gọi Vũ Ngọc Nhạ vào gặp. Với gương mặt đăm chiêu, Linh Mục Quỳnh bảo Nhạ:

- Cha cần con giúp cha một việc.

- Vâng! Thưa cha có chuyện chi? Nhạ trả lời.

- Hội Đồng Giám Mục toàn cầu sẽ họp ở La mã vào tháng tới. Bộ Truyền Giáo yêu cầu chúng ta tổ chức một buổi lễ trình bày hình ảnh về Công Đồng Vatican II, tại Sài Gòn. Khâm Sứ khuyên nên nỗ lực thực hiện theo chỉ thị của Bộ Truyền Giáo càng sớm càng tốt, với mục đích trấn an giáo dân, làm dịu bầu không khí căng thẳng giữa Công Giáo và Phật Giáo. Khâm Sứ Tòa Thánh có hỏi, “*Nên hay không nên tổ chức ngay tại xứ đạo Bình An?*” Cha chưa nghĩ ra cách trả lời nên cha rất lo. Con có ý kiến gì không?

Vũ Ngọc Nhạ trở tài lập công, nói:

- Vì do lệnh của Tòa Thánh và Khâm Xứ, dù khó khăn bao nhiêu xứ đạo chúng ta phải cố gắng hoàn thành thánh lệnh.

- Tổ chức rên rang liệu có êm không? Lỡ có chuyện gì xảy ra thì biết ăn nói làm sao? Linh Mục Quỳnh ưu tư.

- Nếu có tổ chức, con phải cố gắng lo phần an ninh để tránh mọi việc đáng tiếc xảy ra. Nhạ trả lời.

- Nhưng nếu Việt Công cho người len lỏi vào liệng lựu đạn như ở Huế, gây căm thù giữa giáo dân và Phật tử thì mình đối phó ra sao? Linh Mục Quỳnh nói

- Cha đừng lo. Nếu chúng ta tổ chức thì ép chính quyền gánh chung trách nhiệm. Nhạ trả lời.

Sau đó, Nhạ đích thân tới Tòa Đô Chính gặp Đô Trưởng Mai Hữu Xuân, kiêm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát xin giúp đỡ an ninh trật tự. Tướng Xuân lệ làng cử hai trung đội Cảnh Sát sắc phục và một số Cảnh Sát chìm tới giữ trật tự trong suốt buổi lễ.

Buổi lễ thành công mỹ mãn. Linh Mục Quỳnh hãnh diện tuyên bố:

- Thành công như thế này phải nói là nhờ tài tháo vát, uy tín và mối thân tình của thầy Nhạ đối với các tướng lãnh và Phật Giáo. Chính tôi cũng không ngờ chúng ta đã đạt được thành công như vậy.

Khâm Sứ Tòa Thánh tiếp lời Linh Mục Quỳnh:

- Thầy Nhạ là người có công với Giáo Hội Việt Nam và còn là ân nhân của nhiều gia đình có liên hệ với chánh phủ của ông Diệm.

Những lời khen ngợi trên khiến cho Nhạ phấn khởi và hồi tưởng lại trước đây. Nhờ núp bóng Linh Mục Từ, Nhạ tự son phết cho mình được một chỗ đứng tin cậy trong gia đình của ông Diệm. Bây giờ, Nhạ cần tìm lối đi mới và tạo cho mình một chỗ đứng mới. Muốn vậy, phải tạo dựng uy tín cho Linh Mục Quỳnh trước dư luận giáo dân và chánh phủ quân nhân; phải biến giáo xứ Bình An thành trung tâm mua bán, đổi chác chức tước. Cần lấy Bình An làm uy thế gây áp lực các chính khách và chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Không ai có thể bỏ qua Bình An mỗi khi miền Nam có chính biến hay thay đổi lãnh đạo.

Tướng Khiêm dự tính làm cuộc “chỉnh lý”.

Điểm danh những nhân vật chủ chốt cuộc đảo chánh đã tới nhà thờ Bình An thì Trung Tướng Trần Thiện Khiêm là người đến sau hết. Khi Linh Mục Quỳnh tiếp đón Tướng Khiêm, ông

có giới thiệu Nhạ. Ông nói:

- Việc đạo, xin Trung Tướng gặp tôi; còn việc chính trị, Trung Tướng hãy thảo luận với ông giáo đây vì tòa thánh đã khuyến cáo các giám mục và linh mục không nên xen vào việc chính trị. Ông giáo đây là thầy tu xuất nên đỡ phải ngại. Trung Tướng bàn với ông giáo cũng như bàn với tôi vậy.

Ông Quỳnh ngáp ngừng trong giây lát rồi tiếp tục:

- Ông giáo đây trước kia là phụ tá tình báo cho ông Cố Vấn Nhu, một cần lao thứ thiệt. Với Trung Tướng coi như người nhà tôi không dám dấu.

Tướng Khiêm mở lời:

- Dù mới lần đầu gặp ông giáo, từ lâu tôi đã nghe anh em đề cập rất nhiều về ông. Hôm nay tôi tới đây để xin vài ý kiến về tình hình chính trị hiện thời.

Nhạ giả vờ khiêm tốn, nhũn nhặn:

- Xin Trung Tướng hãy tiếp tục câu chuyện với cha Tổng và cho phép tôi được nghe chung.

Tướng Khiêm trực tiếp vô đề:

- Cuộc đảo chánh vừa rồi không thể không xảy ra vì thân nhân cố Tổng Thống Diệm đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng. Tuy nhiên, một số tướng lãnh chủ mưu sát hại Tổng Thống Diệm đã khiến đồng bào và quân đội không thể tha thứ. Vì việc giết hại Tổng Thống Diệm mà tình hình chính trị rối loạn như hiện nay. Những thủ phạm xuống tay hạ sát Tổng Thống Diệm đang sợ “kẻ khuất mặt” trả thù, cũng như sợ trách nhiệm trước dư luận nên gây ra chia rẽ trong hàng ngũ lãnh đạo. Họ đang ráo riết triệt hạ những tướng lãnh chủ trương đảo chánh nhưng không đồng ý giết Tổng Thống Diệm. Tướng Đính, là người có công đầu trong cuộc đảo chánh đã khóc khi nghe tin Tổng Thống bị giết, giờ này cũng bị Dương Văn Minh kiềm chế và tìm cơ hội trả thù.

Tôi nắm vững tin tức là họ dự định xóa bỏ Ấp Chiến Lược

và làm những việc có hại cho quốc gia và Thiên Chúa Giáo. Vì thế, tôi cấp tốc đến gặp cha và ông giáo để cùng nhau tìm ra một giải pháp cứu nguy quốc gia và cho giáo hội chúng ta.

Có lẽ để thăm dò phản ứng từ Linh Mục Hoàng Quỳnh và ông giáo Nhạ, Tướng Khiêm chấm dứt câu chuyện mà chưa đưa ra ý kiến của ông.

Ông giáo Nhạ tuôn ra những lời chuyên nghiệp của một nhân viên tình báo:

- Nghe Trung Tướng cho biết những điều vừa rồi, tôi thấy tất cả chúng ta phải có trách nhiệm. Cha Tổng xem Trung Tướng như người trong nhà, vậy xin Trung Tướng cứ nói hết những ý định để cùng nhau tìm ra cách đối phó.

Tướng Khiêm nói tiếp:

- Tôi có bằng chứng Tướng Minh sẽ mở đường hòa giải với Bắc Việt. Ai cũng biết các Tướng Minh, Đôn, Kim, Xuân là những người thân Pháp, trong khi Pháp lại chủ trương trung lập hóa Việt Nam. Đây là một sự kiện nguy hại cho giáo hội Thiên Chúa Giáo, vì cả bốn nhân vật này đều là Phật Giáo. Họ liên kết chặt chẽ để đưa Phật Giáo lên hàng quốc giáo.

- Nếu đúng như lời Trung Tướng vừa nói thì tình hình sẽ biến chuyển theo chiều hướng bất lợi cho tiền đồ nước Việt Nam. Nhạ nói.

- Trung Tướng có quả quyết là họ dám thực hiện không? Linh mục Quỳnh hỏi.

- Tôi xin chịu trách nhiệm với cha về những điều tôi vừa trình bày. Tướng Khiêm trả lời.

- Còn về phía người Mỹ thì sao? Chẳng lẽ Hoa Kỳ ngó lơ để họ làm bậy? Linh Mục Quỳnh hỏi:

- Chính điều này làm người Mỹ hết sức lo lắng và bức bối. Tướng Khiêm trả lời.

Linh Mục Quỳnh băn khoăn:

- Vậy mình phải có biện pháp ngăn chặn họ. Các ông có biện pháp dự liệu nào chưa?

- Chúng tôi quyết định lật đổ nhóm Dương Văn Minh và triệt hạ luôn Tướng Đính, mặc dù hiện này Tướng Đính đang bị nhóm của ông Minh chèn ép. Tướng Khiêm trả lời.

- Hiện giờ các ông có đủ lực lượng đảo chánh chưa? Linh mục Quỳnh hỏi.

- Chúng tôi có đầy đủ quân để hạ bệ nhóm Minh. Điều mà tôi cần hiện nay là sự ủng hộ của xứ đạo Bình An vào các giáo dân. Tôi cũng rất e ngại về Phật Giáo Ấn Quang vì nhóm này đang hỗ trợ đắc lực cho Tướng Minh và nhóm của ông ta. Tướng Khiêm nói.

Vũ Ngọc Nhạ xen vào hỏi:

- Trung Tướng có cần tiến hành gấp không?

- Chúng tôi đợi kết nạp thêm một số lực lượng ở miền Tây, nhưng thời gian hành động không thể kéo dài lâu.

- Tôi suy đoán là người Mỹ sẽ rất khó chịu, nếu Sài Gòn xảy ra thêm một cuộc đảo chánh nữa. Nhạ nói.

- Ông giáo chớ lo lắng. Chúng tôi tiến hành thầm lặng, không gây ồn ào, làm dư luận sôi động, không gây đổ máu nhưng sẽ đạt mục đích. Tướng Khiêm quả quyết.

Ông giáo Nhạ nói:

- Theo lời cha Tổng dạy, Tòa Thánh Vatican ngăn cấm giáo hội liên can tới chính trị, nhưng chúng tôi có trách nhiệm với quốc gia, chúng tôi lấy tư cách là công dân sẽ tiếp tay Trung Tướng. Chúng tôi chỉ yêu cầu Trung Tướng thông báo cho chúng tôi kịp thời các diễn biến để chúng tôi có hành động hỗ trợ phù hợp.

Tướng Khiêm nói:

- Hôm nay, tôi tới đây nhờ cha và ông giáo ủng hộ lâu dài đối với chính sách đối ngoại, đối nội, và chính trị sau này. Mọi

việc đều được xin chỉ thị của cha.

Linh Mục Quỳnh dè dặt:

- Việc ngắn hạn mình nên lo trước. Tôi khoan hứa việc dài hạn. Nhưng lực lượng của ông đã đủ và sẵn sàng chưa?

- Tôi hiện có đủ lực lượng của trong tay. Các tướng cầm quyền hiện giờ không có quân để trực tiếp chỉ huy. Binh sĩ hiện nay thực sự dưới quyền chỉ huy của tôi. Tướng Khiêm nói.

- Tôi biết Trung Tướng có tới Tòa Khâm Sứ và Tòa Tổng Giám Mục. Vậy ý kiến bề trên như thế nào? Linh Mục Quỳnh hỏi.

- Tôi đã yết kiến các vị này như lần thăm xã giao, nhưng không dám tiết lộ bí mật như bữa này trình cha.

- Tôi không hiểu tại sao các tướng liên hiệp với Phật Giáo, mà còn thường xuyên tới Bình An làm chi?

- Họ là những người bắt cá hai tay vì họ hiểu rõ vị thế của cha.

Chính cha là người đã thảo ra bản tuyên ngôn ủng hộ Hội Đồng Tướng Lãnh. Chỉ cần có cha ủng hộ thì các tôn giáo khác cũng liên minh với cha để ủng hộ chánh phủ đó. Tướng Khiêm nói.

Nhạ ngồi nghe mà sốt ruột vì y muốn biết tin tức cụ thể các biến cố dồn dập đang xảy ra tại chính trường Sài Gòn và trong nội bộ Hội Đồng Tướng Lãnh.

Nhạ cần moi tin tức để báo cáo về “Cục Chính Trị” từng giờ, chờ đợi Nhạ chuyển tin ra Hà Nội. Y cần bàn luận với Tướng Khiêm để khai thác những mẩu tin quý giá nên mở lời:

- Căn cứ theo những tin tức Trung Tướng vừa thông báo,



*Đại Tướng Trần Thiện
Khiêm, 1960...*

chúng tôi bớt lo hơn và sẽ hợp tác với quý vị lâu dài về sau. Tuy nhiên, các lời Trung Tướng nói trước đây đã khiến cha Tổng hội họp không ít. Phe đối nghịch của Trung Tướng đông lắm. Làm sao có thể cùng một lúc triệt hạ hết năm Tướng Đôn, Kim, Xuân, Đính, và Minh? Theo thiên ý của tôi, mình nên tiến hành êm ả và tia dần thì hay hơn.

Tướng Khiêm tự tin, mạnh mẽ xác định vấn đề:

- Dưới hình thức chính lý, chúng tôi thừa sức đốn ngã các tướng trong Hội Đồng Quân Nhân cùng một lúc. Kế hoạch không gây đổ máu, không có tiếng súng.

Hoa Kỳ đã quyết định rồi. Phe Dương Văn Minh chỉ làm một việc đơn thuần là thanh toán chế độ ông Diệm. Phần vụ việc đó coi như đã xong. Ông Nguyễn Ngọc Thơ là giải pháp trái độn. Chúng tôi mới thực sự được Hoa Kỳ chọn thành lập một chính phủ có khả năng đảm đương cuộc chiến chống Cộng Sản. Người Mỹ đã muốn như vậy.

Trước khi ra về, Trung Tướng Khiêm nói sẽ chu toàn lời hứa. Có nghĩa ông ta sẽ cung cấp đầy đủ danh sách những người theo phe mình, đồng thời hợp tác chặt chẽ với xứ đạo Bình An trên mọi phương diện, sau khi ông chỉnh lý xong.

Đáp lại, Linh Mục Quỳnh cam kết sẽ triệt để ủng hộ về mặt tinh thần, cũng như lãnh vực chính trị để giúp Tướng Khiêm hoàn thành tốt đẹp kế hoạch chỉnh lý.

Khi Tướng Khiêm rời khỏi nhà thờ Bình An, Linh Mục Quỳnh nói với “Thầy Bốn” Nhạ:

- Những lời của Tướng Khiêm có xác thực không?

- Rất chính xác. Dù vậy con cũng phải phối kiểm lại. Hiện giờ Hội Đồng Quân Nhân rối beng, ngò vục lẫn nhau, đang tính kế hất cẳng nhau. Giải pháp Minh -Thơ vừa rồi do Hoa Kỳ dựng lên chỉ là một lá bài tạm thời. Tướng Khiêm xa gần tự giới thiệu mình là người của Mỹ. Nếu bây giờ Mỹ định hoán đổi con bài thì cũng là chuyện đương nhiên. Tướng Khiêm

dám hành động là vì có Cabot Lodge đứng sau lưng yểm trợ.

Linh Mục Quỳnh hỏi:

- Những người cộng sự với Tướng Khiêm trong lúc này gồm có ai?

“Thầy Bốn” Nhạ đáp:

- Theo con dò xét thì hiện giờ Tướng Khiêm thường liên lạc với Thiếu Tướng Thiệu và Đại Tá Cao Văn Viên Nhảy Dù.

- Trong thời gian vừa qua, các tướng kia đều tới đây chuyện trò thân mật với mình. Bất đắc dĩ phải ủng hộ Tướng khiêm thì mình phải làm sao?

- Chúng ta sẽ ủng hộ cả hai.

Miễn sao họ phải phức trình chính xác các diễn biến để chúng ta lo việc của chúng ta. Công việc của xứ đạo Bình An là do Tòa Khâm Xứ và Vatican quyết định. Đối với Phật Giáo, chúng ta liên minh kết hợp lâu dài. Giã thừa Hoa Kỳ bỏ rơi nhóm của ông Minh thì quả thật Phật Giáo Ấn Quang chẳng gặt hái được gì, sau những tháng năm quyết tâm hạ ông Diệm.

Linh Mục Quỳnh tỏ vẻ đồng ý với Nhạ, rồi ông trách móc:

- Người Mỹ sao hay có tánh thay lòng đổi dạ, chẳng bù với người Pháp có nhiều đức tính thủy chung. Người Pháp không bao giờ bỏ rơi Công Giáo Việt Nam. Dù thua Việt Minh, nhưng họ vẫn dàn xếp đưa cả triệu người Công Giáo vô Nam.

Linh Mục Quỳnh cũng như Tướng Khiêm đâu ngờ rằng những chuyện bàn luận với nhau giữa ba người đã bị tên Nhạ, mang danh “Thầy Bốn” nghiên cứu, đúc kết chuyển cho Cục R và Cục Chính Trị ở Hà Nội.

Sau buổi tiếp Tướng Khiêm và sau khi phân tích tình hình, Nhạ nhận thấy Hoa Kỳ đã tuyển xong con bài mới để thay thế



*Trung Tướng Nguyễn
Khánh, 1964.*

những khuôn mặt có một thời là tay chân của Pháp. Con bài mới do Cabot Lodge chấm điểm.

1. Tướng Khiêm trầm mặc, ít nói và ít khi muốn nói, đầy ắp thủ đoạn, chỉ có khả năng đảo chánh, không có khả năng lãnh đạo quốc gia. Vì nói năng không lưu loát nên Tướng Khiêm không có mối giao thiệp sâu rộng với các chính khách.

2- Tướng Khánh bộ chộp, nói nhiều, thích khoe khoang, lộng hãnh mưu đồ muốn làm quốc trưởng, đặc biệt dễ điều khiển.

Bản nhận định tình hình sau đó được Cụm A2 tức tốc chuyển vô Cục R của Việt Cộng. Tướng Cộng Sản Nguyễn Chí Thanh, Tư Lệnh Lực Lượng Võ Trang Miền Nam ở tận trong rừng sâu, nhưng biết rất rõ biến cố sắp xảy ra ở Sài Gòn.

Tướng Khiêm hành động.

Chiều ngày 30 tháng Giêng năm 1964, Tướng Khiêm gọi điện thoại ra Đà Nẵng gọi Tướng Khánh về Sài Gòn liền, rồi gọi điện thoại cho Tướng Viên:

- ‘Sẵn sàng chưa? Tôi nay nhé!’

- “Đã sẵn sàng.” Đại Tá Viên trả lời.

Ba giờ sáng ngày 31 tháng Giêng 1964, các tư dinh của sáu Tướng Đôn, Kim, Xuân, Đính, Vỹ, và Minh đã bị lực lượng Nhảy Dù của Đại Tá Viên và Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến của Thiếu Tá Cổ Tân Tinh Châu đồng loạt bao vây cùng một lúc.

Trước đó, Tướng Khiêm đã ra lệnh cơ quan truyền tin cúp hết điện thoại nối với các tư dinh của sáu tướng. Vì không liên lạc được với nhau nên họ đành chịu thúc thủ, bị đưa thẳng lên phi trường Tân Sơn Nhất rồi đưa lên phi cơ tới Mỹ Khê quản thúc. Sau đó, các Tướng Đôn, Kim, Xuân, Đính, Vỹ (ở *Pháp* về) bị chuyển đến Đà Lạt và bị quản thúc tại đây.

Đích thân Đại Tá Cao Văn Viên đã dẫn một toán lính Nhảy Dù đến bao vây tư dinh Hoa Lan của Tướng Dương Văn Minh, vây bắt Thiếu Tá Nguyễn Văn Nhung (được *nghe* đồn

là người đã hạ sát hai anh em ông Diệm) đang ở trong dinh và đưa về giam giữ tại trại Nhảy Dù Hoàng Hoa Thám.

Khi biết tin, Tướng Minh hỏi ai là người bắt viên sĩ quan cận vệ. Đại Tá Viên đã trả lời:

- Thừa Trung Tướng, Tướng Khiêm ra lệnh cho tôi bắt hồi hôm.

Tướng Minh nhắc điện thoại định gọi cho ai đó nhưng không được vì đường dây đã bị cúp rồi.

Khi nghe tin Đại Tá Cao Văn Viên và Thiếu Tá Cổ Tấn Tinh Châu báo cáo đã hoàn thành nhiệm vụ, Tướng Khiêm nói với Tướng Khánh:

- Nhiệm vụ của tôi đã xong. Phần còn lại giao cho anh đảm trách.

- Công của anh thì anh làm luôn đi. Tướng Khánh nói.

- Kế hoạch đã định sẵn rồi, trách nhiệm của anh lo điều hành chính phủ. Sáng mai anh lo chuẩn bị họp báo. Nhớ xoáy sâu vào chuyện của nhóm Dương Văn Minh muốn trung lập thân Pháp. Tôi vì phải thức cả đêm nên mệt mỏi và buồn ngủ. Tôi cần phải nghỉ ngơi không họp báo với anh được.

Đại Tá Nguyễn Chánh Thi từ ngoài Vùng 1 đã đánh hơi ở Sài Gòn có biến động, bay vào. Gặp lúc Tướng Nguyễn Khánh chuẩn bị họp báo, ông Thi ngồi kế bên ông Khánh khiến dư luận nghĩ rằng cuộc “chỉnh lý” do ông Khánh và Thi chủ động.

Tướng Khiêm, Đại Tá Viên, và Thiếu Tá Châu lui vào hậu trường, nên chẳng ai biết đến công trạng.

Sáng ngày 31 tháng Giêng 1964, Đài Phát Thanh Sài Gòn cho phát thanh bản tuyên cáo của Tướng Nguyễn Khánh “thiệt thà’ giải nghĩa vì nguyên nhân nào ông phải làm cuộc “chỉnh lý”.

“Từ ba tháng nay, tình hình đất nước suy sụp về mọi mặt.

Chính quyền tỏ ra bất lực. Một số ngả theo thực dân Pháp muốn đưa đất nước trở thành trung lập, thân Pháp, theo lập trường của Tổng Thống Pháp De Gaulle. Do đó, một lần nữa, quân đội phải đứng lên can thiệp.”

Đó là nội dung bản tuyên cáo của Trung Tướng Nguyễn Khánh.

(còn tiếp)

Đính Chính Đa Hiệu 120

Đọc là:

1. **Trang 104, phần a:** Trung Tá Nguyễn Cao Vực (Khóa 13), Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng Đức Lập, Quảng Đức. Khi tử thủ tại Đức Lập vào ngày 9 tháng 3/75, ông bị thương nhẹ nhưng còn sống và đã thoát được vòng vây, tìm đường về Sài Gòn. Đặc biệt ông đã di tản ra khỏi nước, vào 30.4.75. và đã qua đời do ung thư tại California (khoảng năm 2003).

2. **Trang 107:** chú thích hình Th/Tg Phạm Văn Phú.

3. **Trang 205:** NT Lê Huấn tốt nghiệp Khóa 18.

4. **Trang 336:** Phu nhân của Trung Tướng Phạm Quốc Thuần, K5/ TVBQGVN.

Các chi tiết này đã được thông báo, điều chỉnh ngay trên group, cũng như trên website:

<http://tvbqgvn.org/dahieu6/dahieu120.htm>



TỔNG HỘI CSVSO TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG ĐOÀN THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU
Ban Chấp Hành Tổng Đoàn
Phone: 832-630-1785 - Email: ttndh.us@gmail.com



Thông Báo

Học Bổng Võ Bị dành cho hậu duệ Võ Bị tại Việt Nam
Niên Học 2021-2022

Bảo trợ bởi Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Kính thưa đại gia đình Võ Bị,

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu xin kính thông báo cùng quý vị chương trình Học Bổng Võ Bị dành cho hậu duệ Võ Bị tại Việt Nam.

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu xin tiếp tục chương trình Học Bổng Võ Bị cho hậu duệ Võ Bị tại Việt Nam nhằm các mục đích như sau:

Nói kết tình thân giữa hậu duệ Võ Bị tại hải ngoại và quốc nội.

Khuyến khích lòng hiếu học của hậu duệ Võ Bị trong nước. Phụ giúp phí bút mực cho các hậu duệ Võ Bị.

Học Bổng Võ Bị tuy khiêm nhường nhưng gói ghém rất nhiều những tình cảm, quan tâm của hậu duệ hải ngoại dành cho hậu duệ tại Việt Nam.

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu kính mong quý cô, chú, bác chuyển thông tin này đến các cô chú bác thuộc gia đình Võ Bị đang sinh sống tại quê nhà để Học Bổng Võ Bị sẽ được gửi đến tay các hậu duệ.

Chi tiết, điều kiện và thể thức ghi danh để nhận HBVB

Học Bổng Võ Bị bao gồm:

- Học Bổng Tiểu Học - từ lớp 1 đến lớp 5: \$50/giải.
- Học Bổng Trung Học Đệ Nhất Cấp - từ lớp 6 đến lớp 9: \$100/giải.
- Học Bổng Trung Học Đệ Nhị Cấp - từ lớp 10 đến lớp 12: \$150/giải.
- Học Bổng Đại Học: \$200/giải.

Điều kiện và thể thức ghi danh:

- Ứng cử viên phải là con, cháu, chắt của các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
- Ứng cử viên phải hoàn tất đơn ghi danh nhận HBVB.
- Ứng cử viên phải viết một đoạn văn ngắn cho biết tại sao mình xứng đáng nhận Học Bổng Võ Bị (tối thiểu 100 từ cho các em bậc Tiểu Học, 200 từ cho các em bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp và 300 từ cho các em bậc Trung Học Đệ Nhị Cấp và 400 từ cho các em bậc Đại Học).

Đối với những em đã nhận được Học Bổng Võ Bị năm học 2020-2021, xin gửi Tổng Đoàn cập nhật việc học của các em, để Học Bổng Võ Bị sẽ tiếp tục song hành cùng các em trong hành trình trau dồi trí thức.

Đơn ghi danh xin được gửi về điện thư của TĐ TTNDH:

TỔNG ĐOÀN THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU

CELL PHONE: 832-630-1785

EMAIL ADDRESS: TTNDH.US@GMAIL.COM

- Thời gian trao giải HBVB sẽ được bắt đầu từ ngày 15 tháng Hai và hoàn tất vào ngày 28 tháng Hai năm 2022.

Tổng Đoàn TTNDH kính mong quý cô, chú, bác chuyên giúp thông tin này đến hậu duệ Võ Bị tại Việt Nam để chúng con có thể nối kết tình thân với các anh chị em qua hoạt động này.

Chúng con kính gửi lời cảm ơn đến đại gia đình Võ Bị đã

luôn ủng hộ vật chất lẫn tinh thần cho những hoạt động của chúng con.

Kính chúc đại gia đình Võ Bị của mình luôn được nhiều sức khỏe, an vui!

Ngày 12 tháng 11, năm 2021

Kính,



Huỳnh Thủy Tammy K.19/2
Tổng Đoàn Trưởng TĐ TTNDH

MẪU ĐƠN GHI DANH:

Download tại:

<http://tvbqgvn.org/truyenthong/thanhthieunien/donghidanh21fillable.pdf>



Sức Khỏe và Bình An!

Yểm Trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH

(Tổng kết tới ngày 1 tháng 9 năm 2021)

Thưa các mạnh thường quân,

Tháng 7/2021, Ban Xã Hội của Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN đã tổ chức đợt quyên góp từ các mạnh thường quân trong đại gia đình Võ Bị, cùng thân hữu trong ngoài đóng góp cho Hội H.O. Cứu Trợ Thương Phế Binh và Quả Phụ VNCH, thông qua **ĐẠI NHẠC HỘI CÁM ƠN ANH KỶ 14** được tổ chức vào ngày 28 tháng 8 năm 2021 tại Nam California, Hoa Kỳ, nhằm trợ giúp các Thương Binh và các Quả Phụ VNCH, còn gặp vô vàn khó khăn tại quê nhà.

Vào buổi sáng của Đại Hội, CSVSQ Tổng Hội Trưởng Nguyễn Văn Thiệt đã trao tám check tượng trưng **31.050 Mỹ Kim** đến Ban Tổ Chức Đại Nhạc Hội. Sau đó, ngày 1 tháng 9 năm 2021, CSVSQ Phan Văn Lộc, Thủ Quỹ, cũng đã chuyển giao thêm các check cuối cùng thực tế đã nhận, tổng cộng **1480 Mỹ Kim** đến Thủ Quỹ của Hội HO. *(Đã nhận thêm từ Liên Hội Võ Bị Châu Á, tương đương 1300 Euro.)*

Hội HO cũng đã gửi thư cảm ơn đến Tổng Hội Võ Bị với số tiền nhận được là **34.730 Mỹ Kim**. *(Hội HO sẽ căn cứ địa chỉ trên check và gửi thư cảm ơn đến từng mạnh thường quân.)*

Đại diện Tổng Hội Võ Bị, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến các mạnh thường quân, bao gồm gia đình các CSVSQ Võ

Bị và thân hữu trong ngoài. Việc đóng góp của quý vị mạnh thường quân luôn là nghĩa cử cao đẹp, thể hiện lòng nhân ái giữa người với người, là truyền thống của người Việt Nam “lá lành đùm lá rách”, là tình đồng đội cao quý của các chiến hữu đã một thời cùng chung chiến đấu.

Tổng Hội cũng đặc biệt cảm ơn Khóa 19 CSVSQ và các thân hữu đã đi đầu trong việc quyên góp này, với số tiền quyên góp được là 15.984 Mỹ Kim. Việc đóng góp của quý vị thật đặc biệt, luôn mang ý nghĩa tích cực, thể hiện trách nhiệm đối với các chiến hữu của chúng ta.

Trân trọng,

Phan Văn Lộc, K30
Thủ Quỹ

Hoàng Như Cầu, K28
Trưởng Ban Xã Hội

DANH SÁCH YẾM TRỢ:

Để xem danh sách mạnh thường quân, xin vào:

<http://tvbqgvn.org/truyenthong/thuongbinhquaphu-vnch2021/danhsachyemtrothuongbinh2021.htm>

CHÚ THÍCH:

Hội HO Cứu Trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH vẫn tiếp tục nhận trợ giúp của các quý vị mạnh thường quân, để có điều kiện gửi giúp Thương Binh và Quả Phụ còn ở quê nhà.

Nếu quý vị có quan tâm, xin liên lạc trực tiếp hoặc gửi check đến:

Hội HO Cứu Trợ Thương Binh và Quả Phụ VNCH
PO. Box 25554
Santa Ana, CA 92799
(714) 837-5998 (888) 754-8899



DANH SÁCH
CSVSQ & THÂN HỮU
YẾM TRỢ TẬP SAN ĐA HIỆU 120

(Tính tới ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số Tiền
1	Mrs Nguyễn Văn Lợi	K03/1	50.00
2	Mrs. Nguyễn Xuân Thịnh	K03/1	50.00
3	Mrs Tạ Thái Bình	K04/1	40.00
4	Mr. Nguyễn Đình Hoà	K04	100.00
5	Mr Bùi Trâm	K05	30.00
6	Mr. Nguyễn Xuân Cung	K06/2	50.00
7	Mr. Phạm Ngọc Thiệp	K07	20.00
8	Mr. Nguyễn Văn Thọ	K07	100.00
9	Mr. Lò Cẩm Bảo	K08	100.00
10	Mr. Điều Ngọc Chánh	K08	40.00
11	Mr. Nguyễn Quốc Hoàng	K08	30.00
12	Mr. Trần Kiên	K08	40.00
13	Mr. Lợi Nguyễn Tấn	K08	30.00
14	Mr. Đan Đình Cận	K09	30.00
15	Mr. Lê Bá Đô	K10	60.00
16	Mr. Nguyễn Lộc	K10	50.00
17	Mr. Nguyễn Văn Lượ	K10	50.00
18	Mr. Vòng A Sĩ	K10	30.00
19	Mr. Dương Cao Sơn	K10	50.00

20	Mr.	Nguyễn Xuân	Thảo	K10	30.00
21	Mr.	Trương Quang	Thương	K10	50.00
22	Mr.	Phan Bá	Cát	K11	20.00
23	Mr.	Trương Minh	Ngộ	K11	20.00
24	Mr.	Lý Kim	Vân	K11	100.00
25	Mr.	Dương Văn	Chương	K12	30.00
26	Mr.	Chung Bình	Đệ	K12	50.00
27	Mr.	Lê Văn	Giàu	K12	40.00
28	Mr.	Nguyễn Ngọc	Hot	K12	50.00
29	Mr.	Trần Thượng	Khải	K12	30.00
30	Mr.	Ngô Như	Khuê	K12	50.00
31	Mr.	Trần Văn	Thanh	K12	75.87
32	Mr.	Nguyễn Xuân	Thương	K12	100.00
33	Mr.	Ngô Thanh	Tùng	K12	30.00
34	Mr.	Nguyễn Hoài	An	K13	30.00
35	Mr.	Ngô Tài	Chiêu	K13	50.00
36	Mrs.	Nguyễn Tấn	Định	K13/1	30.00
37	Mr.	Trần Ngọc	Thạch	K13	60.00
38	Mr.	Nguyễn Cao	Đàm	K14	50.00
39	Mr.	Trần Tiến	Đạo	K14	30.00
40	Mr.	Cao Xuân	Lê	K14	40.00
41	Mr.	Phạm Văn	Phước	K14	15.00
42	Mr.	Nguyễn Ngọc	Thạch	K14	20.00
43	Mrs.	Nguyễn Trọng	Mạc	K15/1	100.00
44	Mr.	Lý Văn	Mẹo	K15	40.00
45	Mr.	Lê Văn	Trước	K15	30.00
46	Mr.	Nguyễn Ngọc	Ánh	K16	50.00
47	Mr.	Trần Văn	Bá	K16	100.00
48	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	K16	100.00
49	Mr.	Phạm Minh	Đức	K16	50.00
50	Mr.	Phạm Văn	Dũng	K16	50.00
51	Mr.	Nguyễn	Hải	K16	50.00
52	Mr.	Trần Văn	Hiền	K16	50.00
53	Mr.	Cao Quang	Khôi	K16	50.00
54	Mr.	Lê Quang	Lộc	K16	50.00
55	Mr.	Lê Hữu	Minh	K16	50.00

56	Mrs.	Nguyễn Như	Phú	K16/1	20.00
57	Mrs.	Trần Đình	Bảo	K17/1	50.00
58	Mr.	Nguyễn Văn	Hoàng	K17	30.00
59	Mr.	Vũ Khắc	Huy	K17	50.00
60	Mrs	Nguyễn Đại	Lý	K17/1	100.00
61	Mr.	Đình Văn	Mãng	K17	100.00
62	Mr.	Nguyễn Văn	Nhạc	K17	30.00
63	Mr.	Nguyễn Xuân	Tám	K17	25.00
64	Mrs.	Nam Sinh	Tín	K17/1	40.00
65	Mrs.	Nguyễn Quang	Trung	K17	50.00
66	Mrs.	Trần Minh	Vũ	K17/1	30.00
67	Mr.	Ngô Văn	Xuân	K17	30.00
68	Mr.	Nguyễn	Bê	K18	50.00
69	Mr.	Trần Văn	Bường	K18	30.00
70	Mr.	Lương Công	Cần	K18	50.00
71	Mr.	Nguyễn Chánh	Dật	K18	50.00
72	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	K18	50.00
73	Mr.	Lê Ngọc	Hung	K18	50.00
74	Mrs.	Quách Xuân	Hương	K18/1	50.00
75	Mr.	Trần Nguyên	Khoa	K18	50.00
76	Mr.	Nguyễn Khoa	Lộc	K18	50.00
77	Mr.	Tinh A	Nhi	K18	100.00
78	Mr.	Cao Quốc	Quới	K18	50.00
79	Mr.	Phạm Trọng	Sách	K18	30.00
80	Mr.	Hoàng Xuân	Thời	K18	30.00
81	Mr.	Nguyễn Đình	Trà	K18	50.00
82	Mrs	Nguyễn Văn	Xuân	K18/1	30.00
83	Mr.	Huỳnh Ngọc	Ân	K19	50.00
84	Mr.	Tô Văn	Cấp	K19	50.00
85	Mr.	Nguyễn	Chí	K19	30.00
86	Mrs.	Lê Văn	Cứ	K19/1	20.00
87	Mrs	Đỗ Tự	Cường	K19/1	100.00
88	Mr.	Đỗ	Đăng	K19	50.00
89	Mr.	Trần Kim	Đức	K19	50.00
90	Mr.	Võ Trọng	Em	K19	50.00
91	Mr.	Nguyễn Văn	Gio	K19	20.00

92	Mr.	Hồ Văn	Hạc	K19	50.00
93	Mr.	Chu Văn	Hải	K19	30.00
94	Mr.	Nguyễn Đình	Hoan	K19	30.00
95	Mr.	Hồ	Lệ	K19	30.00
96	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	K19	40.00
97	Mr.	Nguyễn Bá	Luân	K19	35.00
98	Mrs.	Nguyễn Thị	Minh	K19/1	50.00
99	Mr.	Đỗ Văn	Mười	K19	50.00
100	Mr.	Bùi Văn	Nam	K19	50.00
101	Mr.	Nguyễn	Nho	K19	100.00
102	Mr.	Ngô Hữu	Quế	K19	50.00
103	Mr.	Lâm Văn	Rót	K19	113.00
104	Mr.	Kâng Tum	Son	K19	40.00
105	Mr.	Nguyễn Thành	Sơn	K19	30.00
106	Mr.	Trương Thanh	Sương	K19	30.00
107	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	K19	40.00
108	Mr.	Trương Văn	Thái	K19	50.00
109	Mr.	Nguyễn Văn	Thọ (E)	K19	50.00
110	Mr.	Nguyễn Hữu	Thuận	K19	50.00
111	Mr.	Nguyễn Văn	Triệu	K19	100.00
112	Mr.	Trần	Vệ	K19	20.00
113	Mrs.	Ngô	Chương	K20/1	50.00
114	Mr.	Lê Văn	Đoàn	K20	50.00
115	Mr.	Nguyễn Thành	Hiếu	K20	20.00
116	Mrs.	Trịnh Tiến	Hùng	K20/1	50.00
117	Mr.	Trần Đồng	Hung	K20	60.00
118	Mr.	Lê Quang	Liễn	K20	40.00
119	Mr.	Nguyễn Cao	Nghiêm	K20	30.00
120	Mr.	Nguyễn Đình	Ngô	K20	30.00
121	Mr.	Quách	Thượng	K20	100.00
122	Mr.	Bùi Văn	Thượng	K20	50.00
123	Mr.	Phạm Văn	Tiền	K20	50.00
124	Mr.	Nguyễn Khắc	Tung	K20	25.00
125	Mr.	Vũ Tuấn	Việt	K20	30.00
126	Mr.	Nguyễn Văn	Vọng	K20	20.00
127	Mr.	Võ Minh	Hòa	K21	100.00

128	Mr.	Đông Duy	Hùng	K21	50.00
129	Mr.	Nguyễn	Robert	K21	30.00
130	Mr.	Lê	Thắng	K21	50.00
131	Mr.	Nguyễn Khắc	Thuận	K21	100.00
132	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	K21	40.00
133	Mr.	Trương Văn	Minh	K22	100.00
134	Mr.	Trương Văn	Phổ	K22	30.00
135	Mrs.	Mai Vĩnh	Phu	K22/1	50.00
136	Mr.	Huỳnh Vinh	Quang	K22	30.00
137	Mr.	Trương Văn	Tăng	K22	50.00
138	Mr.	Phạm Quang	Thành	K22	30.00
139	Mr.	Lê Văn	Ba	K23	30.00
140	Mr.	Lê	Hoành	K23	50.00
141	Mr.	Bùi Văn	Hồng	K23	50.00
142	Mr.	Bùi Văn	Hung	K23	50.00
143	Mr.	Hồ Văn	Quyñh	K23	40.00
144	Mr.	Trần Văn	Tâm	K23	30.00
145	Mr.	Châu Văn	Trí	K23	50.00
146	Mr.	Trần Văn	Tỷ	K23	30.00
147	Mr.	Nguyễn Văn	Niên	K24	50.00
148	Mrs	Vũ Kim	Thọ	K24/1	60.00
149	Mr.	Phạm Văn	Tiền	K24	140.66
150	Mr.	Lại Đình	Hợi	K25	50.00
151	Mr	Đặng Văn	Khanh	K25	113.00
152	Mr.	Phùng	Lâm	K25	100.00
153	Mr.	Hà Xuân	Lộc	K25	50.00
154	Mr.	Ngô Hồng	Sương	K25	100.00
155	Mr.	Võ Văn	Xuyên	K25	50.00
156	Mr.	Nguyễn Văn	Bên	K26	50.00
157	Mr.	Châu Văn	Hai	K26	30.00
158	Mr	Đào Quý	Hùng	K26	100.00
159	Mr.	Hoàng Kim	Long	K26	50.00
160	Mr.	Mai Cửu	Long	K26	50.00
161	Mr.	Nguyễn Văn	Lượng	K26	100.00
162	Mr.	Nguyễn Đăng	Mộc	K26	20.00
163	Mr.	Nguyễn Thiện	Nhơn	K26	50.00

164	Mr.	Nguyễn Văn	Tảo	K26	50.00
165	Mr.	Nguyễn Văn	Tạo	K26	50.00
166	Mr.	Trương	Thanh	K26	50.00
167	Mr.	Tô	Thành	K26	50.00
168	Mr.	Vũ Thế	Thủ	K26	30.00
169	Mr.	Nguyễn Văn	Trí	K26	50.00
170	Mr.	Vũ Kim	Trọng	K26	50.00
171	Mr.	Hà Mai	Trường	K26	50.00
172	Mr.	Phan Anh	Tuấn	K26	100.00
173	Mr	Lục Văn	Chiêu	K27	113.00
174	Mr.	Trần Hữu	Hạnh	K27	56.50
175	Mr.	Nguyễn Văn	Lễ	K27	50.00
176	Mr.	Nguyễn Tấn	Long	K27	30.00
177	Mr.	Nguyễn Duy	Niên	K27	30.00
178	Mrs.	Hoàng Thị	Sâm	K27/1	50.00
179	Mr.	Dương Đình	Hưởng	K28	30.00
180	Mr.	Hoàng Đức	Lộc	K28	50.00
181	Mr.	Nguyễn Trung	Long	K28	100.00
182	Mr.	Trần Tuấn	Ngọc	K28	140.66
183	Mr	Nguyễn Văn	Nhân	K28	30.00
184	Mr.	Trần	Tường	K28	50.00
185	Mr.	Nguyễn Đoàn	Cường	K29	30.00
186	Mr.	Đỗ Trọng	Kiên	K29	50.00
187	Mr.	Phạm Tấn	Lộc	K29	20.00
188	Mr.	Đặng Thành	Long	K29	50.00
189	Mr.	Phan Văn	Ý	K29	50.00
190	Mr.	Phạm Văn	Dũng	K30	40.00
191	Mr.	Võ	Nuôi	K30	141.72
192	Mr.	Lê Hoàng	Sơn	K30	60.00
193	Mr.	Trần Việt	Trung	K30	76.46
194	Mr.	Nguyễn Ngọc	Báu	K31	50.00
195	Mr.	Võ Tất	Thắng	K31	50.00
196		Liên Hội Võ Bì	Âu Châu		226.00
197		Phân Hội Tây	Âu (Pháp, Anh, Thụy Sĩ)		226.00
198	Mr.	Vũ Ngô	Cường	VHV	100.00
199	Mr	Huỳnh Thạnh	Đức	VHV	100.00

200	Mr	Nguyễn Hào Kiệt	VHV	100.00
201	Mr	Nguyễn Xuân Quỳnh	VHV	100.00
202	Mr	Hồ Thanh Tâm	VHV	100.00
203	Mr.	Nguyễn Đình Ái	TH	20.00
204	Mr	Phạm Tín An Ninh	TH	50.00
205	Mr.	Hà Đức Bản	TH	66.00
206	Mr.	Nguyễn Bằng	TH	100.00
207	Mr.	Đỗ Kim Bằng	TH	20.00
208	Mr	Trần Ngọc Bích	TH	67.80
209	Mr.	Nguyễn Minh Hùng Biên	TH	50.00
210	Mr.	Đào Văn Bình	TH	30.00
211	Mr	Ngô Cam	TH	50.00
212	Mr.	Nguyễn Hữu Chung	TH	70.86
213	Mr.	Trương Cơ	TH	40.00
214	Mr,	Nguyễn Thành Điều	TH	30.00
215	Mr.	Giáp Phúc Hải	TH	40.00
216	Mr	Vũ Đình Hiếu	TH	25.00
217	Mr.	Huỳnh Phi Hồ	TH	20.00
218	Mrs.	Trần Thị Hoa	TH	40.00
219	Mr.	Võ Jamesnico	TH	50.00
220	Mr	Trần John	TH	300.00
221	Mr.	Lê Đăng Khoa	TH	30.00
222	Mr	Trần Mộng Lâm	TH	76.46
223	Mr.	Đỗ Hữu Lễ	TH	20.00
224	Mr.	Đặng Thanh Long	TH	20.00
225	Mr	Nguyễn Văn Màu	TH	20.00
226	Mr.	Lê Trọng Mưu	TH	50.00
227	Mr.	Lại Nam	TH	30.00
228	Mrs.	Nguyễn Thị Huyền Nga	TH	113.00
229	Mr.	Ngô Nhi	TH	30.00
230	Mr	Trần Đình Nhiên	TH	30.00
231	Mr.	Nguyễn Đức Peter	TH	50.00
232	Mr.	Nguyễn Thanh Phong	TH	30.00
233	Mr.	Huỳnh Văn Phú	TH	20.00
234	Mr.	Nguyễn Ngọc Phương	TH	100.00
235	Mr	Trương Ngọc Phương	TH	30.00

236	Mr.	Nguyễn Ngọc Thạch	TH	50.00
237	Mr.	Đặng Thanh	TH	20.00
238	Mr	Phạm Văn Thanh	TH	50.00
239	Mr.	Trần Thanh	TH	100.00
240	Mr.	Nguyễn Lộc Thọ	TH	50.00
241	Mr.	Trần Ngọc Thức	TH	38.23
242	Mr.	Nguyễn Cao Thuyết	TH	50.00
243	Mr.	Cao Minh Tri	TH	20.00
244	Mr.	Lê Mạnh Trí	TH	20.00
245	Mr	Trần Đăng Trinh	TH	20.00
246	Mr.	Đàm Viết Trung	TH	50.00
247	Mr.	Lê Duy Trung	TH	20.00
248	Ms.	Nguyễn Thị Xuân	TH	56.50
249	Mr	Không rõ tên	TH	100.00
Cộng				13356.72

Bảng Tổng Kết

(Tính tới ngày 14 tháng 12 năm 2021)

1. Chi phí cho Đa Hiệu 120:

- Ấn Loát	6,850.00
- Bưu Phí trong Hoa Kỳ	2,237.18
- Bưu Phí ngoài Hoa Kỳ	1,625.97
- Lệ Phí Ngân Hàng	119.80
- Web Site	73.06
- Bulk Rate Permit	265.00
- Bì Thư	269.20
- Bưu Phí Phụ Trội + Dịch Vụ TS	862.50
- Văn Phòng Phẩm + Linh Tinh	436.80

Tổng Số Chi 12,739.51

2. Thu:

- Quỹ còn lại sau khi chi cho ĐH120	20,292.97
- Thu cho Đa Hiệu 120	13,356.72

Cộng 33,649.69

Tổng Kết Tài Chánh

325

3. Quỹ Còn Lại sau khi chi cho ĐH120

$33,649.69 - 12,739.51 = 20,910.18$

Thưa quý vị độc giả,

Ban Tài Chánh đã nhận được số tiền tổng cộng **13,356.72** dollar Mỹ, với **249** người đóng góp cho Tập San Đa Hiệu 120, đã được gửi cho quý vị trước đây.

Số tiền đang tồn quỹ là **\$20,910.18**. Trong phần này, **chi phí cho Tập San Đa Hiệu 121 mà quý vị đang cầm trên tay chưa được tính đến.**

Chúng tôi xin cảm ơn quý vị độc giả đã yểm trợ cho Tập San. Trong đó, chúng tôi đặc biệt cảm ơn Khóa 19 CSVSQ, luôn đồng hành cùng các mạnh thường quân khác, quan tâm ủng hộ Tập San (với 30 người). cho số báo vừa qua.

Thời gian gần đây chi phí phát hành, in ấn và bưu điện đã tăng đáng kể nên việc yểm trợ quý báu của quý vị, ngoài giá trị tinh thần, quan trọng hơn bao giờ.

Tòa Soạn Báo Đa Hiệu rất mong sẽ tiếp tục được quý vị độc giả yểm trợ mạnh mẽ cho những số báo sắp tới. Sự quan tâm của quý vị đến hoạt động của Tập San Đa Hiệu luôn là động lực khích lệ, để chúng tôi có điều kiện phát hành đến quý vị đúng hạn kỳ.

Nhân dịp Tết Nguyên Đán Nhâm Dần, chúng tôi kính chúc các độc giả và gia đình một năm mới an khang và hẠng phúc.

Trân trọng.

Trưởng Ban Trị Sự. kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu.

Trần Trí Quốc, K 27

Cám Ơn Quý Vị!



TRẢ LỜI THƯ TÍN

Đỗ Mạnh Trường, K23

1. Tổng quát:

a. Ban Biên Tập đã nhận được các sáng tác của các NT, các bạn, các phu nhân, anh chị thuộc đại gia đình Võ Bị dành cho Tập San Đa Hiệu số 121. Đến nay, số lượng bài vở mà chúng tôi có hơn yêu cầu. Vì khuôn khổ tờ báo có giới hạn, nên chúng tôi đã không thể đăng tất cả các sáng tác này và đành giữ lại dành cho số tới. Rất mong quý vị cộng tác viên thông cảm và lượng thứ. Chúng tôi sẽ xem xét lại khi chuẩn bị phát hành số kế tiếp.

b. Chuẩn bị cho Đa Hiệu 122 dự trù sẽ được phát hành vào trung tuần tháng 5, 2022, Ban Biên Tập rất mong đón nhận các sáng tác của quý vị chậm nhất là ngày 1 tháng 4 năm 2022. Nếu có thể, xin các cộng tác viên gửi bài cho chúng tôi càng sớm càng tốt để chúng tôi có đủ thì giờ chuẩn bị kỹ lưỡng.

c. Chúng tôi dự đoán sẽ đón nhận được những bài có nội dung liên quan đến cuộc chiến tranh Quốc Cộng, đến thân phận người dân trước và sau cuộc chiến, đến gương anh dũng hy sinh của các chiến sĩ VNCH, ở các Quân Binh Chung, ở cả những người dân bình thường, ở khắp mọi nơi, kể cả từ các CSVSQ/ VB và gia đình của họ.

Biên cô Tháng Tư Đen 1975 lại sắp trở về. Đen như tên gọi của nó! Khi nhớ đến những ngày bi thảm này, làm sao chúng ta có thể quên được một giai đoạn tàn bạo của lịch sử Việt Nam. xảy ra cho dân tộc Việt Nam, cho từng gia đình, cho mỗi cá nhân.

Chắc chắn chúng ta sẽ có nhiều bài viết về những đau thương mà người dân miền Nam đã trải qua, trong giai đoạn này.

Vượt qua những ám ảnh bi thương của quá khứ, chúng ta không quên nói đến hiện tại và tương lai. Trải qua một thời gian dài sinh sống trên khắp thế giới, chúng ta đã đóng góp được gì hữu ích cho cộng đồng VN, cho xã hội mà chúng ta đang sống?

Việc đón nhận các bài của thế hệ thanh niên luôn là quan tâm hàng đầu của Ban Biên Tập. Chúng tôi cần các bài viết của anh chị nhiều hơn nữa, về nhiều khía cạnh trong cuộc sống, kể cả tình yêu dành cho tuổi trẻ. Các anh chị đã có những đóng góp thế nào cho phong trào chống Cộng Sản tại hải ngoại và quê nhà, nhằm thúc đẩy độc lập, tự do, dân chủ, và quyền con người cho dân chúng Việt Nam?

d. Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến các niên trưởng, anh chị, và độc giả đã luôn góp ý, khuyến khích Ban Biên Tập để hoàn thành tờ báo được tốt hơn. Về phần mình, chúng tôi luôn lắng nghe ý kiến của quý vị để có những thay đổi hợp lý.

e. Khi báo đến tay độc giả, Tết Nguyên Đán của năm Nhâm Dần lại về với mọi người Việt Nam trên toàn thế giới. Thay mặt Ban Biên Tập, chúng tôi xin chúc quý vị dồi dào sức khỏe, an khang, bình an và hạnh phúc. Chúc các anh chị thanh niên của các thế hệ kế thừa, trong đó có Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Võ Bị, luôn thành công trong cuộc sống, luôn mạnh mẽ, dẫn thân phục vụ cho lý tưởng Quốc Gia, Dân Tộc.

2. Ông **Trần Xuân Hiền**, Văn Hóa Vụ:

Ông đã viết: “*Công lao của các anh để thực hiện Đa Hiệu là một điều khiến mọi người khâm phục. Đa Hiệu 120 đẹp về hình thức và phong phú về nội dung. Mọi người trong gia đình Võ Bị nhận được Đa Hiệu 120 không khỏi vui mừng và cảm ơn.*”

Cám ơn Giáo Sư đã có lời khuyến khích. Chúng tôi luôn cố gắng làm tròn phận sự của mình để phục vụ gia đình Võ Bị và các độc giả.

3. Các con của bố **Nguyễn Khắc Huy**, Khóa 17:

Thư viết: “*Bố chúng con mới mất một năm rồi, sau thời gian dài nhiều năm bệnh tật. Lúc còn sống bố rất thích nghe chúng con đọc báo Đa Hiệu mỗi ngày, mãi cho đến lúc gần mất.*

Bây giờ, má và chúng con rất quý và rất thích đọc báo Đa Hiệu. Đọc để hiểu biết thêm, để cảm thông, và để hãnh diện về bố, một sĩ quan của Trường Võ Bị Đà Lạt oai hùng và các bạn đồng môn của bố. Vợ và các con.”

Thưa bà Huy và các cháu,

Được một độc giả như Niên Trưởng Huy là một niềm hãnh diện cho Tập San. Gia đình Võ Bị còn hiện diện đến nay và gắn bó với nhau, cùng hướng về cội nguồn là do tấm lòng yêu thương Trường Mẹ của mỗi người, như Niên Trưởng Huy. Khi được biết Niên Trưởng Huy vẫn muốn các con đọc Đa Hiệu cho ông nghe đến gần cuối cuộc đời, cũng như bà và các cháu vẫn tiếp tục đọc tập san sau này, chúng tôi rất cảm động về tình cảm dành cho Trường Võ Bị. Cám ơn bà và các cháu.

4. Niên Trưởng **Phạm Kim Khôi**, Khóa 19:

Niên Trưởng viết:

“*Đa Hiệu “tái xuất” đến nay như một luồng gió mới. Cảm sách trên tay lại nghĩ đến tấm lòng của những người góp công, góp sức cho tờ báo. Rất cảm mến và gửi đến các anh lời khen tặng đã đảm đương việc công một cách chu đáo, xuất sắc.*”

Cám ơn Niên Trưởng. Chúng tôi thật vui khi nhận được lời khen này.

5. Anh **Hà Xuân Lộc**, Khóa 25:

Anh viết: “*Hoan nghênh tinh thần của Đa Hiệu, của tất cả quý vị đóng góp công sức cho Tập San Đa Hiệu.*”

Cám ơn anh về những nhận xét tốt đẹp dành cho Đa Hiệu. Mong rằng các độc giả khác cũng có nhận xét như anh. Chúc vui!

6. Ông **Lê Trọng Mưu**, thân hữu:

Ông viết: “*Cám tạ quý vị CSVSQ/ TVBQGVN đã hăng hái nuôi dưỡng Tập San Đa Hiệu rất công phu.*”

Cám ơn ông đã có lời khen. Mong rằng chúng tôi tiếp tục nhận được các khích lệ của ông dành cho Tập San, trong tương lai.

7. Bà **Nguyễn Thị Huyền Nga**:

Chị đã ghi từng nhận xét về một số sáng tác được đăng trong Tập San ĐH 121 của các cộng tác viên, cũng như cảm xúc thực sự của mình khi đọc các bài này. Tôi đã trao đổi những nhận xét của chị với họ. Cám ơn chị nhiều.



Hẹn Gặp Lại!

Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN



PHÂN ƯU

Phu Nhân cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu,
Khóa 1/ TVBQGVN

Cụ Bà **NGUYỄN THỊ MAI ANH**
Tử trần ngày 15 tháng 10 năm 2021
Tại San Diego, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 91 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN DUY ĐÀM, K4/ TVBQGVN
Tử trần ngày 28 tháng 9 năm 2021
Hưởng thượng thọ 96 tuổi.

CSVSQ TRẦN VĂN TUỆ, K7/ TVBQGVN
Đã tử trần ngày 6 tháng 11 năm 2021
Tại Portland, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 95 tuổi.

CSVSQ HOÀNG ĐÌNH KHÔI, K10/ TVBQGVN
Tử trần ngày 8 tháng 9 năm 2021
Tại Plano, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ BUI ĐẮC THUẬN, K10/TVBQGVN
Tử trần ngày 16 tháng 9 năm 2021
Tại Westminster, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 89 tuổi.

CSVSQ GIUSE BÙI TÁ HẠNH, K10/ TVBQGVN
Từ trần ngày 16 tháng 10 năm 2021
tại San Jose, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN VĂN TĂNG, K12 / TVBQGVN
Tên thánh AUGUSTINO
Từ trần ngày 8 tháng 12 năm 2021
Tại Tây Ninh, Việt Nam
Hưởng thượng thọ 91 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN ĐĂNG HUY, K15/ TVBQGVN
Từ trần ngày 11 tháng 9 năm 2021
Tại Việt Nam
Hưởng đại thọ 86 tuổi.

CSVSQ LÊ HỮU TÂN, K16/ TVBQGVN
Từ trần ngày 16 tháng 9 năm 2021
Tại Georgia, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 84 tuổi.

CSVSQ CHU TRÍ LỆ, K16/ TVBQGVN
Từ trần ngày 21 tháng 11 năm 2021
Tại San Jose, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ PHẠM KIM ĐAN, K16/ TVBQGVN
Từ trần ngày Chúa nhật, 28 tháng 11 năm 2021
Tại Centreville, Virginia, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 80 tuổi.

CSVSQ PHẠM HỮU THÀNH, K17/ TVBQGVN
Từ trần ngày 14 tháng 8 năm 2021
Tại Mason, Ohio, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN THỨC TÂM, K17/ TVBQGVN
Từ trần ngày 6 tháng 9 năm 2021
Tại Dallas, Forth Worth, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 80 tuổi.

CSVSQ LOUIS NAM SINH TÍN, K17/ TVBQGVN
Tên thánh GIUSE
Vừa về Nước Chúa chiều ngày 15 tháng 11 năm 2021
Tại Westminster, California, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 81 tuổi.

Phu Nhân cố CSVSQ Trương Văn Cao, K18/ TVBQGVN
Bà CINDY CHÂU NGUYỄN
Vừa từ trần ngày 6 tháng 9 năm 2021
Tại Richmond, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 68 tuổi.

CSVSQ TRẦN VĂN PHÚ, K20/ TVBQGVN
Từ trần ngày 9 tháng 10 năm 2021
Tại Việt Nam
Hưởng thọ 80 tuổi.

CSVSQ CHU SĨ LƯƠNG, K20/ TVBQGVN
Từ trần ngày 14 tháng 10 năm 2021
Tại Arizona, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 80 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN HỘI, K20/ TVBQGVN
Từ trần ngày 19 tháng 10 năm 2021
Tại Úc Châu
Hưởng thọ 80 tuổi.

CSVSQ HÀ THỨC MÃN, K20/ TVBQGVN
Đã từ trần ngày 15 tháng 11 năm 2021
Tại Colorado, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 78 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN VĂN MĂNG, K20/ TVBQGVN
Vừa từ trần ngày 09 tháng 12 năm 2021
Tại Atlanta, Georgia, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 78 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN QUÝ ĐỊNH, K21/ TVBQGVN
Từ trần ngày 18 tháng 8 năm 2021

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 82 tuổi.

CSVSQ HUỠNH VĂN THẢO, K21/ TVBQGVN
Từ trần ngày 3 tháng 9 năm 2021
Tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 79 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN MINH CHÂU, K23/ TVBQGVN
Từ trần ngày 8 tháng 9 năm 2021
Tại Higganum, Cnnecticut, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 77 tuổi.

CSVSQ TÔ PHƯƠNG NĂNG, K23/ TVBQGVN
Từ trần ngày 29 tháng 11 năm 2021
Tại Việt Nam
Hưởng thọ 76 tuổi.

Thân mẫu **CSVSQ Trương Quang Tùng**, K25/ TVBQGVN
Cụ bà **VÕ THỊ ĐIỂM**
Pháp danh Nhuận Bảo Hòa
Từ trần ngày 22 tháng 9 năm 2021
Tại Đơn Dương, Lâm Đồng, Việt Nam
Hưởng thượng thọ 96 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN NGỌC THẠCH, K25/TVBQGVN
Đã từ trần tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 74 tuổi.

CSVSQ HÀN NGỌC ẨN, K27/ TVBQGVN
Từ trần ngày 11 tháng 10 năm 2021
Tại Kansas City, Missouri, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 72 tuổi.

CSVSQ DƯƠNG THÀNH, K28/ TVBQGVN
Đã từ trần ngày 8 tháng 11 năm 2021
Tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 70 tuổi.

Thân Mẫu CSVSQ Nguyễn Sanh Phương, K29/ TVBQGVN
Cô ruột CSVSQ Huỳnh Văn Châu, K25/ TVBQGVN
Cụ bà **HUỶNH THỊ SÁU**
Đã từ trần ngày 5 tháng 6 năm 2019
Tại Adelaide, Australia
Hưởng đại thọ 91 tuổi.

Nhạc mẫu CSVSQ Trần Ngọc Anh, K30/ TVBQGVN
Cụ bà **HOÀNG NGỌC BÍCH**
Pháp Danh TỪ NGUYỄN NHUNG
Từ trần ngày 22 tháng 8 năm 2021
Tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng đại thọ 91 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN MỸ**, K30/ TVBQGVN
Từ trần ngày 03 tháng 11 năm 2021
Tại Tuy Phong, Bình Thuận, Việt Nam
Hưởng thọ 69 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN TẤN PHÚC**, K31/ TVBQGVN
Đã qua đời ngày 4 tháng 11 năm 2021
Tại Sioux Falls, South Dakota, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 66 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của các vị nêu trên là những tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và cho gia đình mỗi người.

Nguyện cầu linh hồn những vị đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ngày 20 tháng 12 năm 2021

- Ban Chấp Hành Tổng Hội
- Ban Tư Vấn và Giám Sát
- Đại diện 31 khoá CSVSQ/ TVBQGVN
- Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

THANH THIẾU NIÊN



ĐA HIỆU

Nam California, Hoa Kỳ